

Biểu mẫu số 05									
DANH SÁCH HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ									
STT	Huyện/Thành phố	Đơn vị	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn	Quyết định công nhận làm hòa giải viên
1	Huyện Cát Tiên	Xã Quảng Ngãi	Phạm Thị Mạg	1966	Nữ	Kinh	Thôn 1		Số 294/QĐ-UBND ngày 19/07/2021
2			Phạm Thị Kim Anh	1991	Nữ	Kinh	Thôn 1		
3			Trương Thị Tuyết Nhung	1954	Nữ	Kinh	Thôn 1		
4			Vũ Thị Đăng	1970	Nữ	Kinh	Thôn 1		
5			Nguyễn Văn Cước	1958	Nam	Kinh	Thôn 1		
6			Phan Tấn Lộc	1992	Nam	Kinh	Thôn 1		
7			Nguyễn Trọng Lâm	1989	Nam	Kinh	Thôn 1	ĐH Nông Lâm	
8			Trịnh Thị Hợi	1983	Nữ	Kinh	Thôn 1		
9			Đỗ Thị Hữu Một	1963	Nữ	Kinh	Thôn 2	TC Y	Số 295/QĐ-UBND ngày 19/07/2021
10			Phạm Thị Hà	1991	Nữ	Kinh	Thôn 2		
11			Lê Ngọc Liễu	1956	Nam	Kinh	Thôn 2		
12			Lại Hoàng Nhân	1972	Nam	Kinh	Thôn 2		
13			Nguyễn Thị Ảnh	1975	Nữ	Kinh	Thôn 2		
14			Trần Thị Kim Cúc	1990	Nữ	Kinh	Thôn 2	ĐH Việt Nam học	
15			Huỳnh Minh Sa	1986	Nam	Kinh	Thôn 2		
16			Trần Quang Kiên	1973	Nam	Kinh	Thôn 3	TC - HC	Số 296/QĐ-UBND ngày 19/07/2021
17			Nguyễn Thị Mai Chinh	1984	Nữ	Kinh	Thôn 3		
18			Hà Thị Mùi	1955	Nữ	Kinh	Thôn 3		
19			Nguyễn Thị Xuân	1962	Nữ	Kinh	Thôn 3		
20			Nguyễn Văn Độ	1963	Nam	Kinh	Thôn 3		
21			Lưu Thị Nhâm	1971	Nữ	Kinh	Thôn 3		
22			Phùng Quốc Diện	1982	Nam	Kinh	Thôn 4		Số 297/QĐ-UBND ngày 19/07/2021
23			Đỗ Thu Mùi	1980	Nữ	Kinh	Thôn 4	TC tin	
24			Nguyễn Thị Huệ	1960	Nữ	Kinh	Thôn 4		
25			Trần Thị Minh Huệ	1974	Nữ	Kinh	Thôn 4		
26			Trần Văn Sơn	1963	Nam	Kinh	Thôn 4		

27		Hoàng Thị Hằng	1970	Nữ	Kinh	Thôn 4		
28		Đào Quốc Diệp	1986	Nam	Kinh	Thôn 4		
29		Hoàng Văn Đạt	1968	Nam	Nùng	Phước Trung		
30		Lục Quốc Lâm	1968	Nam	Nùng	Phước Trung		
31		Đinh Văn Hòa	1988	Nam	Nùng	Phước Trung		
32		Tô Xuân Đài	1965	Nam	Nùng	Phước Trung		
33		Mạc Văn Phương	1963	Nam	Nùng	Phước Trung		
34		Lương Thị Bài	1982	Nữ	Nùng	Phước Trung		
35		Tô Đức Thuận	1989	Nam	Nùng	Phước Trung		
36		Hoàng Văn Cường	1977	Nam	Nùng	Phước Trung		
37		Thạch Văn Quyền	1983	Nam	Nùng	Phước Trung		
38		Hoàng Văn Lầu	1972	Nam	Nùng	Phước Trung		
39		Trương Văn Xá	1963	Nam	Kinh	Sơn Hải		
40		Nông Thị Chiêm	1961	Nữ	Nùng	Sơn Hải		
41		Lê Thị Nhung	1968	Nữ	Kinh	Sơn Hải		
42		Vũ Thị Thu Hằng	1985	Nữ	Kinh	Sơn Hải		
43		Lê Văn Triều	1993	Nam	Kinh	Sơn Hải		
44		Đường Văn Đen	1957	Nam	Nùng	Sơn Hải		
45		Nông Thị Bưởi	1968	Nữ	Nùng	Sơn Hải		
46		Lý Văn Dũng	1968	Nam	Nùng	Sơn Hải		
47		Nguyễn Văn Thời	1985	Nam	Kinh	Sơn Hải		
48		Nông Văn Nhâm	1968	Nam	Nùng	Sơn Hải		
49		Lê Văn Hạ	1975	Nam	Kinh	Phước Thái		
50		Sầm Long Hưng	1990	Nam	Dao	Phước Thái		
51		Nguyễn Tuấn Anh	1997	Nam	Tày	Phước Thái		
52		Chu Thị Cúc	1964	Nữ	Kinh	Phước Thái		
53		Lê Văn Hòa	1976	Nam	Kinh	Phước Thái		
54		Lý Văn Bồng	1952	Nam	Tày	Phước Thái		
55		Lương Thị Quyết	1959	Nữ	Tày	Phước Thái		
56		Trương Bích Liễu	1997	Nữ	Kinh	Phước Thái		
57		Đàm Xuân Hàm	1961	Nam	Tày	Phước Thái		
58		Nguyễn Văn Dương	1991	Nam	Kinh	Phước Thái		
59		Đinh Thị Hợp	1959	Nữ	Kinh	Phước Thái		

60		Điều K Đốt	1977	Nam	XTiêng	Thôn 3		Số: 213/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
61		Điều K Kiềm	1977	Nam	XTiêng	Thôn 3		
62		Điều Thị Mơn	1984	Nữ	XTiêng	Thôn 3		
63		Điều K Tiên	1987	Nam	XTiêng	Thôn 3		
64		Điều K Chính	1997	Nam	XTiêng	Thôn 3		
65		Điều Thị Út	1994	Nữ	XTiêng	Thôn 3		Số: 230/QĐ-UBND ngày 22/11/2023
66		Điều K Bấm	1968	Nam	XTiêng	Thôn 4		
67		Điều K Điệp	1985	Nam	Mạ	Thôn 4		
68		Điều K Dăng	1998	Nam	XTiêng	Thôn 4		
69		Điều K Lê	1996	Nam	XTiêng	Thôn 4		
70		Ka DRòng	1973	Nữ	Mạ	Thôn 4		
71		Ngô Thị Diện	1965	Nữ	Tày	Trung Hưng		Quyết định 317/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
72		Nông Văn Hồ	1973	Nam	Tày	Trung Hưng		
73		Bùi Văn Kiên	1994	Nam	Kinh	Trung Hưng		
74		Lưu Thị Hoàn	1959	Nữ	Kinh	Trung Hưng		
75		Nguyễn Minh Đức	1990	Nam	Kinh	Trung Hưng		
76		Phạm Thị Thủy	1984	Nữ	Kinh	Trung Hưng		Quyết định 320/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
77		Nguyễn Thị Tho	1963	Nữ	Kinh	Tân Xuân		
78		Lâm Văn Hiên	1954	Nam	Kinh	Tân Xuân		
79		Nguyễn Chí Tình	1987	Nam	Kinh	Tân Xuân		
80		Trần Thị Hằng	1975	Nữ	Kinh	Tân Xuân		
81		Hoàng Thị Hằng	1981	Nữ	Kinh	Tân Xuân		Quyết định 319/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
82		Nguyễn Thanh Mãn	1966	Nam	Kinh	Tân Xuân		
83		Nguyễn Thị Huệ	1973	Nữ	Kinh	Vân Minh		
84		Lâm Thị Thủy	1973	Nữ	Kinh	Vân Minh		
85		Vũ Thị Minh	1983	Nữ	Kinh	Vân Minh		
86		Phạm Viết Đức	1957	Nam	Kinh	Vân Minh		Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
87		Nghiêm Thị Châu Loan	1986	Nữ	Kinh	Vân Minh		
88		Đoàn Thị Hằng	1973	Nữ	Kinh	Trần Phú		
89		Nguyễn Huy Toàn	1985	Nam	Kinh	Trần Phú		
90		Lê Văn Nghị	1969	Nam	Kinh	Trần Phú		
91		Phùng Ngọc Luyện	1968	Nam	Kinh	Trần Phú		Số: 213/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
92	xã Gia Viễn	Nguyễn Hữu Tám	1985	Nam	Kinh	Trần Phú		

93	Nguyễn Thị Thêu	1965	Nữ	Kinh	Hòa Thịnh		Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
94	Đinh Trọng Thoa	1959	Nam	Kinh	Hòa Thịnh		
95	Mai Văn Hùng	1965	Nam	Kinh	Hòa Thịnh		
96	Vũ Văn Khanh	1986	Nam	Kinh	Hòa Thịnh		
97	Đinh Thị Hán	1964	Nữ	Kinh	Hòa Thịnh		
98	Lê Xuân Bình	1953	Nam	Kinh	Liên Phương		Quyết định 323/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
99	Phạm Thị Oanh	1976	Nữ	Kinh	Liên Phương		
100	Đinh Thị Huyền Trang	1993	Nữ	Kinh	Liên Phương		
101	Vũ Ngọc Danh	1956	nam	Kinh	Liên Phương		
102	Bùi Thị Nhẫn	1959	Nữ	Kinh	Liên Phương		
103	Nguyễn Văn Đăng	1963	Nam	Kinh	Tiến Thắng		Quyết định 322/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
104	Đăng Thị Bích Ngọc	1990	Nữ	Kinh	Tiến Thắng		
105	Đỗ Tiến Nam	1987	Nam	Kinh	Tiến Thắng		
106	Đinh Thị Thùy	1965	Nữ	Kinh	Tiến Thắng		
107	Phạm Hữu Chinh	1976	Nam	Kinh	Tiến Thắng		
108	Nguyễn Thị Ngát	1984	Nữ	Kinh	Tiến Thắng		Quyết định 324/QĐ-UBND ngày 31/12/2020
109	Điều K' Ít	1956	Nam	Châu mạ	bản Brun		
110	Điều K Nhung	1986	Nam	Châu mạ	bản Brun		
111	Điều Thị Hợp	1981	Nữ	Châu mạ	bản Brun		
112	Điều Thị Phin	1979	Nữ	Châu mạ	bản Brun		
113	Điều K' Vinh	1982	Nam	Châu mạ	bản Brun		Số:61/QĐ-UBND ngày 08/4/2020
114	Đào Nguyên Sự	1959	Nam	Kinh	Thôn 2		
115	Nguyễn Công Mạnh	1984	Nam	Kinh	Thôn 2		
116	Vũ Văn Viên	1965	Nam	Kinh	Thôn 2		
117	Lê Văn Lam	1980	Nam	Kinh	Thôn 2		
118	Bùi Ngọc Phúc	1979	Nam	Kinh	Thôn 2		21/QĐ-UBND ngày 31/01/2019
119	Trần Thị Hồng	1958	Nữ	Kinh	Thôn 3		
120	Bùi Văn Thanh	1974	Nam	Kinh	Thôn 3		
121	Vũ Đình Thùy	1981	Nam	Kinh	Thôn 3		
122	Nguyễn Thị Nhạn	1990	Nữ	Kinh	Thôn 3		
123	Bùi Thị Hè	1972	Nữ	Kinh	Thôn 3		
124	Đăng Quang Sơn	1964	Nam	Kinh	Thôn 3		
125	Phạm Thị Chúc	1983	Nữ	Kinh	Thôn 3		

126	xã Tiên Hoàng	Nguyễn Văn Hai	1982	Nam	Kinh	Thôn 3		21/QĐ-UBND ngày 31/01/2019
127		Đỗ Thị Khuyên	1972	Nữ	Kinh	Thôn 4		
128		Nguyễn Đức Thắng	1967	Nam	Kinh	Thôn 4		
129		Nguyễn Hồng Quyền	1957	Nam	Kinh	Thôn 4		
130		Nguyễn Văn Lý	1957	Nam	Kinh	Thôn 4		
131		Đinh Trần Thành	1957	Nam	Kinh	Thôn 4		
132		Lê Thị Linh	1979	Nữ	Kinh	Thôn 4		21/QĐ-UBND ngày 31/01/2019
133		Nguyễn Thị Mỹ	1959	Nữ	Kinh	Thôn 5		
134		Quách Văn Bồng	1972	Nam	Kinh	Thôn 5		
135		Dương Thị Bông	1987	Nữ	Kinh	Thôn 5		
136		Trần Trọng Hùng	1975	Nam	Kinh	Thôn 5		
137		Hà Xuân Hiền	1956	Nam	Kinh	Thôn 5		
138		Nguyễn Văn Đài	1961	Nam	Kinh	Thôn 5		21/QĐ-UBND ngày 31/01/2019
139		Điều K Hưng	1993	Nam	Mạ	Thôn 6		
140		Điều K Sơn	1986	Nam	Mạ	Thôn 6		
141		Điều K Giang	1984	Nam	Mạ	Thôn 6		
142		Triệu Văn Đức	1984	Nam	Mạ	Thôn 6		
143		Điều K Lố	1950	Nam	Mạ	Thôn 6		
144		Điều K Rai	1980	Nam	Mạ	Thôn 6		
145		Điều K Liêu	1977	Nam	Mạ	Thôn 6		
146	xã Nam	Trần Khắc Úy	1989	Nam	Kinh	Thôn Mỹ Nam		QĐ số : 66/QĐ- UBND ngày 13/04/2023
147		Tạ Thị Nhung	1956	Nữ	Kinh	Thôn Mỹ Nam		
148		Nông Thị Lọt	1994	Nữ	Tày	Thôn Mỹ Nam		
149		Bùi Như Quyết	1990	Nam	Kinh	Thôn Mỹ Nam		
150		Trần Trọng Tập	1985	Nam	Kinh	Thôn Mỹ Nam		
151		Ngô Thị Hà	1975	Nữ	Kinh	Thôn Mỹ Bắc		QĐ số : 67/QĐ- UBND ngày 13/04/2023
152		Hoàng Thị Lan	1987	Nữ	Kinh	Thôn Mỹ Bắc		
153		Kim Thị Tuyết	1987	Nữ	Kinh	Thôn Mỹ Bắc		
154		Vũ Văn Trung	1965	Nam	Kinh	Thôn Mỹ Bắc		
155		Phạm Trọng Lưu	1953	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hậu		QĐ số : 68/QĐ- UBND ngày 13/04/2023
156		Vũ Thị Hạnh	1984	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Hậu		
157		Trần Thị Hoa	1974	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Hậu		
158		Hà Văn Lưu	1956	Nam	Tày	Thôn Ninh Trung		QĐ số : 69/QĐ-

159	Ninh	Phạm Văn Đức	1987	Nam	Kinh	Thôn Ninh Trung	QĐ số : 69/QĐ-UBND ngày 13/04/2023
160		Dương Kim Chung	1967	Nam	H' Mông	Thôn Ninh Trung	
161		Nguyễn Thị Thủy	1984	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Trung	
162		Vũ Mạnh Tiến	1957	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hạ	QĐ số : 70/QĐ-UBND ngày 13/04/2023
163		Vũ Văn Hồi	1957	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hạ	
164		Phạm Thị Tươi	1981	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Hạ	
165		Phạm Văn Hải	1959	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hạ	
166		Nguyễn Phương Khanh	1959	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hạ	QĐ số : 71/QĐ-UBND ngày 13/04/2023
167		Mai Lưu Luyến	1956	Nam	Kinh	Thôn Ninh Đại	
168		Phan Văn Mạnh	1987	Nam	Kinh	Thôn Ninh Đại	
169		Đỗ Thị Loan	1993	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Đại	
170		Đỗ Thị Hạt	1969	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Đại	
171		Mai Văn Quyên	1955	Nam	Kinh	Thôn Ninh Đại	
172	xã Đức Phổ	Nguyễn Văn Bằng	1953	Nam	Kinh	Thôn 1	QĐ số : 62/QĐ-UBND ngày 10/4/2018
173		Trần Văn Trang	1969	Nam	Kinh	Thôn 1	
174		Mai Anh Đào	1960	Nam	Kinh	Thôn 1	
175		Tô Phước Hạnh	1956	Nam	Kinh	Thôn 1	
176		Nguyễn Tấn Cẩm	1977	Nam	Kinh	Thôn 1	
177		Hồ Ngọc Sơn	1965	Nam	Kinh	Thôn 1	
178		Nguyễn Thị Hoài Nhi	1980	Nữ	Kinh	Thôn 1	QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 10/4/2019
179		Nguyễn Văn Đãi	1967	Nam	Kinh	Thôn 2	
180		Mai Văn Hữu	1949	Nam	Kinh	Thôn 2	
181		Nguyễn Văn Mót	1954	Nam	Kinh	Thôn 2	
182		Nguyễn Thị Niềm	1964	Nữ	Kinh	Thôn 2	
183		Huỳnh Tiến Kông	1988	Nam	Kinh	Thôn 2	
184		Nguyễn Văn Thắm	1975	Nam	Kinh	Thôn 2	
185		Nguyễn Thị Tâm	1958	Nữ	Kinh	Thôn 2	
186		Nguyễn Tiến Tỉnh	1983	Nam	Kinh	Thôn 3	QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 10/4/2018
187		Trịnh Văn Lào	1965	Nam	Kinh	Thôn 3	
188		Diệp Thị Minh Tiến	1981	Nữ	Kinh	Thôn 3	
189		Trần Khánh	1965	Nam	Kinh	Thôn 3	
190		Phạm Anh Việt	1950	Nam	Kinh	Thôn 3	
191		Nguyễn Thị Nho	1952	Nữ	Kinh	Thôn 3	

192		Lương Văn Tình	1960	Nam	Nùng	Thôn 4		
193		Kim Nhật Ngôn	1961	Nam	Kinh	Thôn 4		
194		Kim Quang Trường	1952	Nam	Kinh	Thôn 4		
195		Trần Thị Ngọc Huệ	1986	Nữ	Kinh	Thôn 4		
196		Huỳnh Thanh Đạo	1986	Nam	Kinh	Thôn 4		
197		Phan Cư	1962	Nam	Kinh	Thôn 4		
198		Kim Văn Súng	1990	Nam	Kinh	Thôn 4		
199		Nguyễn Thị Huệ	1950	Nữ	Kinh	Thôn 4		
200		Bùi Văn Khải	1971	Nam	Kinh	Thôn 5		
201		Vũ Đình Thi	1955	Nam	Kinh	Thôn 5		
202		Hoàng Quốc Đạt	1984	Nam	Kinh	Thôn 5		
203		Bùi Xuân Quảng	1991	Nam	Kinh	Thôn 5		
204		Nguyễn Văn Mạnh	1967	Nam	Kinh	Thôn 5		
205		Nguyễn Thị Nhẫn	1944	Nữ	Kinh	Thôn 5		
206		Nguyễn Thị Thảo	1970	Nữ	Kinh	Thôn 5		
207		Điều K Điền	1986	Nam	Mạ	Thôn Dạ Cọ		
208		Điều K Đuốc	1980	Nam	Mạ	Thôn Dạ Cọ		
209		Điều K Mồn	1990	Nam	Mạ	Thôn Dạ Cọ		
210		Ka Hiệp	1990	Nữ	Mạ	Thôn Dạ Cọ	ĐH	
211		Điều K Đài	1951	Nam	Mạ	Thôn Dạ Cọ		
212		Điều K Rung	1978	Nam	Mạ	Thôn Bù Sa		
213		Điều K Lý	1970	Nam	Mạ	Thôn Bù Sa		
214		Điều K Lót	1955	Nữ	Mạ	Thôn Bù Sa		
215		Điều Thị Thảo	1982	Nữ	Mạ			
216		Điều K Srài	1973	Nam	Mạ	Thôn Bù Sa		
217		Điều K Khoẹt	1975	Nam	Mạ	Thôn Bê Đê		
218		Điều K Lấp	1975	Nam	Mạ	Thôn Bê Đê		
219		Điều K Rập	1986	Nam	Mạ	Thôn Bê Đê		
220		Ka Hiếu	1983	Nữ	Mạ	Thôn Bê Đê		
221		Ka Niếu	1979	Nữ	Mạ	Thôn Bê Đê		
222		Điều K Chín	1990	Nam	Mạ	Thôn Bi Nao		
223		Điều K Bình	1995	Nam	Mạ	Thôn Bi Nao		
224		Điều Thị Lan	1996	Nữ	Mạ	Thôn Bi Nao		

225		Điều K Reo	1986	Nam	Mạ	Thôn Bi Nao		
226		Điều K MRon	1952	Nữ	Mạ	Thôn Bi Nao		
227		Điều K Thiên	1980	Nam	Mạ	Thôn Bù Gia Rá		
228		Điều K Ân	1963	Nam	Mạ	Thôn Bù Gia Rá		
229		Điều K Lộc (A)	1955	Nam	Mạ	Thôn Bù Gia Rá		
230		Điều Thị Lan	1988	Nữ	Mạ	Thôn Bù Gia Rá		
231		Điều K Quang	1990	Nam	Mạ	Thôn Bù Gia Rá		
232	thị trấn Phước Cát	Ma Kiên Sỹ	1967	Nam	Tày	TDP 10		Số: 119/QĐ- UBND ngày 16/05/2021
233		Vi Thị Tuyết	1972	Nữ	Tày			
234		Long Văn Mạnh	1991	Nam	Nùng			
235		Hoàng Văn Quân	1975	Nam	Tày			
236		Lương Thị Yên	1967	Nữ	Nùng	TDP 9		Số: 118/QĐ- UBND ngày 16/05/2021
237		Đàm Văn Mèn	1957	Nam	Nùng			
238		Lưu Thị thu Thảo	1994	Nữ	cao lan			
239		Nông Văn Cường	1960	Nam	Tày	TDP 3		Số: 117/QĐ- UBND ngày 16/05/2021
240		Triệu Thị Mọi	1970	Nữ	Tày			
241		Phan Thị Sen	1967	Nữ	Tày			
242		Lương Thành Cang	1964	Nam	Kinh			
243		Thắm Thị Nuôm	1965	Nữ	Nùng			
244		Thắm Thị Liên	1959	Nữ	Tày			
245		Nông Đức Dưỡng	1968	Nam	Tày			
246		Lưu Bá Chánh	1973	Nam	Nùng	TDP 7		Số: 115/QĐ- UBND ngày 16/9/2021
247		Lục Thị Hiền	1988	Nữ	Nùng			
248		Nông Thị Tư	1962	Nữ	Tày			
249		Lục Thị Duyên	1994	Nam	Nùng			
250		Lê Văn Cân	1960	Nam	Kinh			
251		Đặng Thị Hiệp	1964	Nữ	Kinh			
252		Đàm Văn Kim	1996	Nam	Nùng	TDP 4		Số: 114/QĐ- UBND ngày 16/05/2021
253		Nông Văn Cừ	1970	Nam	Tày			
254		Lý Thị Lệ Quyên	1986	Nữ	Nùng			
255		Nguyễn Thị Mạo	1963	Nữ	Kinh			
256		Phạm Văn Thống	1960	Nam	Kinh			
257		Sầm Thị Hương	1986	Nữ	Dao			

258	Nguyễn Đước	1970	Nam	Kinh			
259	Phạm Văn Tánh	1958	Nam	Kinh	TDP5		Số: 112/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
260	Hồ Thị Dương	1963	Nữ	Kinh			
261	Bùi Thị Thuận	1961	Nữ	Kinh			
262	Nguyễn Văn Thiên	1953	Nam	Kinh			
263	Trần Đình Vận	1995	Nam	Kinh			
264	Lê Văn Độ	1976	Nam	Kinh			
265	Hà Văn Tuấn	1988	Nam	Nùng	TDP 6		Số: 111/QĐ-UBND ngày 16/05/2021
266	Lưu Thị Vàng	1986	Nữ	cao lan			
267	Lê Văn Trung	1970	Nam	Kinh			
268	Phan Văn Thanh	1993	Nam	Kinh			
269	Đàm Thị Ngọc	1986	Nữ	Dao			
270	Võ Minh Dũng	1968	Nam	Tày	TDP 1		Số: 120/QĐ-UBND ngày 15/5/2023
271	Đặng Thị Thu	1962	Nữ	Kinh			
272	Nguyễn Thị Nghia	1974	Nữ	Kinh			
273	Phan Thị Dáy	1957	Nữ	Tày			
274	Ngô Quang Dũng	1995	Nam	Kinh			
275	Trần Hữu Xương	1951	Nam	Kinh			
276	Nguyễn Thị Hữu	1958	Nữ	Kinh	TDP 1		232/QĐ-UBND ngày 03/07/2023
277	Vũ Thị Yên	1971	Nữ	Kinh	TDP 1		
278	Nguyễn Tiến Lực	1968	Nam	Kinh	TDP 1		
279	Hoàng Thị Mai	1982	Nữ	Kinh	TDP1		
280	Trần Văn Mậu	1980	Nam	Kinh	TDP 2		38/QĐ-UBND ngày 10/03/2015
281	Nguyễn Thị Thanh	1956	Nam	Kinh	TDP 2		
282	Hoàng Văn Vân	1963	Nữ	Kinh	TDP 2		
283	Lê Đình Huyền	1944	Nam	Kinh	TDP 2		
284	Nguyễn Thị Thái	1935	Nữ	Kinh	TDP 2		
285	Nguyễn Thị Nguyệt	1952	Nữ	Kinh	TDP 2		
286	Nguyễn Thị Toán	1965	Nữ	Kinh	TDP 3		233/QĐ-UBND ngày 03/07/2023
287	Trần Văn Quý	1976	Nam	Kinh	TDP 3		
288	Trần Văn Hằng	1955	Nam	Kinh	TDP 3		
289	Nguyễn Thị Tuấn	1954	Nữ	Kinh	TDP 3		
290	Tô Thị Yên	1958	Nữ	Kinh	TDP3		

291	thị trấn Cát Tiên	Nguyễn Văn Thành	1949	Nam	Kinh	TDP 4	184/QĐ-UBND ngày 16/12/2016
292		Nguyễn Anh Tuấn	1956	Nam	Kinh	TDP 4	
293		Đinh Văn Cường	1962	Nam	Kinh	TDP 4	
294		Đàm Văn Chuyển	1960	Nam	Kinh	TDP 4	
295		Nguyễn Thị Tường	1954	Nữ	Kinh	TDP 4	
296		Đỗ Xuân Mến	1957	Nam	Kinh	TDP 4	
297		Nguyễn Văn Hiền	1957	Nam	Kinh	TDP 5	155/QĐ-UBND ngày 19/10/2016
298		Đỗ Song Toàn	1960	Nam	Kinh	TDP 5	
299		Trần Thị Thêu	1960	Nữ	Kinh	TDP 5	
300		Nguyễn Văn Hóa	1958	Nam	Kinh	TDP 6	44/QĐ-UBND ngày 10/04/2014
301		Nguyễn Văn Quyết	1962	Nam	Kinh	TDP 6	
302		Bùi Xuân Hòa	1955	Nam	Kinh	TDP 6	
303		Ngô Thị Bích	1955	Nữ	Kinh	TDP 6	
304		Đỗ Huy Hòa	1960	Nam	Kinh	TDP 8	231/QĐ-UBND ngày 17/04/2020
305		Nguyễn Công Hoàng	1961	Nam	Kinh	TDP 8	
306		Trần Thị Trúc	1954	Nữ	Kinh	TDP 8	
307		Trần Văn Kiệm	1954	Nam	Kinh	TDP 8	
308		Nguyễn Văn Mâu	1958	Nam	Kinh	TDP 8	
309		Nguyễn Văn Huyền	1958	Nam	Kinh	TDP 10	234/QĐ-UB ngày 03/07/2023
310		La Văn Hùng	1982	Nam	Tày	TDP 10	
311		Lô Văn Lương	1969	Nam	Tày	TDP10	
312		Lô Văn Cơ	1954	Nam	Tày	TDP 10	
313		Đỗ Thị Liên	1965	Nữ	Kinh	TDP 10	
314		Điều K Minh	1962	Nam	Châu mạ	Bản Bun go	174/QĐ-UBND ngày 25/07/2021
315		Điều K Bình	1982	Nam	Châu mạ	Bản Bun go	
316		Điều K Giá	1969	Nam	Châu mạ	Bản Bun go	
317		Điều K Banh	1955	Nam	Châu mạ	Bản Bun go	
318		Điều K Dũng	1979	Nam	Châu mạ	Bản Bun go	
319		Điều K Nhạng	1082	Nữ	Châu mạ	Bản Bun go	
320		Phạm Thị Thúy	1984	Nữ	Kinh	Bản Bun go	
321		Điều Thị Xuyên	1979	Nữ	Châu mạ	Bản Bun go	
322		Điều K Ren	1965	Nam	Châu mạ	Bản Bun go	
323		Nguyễn Văn Khiêm	1971	Nam	Kinh	TDP 12	

324		Lê Minh Vương	1968	Nam	Kinh	TDP 12		49/QĐ-UBND ngày 10/03/2015
325		Trần Xuân Phán	1954	Nam	Kinh	TDP 12		
326		Hồ Thị Lan	1960	Nữ	Kinh	TDP 12		
327		Trần Đình Trọng	1977	Nam	Kinh	TDP 12		
328		Nguyễn Minh Huế	1975	Nữ	Kinh	TDP 13		217/QĐ-UBND ngày 23/07/2023
329		Nguyễn Minh Tiến	1966	Nam	Kinh	TDP 13		
330		Đinh Văn Nhuận	1963	Nam	Kinh	TDP 13		
331		Lê Thanh Hải	1980	Nam	Kinh	TDP 13		
332		Trần Thị Nhung	1968	Nữ	Kinh	TDP 13		
333		Ngô Quốc Chí	1989	Nam	Kinh	TDP 13		
334		Nguyễn Quang Trung	1965	Nam	Kinh	TDP 13		
335		Nguyễn Thị Liễu	1965	Nữ	Kinh	TDP 13		
336		Nguyễn Thị Xuân Nương	1974	Nữ	Kinh	TDP 13		62/QĐ-UBND ngày 11/07/2017
337		Đặng Ngọc Thơ	1956	Nam	Kinh	TDP 13		
338		Nguyễn Công Phu	1953	Nam	Kinh	TDP 14		
339		Phan Thị Hương	1974	Nữ	Kinh	TDP 14		
340		Phạm Đây	1945	Nam	Kinh	TDP 14		
341		Ngô Ngọc Đức	1989	Nam	Kinh	TDP 14		
342		Võ Thị Xuân Thì	1989	Nữ	Kinh	TDP 14		52/QĐ-UBND ngày 10/03/2015
343		Mã Thị Nữ	1956	Nữ	Kinh	TDP 14		
344		Nguyễn Văn Tào	1960	Nam	Kinh	TDP 15		
345		Nguyễn Văn Thoại	1962	Nam	Kinh	TDP 15		
346		Trần Văn Đoán	1960	Nam	Kinh	TDP 15		
347		Phan Thị Hoài Kim	1944	Nữ	Kinh	TDP 15		
348		Nguyễn Thị Thềm	1969	Nữ	Kinh	TDP 15		
349		Mai Lâm Hào	1988	Nam	Kinh	TDP 15		
350		Trần Văn Vụ	1950	Nam	Kinh	TDP 15		
351	Huyện Di Linh	Nguyễn Văn Nghi	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
352		Đặng Thị Tươi	1971	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 4/01/2024

353	Phan Thanh Hưng	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
354	Trần Thị Đại Thắng	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
355	Phạm Văn Sáu	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
356	Huỳnh Thị Niên	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
357	Hoàng Xuân Hòa	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 228/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
358	Nguyễn Văn Vinh	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 228/QĐ-UBND ngày 8/9/2020
359	Cao Thế Lĩnh	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 228/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
360	Trần Thị Thanh Nhân	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 228/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
361	Trần Văn Thái	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 228/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
362	Phạm Thị Thùy	1989	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 228/QĐ-UBND ngày 4/01/2024
363	Trần Thị Hồng Hạnh	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 23/11/2022

364	Nguyễn Bá Lộc	1968	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 23/11/2022
365	Huỳnh Thị Kim Hoang	1973	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 23/11/2022
366	Gip Chánh Kỳ	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 23/11/2022
367	Nguyễn Ngọc Tâm	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 23/11/2022
368	Trương Công Lý	1948	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 527/QĐ-UBND ngày 23/11/2022
369	Phạm Thị Quế	1963	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 517/QĐ-UBND ngày 10/11/2022
370	Nguyễn Xuân Yên	1951	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 517/QĐ-UBND ngày 10/11/2022
371	Trần Hữu Dũng	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 517/QĐ-UBND ngày 10/11/2022
372	Nguyễn Thị Tuyên	1962	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 517/QĐ-UBND ngày 10/11/2022
373	Vòng A Sôi	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 517/QĐ-UBND ngày 10/11/2022
374	Lê Hồng Sơn	1979	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 517/QĐ-UBND ngày 10/11/2022

375	Lê Thị Kim Phụng	1981	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
376	Huỳnh Văn Tài	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
377	Lê Thị Lự	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
378	Đoàn Thị Vi Quỳnh	1984	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, thị trấn Di Linh	Cao Đẳng	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
379	Võ Kim Ca	1977	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
380	Lê Thị Hồng	1957	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
381	Nguyễn Hoàng Cung	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
382	Mào Văn Phương	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
383	Đàm Thị Huệ	1962	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
384	Nguyễn Văn Duy	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
385	Mào Thế Bá	1987	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/9/2020

386	Phạm Thanh Đông	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 21/9/2020
387	Đỗ Văn Minh	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 21/9/2020
388	Nguyễn Thị Linh	1959	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 21/9/2020
389	Cao Đông	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 21/9/2020
390	Đoàn Thị Hàn Huyền	1990	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 21/9/2020
391	Phạm Phú Lực	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 21/9/2020
392	Nguyễn Viết Hùng	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 8/9/2020
393	Nguyễn Đức Tiến	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 8/9/2020
394	Bùi Xuân Viễn	1972	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 8/9/2020
395	Đỗ Thị Xuân	1963	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 8/9/2020
396	Tạ Đức Lưu	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 8/9/2020

397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407

Nguyễn Hòa Thương	1989	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 8/9/2020
Trần Văn Tiến	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 569/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
Kiều Xuân Giàu	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 569/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
Hà Nhật Lượng	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 569/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
Nguyễn Thị Kim Tiên	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 569/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
Đoàn Văn Minh	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 569/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
Vũ Công Thái	1991	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 569/QĐ-UBND ngày 07/11/2023
Dương Thị Xiêm	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 03/11/2022
Nguyễn Thanh	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 03/11/2022
Lê Thị Mai	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 03/11/2022
Đặng Tích Lộc	1963	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 03/11/2022

408	Đào Duy Ân	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 03/11/2022
409	Nguyễn Bá Thành	1995	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 491/QĐ-UBND ngày 03/11/2022
410	Đỗ Văn Thuận	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
411	Võ Việt Thùy	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
412	Lưu Văn Hạnh	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
413	Đào Thị Thu Trâm	1959	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
414	Nguyễn Đình Cung	1949	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
415	Nguyễn Quang Anh	1992	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 242/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
416	Lê Quang Phát	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 579/QĐ-UBND ngày 24/11/2023
417	Lê Bá Tới	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 579/QĐ-UBND ngày 24/11/2023
418	Đỗ Thế Anh	1982	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 579/QĐ-UBND ngày 24/11/2023

419	Thị trấn Di Linh	Lê Thị Thu Thanh	1956	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 579/QĐ-UBND ngày 24/11/2023
420		Nguyễn Anh Dũng	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 579/QĐ-UBND ngày 24/11/2023
421		Lê Xuân Hợp	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 579/QĐ-UBND ngày 24/11/2023
422		Nguyễn Văn Tuấn	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13, thị trấn Di Linh	Sơ cấp	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
423		Lương Hải Hà	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
424		Khuất Lâm Phi Hồ	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
425		Trương Thị Thu Dung	1961	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
426		Trương Thị Mỹ Diệu	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
427		Nguyễn Quang Huy	1972	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/3/2023
428		Hà Thị Mỹ	1963	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 219/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
429		Nguyễn Ngọc Hải	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 219/QĐ-UBND ngày 08/9/2020

430	Nguyễn Quang Uẩn	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 219/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
431	Nguyễn Việt Hoa	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 219/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
432	Nguyễn Văn Huyền	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 219/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
433	Trần Văn Dũng	1979	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 219/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
434	Trần Thị Châu	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2023
435	Phạm Quý Hưng	1963	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2023
436	Trịnh Văn Hoàn	1953	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2023
437	Nguyễn Thị Tý	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2023
438	Võ Văn Dương	1971	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2023
439	Nguyễn Văn Anh	1979	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 03/01/2023
440	Huỳnh Kim Oanh	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 02/11/2022

441	Trần Văn Phúc	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 02/11/2022
442	Lý Thông Hạ	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 02/11/2022
443	Phạm Thị Huệ	1981	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 02/11/2022
444	Vũ Văn Thu	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 02/11/2022
445	Nguyễn Đình Đại	1995	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 487/QĐ-UBND ngày 02/11/2022
446	Đặng Thị Khuyên	1966	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
447	Ninh Thị Một	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
448	Nguyễn Văn Nghị	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
449	Nguyễn Hồ Minh Hiếu	1989	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
450	Nguyễn Văn Thư	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
451	Nguyễn Trúc Ninh Vân	1981	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17, thị trấn Di Linh	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 06/7/2020

452	Võ Thị Thu	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
453	Hà Thị Canh	1959	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
454	Lê Thị Hường	1958	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
455	Trần Thị Huệ	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
456	Bùi Xuân Lộc	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
457	Lê Khả Trường	1969	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 12/3/2024
458	Trương Thanh Sơn	1978	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
459	Lâm Văn Dương	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
460	Đoàn Hải	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
461	Lê Thị Thu Thanh	1973	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
462	Lê Văn Chôm	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 06/7/2020

463	Phạm Ngọc Vũ	1985	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
464	Nguyễn Quốc Hoàn	1979	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
465	Lê Văn Diện	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
466	Nguyễn Thị Phương	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
467	Lê Trọng Thuận	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
468	Trần Đức Phương	1994	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
469	Lê Thế Thuật	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 20, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 522/QĐ-UBND ngày 14/11/2022
470	K' Sội	1962	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT1, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 221/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
471	K' Moul Sơn	1961	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT1, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 221/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
472	K' Nhật	1972	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT1, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 221/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
473	Ka Huynh	1978	Nữ	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT1, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 221/QĐ-UBND ngày 08/9/2020

474	K' Sát	1958	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT1, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 221/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
475	Moul Thi	1992	Nữ	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT1, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 221/QĐ-UBND ngày 08/9/2020
476	Trần Thị Hồng Thanh	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT2, Thị trấn Di Linh	Cao Đẳng	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
477	Mook Brim	1966	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT2, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
478	K' Song	1956	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT2, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
479	Ka Hoa	1981	Nữ	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT2, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
480	Nguyễn Văn Sơn	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT2, Thị trấn Di Linh		Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
481	K' Sinh	1984	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố DLT2, Thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
482	K' Bràn	1969	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố Ka Ming, thị trấn Di Linh	Trung cấp	Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
483	K' Sôm	1970	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố Ka Ming, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
484	Moul Jim	1969	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố Ka Ming, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 06/7/2020

485		Ka Hựu	1984	Nữ	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố Ka Ming, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
486		K' Jip	1954	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố Ka Ming, thị trấn Di Linh		Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
487		Mo Del ReMy	1987	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải tổ dân phố Ka Ming, thị trấn Di Linh	Đại học	Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 06/7/2020
488		K' Lìm	1982	Nam	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
489		K' Chiềng	1977	Nam	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
490		K' Đìn	1988	Nam	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
491		K' Pía	1990	Nam	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
492		Ka Ngọc	1996	Nữ	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
493		K' Bình	1988	Nam	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
494		K' Bo	1994	Nam	Mạ	Thôn 1, xã Đinh Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
495		K' Đức	1992	Nam	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024

496	xã Đinh Trang Thượng	K' Chồng	1992	Nam	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
497		K' Thu	1984	Nam	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	7/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
498		K' Môi	1997	Nam	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
499		Ka Sẻ	1990	Nữ	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
500		K' Prưók	1975	Nam	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	5/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
501		K' Sỹ Nguyên	1996	Nam	Mạ	Thôn 2, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
502		K' Chiều	1980	Nam	Mạ	Thôn 3, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
503		K' Nga	1965	Nam	Mạ	Thôn 3, xã Đinh Trang Thượng	7/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
504		Ka Hường	1981	Nữ	Mạ	Thôn 3, xã Đinh Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
505		K' Mel	1980	Nam	Mạ	Thôn 3, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
506		K' Nải	1998	Nam	Mạ	Thôn 3, xã Đinh Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024

507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517

Ka Phiêu	1990	Nữ	Mạ	Thôn 3, xã Đình Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Luân	1987	Nam	Mạ	Thôn 3, xã Đình Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Lê	1971	Nam	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Chi Hoa	1978	Nam	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Tàng	1970	Nam	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Di	1995	Nam	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Bim	1987	Nam	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	7/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
Ka Zjêuh	1990	Nữ	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Nam	1983	Nam	Mạ	Thôn 4, xã Đình Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Kir	1986	Nam	Mạ	Thôn 5, xã Đình Trang Thượng	12/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
K' Thông	1976	Nam	Mạ	Thôn 5, xã Đình Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024

518		K' Chàng	1952	Nam	Mạ	Thôn 5, xã Đinh Trang Thượng	5/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
519		K' Nós	1997	Nam	Mạ	Thôn 5, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
520		Ka Driều	1994	Nữ	Mạ	Thôn 5, xã Đinh Trang Thượng	10/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
521		K' Chiêng	1966	Nam	Mạ	Thôn 5, xã Đinh Trang Thượng	5/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
522		K' Krés	1981	Nam	Mạ	Thôn 5, xã Đinh Trang Thượng	9/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
523		Yang Kar Nha	1991	Nam	Nốp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu		Quyết định số: 278/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
524		K' Nêl	1966	Nam	Nốp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu		Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
525		K' Thành	1973	Nam	Nốp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu		Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
526		Yane Kar Loan	1986	Nữ	Nốp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu		Quyết định số: 84/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
527		K' Min	1973	Nam	Nốp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu		Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
528		K' Ngời	1954	Nam	Nốp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu		Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 12/12/2019

529	Đor Sin Loan	1970	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu	Quyết định số: 279/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
530	K' Đúi	1953	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 1, xã Tân Châu	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
531	Đa Krông Thạch	1990	Nữ	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 52/QĐ9-UBND ngày 10/8/2020
532	K' Têm	1983	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 93/QĐ- UBND ngày 12/12/2019
533	K' Phát	1988	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
534	Ka Phương	1985	Nữ	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
535	K' Lộc	1966	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 95/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
536	K' Dỏi	1952	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 10/8/2020
537	Dor Tung Sang	1963	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 282/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
538	K' Đêm	1968	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 2, xã Tân Châu	Quyết định số: 283/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
539	Ka Hanh	1990	Nữ	Nộp(Cơ H	Thôn 3, xã Tân Châu	Quyết định số: 150/QĐ-UBND ngày 15/6/2022

540	K' Cảnh	1978	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 3, xã Tân Châu	Quyết định số: 21/QĐ-UBND ngày 25/01/2021
541	K' Mi Vít	1985	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 3, xã Tân Châu	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
542	Ka Huệ Rơ Luôn	1990	Nữ	Nộp(Cơ H	Thôn 3, xã Tân Châu	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
543	K' Nín	1989	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 3, xã Tân Châu	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
544	K' Kọp	1955	Nam	Nộp(Cơ H	Thôn 3, xã Tân Châu	Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
545	K' Bềm	1963	Nam	Kơ Ho	Thôn 4, xã Tân Châu	Quyết định số: 286/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
546	K' Vinh	1976	Nam	Kơ Ho	Thôn 4, xã Tân Châu	Quyết định số: 106/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
547	K' Thu	1965	Nam	Kơ Ho	Thôn 4, xã Tân Châu	Quyết định số: 285/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
548	K' Fa Lin Ton	1991	Nam	Kơ Ho	Thôn 4, xã Tân Châu	Quyết định số: 287/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
549	K' Nhu	1988	Nam	Kơ Ho	Thôn 4, xã Tân Châu	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
550	K' Bin	1959	Nam	Kơ Ho	Thôn 4, xã Tân Châu	Quyết định số: 108/QĐ-UBND ngày 12/12/2019

551	xã Tân Châu	Ân Văn Chung	1963	Nam	Sán Dìu	Thôn 5, xã Tân Châu	Quyết định số: 116/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
552		Tạ Văn Vân	1968	Nam	Nùng	Thôn 5, xã Tân Châu	Quyết định số: 113/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
553		Trần Mai Bảo	1987	Nam	Nùng	Thôn 5, xã Tân Châu	Quyết định số: 301/QĐ-UBND ngày 02/12/2022
554		Trinh Bá Cảnh	1966	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Tân Châu	Quyết định số: 110/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
555		Tây Văn Choang	1955	Nam	Sán Dìu	Thôn 5, xã Tân Châu	Quyết định số: 300/QĐ-UBND ngày 02/12/2022
556		Liêu Ngọc Thành	1996	Nam	Nùng	Thôn 5, xã Tân Châu	Quyết định số: 302/QĐ-UBND ngày 02/12/2022
557		K' Vinh		Nam	Kơ Ho	Thôn 6, xã Tân Châu	Quyết định số: 56/QĐ-UBND ngày 27/5/2021
558		Ka Hậu	1985	Nữ	Kơ Ho	Thôn 6, xã Tân Châu	Quyết định số: 121/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
559		Ka Trinh	1986	Nữ	Kơ Ho	Thôn 6, xã Tân Châu	Quyết định số: 291/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
560		K' Chên	1964	Nam	Kơ Ho	Thôn 6, xã Tân Châu	Quyết định số: 294/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
561		K' Lâm	1982	Nam	Kơ Ho	Thôn 6, xã Tân Châu	Quyết định số: 292/QĐ-UBND ngày 30/11/2022

562	K' Lêm	1982	Nam	Kơ Ho	Thôn 6, xã Tân Châu	Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
563	Nguyễn Min	1964	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
564	Lê Thanh Nin	1963	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 296/QĐ-UBND ngày 30/11/2022
565	Hoàng Đình Đồng	1977	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 124/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
566	Lê Thị Tâm	1963	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 130/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
567	Huỳnh Văn Vinh	1961	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 125/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
568	Nguyễn Ngọc Thịnh	1959	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 126/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
569	Nguyễn Văn Thông	1955	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Tân Châu	Quyết định số: 127/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
570	Đỗ Thị Thảo	1980	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 239/QĐ-UBND ngày 19/9/2022
571	Mai Danh Thao	1962	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 240/QĐ-UBND ngày 19/9/2022
572	Hoàng Văn Luận	1961	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 14/03/2024

573	Phạm Thị Hoài	1980	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 134/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
574	Ngô Văn Hùng	1973	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 132/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
575	Ngô Hồng Ánh	1966	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 133/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
576	Trần Thị Hoàn	1970	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 41/QĐ9-UBND ngày 14/03/2024
577	Lê Văn Thắng	2003	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Châu	Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 14/03/2024
578	Đặng Nguyên Phú	1990	Nam	Nùng	Thôn 9, xã Tân Châu	Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 19/10/2023
579	Ân Văn Kim	1968	Nam	Sán Dìu	Thôn 9, xã Tân Châu	Quyết định số: 141/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
580	Triệu Tiến Dũng	1957	Nam	Cao Lan	Thôn 9, xã Tân Châu	Quyết định số: 138/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
581	Trần Thị Vân	1969	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Tân Châu	Quyết định số: 142/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
582	Đào Quang Hợp	1958	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Châu	Quyết định số: 139/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
583	Lê Thanh Huy	1952	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Châu	Quyết định số: 140/QĐ-UBND ngày 12/12/2019

584		Lê Đình Liêm	1957	Nam	Kinh	Liên Châu, xã Tân Châu		Quyết định số: 148/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
585		Trần Đình Đô	1968	Nam	Kinh	Liên Châu, xã Tân Châu		Quyết định số: 154/QĐ-UBND ngày 15/6/2022
586		Hoàng Thị Phúc	1966	Nữ	Kinh	Liên Châu, xã Tân Châu		Quyết định số: 149/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
587		Nguyễn Văn Hoàng	1969	Nam	Kinh	Liên Châu, xã Tân Châu		Quyết định số: 143/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
588		Lê Thị Tứ	1960	Nữ	Kinh	Liên Châu, xã Tân Châu		Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
589		Ka Bôi	1990	Nữ	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền	TC	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
590		K' Minh	1979	Nam	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
591		K' Bền	1986	nam	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
592		Ka Pọk	1989	Nữ	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền	TC	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
593		K' Ninh	1999	Nam	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
594		K' Trêm	1988	Nam	Cơ Ho	Ka Liêng, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024

595		K' Pronh	1979	Nam	Cơ Ho	Ka Liêng, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
596		Ka Bốn	1996	Nữ	Cơ Ho	Ka Liêng, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
597		K' Gân	1999	Nam	Cơ Ho	Ka Liêng, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
598		K' Thành	1988	Nam	Cơ Ho	Ka Liêng, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
599		K' Vồn	1979	Nam	Cơ Ho	Bờ Nom, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
600		K' Sím	1990	Nam	Cơ Ho	Bờ Nom, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
601		Ka Thội	1991	Nữ	Cơ Ho	Bờ Nom, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
602		K' Lâm	1988	Nam	Cơ Ho	Bờ Nom, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
603		K' Wuyệt	1980	Nam	Cơ Ho	Bờ Nom, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
604		K' Tuấn	1987	Nam	Cơ Ho	Đang cao, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
605	xã Sơn	K' Tuấn	1984	Nam	Cơ Ho	Đang cao, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024

606	Điền	K' Tuấn	1997	Nam	Cơ Ho	Đang cao, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
607		K' Nam	1979	Nam	Cơ Ho	Đang cao, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
608		Ka Ngân	1989	Nữ	Cơ Ho	Đang cao, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
609		K' Vọt	1948	Nam	Cơ Ho	Đang cao, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
610		K' Wên	1989	Nam	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
611		K' Hồng	1978	Nam	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
612		Ka Lang	1980	Nữ	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
613		K' Toàn	1989	Nam	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
614		Ka Thuy	1998	Nữ	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
615		K' Léc	1961	Nam	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
616		K' Nim	1948	Nam	Cơ Ho	Con Sỏ, xã Sơn Điền	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024

617	K' Miêu	1956	Nam	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
618	K' Biu	1946	Nam	Cơ Ho	Đang Cao, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
619	K' Wuẩn	1977	Nam	Cơ Ho	Con Sò, xã Sơn Điền	SC	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
620	K' Giới	1968	Nam	Cơ Ho	Jang Pàr, xã Sơn Điền	TC	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
621	K' Hoa	1961	Nam	Cơ Ho	Bờ Nom, xã Sơn Điền	TC	Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
622	K' Nháp	1968	Nam	Cơ Ho	Ka Liêng, xã Sơn Điền		Quyết định số: 32/QĐ - UBND ngày 01/4/2024
623	Nguyễn Văn Tới	1971	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 82/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
624	Đào Xuân Minh	1958	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 82/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
625	Nguyễn Văn Đệ	1967	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 82/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
626	Phạm Văn Quyền	1980	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 82/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
627	Mai Thị Hằng	1954	Nữ	Kinh	Thôn 1, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 82/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

628	Ngô Ngọc Thanh	1989	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	11/12	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
629	Vũ Thị Hiền	1966	Nữ	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
630	Nguyễn Văn Ngà	1963	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	10/10	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
631	Nguyễn Văn Nhật	1964	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
632	Võ Minh Tâm	1992	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	8/12	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
633	Phạm Văn Dũng	1971	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
634	Nguyễn Thị Hiền	1981	Nữ	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	10/12	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
635	Vũ Thị Sơn	1962	Nữ	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	10/10	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
636	Vũ Thế Vinh	1965	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
637	Nguyễn Văn Trung	1974	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
638	Phạm Văn Thoa	1958	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

639	Vũ Thị Lanh	1982	Nữ	Kinh	Thôn 3, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
640	Mai Văn Truy	1970	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
641	Phạm Trường Lân	1980	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
642	Lê Xuân Ngân	1964	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
643	Mai Hải Cát	1958	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
644	Trần Thị Thoa	1955	Nữ	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
645	Đỗ Thị Minh	1954	Nữ	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
646	Lê Duy Biên	1950	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
647	Hoàng Văn Toàn	1979	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
648	Lương Văn Khải	1991	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	10/12	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
649	Vũ Thị Sen	1984	Nữ	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

650	Bùi Xuân Tân	1981	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
651	Phạm Tuấn Anh	1991	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 86/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
652	Bùi Văn Chử	1963	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Hòa Bắc	Trung cấp	Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
653	Phạm Thanh Sắc	1959	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
654	Trần Bá Vượng	1964	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
655	Lê Trọng Thủy	1958	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
656	Dương Thị Sửu	1973	Nữ	Kinh	Thôn 6, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 87/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
657	Nguyễn Văn Hải	1973	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Hòa Bắc	8/12	Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
658	Nguyễn Văn Cảnh	1967	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
659	Đặng Minh Sơn	1955	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số:88/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
660	Phạm Tiến Bình	1974	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Hòa Bắc	6/12	Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

661	xã Hoà Bắc	Nguyễn Thị Hương	1958	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
662		Phạm Văn Hương	1973	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
663		Vũ Văn Hương	1967	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
664		Phạm Văn Hải	1963	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	6/10	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
665		Đinh Văn Cai	1962	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
666		Ngô Thị Sửu	1961	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	6/10	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
667		Mai Thị Thơ	1976	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	6/12	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
668		Nguyễn Mạnh Hùng	1986	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	12/12	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
669		Nguyễn Thị Hương	1983	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 89/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
670		Nguyễn Trung Kiên	1983	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	Trung cấp	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

671	Đỗ Xuân Tiến	1968	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
672	Nguyễn Văn Quý	1978	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	6/12	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
673	Lê Văn Cung	1968	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
674	Đoàn Thị Cúc	1992	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	12/12	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
675	Lê Thị Cánh	1965	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	6/10	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
676	Đỗ Thị Lành	1972	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	8/12	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
677	Cao Văn Dũng	1985	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	7/12	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
678	Đỗ Văn Lưu	1957	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 90/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
679	Ngô Văn Chiêu	1959	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 92/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
680	Phạm Viết Phúc	1962	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Hòa Bắc	12/12	Quyết định số: 92/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
681	Vũ Văn Đôn	1960	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Hòa Bắc	9/10	Quyết định số: 92/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692

Cao Văn Hạnh	1973	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 92/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Lê Thị Nhẫn	1989	Nữ	Kinh	Thôn 10, xã Hòa Bắc	Cao đẳng	Quyết định số: 92/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Hầu Cún Sáng	1966	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Lưu Tiến Thành	1993	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Ninh Văn Bẩy	1993	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	12/12	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Đình Quang Thới	1972	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Trần Văn Minh	1997	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	10/12	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Nguyễn Văn Thắng	1965	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
Đỗ Thị Hiền	1965	Nữ	Kinh	Thôn 11, xã Hòa Bắc	7/10	Quyết định số: 91/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
K' Bê	1971	Nam	Cơ Ho	Thôn 13, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 93/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
K' Mes	1974	Nam	Cơ Ho	Thôn 13, xã Hòa Bắc	10/12	Quyết định số: 93/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

693	K' Brôi	1973	Nam	Cơ Ho	Thôn 13, xã Hòa Bắc	5/12	Quyết định số: 93/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
694	K' Nê	1962	Nam	Cơ Ho	Thôn 13, xã Hòa Bắc	3/10	Quyết định số: 93/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
695	MoLom Thủy	1980	Nữ	Cơ Ho	Thôn 13, xã Hòa Bắc	3/10	Quyết định số: 93/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
696	K' Kíp	1986	Nam	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	9/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
697	K' Dương	1996	Nam	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	11/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
698	K' Gỏi	1955	Nam	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	5/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
699	K' Hùng	1956	Nam	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	6/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
700	K' Bung	1968	Nam	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	5/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
701	K' Bình	1979	Nam	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	5/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
702	Ka Thị Chiếc	1987	Nữ	Cơ Ho	Thôn 14, xã Hòa Bắc	11/12	Quyết định số: 94/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
703	K' Din	1984	Nam	Cơ Ho	Thôn 15, xã Hòa Bắc	12/12	Quyết định số: 95/QĐ-UBND ngày 14/9/2023

704		Ka Hờm	1970	Nữ	Cơ Ho	Thôn 15, xã Hòa Bắc	4/12	Quyết định số: 95/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
705		Ngô Văn Cảnh	1976	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Hòa Bắc	Đại học	Quyết định số: 95/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
706		K' Byin	1983	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
707		K' Sêu	1969	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
708		K' Đôn	1973	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
709		K' Nam	1961	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
710		Pou Brê Gôi	1959	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
711		Đang Ràng Nùng Brí	1984	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
712		Nùng Ka Bích	1991	Nữ	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
713		K' Sêu	1960	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
714		K' Tang	1971	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725

Nrông K' Têh	1956	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Tìh	1976	Nam	Kơ ho	Thôn 1A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Tênh	1970	Nam	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Ché	1971	Nam	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Ka Ren	1969	Nữ	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Ka Bình	1996	Nữ	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Njăn Jen	1984	Nam	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Doen	1994	Nam	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa	Đại học	Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Brốp	1963	Nam	Kơ ho	Thôn 1B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 37/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Tam	1968	Nam	Kơ ho	Thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Pom	1986	Nam	Kơ ho	Thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa	Đại học	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736

K' Huân	1965	Nam	Kơ ho	Thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Brong	1973	Nam	Kơ ho	Thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Duyên	1979	Nam	Kơ ho	Thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Ka Phip	1986	Nữ	Kơ ho	Thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Hàng Dờng Biu	1978	Nam	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Gôn	1968	Nam	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Sêm	1956	Nam	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
B'Su Thụy	1987	Nữ	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Brào	1979	Nam	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Duy	1999	Nam	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Hiệp	1979	Nam	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747

Nguyễn Văn Bảo	1952	Nam	Kinh	Thôn 2B, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Ka Suy	1989	Nữ	Kơ ho	Thôn 2B, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Đương	1979	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Lê Thanh Bình	1955	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Nguyễn Tấn Chương	1972	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Minh	1984	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Vương Hồng Quang	1957	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Đôh	1955	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Duys	1983	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Sung	1986	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Ka Brik	1986	Nữ	Kơ ho	Thôn 3, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758

Ka Thu	1983	Nữ	Kơ ho	Thôn 3, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Pêuh	1966	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Brôp	1960	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Bùi Thanh Trung	1960	Nam	Kinh	Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Tôih	1962	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Đôih	1972	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trang Kon Huy	1986	Nữ	Kơ ho	Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Nam	1964	Nam	Kơ ho	Thôn 5A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Nốp	1966	Nam	Kơ ho	Thôn 5A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Bẻoh	1967	Nam	Kơ ho	Thôn 5A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Beoh	1953	Nam	Kơ ho	Thôn 5A, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

759	K' Bel	1954	Nam	Kơ ho	Thôn 5A, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
760	Thái Thị Hiền	1969	Nữ	Kinh	Thôn 5B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
761	K' Đer	1967	Nam	Kơ ho	Thôn 5B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
762	Lưu Danh Nhanh	1962	Nam	Kinh	Thôn 5B, xã Đinh Trang Hòa	Đại học	Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
763	Nguyễn Thị Truyền	1990	Nữ	Kinh	Thôn 5B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
764	K' Đoih	1986	Nam	Kơ ho	Thôn 5B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
765	Ka Thuân	1989	Nữ	Kơ ho	Thôn 5B, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 43/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
766	K' Brôs	1965	Nam	Kơ ho	Thôn 6, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 44/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
767	K' Pẹo	1969	Nam	Kơ ho	Thôn 6, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 44/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
768	K' Ngêm	1963	Nam	Kơ ho	Thôn 6, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 44/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
769	K' Bốp	1965	Nam	Kơ ho	Thôn 6, xã Đinh Trang Hòa		Quyết định số: 44/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

770	xã Đinh Trang Hoà	K' Jem (B)	1975	Nam	Kơ ho	Thôn 6, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 44/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
771		Bùi Hương Sơn	1961	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
772		Nguyễn Văn Ngọc	1971	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
773		Châu Minh Phụng	1960	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
774		Nguyễn Minh Quang	1988	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
775		Đỗ Hữu Sanh	1972	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
776		Trần Văn Trọng	1990	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
777		Đặng Thị Hồng Thảo	1974	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 45/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
778		Phùng Văn Nhân	1969	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
779		Trịnh Văn Nốp	1980	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
780		Nguyễn Trung Tâm	1974	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Đinh Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791

Nguyễn Sĩ Quang	1965	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Mai Thu Thảo	1994	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Hồ Thị Tánh	1970	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Thị Thảo	1954	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Nguyễn Thị Quang Trang	1973	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Nguyễn Như Hăng	1967	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Lê Văn Duẩn	1971	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Đào Xuân Hạp	1966	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Xuân Chiến	1960	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Thị Mận	1960	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Phan Văn Thường	1976	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802

Nguyễn Nhân Ngô	1957	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Ngọc Thắng	1986	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 47/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Thị Thơm	1963	Nữ	Kinh	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Nguyễn Văn Điện	1972	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Mạch	1988	Nam	Kơ ho	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Tền	1974	Nam	Kơ ho	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Thị Thơm	1985	Nữ	Kinh	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Đỗ Trọng Nghĩa	1960	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Trần Văn An	1960	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Ka Hoèn	1991	Nữ	Kơ ho	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Lêr	1945	Nam	Kơ ho	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813

Ngô Duy Bằng	1947	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
K' Viễn	1993	Nam	Kơ ho	Thôn 10, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Tạ Văn Huy	1973	Nam	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Đình Văn Toàn	1969	Nam	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Đặng Văn Phương	1992	Nam	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Dương Lê Thân	1977	Nam	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Nguyễn Văn Thử	1982	Nam	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Nguyễn Thị Nhiều	1984	Nữ	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Phạm Văn Hiến	1962	Nam	Kinh	Thôn 12, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 49/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Phạm Duy An	1953	Nam	Kinh	Thôn 13, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
Đỗ Sấn	1976	Nam	Kinh	Thôn 13, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

814	Trần Xuân Việt	1965	Nam	Kinh	Thôn 13, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
815	Nguyễn Thị Loan	1974	Nữ	Kinh	Thôn 13, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
816	Lê Văn Thành	1964	Nam	Kinh	Thôn 13, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
817	Nguyễn Thị Mơ	1961	Nữ	Kinh	Thôn 13, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 50/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
818	Lê Văn Đức	1960	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
819	Tô Văn Lâm	1979	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
820	Phan Văn Cảnh	1981	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
821	Đào Văn Chiến	1976	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
822	Trịnh Minh Nhật	1974	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
823	Phạm Văn Hải	1949	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
824	Vũ Văn Phúc	1959	Nam	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

825	Văn Thị Hoà	1955	Nữ	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
826	Nguyễn Thị Xuyên	1961	Nữ	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
827	Phạm Thị Cúc	1965	Nữ	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
828	Vũ Thị Lương	1993	Nữ	Kinh	Thôn 14, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 51/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
829	Nguyễn Văn Hoà	1958	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
830	Nguyễn Đình Chuân	1955	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
831	Phạm Văn Dục	1970	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
832	Đặng Xuân Hồi	1966	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
833	Lưu Thị Hải	1967	Nữ	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
834	Phạm Ánh Dương	1996	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
835	Phạm Văn Nhật	1975	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

836	Bùi Văn Quyết	1977	Nam	Kinh	Thôn 15, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 52/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
837	Trần Anh Tuấn	1969	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
838	Nguyễn Lâm Trường	1989	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
839	Hoàng Văn Lý	1964	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
840	Trịnh Thị Thực	1956	Nữ	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
841	Nguyễn Thị Liên	1970	Nữ	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
842	Huỳnh Tấn Phúc	1970	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
843	Trịnh Ngọc Thạch	1962	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
844	Trịnh Văn Mạnh	1984	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
845	Trịnh Đức Tiến	1996	Nam	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024
846	Trương Thị Huệ	1972	Nữ	Kinh	Thôn Nam Trang, xã Đình Trang Hòa	Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 11/04/2024

847	Vũ Thành Nam	1964	Nam	Kinh	Thôn 01 xã Hòa Nam		Quyết định số 277 ngày 07/10/2022
848	Tô Quang Huy	1963	Nam	Kinh	Thôn 01 xã Hòa Nam		Quyết định số 277 ngày 07/10/2022
849	Trần Thị Hoa	1969	Nữ	Kinh	Thôn 01 xã Hòa Nam		Quyết định số 277 ngày 07/10/2022
850	Trần Văn Năm	1955	Nam	Kinh	Thôn 01 xã Hòa Nam		Quyết định số 277 ngày 07/10/2022
851	Mai Thị Thúy	1956	Nữ	Kinh	Thôn 01 xã Hòa Nam		Quyết định số 277 ngày 07/10/2022
852	Vũ Văn Dương	1992	Nam	Kinh	Thôn 01 xã Hòa Nam		Quyết định số 277 ngày 07/10/2022
853	Vũ Văn Duẩn	1983	Nam	Kinh	Thôn 02 xã Hòa Nam		Quyết định số 278 ngày 07/10/2022
854	Lê Thị Lịch	1964	Nữ	Kinh	Thôn 02 xã Hòa Nam		Quyết định số 278 ngày 07/10/2022
855	Vũ Thị Lượ	1968	Nữ	Kinh	Thôn 02 xã Hòa Nam		Quyết định số 278 ngày 07/10/2022
856	Trần Thị Nga	1969	Nữ	Kinh	Thôn 02 xã Hòa Nam		Quyết định số 278 ngày 07/10/2022
857	Phạm Văn Tú	1950	Nam	Kinh	Thôn 02 xã Hòa Nam		Quyết định số 278 ngày 07/10/2022
858	Đồng Thị Huệ	1966	Nữ	Kinh	Thôn 02 xã Hòa Nam		Quyết định số 278 ngày 07/10/2022
859	Nguyễn Văn Phụ	1978	Nam	Kinh	Thôn 03 xã Hòa Nam		Quyết định số 110 ngày 18/5/2020
860	Đặng Thị Mai	1979	Nữ	Kinh	Thôn 03 xã Hòa Nam		Quyết định số 110 ngày 18/5/2020
861	Nguyễn Thị Nga	1965	Nữ	Kinh	Thôn 03 xã Hòa Nam		Quyết định số 110 ngày 18/5/2020
862	Nguyễn Chi Phôi	1958	Nam	Kinh	Thôn 03 xã Hòa Nam		Quyết định số 110 ngày 18/5/2020

863	xã Hòa Nam	Mai Minh Đức	1957	Nam	Kinh	Thôn 03 xã Hòa Nam	Quyết định số 110 ngày 18/5/2020
864		Nguyễn Văn Tiến	1961	Nam	Kinh	Thôn 04 xã Hòa Nam	Quyết định số 279 ngày 07/10/2022
865		Lưu Xuân Quang	1952	Nam	Kinh	Thôn 04 xã Hòa Nam	Quyết định số 279 ngày 07/10/2022
866		Đặng Thị Mai	1976	Nữ	Kinh	Thôn 04 xã Hòa Nam	Quyết định số 279 ngày 07/10/2022
867		Phan Văn Chung	1986	Nam	Kinh	Thôn 04 xã Hòa Nam	Quyết định số 279 ngày 07/10/2022
868		Nguyễn Văn Quang	1954	Nam	Kinh	Thôn 05 xã Hòa Nam	Quyết định số 280 ngày 07/10/2022
869		Phạm Văn Tiến	1960	Nam	Kinh	Thôn 05 xã Hòa Nam	Quyết định số 280 ngày 07/10/2022
870		Đỗ Thị Thủy	1967	Nữ	Kinh	Thôn 05 xã Hòa Nam	Quyết định số 280 ngày 07/10/2022
871		Đỗ Xuân Trung	1960	Nam	Kinh	Thôn 05 xã Hòa Nam	Quyết định số 280 ngày 07/10/2022
872		Trần Văn Cự	1964	Nam	Kinh	Thôn 05 xã Hòa Nam	Quyết định số 280 ngày 07/10/2022
873		Trần Văn Việt	1992	Nam	Kinh	Thôn 05 xã Hòa Nam	Quyết định số 280 ngày 07/10/2022
874		Đinh Công Tiến	1959	Nam	Mường	Thôn 06 xã Hòa Nam	Quyết định số 101 ngày 13/12/2023
875		Quách Công Lập	1987	Nam	Mường	Thôn 06 xã Hòa Nam	Quyết định số 101 ngày 13/12/2023
876		Kiên Thị Thúy Hạnh	1983	Nam	Mường	Thôn 06 xã Hòa Nam	Quyết định số 101 ngày 13/12/2023
877		Đinh Công Thắng	1995	Nam	Mường	Thôn 06 xã Hòa Nam	Quyết định số 101 ngày 13/12/2023
878		Lưu Văn Lương	1966	Nam	Kinh	Thôn 07 xã Hòa Nam	Quyết định số 282 ngày 07/10/2022

879	Đào Văn Lưu	1957	Nam	Kinh	Thôn 07 xã Hòa Nam	Quyết định số 282 ngày 07/10/2022
880	Vũ Thị Ngát	1960	Nữ	Kinh	Thôn 07 xã Hòa Nam	Quyết định số 282 ngày 07/10/2022
881	Trần Văn Ngoạn	1954	Nam	Kinh	Thôn 07 xã Hòa Nam	Quyết định số 282 ngày 07/10/2022
882	Nguyễn Anh Tài	1974	Nam	Kinh	Thôn 07 xã Hòa Nam	Quyết định số 282 ngày 07/10/2022
883	Nguyễn Thị Lành	1969	Nữ	Kinh	Thôn 08 xã Hòa Nam	Quyết định số 283 ngày 07/10/2022
884	Nguyễn Xuân Duy	1969	Nam	Kinh	Thôn 08 xã Hòa Nam	Quyết định số 283 ngày 07/10/2022
885	Lê Văn Tam	1972	Nam	Kinh	Thôn 08 xã Hòa Nam	Quyết định số 283 ngày 07/10/2022
886	Nguyễn Thị Luyện	1968	Nam	Kinh	Thôn 08 xã Hòa Nam	Quyết định số 283 ngày 07/10/2022
887	Ngụy Vương Thành	1980	Nam	Kinh	Thôn 08 xã Hòa Nam	Quyết định số 283 ngày 07/10/2022
888	Hoàng Thế Viễn	1979	Nam	Kinh	Thôn 08 xã Hòa Nam	Quyết định số 283 ngày 07/10/2022
889	Đỗ Đức Phú	1955	Nam	Kinh	Thôn 11 xã Hòa Nam	Quyết định số 10 ngày 06/01/2022
890	Nguyễn Thị Vân	1968	Nữ	Kinh	Thôn 11 xã Hòa Nam	Quyết định số 10 ngày 06/01/2022
891	Lã Văn Sáu	1967	Nam	Kinh	Thôn 11 xã Hòa Nam	Quyết định số 10 ngày 06/01/2022
892	Nguyễn Thị Ớ	1964	Nữ	Kinh	Thôn 11 xã Hòa Nam	Quyết định số 10 ngày 06/01/2022
893	Bùi Thị Quyên	1971	Nữ	Kinh	Thôn 11 xã Hòa Nam	Quyết định số 10 ngày 06/01/2022
894	Đoàn Văn Hưởng	1977	Nam	Kinh	Thôn 11 xã Hòa Nam	Quyết định số 10 ngày 06/01/2022

895	Đặng Đình Đạt	1962	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
896	Trần Quang Duyên	1958	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
897	Vũ Ngọc Lựu	1980	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
898	Bùi Thị Dậu	1985	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
899	Trần Thị Mỹ	1960	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
900	Nguyễn Văn Tịnh	1964	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
901	Lâm Đức Mạnh	1993	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
902	Vũ Thị Nga	1949	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
903	Ngô Văn Nam	1968	Kinh	Kinh	Thôn 01, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 157/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
904	Vũ Đại Dương	1955	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
905	Trần Nhật Oánh	1972	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

906	Vũ Xuân Tường	1949	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
907	Phạm Văn Tiến	1960	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
908	Phạm Thị Tuyết	1957	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
909	Trần Văn Lộc	1957	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
910	Phạm Thành Hân	1961	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
911	Lê Thế Tiệm	1957	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
912	Trần Quốc Hùng	1954	Kinh	Kinh	Thôn 02, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
913	Hoàng Văn Mỹ	1959	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh	Đại Học	Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
914	Trần Mạnh Thắng	1958	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
915	Trần Xuân Mùi	1954	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
916	Trần Văn Giai	1972	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

917	Trần Thị Trúc Ly	1970	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
918	Ngô Trí Lâm	1992	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
919	Nguyễn Ngọc Hoàn	1969	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
920	Bùi Văn Minh	1967	Kinh	Kinh	Thôn 03, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
921	Vũ Ích Kiệt	1951	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
922	Đỗ Văn Tắc	1964	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
923	Trần Xuân Thái	1973	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
924	Phạm Văn Quốc	1947	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
925	Phan Văn Đoan	1977	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
926	Nguyễn Thị Hồng	1959	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
927	Nguyễn Văn Thụ	1952	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

928	Vũ Thị Thuý	1981	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
929	Nguyễn Thị Hợp	1960	Kinh	Kinh	Thôn 04, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 160/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
930	Vũ Biên Cương	1965	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
931	Nguyễn Thị Thu Hà	1978	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
932	Trần Văn Điều	1972	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
933	Phạm Thị Ngoan	1980	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
934	Trần Văn Đông	1978	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
935	Nguyễn Văn Hữu	1995	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
936	Đinh Công Chính	1954	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
937	Vũ Thị Tơ	1952	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
938	Ninh Văn Thảo	1954	Kinh	Kinh	Thôn 05, Xã Hòa Ninh	Trung cấp	Quyết định số: 161/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949

Đoàn Công Bảy	1975	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Trịnh Thị Hương	1960	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Đỗ Văn Tân	1967	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Lưu Văn Quân	1985	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Phạm Thị Thanh	1963	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh	Đại Học	Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Phạm Ngọc Lâm	1978	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Đoàn Trung Ngọc	1978	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Phạm Kỳ Lân	1978	Kinh	Kinh	Thôn 06, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Ngô Văn Luân	1992	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Nguyễn Văn Quang	1963	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Nguyễn Văn Dũng	1984	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

950	xã Hoà Ninh	Nguyễn Thị Hiền	1962	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
951		Ngô Văn Thành	1960	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
952		Phạm Văn Cường	1950	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
953		Nguyễn Thành Đồng	1982	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
954		Trương Thị Hương	1977	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
955		Nguyễn Văn Nam	1994	Kinh	Kinh	Thôn 07, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
956		Đoàn Thanh Trà	1977	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
957		Đỗ Quang Tựa	1956	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
958		Nguyễn Văn Nam	1983	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
959		Vũ Thị Nhâm	1962	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
960		Đường Thị Kim Anh	1958	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh	Trung cấp	Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

961	Huỳnh Văn Quảng	1960	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
962	Phan Xuân Dần	1949	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
963	Mai Đại Dần	1959	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
964	Phạm Quang Diên	1957	Kinh	Kinh	Thôn 09, Xã Hòa Ninh	Trung cấp Quyết định số: 165/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
965	Nguyễn Thiện Chiến	1959	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
966	Trần Hữu Lực	1989	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
967	Lưu Văn Điệp	1984	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
968	Chu Thị Mơ	1979	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
969	Lưu Mạnh Đoàn	1987	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
970	Trần Văn Thái	1994	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
971	Phạm Thị Khay	1947	Kinh	Kinh	Thôn 10, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 166/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982

Vũ Thế Quyền	1958	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Đỗ Duy Cường	1970	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Lê Thị Ngân	1959	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Ngô Hồng Sơn	1965	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Huỳnh Hữu Sơn	1963	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Bùi Văn Tân	1993	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Mai Mộng Điệp	1984	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Vũ Văn Đốc	1967	Kinh	Kinh	Thôn 12, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 168/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Vũ Hồng The	1968	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Phạm Ngọc Chấn	1970	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Nguyễn Văn Quỳnh	1965	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

983	Nguyễn Thị Dung	1984	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
984	Trần Văn Tuấn	1965	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
985	Đỗ Đình Thăng	1968	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
986	Lê Xuân Uyển	1948	Kinh	Kinh	Thôn 13, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
987	Mai Văn Thanh	1967	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
988	Nguyễn Như Thảo	1959	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
989	Nguyễn Văn Lượng	1984	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
990	Trần Văn Chinh	1978	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
991	Nguyễn Thị Thảo	1967	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
992	Vũ Đình Khiêm	1954	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
993	Vũ Quang Trung	1990	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

994
995
996
997
998
999
1000
1001
1002
1003
1004

Phạm Xuân Đông	1970	Kinh	Kinh	Thôn 14, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Đỗ Quang Thuấn	1958	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Tổng Xuân Kiên	1960	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Ngô Xuân Bách	1979	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Vũ Hoàng Sơn	1982	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Phạm Thị Tý	1968	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Trần Văn Vượng	1967	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Tổng Văn Trung	1994	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Vũ Văn Phong	1970	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Trần Văn Toàn	1952	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
Mai Văn Quảng	1970	Kinh	Kinh	Thôn 15, Xã Hòa Ninh	Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 05/07/2019

1005	Vũ Văn Định	1962	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1006	Nguyễn Nghĩa Nam	1960	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1007	Phạm Văn Hoà	1978	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1008	Lê Văn Dân	1972	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1009	Đinh Thị Tơ	1968	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1010	Nguyễn Minh Dương	1948	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1011	Phạm Văn Rung	1958	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1012	Phạm Văn Hoà	1990	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1013	Vũ Đức Thịnh	1956	Kinh	Kinh	Thôn 16, Xã Hòa Ninh		Quyết định số: 172/QĐ-UBND ngày 05/07/2019
1014	K' Diêng	1990	Nam	Kơ ho	Thôn Đà Hiông, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 15/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1015	K' Nam	1968	Nam	Kơ ho	Thôn Đà Hiông, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 15/QĐ-UBND ngày 20/02/2023

1016		Pon Rang Thi	1981	Nữ	Kơ ho	Thôn Đà Hiông, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 15/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1017		K' Đình Hớn	1987	Nam	Kơ ho	Thôn Đà Hiông, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 15/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1018		K' Dέα	1965	Nam	Kơ ho	Thôn Đà Hiông, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 15/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1019		K' Vĩnh	1987	Nam	Kơ ho	Thôn Ka Sá, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1020		K' Yản	1985	Nam	Kơ ho	Thôn Ka Sá, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1021		K' Nhiên	1987	Nam	Kơ ho	Thôn Ka Sá, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1022		Ka Rêu	1969	Nữ	Kơ ho	Thôn Ka Sá, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1023		K' Nát	1957	Nam	Kơ ho	Thôn Ka Sá, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1024		K' Diêm	1975	Nam	Kơ ho	Thôn Bộ Bê, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 17/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1025		K' Nám	1985	Nam	Kơ ho	Thôn Bộ Bê, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 17/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1026	xã Gia Bắc	Ka Thi	1988	Nữ	Kơ ho	Thôn Bộ Bê, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 17/QĐ-UBND ngày 20/02/2023

1027
1028
1029
1030
1031
1032
1033
1034
1035
1036
1037

K' Ngâu	1984	Nam	Kơ ho	Thôn Bộ Bê, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 17/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Yíp	1980	Nam	Kơ ho	Thôn Bộ Bê, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 17/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Diêm	1983	Nam	Kơ ho	Thôn Nao Sẻ, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Tiên	1975	Nam	Kơ ho	Thôn Nao Sẻ, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
Ka Mhiêng	1987	Nữ	Kơ ho	Thôn Nao Sẻ, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Tẻ	1957	Nam	Kơ ho	Thôn Nao Sẻ, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Gềm	1984	Nam	Kơ ho	Thôn Nao Sẻ, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Jét	1990	Nam	Kơ ho	Thôn Hà Giang, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Hoi	1992	Nam	Kơ ho	Thôn Hà Giang, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
Ka Thềm	1988	Nữ	Kơ ho	Thôn Hà Giang, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
K' Yíp	1989	Nam	Kơ ho	Thôn Hà Giang, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 20/02/2023

1038		K' Lam	1959	Nam	Kơ ho	Thôn Hà Giang, xã Gia Bắc	Không	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 20/02/2023
1039		K' Brép	1986	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Pior, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1040		Ka Bé	1991	Nữ	Cơ ho	Thôn Hàng Pior, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1041		K' Brèoh	1955	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Pior, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1042		K' Luận	1991	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Pior, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1043		K' Hội	1986	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Ủng, xã Bảo Thuận	11/12.	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1044		K' Brao	1973	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Ủng, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1045		K' Breo	1993	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Ủng, xã Bảo Thuận	10/12.	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1046		K' Bìoh	1950	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Ủng, xã Bảo Thuận	7/12.	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1047		K' Trung	1989	Nam	Cơ ho	Thôn Hàng Ủng, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1048		K' Bròi	1971	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Tô Krèng, xã Bảo Thuận	10/12.	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 27/02/2022

1049
1050
1051
1052
1053
1054
1055
1056
1057
1058
1059

K' Nhôih	1981	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Tô Krềng, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Brôih	1967	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Tô Krềng, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Ka Dơi	1969	Nữ	Cơ ho	Thôn Kala Tô Krềng, xã Bảo Thuận	5/12.	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Sừ	1984	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Tô Krềng, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Brôi	1960	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Tô Krềng, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Ka Nhem	1981	Nữ	Cơ ho	Thôn Kờ Nệt, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Broi	1990	Nam	Cơ ho	Thôn Kờ Nệt, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Byis	1988	Nam	Cơ ho	Thôn Kờ Nệt, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Ka Dào	1988	Nữ	Cơ ho	Thôn Kờ Nệt, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Mết	1956	Nam	Cơ ho	Thôn Kờ Nệt, xã Bảo Thuận	5/12.	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Hoàng Bá Lâm	1962	Nam	Kinh	Thôn Krọt Dờng, xã Bảo Thuận	7/12.	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 27/02/2022

1060	xã Bảo Thuận	K' Brêoh	1978	Nam	Cơ ho	Thôn Krọt Dờng, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1061		K' Sỷ	1987	Nam	Cơ ho	Thôn Krọt Dờng, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1062		K' Brim	1952	Nam	Cơ ho	Thôn Krọt Dờng, xã Bảo Thuận	5/12.	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1063		K' Bòs	1987	Nam	Cơ ho	Thôn Krọt Dờng, xã Bảo Thuận	7/12.	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1064		Ka Dìn	1986	Nữ	Cơ ho	Thôn Krọt Dờng, xã Bảo Thuận	7/12.	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1065		Ka Trội	1983	Nữ	Cơ ho	Thôn Taly, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1066		Ka Nhes	1981	Nữ	Cơ ho	Thôn Taly, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1067		K' Bệt	1985	Nam	Cơ ho	Thôn Taly, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1068		K' Nhor	1947	Nam	Cơ ho	Thôn Taly, xã Bảo Thuận	4/12.	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1069		Ka Thom	1983	Nữ	Cơ ho	Thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1070		K' Bròi	1975	Nam	Cơ ho	Thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022

1071
1072
1073
1074
1075
1076
1077
1078
1079
1080
1081

K' Tin	1984	Nam	Cơ ho	Thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận	11/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Bril	1971	Nam	Cơ ho	Thôn Trại Phong, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Thái Thị Tĩnh	1961	Nữ	Kinh	Thôn Bảo Thuận, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Nguyễn Văn Tùng	1971	Nam	Kinh	Thôn Bảo Thuận, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Đồng	1979	Nam	Cơ ho	Thôn Bảo Thuận, xã Bảo Thuận	7/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Brui	1981	Nam	Cơ ho	Thôn Bảo Thuận, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Ka Thương	1999	Nữ	Cơ ho	Thôn Bảo Thuận, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Ka Him	1983	Nữ	Cơ ho	Thôn Bơ Sặt, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Siêu	1962	Nam	Cơ ho	Thôn Bơ Sặt, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
K' Brỏih	1972	Nam	Cơ ho	Thôn Bơ Sặt, xã Bảo Thuận	5/12.	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
Ka Hân	1990	Nữ	Cơ ho	Thôn Bơ Sặt, xã Bảo Thuận	11/12.	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/02/2022

1082	K' Suân	1988	Nam	Cơ ho	Thôn Bơ Sút, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1083	K' Brep	1958	Nam	Cơ ho	Thôn Bơ Sút, xã Bảo Thuận	6/12.	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1084	K' Bróp	1964	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Krọt, xã Bảo Thuận	9/12.	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1085	K' Bróp	1971	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Krọt, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1086	Ka Hoa	1994	Nữ	Cơ ho	Thôn Kala Krọt, xã Bảo Thuận	12/12.	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1087	K' Brao	1991	Nam	Cơ ho	Thôn Kala Krọt, xã Bảo Thuận	10/12.	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 27/02/2022
1088	Ông: K' Brôi	1986	nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Liên Đàm		Số 125 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1089	Ông: K' Brôi	1974	nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Liên Đàm		Số 125 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1090	Ông: K' Tại	1965	nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Liên Đàm		Số 125 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1091	Bà: Ka Hà	1982	nữ	Cơ ho	Thôn 1, xã Liên Đàm		Số 125 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1092	Ông: K' Đem	1969	nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Liên Đàm		Số 125 /QĐ-UBND ngày 09/11/2023

1093
1094
1095
1096
1097
1098
1099
1100
1101
1102
1103

Ông: K' Bòs	1970	Nam	Cơ ho	Thôn 2, xã Liên Đàm		Số 126/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K' Nhes	1966	Nam	Cơ ho	Thôn 2, xã Liên Đàm		Số 126/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Ka Doanh	1982	Nữ	Cơ ho	Thôn 2, xã Liên Đàm		Số 126/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K' Môi	1969	Nam	Cơ ho	Thôn 2, xã Liên Đàm		Số 126/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: Hà Văn Thành	1980	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Liên Đàm		Số 127/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: Lưu Tuấn Anh	1977	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Liên Đàm		Số 127/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Phạm Thị Thu Thủy	1976	Nữ	Kinh	Thôn 3, xã Liên Đàm		Số 127/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Hồ Thị Kim Liên	1983	Nữ	Kinh	Thôn 3, xã Liên Đàm		Số 127/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Đoàn Thị Nhị	1980	Nữ	Kinh	Thôn 3, xã Liên Đàm		Số 127/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K' Bái	1978	Nam	Cơ ho	Thôn 4, xã Liên Đàm		Số 128/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K Sáu	1968	Nam	Cơ ho	Thôn 4, xã Liên Đàm		Số 128/QĐ-UBND ngày 09/11/2023

1104	xã Liên Đầm	Ông: K Nhôih	1964	Nam	Cơ ho	Thôn 4, xã Liên Đầm	Số 128/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1105		Ông: K Nhôi	1965	Nam	Cơ ho	Thôn 4, xã Liên Đầm	Số 128/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1106		Bà: Ka Hoa	1989	Nữ	Cơ ho	Thôn 4, xã Liên Đầm	Số 128/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1107		Ông: Dròng Bil	1968	Nam	Cơ ho	Thôn 5, xã Liên Đầm	Số 129/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1108		Ông: K' Lou	1958	Nam	Cơ ho	Thôn 5, xã Liên Đầm	Số 129/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1109		Bà: Ka Thân	1993	Nữ	Cơ ho	Thôn 5, xã Liên Đầm	Số 129/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1110		Ông: K' Đim	1966	Nam	Cơ ho	Thôn 5, xã Liên Đầm	Số 129/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1111		Bà: Phạm Thị Hiền	1981	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Liên Đầm	Số 130/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1112		Ông: Phạm Viết Trí	1958	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Liên Đầm	Số 130/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1113		Ông: Hồ Thanh Xuân	1963	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Liên Đầm	Số 130/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1114		Ông: Trần Mạnh Hùng	1971	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Liên Đầm	Số 130/QĐ-UBND ngày 09/11/2023

1115
1116
1117
1118
1119
1120
1121
1122
1123
1124
1125

Bà: Lê Thị Tùng	1983	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Liên Đàm		Số 130/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: Tống Văn Mạnh	1964	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Liên Đàm		Số 131/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Nguyễn Thị Bình	1981	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Liên Đàm		Số 131/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: Nguyễn Mạnh Phú	1967	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Liên Đàm		Số 131/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: Nguyễn Đức Phước	1983	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Liên Đàm		Số 131/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Đào Thị Hương	1971	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Liên Đàm		Số 131/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K' Bôih	1965	Nam	Cơ ho	Thôn 9, xã Liên Đàm		Số 133/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K' Ngôi	1984	Nam	Cơ ho	Thôn 9, xã Liên Đàm		Số 133/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: K' Brên	1984	Nam	Cơ ho	Thôn 9, xã Liên Đàm		Số 133/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Bà: Nguyễn Thị Niên	1965	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Liên Đàm		Số 133/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
Ông: Nguyễn Trường Sanh	1963	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Liên Đàm		Số 134/QĐ-UBND ngày 09/11/2023

1126	Ông: Trần Văn Năm	1970	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Liên Đàm	Số 134/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1127	Bà: Lê Thị Hồng Hoa	1969	Nữ	Kinh	Thôn 10, xã Liên Đàm	Số 134/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1128	Ông: Lưu Quý Độ	1963	Nam	Kinh	Thôn Nông Trường, xã Liên Đàm	Số 135/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1129	Ông: Nguyễn Văn Hùng	1960	Nam	Kinh	Thôn Nông Trường, xã Liên Đàm	Số 135/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1130	Ông: Phan Văn Quế	1968	Nam	Kinh	Thôn Nông Trường, xã Liên Đàm	Số 135/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1131	Ông: Phạm Tài Tạo	1969	Nam	Kinh	Thôn Nông Trường, xã Liên Đàm	Số 135/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1132	Bà: Huỳnh Thị Mỹ Xuân	1977	Nữ	Kinh	Thôn Nông Trường, xã Liên Đàm	Số 135/QĐ-UBND ngày 09/11/2023
1133	K' Bôi	1963	Nam	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1134	K' Đẹt	1970	Nam	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1135	K' Điếp	1969	Nữ	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1136	Trần Văn Hòa	1963	Nam	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1137	K' Giúh	1960	Nam	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1138	Da Cha Vũ Bảo	1968	Nam	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1139	H' Ai	1969	Nam	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1140	Ka Hánh	1977	Nữ	Kinh	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1141	Ka Hem	1993	nữ	cơ ho	Đồng Đò, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1142	Nguyễn Thị Luyên	1968	nữ	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1143	Bùi Gia Thịnh	1974	nam	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1144	Cao Thị Hiền	1982	nữ	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1145	Lương Thị Liên	1956	nữ	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1146	Nguyễn Sỹ Ngọc Sơn	1995	nam	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1147	Đinh Gia Hoàng	1958	nam	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1148	Hoàng Minh Hiếu	1987	nam	Kinh	Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 104/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1149	Trần Thị Minh	1958	nữ	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1150	Phạm Dương Phú	1950	nam	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1151	Phạm Công Điền	1958	nam	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1152	Lê Xuân Quang	1952	nam	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1153	Điêu Triều Phùng	1988	nữ	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1154	Nguyễn Thị Huệ	1978	nữ	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1155	Phạm Văn Trà	1959	nam	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1156	Vũ Thị Chín	1994	nữ	Kinh	Gia Bắc 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1157	Hà Mạnh Phong	1952	nam	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1158	Trần Văn Quế	1960	nam	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1159	Nguyễn Văn Khánh	1958	nam	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1160	Lê Sỹ Ba	1980	nam	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1161	Bùi Quốc Ngọc	1955	nam	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1162	ngô Xuân Niệm	1966	nam	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1163	Nguyễn Thị Mai	1986	nữ	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1164	Vũ Thị Hiền	1966	nữ	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1165	Nguyễn Thị Hương	1999	nữ	Kinh	Lộc Châu 2, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 103/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1166	Nguyễn Văn Lương	1950	nam	Kinh	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1167	K' Yim	1989	nam	Cơ Ho	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1168	Nguyễn Ngọc Phán	1963	nam	Kinh	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1169	Ka Sêu	1988	nữ	Cơ ho	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1170	xã Tân Nghĩa	K' B rọ	1959	nam	Cơ ho	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1171		k' Nhốp	1950	nam	Cơ ho	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1172		k' Chả	1964	nam	Cơ ho	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1173		Nguyễn Đình Sản	1971	nam	Kinh	K' B rạ, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1174		Nguyễn Thị Ngát	1968	nữ	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1175		Đỗ Tiến Ba	1967	nữ	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1176		Phạm thị Nhuận	1976	nữ	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1177		Phạm Văn Diệu	1955	nam	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1178		Phạm Văn Vinh	1962	nam	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1179		Phạm Bá Nguyên	1995	nam	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1180		Trần Đăng Bằng	1979	nam	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1181	Đỗ Thị Liễu	1979	nữ	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1182	Đào Văn Tuyển	1968	nam	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1183	Phạm Xuân Khiêm	1968	nam	Kinh	Lộc Châu 4, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 105/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1184	Lê Xuân Mạnh	1970	nam	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1185	Phan Thị Thơm	1987	nữ	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1186	Nguyễn Thị Xuân Hương	1987	nữ	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1187	Võ Ngọc Dung	1990	nam	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2025
1188	Nguyễn Văn Thỏ	1995	nam	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1189	Nguyễn Thị Báo	1958	nữ	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1190	Dương Văn Minh	1956	nam	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1191	Phạm Cường	1962	nam	Kinh	Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 101/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1192
1193
1194
1195
1196
1197
1198
1199
1200
1201
1202

Nguyễn Văn Dục	1967	nam	Kinh	Đồng Lạc, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Lê Thị Ngoan	1962	nữ	Kinh	Đồng Lạc, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Trần Thị Ánh Mai	1966	nữ	Kinh	Đồng Lạc, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Bùi Văn Ty	1968	nam	Kinh	Đồng Lạc, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Đinh Văn Sỏi	1942	nam	Kinh	Đồng Lạc, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Nguyễn Trung Thành	1962	nam	Kinh	Đồng Lạc, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
K' B riệu	1963	nam	Nộp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
K' Đôi	1968	nam	Nộp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Bùi Gia Rích	1949	nam	Kinh	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
K' Lik	1952	nam	Nộp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Ka Song	1963	nữ	Nộp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1203
1204
1205
1206
1207
1208
1209
1210
1211
1212
1213

Lộc Minh Thọ	1987	nam	Hoa	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
K' Ôl	1949	nam	Nốp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
ka Bìn	1985	nữ	Nốp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
K' Yên	1945	nam	Nốp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Ka Du Hiên	1995	nữ	Nốp	Gia Bắc 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Bùi Trung Đảng	1959	nam	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Lê Văn Tuệ	1972	nam	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Nguyễn Huy Hường	1957	nam	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Bùi Đăng Vui	1949	nam	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Nguyễn Thị Như	1966	nữ	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 102/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
Đỗ Thị Lê	1962	nữ	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022

1214		Nguyễn Văn Thương	1981	nam	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa		Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1215		Ngô Quang Thường	1962	nam	Kinh	Lộc Châu 1, xã Tân Nghĩa		Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 20/5/2022
1216		K' Binh	1976	Nam	Cơ Ho	Thôn 1, xã Tân Lâm	7/12	Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1217		K' Thạch	1987	Nam	Cơ Ho	Thôn 1, xã Tân Lâm	8/12	Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1218		Ka Thiên	1989	Nữ	Cơ Ho	Thôn 1, xã Tân Lâm	11/12	Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1219		Thái Trung Diêu	1958	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Tân Lâm	7/12	Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1220		K' Bese	1969	Nam	Cơ Ho	Thôn 1, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1221		K' Krê	1955	Nam	Cơ Ho	Thôn 1, xã Tân Lâm	8/12	Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1222		K' Brêm	1965	Nam	Cơ Ho	Thôn 2, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1223		K' Nim	1970	Nam	Cơ Ho	Thôn 2, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1224		Nguyễn Văn Tuyền	1985	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

1225	Vũ Thị Tươi	1969	Nữ	Kinh	Thôn 2, xã Tân Lâm	9/10	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1226	Trần Văn Cương	1978	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1227	Lê Văn Nghĩa	1968	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Tân Lâm	6/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1228	K' Bôi	1980	Nam	Cơ Ho	Thôn 2, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1229	Điệp Văn Hanh	1983	Nam	Sán Dìu	Thôn 2, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1230	Nguyễn Văn Hương	1960	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1231	Dư Thế Quang	1982	Nam	Sán Dìu	Thôn 3, xã Tân Lâm	Đại học vật lý	Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1232	Nguyễn Văn Thái	1959	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Tân Lâm	5/10	Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1233	Bùi Mạnh Cường	1978	Nam	Kinh	Thôn 3, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1234	Bùi Thị Thúy	1990	Nữ	Kinh	Thôn 3, xã Tân Lâm	10/12	Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1235	K' Ngôi	1975	Nam	Cơ Ho	Thôn 4, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

1236		K' Tôi	1975	Nam	Cơ Ho	Thôn 4, xã Tân Lâm	7/12	Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1237		Lê Văn Lỗi	1954	Nam	Kinh	Thôn 4, xã Tân Lâm	10/10	Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1238		Đặng Thị Kim Liên	1968	Nữ	Kinh	Thôn 4, xã Tân Lâm	5/12	Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1239		Lê Đức Chính	1945	Nam	Kinh	Thôn 4, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1240		Lưu Văn Trung	1971	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Tân Lâm	Sơ cấp NN	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1241		Lê Xuân Khí	1962	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1242		Lưu Thế Thiên	1969	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1243		Nguyễn Văn Tý	1960	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1244		Trương Thị Thúy	1973	Nữ	Kinh	Thôn 5, xã Tân Lâm	9/12	Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1245		Trần Đình Hiền	1968	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Tân Lâm	10/10	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1246	xã Tân Lâm	Đỗ Thanh Xuân	1970	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Tân Lâm	10/10	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

1247	Vũ Văn Sánh	1978	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1248	Trần Ngọc	1973	Nam	Kinh	Thôn 6, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1249	Đỗ Thị Nhung	1965	Nữ	Kinh	Thôn 6, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1250	Trương Thị Nhu	1950	Nữ	Kinh	Thôn 6, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1251	Bùi Văn Thắng	1966	Nam	Mường	Thôn 7, xã Tân Lâm	10/10	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1252	Bùi Trùng Dương	1962	Nam	Mường	Thôn 7, xã Tân Lâm	10/10	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1253	Bùi Thị Phú	1972	Nữ	Mường	Thôn 7, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1254	Bùi Thị Nguyên	1974	Nữ	Mường	Thôn 7, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1255	Quách Văn Khuyên	1964	Nữ	Mường	Thôn 7, xã Tân Lâm	10/10	Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1256	Nguyễn Minh Hải	1968	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1257	Phạm Xuân Luân	1960	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

1258
1259
1260
1261
1262
1263
1264
1265
1266
1267
1268

Trần Đình Hậu	1966	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Vũ Thị Diệu	1960	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Cao Thị Bích Ngọc	1968	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Phạm Văn Viết	1969	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Hoàng Trung Kiên	1991	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Đoàn Ngọc Vương	1966	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Tân Lâm	10/12	Quyết định số: 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Phạm Văn Hùng	1956	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Lê Đức Dũng	1971	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Lâm	12/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Vũ Mạnh Phong	1967	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Nguyễn Đắc Viêm	1962	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
Nguyễn Xuân Nam	1979	Nam	Kinh	Thôn 9, xã Tân Lâm	8/10	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

1269	Phạm Thị Kính	1981	Nữ	Kinh	Thôn 9, xã Tân Lâm	6/12	Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1270	Phạm Văn Minh	1952	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	9/10	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1271	Nguyễn Văn Hanh	1976	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	7/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1272	Nguyễn Tiến Lực	1971	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	6/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1273	Phạm Thị Nữ	1953	Nữ	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	7/10	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1274	Lê Văn Thông	1967	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	5/10	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1275	Trần Thị Mơ	1985	Nữ	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	7/12	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1276	Nguyễn Văn Tín	1972	Nam	Kinh	Thôn 10, xã Tân Lâm	5/10	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
1277	Nguyễn Lương Mạnh	1959	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bố	Sơ cấp	Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
1278	Bùi Trí Lực	1963	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bố	Sơ cấp	Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
1279	Phạm Thị Tươi	1957	Nữ	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bố		Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021

1280
1281
1282
1283
1284
1285
1286
1287
1288
1289
1290

Ngô Thị Vân	1957	Nữ	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ	Trung cấp	Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Nguyễn Duy Trinh	1972	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ		Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Nguyễn Hoài Nam	1982	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ		Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Bùi Ngọc Tuấn Anh	1990	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ		Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Lê Tuấn Khoa	1993	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ	Cao đẳng	Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Trần Thị Hương	1958	Nữ	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ		Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Bùi Minh Sơn	1982	Nam	Kinh	Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ		Quyết định số: 20/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
Mạc Văn Khả	1963	Nam	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ	Đại học	Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
Lâm Thanh Huệ	1959	Nam	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ		Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
Nguyễn Đức Dân	1975	Nam	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ		Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
Nguyễn Thị Thắm	1959	Nữ	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ		Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019

1291	Xã Tam Bồ	Trần Thị Hạnh	1972	Nữ	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ	Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
1292		Nguyễn Trí Thức	1974	Nam	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ	Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
1293		Huỳnh Văn Đức	1956	Nam	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ	Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
1294		Nguyễn Văn Cường	1988	Nam	Kinh	Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ	Quyết định số: 76/QĐ-UBND ngày 16/07/2019
1295		K' Tuyên	1978	Nam	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 22/04/2019
1296		Ka Huệ	1989	Nữ	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 22/04/2019
1297		K' Điệp	1957	Nam	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 22/04/2019
1298		K' Lem	1957	Nam	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 22/04/2019
1299		K' Bin	1961	Nam	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 38/QĐ-UBND ngày 22/04/2019
1300		Ka Tuys	1989	Nữ	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 22/01/2021
1301		K' Brêl	1978	Nam	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ	Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 22/01/2021

1302		K' Y'eoh	1930	Nam	Cơ ho	thôn 4, xã Tam Bồ		Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 22/01/2021
1303		Ya Sui	1976	Nam	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1304		K' Hào	1941	Nam	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1305		Ka Dộp	1987	Nữ	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1306		Ka Hiệp	1988	Nữ	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1307		Ka Hành	1990	Nữ	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1308		Ka Dôm	1983	Nữ	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1309		Ya Tẹo	1967	Nam	Cơ ho	thôn 5, xã Tam Bồ		Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
1310		Vũ Bá Tiến	1954	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Tân Thượng	Trung cấp cơ khí	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024
1311		K' Brêm	1962	Nam	Kơ ho	Thôn 1, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024
1312		Ka Trang	1990	Nam	Kơ ho	Thôn 1, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024

1313
1314
1315
1316
1317
1318
1319
1320
1321
1322
1323

K' Cạ	1950	Nữ	Kơ ho	Thôn 1, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024
K' Đều	1976	Nam	Kơ ho	Thôn 1, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024
K' Giũh	1952	Nam	Kơ ho	Thôn 1, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024
K'Vương	1989	Nam	Kơ ho	Thôn 1, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 34/QĐ-UBND ngày 03/04/2024
K' Bềuh	1957	Nam	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Trung cấp kế toán	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
K' Jèo	1972	Nam	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
K' Sang	1945	Nam	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
K' Sòn	1977	Nam	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
K' Tép	1963	Nam	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
K' Bêh	1957	Nam	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
Ka Ân	1987	Nữ	Kơ ho	Thôn 2, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 26/03/2024

1324	xã Tân Thượng	K' Nếp	1968	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1325		K' Krôi	1983	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1326		K' Brèng	1977	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1327		Ka Ấm	1999	Nữ	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1328		K' Brế	1968	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1329		K' Pun	1957	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1330		K' Brốp	1983	Nam	Kơ ho	Thôn 3, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 40/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1331		Đỗ Văn Liên	1967	Nam	Kinh	Thôn 4, xã Tân Thượng	Trung cấp	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1332		K' Lép	1968	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1333		Trần Văn Thành	1958	Nam	Kinh	Thôn 4, xã Tân Thượng	Cao đẳng sư phạm	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1334		Ka Trối	1988	Nữ	Kơ ho	Thôn 4, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024

1335	K' Teng	1958	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1336	K' Jréo	1956	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1337	K' Kiềm	1977	Nam	Kơ ho	Thôn 4, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1338	Nguyễn Văn Lệ	1957	Nam	Kinh	Thôn 4, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1339	Phạm Duy Thới	1958	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1340	Đoàn Văn Trọng	1983	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1341	Nguyễn Hữu Hiệp	1990	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1342	Nguyễn Hữu Hạnh	1960	Nam	Kinh	Thôn 11, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1343	Nguyễn Thị Vi	1959	Nữ	Kinh	Thôn 11, xã Tân Thượng	Không	Quyết định số: 42/QĐ-UBND ngày 26/03/2024
1344	Nguyễn Thị Đào	1971		Kinh	Thôn Tân Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 01/4/2024
1345	Đỗ Thị Hồng	1973		Kinh	Thôn Tân Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 01/4/2024

1346
1347
1348
1349
1350
1351
1352
1353
1354
1355
1356

Chu Văn Kiều	1962		Kinh	Thôn Tân Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 01/4/2024
Trần Khắc Tâm	1973		Kinh	Thôn Tân Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 01/4/2024
Nguyễn Thị Bảy	1974		Kinh	Thôn Tân Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số: 39/QĐ-UBND ngày 01/4/2024
Ngô Thị Mím	1964		Kinh	Thôn Tân Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Văn Năm	1966		Kinh	Thôn Tân Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Phạm Thị Hà	1969		Kinh	Thôn Tân Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Thị Vân	1968		Kinh	Thôn Tân Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Trần Phong Cảnh	1955		Kinh	Thôn Tân Lạc 3, xã Đình Lạc		Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 29/11/2023
Đỗ Văn Huy	1964		Kinh	Thôn Tân Lạc 3, xã Đình Lạc		Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 29/11/2023
La Văn Trung	1960		Kinh	Thôn Tân Lạc 3, xã Đình Lạc	Trung cấp	Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 29/11/2023
Trịnh Thị Lành	1960		Kinh	Thôn Tân Lạc 3, xã Đình Lạc		Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 29/11/2023

1357
1358
1359
1360
1361
1362
1363
1364
1365
1366
1367

Khúc Thị Mơ	1965		Kinh	Thôn Tân Lạc 3, xã Đình Lạc		Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 29/11/2023
Đoàn Văn Học	1964		Kinh	Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Đặng Đức Thành	1958		Kinh	Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Phan Thị Hạnh	1982		Kinh	Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Phạm Thu Hồng	1978		Kinh	Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Thị Túc	1956		Kinh	Thôn Đồng Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Viết Trinh	1965		Kinh	Thôn Đồng Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Vũ Quang Hiệu	1965		Kinh	Thôn Đồng Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Thị Thắm	1966		Kinh	Thôn Đồng Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Đỗ Thị Kim Ngân	1972		Kinh	Thôn Đồng Lạc 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Tiến Dũng	1957		Kinh	Thôn Đồng Lạc 3, xã Đình Lạc		Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 15/4/2024

1368	xã Đinh Lạc	Nguyễn Đức Lượng	1966		Kinh	Thôn Đồng Lạc 3, xã Đinh Lạc	Trung cấp	Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1369		Nguyễn Văn Hùng	1962		Kinh	Thôn Đồng Lạc 3, xã Đinh Lạc		Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1370		Nguyễn Văn Cường	1960		Kinh	Thôn Đồng Lạc 3, xã Đinh Lạc		Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1371		Lê Thị Loan	1972		Kinh	Thôn Đồng Lạc 3, xã Đinh Lạc		Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1372		Nguyễn Đình Vân	1976		Kinh	Thôn Đồng Lạc 4, xã Đinh Lạc		Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1373		Lê Văn Trịnh	1967		Kinh	Thôn Đồng Lạc 4, xã Đinh Lạc		Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1374		Vũ Xuân Nhân	1954		Kinh	Thôn Đồng Lạc 4, xã Đinh Lạc		Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1375		Bùi Thị Lai	1968		Kinh	Thôn Đồng Lạc 4, xã Đinh Lạc		Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1376		Nguyễn Thị Đức	1958		Kinh	Thôn Đồng Lạc 4, xã Đinh Lạc		Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1377		Nguyễn Ngọc Lưu	1982		Kinh	Thôn Tân Phú 1, xã Đinh Lạc		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1378		Trần Văn Thế	1967		Kinh	Thôn Tân Phú 1, xã Đinh Lạc		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 15/4/2024

1379
1380
1381
1382
1383
1384
1385
1386
1387
1388
1389

Vũ Thị Hải Anh	1969		Kinh	Thôn Tân Phú 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Trần Văn Hậu	1963		Kinh	Thôn Tân Phú 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Trần Văn Hiên	1973		Kinh	Thôn Tân Phú 1, xã Đình Lạc		Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Vũ Văn Đoàn	1980		Kinh	Thôn Tân Phú 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Hoàng Văn Hải	1970		Kinh	Thôn Tân Phú 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Trần Minh Hoàng	1957		Kinh	Thôn Tân Phú 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Thị Hoa	1966		Kinh	Thôn Tân Phú 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
Nguyễn Văn Học	1953		Kinh	Thôn Tân Phú 2, xã Đình Lạc		Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
K' Liêu	1955		Cơ ho	Thôn Duệ, xã Đình Lạc		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
K' Tiểu	1952		Cơ ho	Thôn Duệ, xã Đình Lạc		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
K' Tin	1957		Cơ ho	Thôn Duệ, xã Đình Lạc		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/4/2024

1390		Ka Thuynh	1991		Cơ ho	Thôn Duệ, xã Đình Lạc		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1391		K' Brêp	1968		Cơ ho	Thôn Duệ, xã Đình Lạc		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1392		K' Jôs	1957		Cơ ho	Thôn Duệ, xã Đình Lạc		Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
1393		K' Êm	1968		Cơ ho	Thôn Kao Kuil, xã Đình Lạc		Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 06/12/2023
1394		K' Bril	1983		Cơ ho	Thôn Kao Kuil, xã Đình Lạc		Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 06/12/2023
1395		K' Brêoh	1955		Cơ ho	Thôn Kao Kuil, xã Đình Lạc		Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 06/12/2023
1396		Ka Nguyệt	1997		Cơ ho	Thôn Kao Kuil, xã Đình Lạc		Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 06/12/2023
1397		K' Chăm	1945		Cơ ho	Thôn Kao Kuil, xã Đình Lạc		Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 06/12/2023
1398		K' Brin	1982		Cơ ho	Thôn Kao Kuil, xã Đình Lạc		Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 06/12/2023
1399		Vũ Thị Mai Hoa	1971	Nữ	kinh	Thôn 1, xã Hoà Trung		Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1400		Tô Ánh Hồng	1967	Nam	kinh	Thôn 1, xã Hoà Trung		Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/04/2024

1401
1402
1403
1404
1405
1406
1407
1408
1409
1410
1411

Vũ Thế Hải	1980	Nam	kinh	Thôn 1, xã Hoà Trung	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Vũ Đình Kết	1961	Nam	kinh	Thôn 1, xã Hoà Trung	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Nguyễn Thị Xuân	1970	Nữ	kinh	Thôn 1, xã Hoà Trung	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Vũ Thị Lý	1964	Nữ	kinh	Thôn 1, xã Hoà Trung	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Nguyễn Văn Thoát	1978	Nam	kinh	Thôn 2, xã Hoà Trung	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Trịnh Văn Dũng	1960	Nam	kinh	Thôn 2, xã Hoà Trung	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Phạm Xuân Vinh	1973	Nam	kinh	Thôn 2, xã Hoà Trung	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Trần Thị Thơm	1960	Nữ	kinh	Thôn 2, xã Hoà Trung	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Nguyễn Văn Thái	1958	Nam	kinh	Thôn 2, xã Hoà Trung	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Lê Thanh Hà	1957	Nam	kinh	Thôn 2, xã Hoà Trung	Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
Phạm Quang Viên	1967	Nam	kinh	Thôn 3, xã Hoà Trung	Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/04/2024

1412	xã Hoà Trung	Nguyễn Hồng Lâm	1978	Nam	kinh	thôn 3, xã Hoà Trung	Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1413		Bùi Thị Vóc	1960	nữ	kinh	thôn 3, xã Hoà Trung	Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1414		Vũ Thế Tâm	1968	Nam	kinh	thôn 3, xã Hoà Trung	Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1415		Phạm Văn Cân	1959	Nam	kinh	thôn 3, xã Hoà Trung	Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1416		Phạm Minh Thề	1964	Nam	kinh	thôn 3, xã Hoà Trung	Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1417		Dương Tuấn Đạt	1985	Nam	kinh	thôn 4, xã Hoà Trung	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1418		Nguyễn Thị Thảo	1978	nữ	kinh	Thôn 4, xã Hoà Trung	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1419		Bùi Xuân Điềm	1967	Nam	kinh	thôn 4, xã Hoà Trung	Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1420		Nguyễn Ngọc Huỳnh	1959	Nam	kinh	thôn 5, xã Hoà Trung	Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1421		Trần Thị Loan	1966	nữ	kinh	thôn 5, xã Hoà Trung	Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1422		Hoàng Văn Doan	1966	Nam	kinh	thôn 5, xã Hoà Trung	Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/04/2024

1423		Hoàng Đức Chiến	1988	Nam	kinh	thôn 5, xã Hoà Trung		Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1424		Trần Thị Thanh Mỹ	1978	nữ	kinh	thôn 5, xã Hoà Trung		Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1425		Vũ Văn Phương	1990	Nam	kinh	thôn 5, xã Hoà Trung		Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/04/2024
1426		K' Bóp	1957	Nam	Kơ ho	Thôn Klong Trao 1, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 97/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1427		K' Brèm	1968	Nam	Kơ ho	Thôn Klong Trao 1, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 97/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1428		Tam Bộ Thơ	1988	Nữ	Kơ ho	Thôn Klong Trao 1, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 97/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1429		K' Byie	1969	Nam	Kơ ho	Thôn Klong Trao 1, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 97/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1430		Dương Thị Năm	1960	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Trung cấp Kế toán	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1431		Nguyễn Thị Thủy	1977	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1432		Đoàn Ngọc Tĩnh	1960	Nam	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Trung cấp Kế toán	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1433		Huỳnh Thị Thu Vân	1959	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Trung cấp Kế toán	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022

1434
1435
1436
1437
1438
1439
1440
1441
1442
1443
1444

Nguyễn Thị Hồng My	1959	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Lê Thị Quỳnh	1983	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Phạm ngọc Lan	1977	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Hoàng Chí Thanh	1962	Nữ	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Đặng văn Út	1955	Nam	Kinh	Thôn Klong Trao 2, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 98/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Lương Thị Hôn	1970	Nữ	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Đoàn Thị Kim Hồng	1963	Nữ	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Trung cấp công nghệ thuật phẩm	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Trần Thị Lệ	1966	Nữ	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Trần Đình Thom	1963	Nam	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Đỗ Việt Hùng	1963	Nam	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
Hoàng Thị Nền	1972	Nữ	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022

1445	xã Gung Ré	Nguyễn Văn Quang	1984	Nam	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1446		Trương Thị Liên	1968	Nữ	Kinh	Thôn Đăng Rách, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 99/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1447		Ka Ngọc	1992	Nữ	Kơ ho	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1448		Phạm Ngọc Thủy	1953	Nam	Kinh	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1449		Lê Thanh Sơn	1966	Nam	Kinh	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1450		Bùi Văn Thanh	1959	Nam	Kinh	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1451		Touneh Lin Đa	1974	Nữ	Kơ ho	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1452		Bùi văn Bảy	1974	Nam	Kinh	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1453		K' Đảo	1984	Nam	Kơ ho	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1454		K' Đơn	1973	Nam	Kơ ho	Thôn Lăng Kú, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 100/QĐ-UBND ngày 11/3/2022
1455		Li Ang Rai Khánh	1981	Nam	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023

1456	K' Brêu (Leo)	1983	Nam	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1457	Ka Thờm	1986	Nữ	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1458	Ka Thim	1987	Nữ	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1459	K' Bruì	2002	Nam	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1460	K' Wên	1964	Nam	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1461	Ka Nơn	1984	Nữ	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1462	K' Khéo	1954	Nam	Kơ ho	Thôn Hàng Làng, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1463	Ngô Bá Tới	1979	Nam	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1464	Đỗ Trọng Ái	1965	Nam	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Trung cấp y tế	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1465	Trần Thị Sợi	1975	Nữ	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1466	Phạm Văn Hỷ	1959	Nam	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023

1467		Nguy Thị Quỳnh	1981	Nữ	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Trung cấp Điều dưỡng	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1468		Vũ Văn Đáng	1970	Nam	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1469		Nguyễn Văn bình	1980	Nam	Kinh	Thôn Hàng Hải, xã Gung Ré	Không	Quyết định số: 111/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
1470		Nguyễn Văn Hiền	1975	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định 73/ QĐ-UBND ngày 29/5/ 2020
1471		Trần Trung Giang	1959	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Gia Hiệp	7/10	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1472		Hoàng Thanh Hạ	1980	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định số 36 / QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1473		Vũ Mạnh Hà	1979	Nam	Kinh	Thôn 8, xã Gia Hiệp	10/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1474		Trần Thị Vy	1955	Nữ	Kinh	Thôn 8, xã Gia Hiệp	7/10	Quyết định số 36 / QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1475		Mai Văn Chát	1964	Nam	Kinh	Gia Lành, xã Gia Hiệp	9/10	Quyết định số 41/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1476		Lê Văn Phê	1963	Nam	Kinh	Gia Lành, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1477		Nguyễn Thị Lâm	1976	Nữ	Kinh	Gia Lành, xã Gia Hiệp		Quyết định số 41 / QĐ- UBND ngày 02/5/2019

1478
1479
1480
1481
1482
1483
1484
1485
1486
1487
1488

Cao Trường Sơn	1983	Nam	Kinh	Gia Lành, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
Văn Hoài Ngọc	1968	Nam	Kinh	Gia Lành, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
Lương Đình Vận	1959	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Gia Hiệp	9/10	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 03/8/2020
Trần Tiến Triển	1959	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Gia Hiệp	Sơ cấp	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 03/8/2020
Nguyễn Hữu Triều	1954	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Gia Hiệp	Sơ cấp CT	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 03/8/2020
Võ Thị Dương	1963	Nữ	Kinh	Thôn 5, xã Gia Hiệp	7/10	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 03/8/2020
Nguyễn Văn Thông	1963	Nam	Kinh	Thôn 5, xã Gia Hiệp	6/12	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 03/8/2020
Trần Trọng Nghĩa	1961	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Gia Hiệp	6/10	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
Lưu Văn Thiện	1966	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 02/5/2019
Lê Đình Hiên	1958	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Gia Hiệp	8/12	Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 02/5/2019
Vũ Quang Vy	1950	Nam	Kinh	Thôn 7, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024

1489	xã Gia Hiệp	Bùi Thị Hằng	1979	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1490		Bùi Thị Như	1955	Nữ	Kinh	Thôn 7, xã Gia Hiệp	6/10	Quyết định 38/QĐ-UBND ngày 02/5/2019
1491		K' Krèm	1986	Nam	Cơ ho	Thôn 3, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định số 130 / QĐ ngày 31/8/2020
1492		K' Brăh	1979	Nam	Cơ ho	Thôn 3, xã Gia Hiệp	8/12	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 02/5/2019
1493		Ka Hồng	1981	Nữ	Cơ ho	Thôn 3, xã Gia Hiệp	7/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1494		K' Linh	1975	Nam	Cơ ho	Thôn 3, xã Gia Hiệp	5/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1495		K' Brệt	1955	Nam	Cơ ho	Thôn 3, xã Gia Hiệp	5/10	Quyết định số 43/QĐ - UBND ngày 02/5/2019
1496		Trần Hùng	1965	Nam	Kinh	Thôn 2, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định số 129 /QĐ- UBND Ngày 31/8/2020
1497		Vũ Thị Thoán	1970	Nữ	Kinh	Thôn 2, xã Gia Hiệp	8/12	Quyết định số 40 /QĐ-UBND ngày 02/5/2019
1498		Ka Nghiễm	1988	Nữ	Cơ ho	Thôn 2, xã Gia Hiệp	Cao đẳng	Quyết định số 10 / QĐ- UBND ngày 17/01/2024
1499		K' Nhàn	1994	Nam	Cơ ho	Thôn 2, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định số 40 /QĐ-UBND ngày 02/5/2019

1500	K' Bít	1958	Nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Gia Hiệp	Sơ LLCCT	Quyết định số 43/QĐ - UBND ngày 02/5/2019
1501	K' Nôs	1968	Nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Gia Hiệp	5/12	Quyết định số 43/QĐ - UBND ngày 02/5/2019
1502	K' Brói	1996	Nam	Cơ ho	Thôn 1, xã Gia Hiệp	10/12	Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1503	Nguyễn Thị Thu Hằng	1975	Nữ	Kinh	Thôn 1, xã Gia Hiệp	11/12	Quyết định số 43/QĐ - UBND ngày 02/5/2019
1504	Đỗ Duy Hà	1963	Nam	Kinh	Thôn 1, xã Gia Hiệp		Quyết định 08/QĐ-UBND ngày 17/01/2024
1505	Phạm Xuân Hạnh	1977	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 2, xã Gia Hiệp	10/12	Quyết định 115/ QĐ-UBND ngày 03/8/2020
1506	Lê Trung Bình	1954	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 2, xã Gia Hiệp	11/12	Quyết định số 116 /QĐ- UBND ngày 04/8/2020
1507	Phạm Ngọc Chung	1974	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 2, xã Gia Hiệp	Sơ cấp	Quyết định số 46 / QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1508	Trương Thị Quế	1955	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 2, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định số 46 / QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1509	Trần Thị Hoa	1966	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hiệp 1, xã Gia Hiệp	9/10	Quyết định số 39/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1510	Nguyễn Đức Khiêm	1976	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 1, xã Gia Hiệp	8/12	Quyết định số 39/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019

1511			Bùi Văn Nam	1992	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 1, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định số 08 / QĐ- UBND ngày 17/01/2024
1512			Bùi Xuân Điều	1964	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 1, xã Gia Hiệp	9/12	Quyết định số 39/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1513			Nguyễn Hữu Lành	1968	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 1, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định số 08 / QĐ- UBND ngày 17/01/2024
1514			Đoàn Văn Trường	1938	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 3, xã Gia Hiệp	8/12	Quyết định số 44/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1515			Nguyễn Tiến Thúc	1989	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 3, xã Gia Hiệp	Trung cấp	Quyết định số 128 / QĐ- UBND ngày 31/8/2020
1516			Nguyễn Thế Hiển	1972	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 3, xã Gia Hiệp	12/12	Quyết định số 44/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1517			Nguyễn Thị Sen	1969	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 3, xã Gia Hiệp	7/12	Quyết định số 128 / QĐ- UBND ngày 31/8/2020
1518			Nguyễn Văn Hân	1977	Nam	Kinh	Thôn Phú Hiệp 3, xã Gia Hiệp	10/12	Quyết định số 44/ QĐ- UBND ngày 02/5/2019
1519	Huyện Đơn Dương	Xã Ka Đơn	Nguyễn Văn Chính		Nam	Kinh	Krăng 2		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1520			Trần Thị Bích Vân		Nữ	Kinh	Krăng 2		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn

1521	Nguyễn Thị Hiên		Nữ	Kinh	Krăng 2		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1522	Trịnh Đạt		Nữ	Kinh	Krăng 2		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1523	Trần Văn Thanh		Nam	Kinh	Krăng 2		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1524	Ka Lô		Nữ	K'ho	Ka Đê		08/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1525	Ya Ni		Nam	K'ho	Ka Đê		08/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1526	Ma Huyền		Nữ	K'ho	Ka Đê		08/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1527	Bơ Jum Khuê		NỮ	Cill	Ka Đê		08/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1528	Trần Văn Hai		Nam	Kinh	Ka Đê		08/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn

1529
1530
1531
1532
1533
1534
1535
1536

Ya Bai		Nam	K'ho	Ka Đơn		09/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Lộc Văn Bình		Nam	Kinh	Ka Đơn		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ka Nhiên		Nam	Kinh	Ka Đơn		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ka Minh Tứ		Nam	Kinh	Ka Đơn		07/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ma Đoàn		Nữ	K'ho	Ka Rái 1		08/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ya Vĩa		Nam	K'ho	Ka Rái 1		10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ma Theng		Nữ	K'ho	Ka Rái 1		10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Chru Lê Nai Hao		Nữ	Cill	Ka Rái 1		10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn

1537
1538
1539
1540
1541
1542
1543
1544

Ya Phôi		Nam	K'ho	Ka Rái 1		10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Trần Thiện Nhi		Nam	Kinh	Sao Mai		11/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Lê Tấn Dũng		Nam	Kinh	Sao Mai		11/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Hiệp Thị Kim Nguyệt		Nữ	Kinh	Sao Mai		11/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ngô Minh Tuấn		Nam	Kinh	Sao Mai		11/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Phạm Ngọc Mẫn		Nam	Kinh	Sao Mai		11/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Bơ Nah Ría Bui Loan		Nữ	Cill	Krăngchớ		12/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Bơ Jum Trang Liên		Nữ	Cill	Krăngchớ		12/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn

1545
1546
1547
1548
1549
1550
1551
1552

Tou Prong Nai Giao		Nữ	Cill	Krăngchó		12/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ya Tuềng		Nam	K'ho	Krăngchó		12/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ya Thiên A		Nam	K'ho	Krăngchó		12/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Trần Văn Long		Nam	Kinh	Nghĩa Lộc		13/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Nguyễn Hữu Hùng		Nam	Kinh	Nghĩa Lộc		13/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Nguyễn Thị Kim Phương		Nữ	Kinh	Nghĩa Lộc		13/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Lê Văn Sắc		Nam	Kinh	Nghĩa Lộc		13/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Thái Đình Trúc		Nam	Kinh	Nghĩa Lộc		13/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn

1553
1554
1555
1556
1557
1558
1559
1560

Mai Thị Ngọc Hương		Nữ	Kinh	Hòa Lạc		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Lê Long		Nam	Kinh	Hòa Lạc		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Nguyễn Thị Thu		Nữ	Kinh	Hòa Lạc		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Kiều Đình Bút		Nam	Kinh	Hòa Lạc		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Nguyễn Thanh Tuấn		Nam	Kinh	Hòa Lạc		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Trần Thế Hùng		Nam	Kinh	Ka Rái 2		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Ka Gương		Nam	Kinh	Ka Rái 2		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
Rô Tơ		Nữ	K'ho	Ka Rái 2		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn

1561		Ka Minh Phuong		Nam	K'ho	Ka Rái 2		14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND xã Ka Đơn
1562		Trịnh Thị Cậy		Nữ	Kinh	Đông Hồ		26/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1563		Hoàng Văn Thiệp		Nam	Kinh	Đông Hồ		26/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1564		Nguyễn Thị Thanh Hoa		Nữ	Kinh	Đông Hồ		26/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1565		Nguyễn Sâm		Nam	Kinh	Đông Hồ		26/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1566		Nguyễn Hoàng Lư		Nam	Kinh	Đông Hồ		26/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1567		Nguyễn Huy Quang		Nam	Kinh	Pró Kinh tế		25/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1568		Huỳnh Ngọc Chính		Nam	Kinh	Pró Kinh tế		25/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1569		Trịnh Thị Mai Liên		Nữ	Kinh	Pró Kinh tế		25/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1570		Nguyễn Thanh Hùng		Nam	Kinh	Pró Kinh tế		25/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró

1571		Nguyễn Thị Kim Yên		Nam	Kinh	Pró Kinh tế		25/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1572		Gia Đăm Quế		Nam		Krăngọ		31/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1573		Bơ Nah Ria Khiêm		Nữ	Cill	Krăngọ		31/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1574		Ma Phi		Nữ	K'ho	Krăngọ		31/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1575		Ya Quận		Nam	K'ho	Krăngọ		31/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1576		Ya Ký		Nam	K'ho	Krăngọ		31/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1577		Ya Lao		Nam	K'ho	Pró Trong		30/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1578		Bơ Nah Ria Thuận		Nữ	Cill	Pró Trong		30/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1579	Xã Prós	Ma Đản		Nữ	K'ho	Pró Trong		30/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1580		Tou Prong Huy Nơi		Nữ	Cill	Pró Trong		30/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós
1581		Jơ Long Nai Chuyền		Nữ	Cill	Pró Trong		30/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prós

1582	Ma Blim		Nữ	K'ho	Pró Ngó		29/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1583	Ha Si Môn		Nam	K'ho	Pró Ngó		29/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1584	Ma Nhất		Nữ	K'ho	Pró Ngó		29/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1585	Ya Ký		Nam	K'ho	Pró Ngó		29/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1586	Ya Ngôn		Nam	K'ho	Pró Ngó		29/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1587	Kom Sơ Na Ly		Nữ	Cill	Hamanhai		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1588	Đinh Hồng Vũ		Nam	Kinh	Hamanhai		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1589	Đrao Quỳnh		Nữ	Cill	Hamanhai		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1590	My Len		Nữ	Cill	Hamanhai		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1591	Ha Diu		Nam	Cill	Hamanhai		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró
1592	Nguyễn Quang Tài		Nam	Kinh	Hamanhai II		27/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Pró

1593		Nguyễn Xuân Trung		Nam	Kinh	Hamanhai II		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prô
1594		Lê Thị Dâng		Nữ	Kinh	Hamanhai II		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prô
1595		Hoàng Đức Thủ		Nam	Kinh	Hamanhai II		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prô
1596		Nguyễn Trọng Phú		Nam	Kinh	Hamanhai II		28/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND xã Prô
1597		Nguyễn Đăng Trung		Nam	Kinh	Đồng Thạnh		119/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1598		Trương Thị Thanh Xuân		Nữ	Kinh	Đồng Thạnh		119/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1599		Nguyễn Đăng Quân		Nam	Kinh	Đồng Thạnh		119/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1600		Lê Thị Tự		Nữ	Kinh	Đồng Thạnh		119/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1601		Nguyễn Thị Nhiệm		Nữ	Kinh	Đồng Thạnh		119/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1602	Trần Hoàng lai		Nam	Kinh	Giản Dân		120/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1603	Nguyễn Đình Chuyên		Nam	Kinh	Giản Dân		120/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1604	Nguyễn Thị Mỹ Dung		Nữ	Kinh	Giản Dân		120/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1605	Trịnh Xuân Lĩnh		Nam	Kinh	Giản Dân		120/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1606	Nguyễn Văn Thâm		Nam	Kinh	Giản Dân		120/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1607	Bùi Văn Mai		Nam	Kinh	KTM Châu Sơn		121/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1608	Dương Thanh Phong		Nam	Kinh	KTM Châu Sơn		121/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1609	Lê Mậu Khoa		Nam	Kinh	KTM Châu Sơn		121/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1610	Phạm Ngọc Sơn		Nam	Kinh	KTM Châu Sơn		121/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1611	Văn Thái Hoàng		Nam	Kinh	KTM Châu Sơn		121/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1612	Ya Kiêm		Nam	K'ho	DiomA		122/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1613	Ya Toàn		Nam	K'ho	DiomA		122/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1614	Ma Thâm		Nam	K'ho	DiomA		122/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1615	Ya Hoa		Nam	K'ho	DiomA		122/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1616	Ya Năm		Nam	K'ho	DiomA		122/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1617	Nguyễn Thị Kim Quý		Nữ	Kinh	Châu Sơn		123/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1618
1619
1620
1621
1622
1623
1624
1625

Phạm Thị Phương		Nữ	Kinh	Châu Sơn		123/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Thị Thụy Diễm		Nữ	Kinh	Châu Sơn		123/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Khắc Chuẩn		Nam	Kinh	Châu Sơn		123/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Văn Tổng		Nam	Kinh	Châu Sơn		123/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Thành Kim Nam		Nam	Kinh	B' Kăn		124/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Ya Hia		Nam	Kinh	B' Kăn		124/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Sang Tổ Uyên		Nữ	Kinh	B' Kăn		124/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Ya Thom		Nam	K'ho	B' Kăn		124/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1626	Ya Tuyn		Nam	K'ho	B' Kăn		124/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1627	Ya Dững		Nam	K'ho	Labouye A		125/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1628	Touneh Nai Lim		Nữ	K'ho	Labouye A		125/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1629	Vũ Đăng Ngàn		Nam	Kinh	Labouye A		125/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1630	Cruyang Coi Polione		Nam	K'ho	Labouye A		125/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1631	Touneh Thùy		Nữ	K'ho	Labouye A		125/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1632	Lai Mạnh Dũng		Nam	K'ho	Labouye B		126/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1633	Phan Ngọc Hậu		Nam	Kinh	Labouye B		126/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

Xã Lạc

1634	Xuân	Mơ Nun Ha Diêu		Nam	K'ho	Labouye B		126/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1635		Nguyễn Thị Minh Trang		Nữ	Kinh	Labouye B		126/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1636		Phan Thi		Nam	Kinh	Lạc Bình		127/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1637		Nguyễn Lạc		Nam	Kinh	Lạc Bình		127/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1638		Trần Văn Khải		Nam	Kinh	Lạc Bình		127/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1639		Bùi Trung Minh		Nam	Kinh	Lạc Bình		127/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1640		Trần Thị lợi		Nữ	Kinh	Lạc Bình		127/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1641		Nguyễn Văn Hòa		Nam	Kinh	Lạc Viên A		128/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1642
1643
1644
1645
1646
1647
1648
1649

Vũ Thị Mến		Nữ	Kinh	Lạc Viên A		128/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Thị Lương		Nữ	Kinh	Lạc Viên A		128/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Thị Định		Nam	Kinh	Lạc Viên A		128/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Vũ Đăng Bình		Nam	Kinh	Lạc Viên A		128/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Văn Thịnh		Nam	Kinh	Lạc Viên B		129/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Trần Đức Phong		Nam	Kinh	Lạc Viên B		129/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Thị Miến		Nữ	Kinh	Lạc Viên B		129/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Vũ Thị Kim		Nữ	Kinh	Lạc Viên B		129/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1650
1651
1652
1653
1654
1655
1656
1657

Nguyễn Quang Tiến		Nam	Kinh	Lạc Viên B		129/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Bùi Chí Hùng		Nam	Kinh	Lạc Xuân 1		130/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Tiến Sinh		Nam	Kinh	Lạc Xuân 1		130/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Huỳnh Thị Thơm		Nữ	Kinh	Lạc Xuân 1		130/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Minh Thuận		Nam	Kinh	Lạc Xuân 1		130/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Huỳnh Công Hạnh		Nam	Kinh	Lạc Xuân 1		130/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Bùi Ngọc Thông		Nam	Kinh	Lạc Xuân 2		131/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Trần Thị Vi		Nữ	Kinh	Lạc Xuân 2		131/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1658
1659
1660
1661
1662
1663
1664
1665

Ngô Hoàng Phú Quý		Nam	Kinh	Lạc Xuân 2		131/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Nguyễn Đức Hiệp		Nam	Kinh	Lạc Xuân 2		131/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Mai Thị Thu Hà		Nam	Kinh	Lạc Xuân 2		131/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Ka Kim		Nam	K'ho	Tân Hiên		132/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Ka Jrai		Nữ	K'ho	Tân Hiên		132/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Phạm Minh Cường		Nam	Kinh	Tân Hiên		132/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Ya Thuên		Nam	K'ho	Tân Hiên		132/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
Ka Thị Ngọc Loan		Nữ	K'ho	Tân Hiên		132/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân

1666		Jơ Nung Sang Sương		Nam	K'ho	Diom B		133/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1667		Ya Hùng		Nam	K'ho	Diom B		133/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1668		Long Mu Ngọc		Nam	K'ho	Diom B		133/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1669		Ka Ngân		Nữ	K'ho	Diom B		133/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1670		Ya Môn		Nam	K'ho	Diom B		133/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND xã Lạc Xuân
1671		Trần Lập		Nam	Kinh	Lạc Thiện 2		Số 13/QĐ-UBND ngày 11/1/2023 của UBND Thị trấn Dran
1672		Nguyễn Ngọc Thơ		Nam	Kinh	Lạc Thiện 2		Số 13/QĐ-UBND ngày 11/1/2023 của UBND Thị trấn Dran
1673		Đặng Thị Luyện		Nữ	Kinh	Lạc Thiện 2		Số 13/QĐ-UBND ngày 11/1/2023 của UBND Thị trấn Dran

1674
1675
1676
1677
1678
1679
1680
1681

Phạm Đức Hùng		Nam	Kinh	Lạc Thiện 2		Số 13/QĐ-UBND ngày 11/1/2023 của UBND Thị trấn Dran
Lê Đình Nam		Nam	Kinh	Lạc Thiện 2		Số 13/QĐ-UBND ngày 11/1/2023 của UBND Thị trấn Dran
Đình Văn Tâm		Nam	Kinh	Lạc Thiện 2		Số 13/QĐ-UBND ngày 11/1/2023 của UBND Thị trấn Dran
Võ Văn Bay		Nam	Kinh	Lạc Quảng		Số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Mạnh		Nam	Kinh	Lạc Quảng		Số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Bùi Thị Mỹ Hiền		Nữ	Kinh	Lạc Quảng		Số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Tấn Bằng		Nam	Kinh	Lạc Quảng		Số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Trần Quang Mỹ		Nam	Kinh	Lạc Quảng		Số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1682	Nguyễn Đồng		Nam	Kinh	Lạc Thiện 1		Số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1683	Thái Văn Nhân		Nam	Kinh	Lạc Thiện 1		Số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1684	Nguyễn Thị Hiến		Nữ	Kinh	Lạc Thiện 1		Số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1685	Mai Đức Thanh		Nam	Nam	Lạc Thiện 1		Số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1686	Võ Thị Mười		Nữ	Kinh	Lạc Thiện 1		Số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1687	Phan Linh Ngọc		Nam	Kinh	Tổ dân phố 1		Số 20/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1688	Ngô Quán Lâm		Nam	Kinh	Tổ dân phố 1		Số 20/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1689	Huỳnh Lý Thị Diệp		Nữ	Kinh	Tổ dân phố 1		Số 20/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1690
1691
1692
1693
1694
1695
1696
1697

Nguyễn Thành Mạnh Hùng		Nam	Kinh	Tổ dân phố 1		Số 20/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Phan Nguyễn Ngọc Tâm		Nam	Kinh	Tổ dân phố 1		Số 20/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Huỳnh văn Tòng		Nam	Kinh	Tổ dân phố 2		Số 15/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Hoàng Đình Hường		Nam	Kinh	Tổ dân phố 2		Số 15/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Hoàng Thị Thanh Tâm		Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2		Số 15/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Vũ Trọng Lương		Nam	Kinh	Tổ dân phố 2		Số 15/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Lê Quốc Hoàng		Nam	Kinh	Tổ dân phố 2		Số 15/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Võ Văn Tính		Nam	Kinh	Tổ dân phố 3		Số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1698	Đào Duy Lại		Nam	Kinh	Tổ dân phố 3		Số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1699	Nguyễn Thị Viêt Sanh		Nữ	Kinh	Tổ dân phố 3		Số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1700	Thái Thị Vy		Nữ	Kinh	Tổ dân phố 3		Số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1701	Dương Quốc Hoàng		Nam	Kinh	Tổ dân phố 3		Số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1702	Võ Văn Bạch		Nam	Kinh	Tổ dân phố 3		Số 11/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1703	Nguyễn Văn Tân		Nam	Kinh	TDP Đường Mới		Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1704	Mai Tuấn Dũng		Nam	Kinh	TDP Đường Mới		Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1705	Nguyễn Thị Thu Nguyệt		Nữ	Kinh	TDP Đường Mới		Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1706	Lê Văn Sang		Nam	Kinh	TDP Đường Mới	Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1707	Phạm Trung Liễu		Nam	Kinh	TDP Đường Mới	Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1708	Nguyễn Minh Quân		Nam	Kinh	TDP Đường Mới	Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1709	Nguyễn Tấn Việt		Nam	Kinh	TDP Đường Mới	Số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1710	Nguyễn Thị Thìn		Nữ	Kinh	Quảng Lạc	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1711	Nguyễn Thành Lũy		Nam	Kinh	Quảng Lạc	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1712	Đỗ Thị Ngọc Vân		Nữ	Kinh	Quảng Lạc	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1713	Nguyễn Văn Khánh		Nam	Kinh	Quảng Lạc	Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

Thị trấn

1714		Trần Văn Phú		Nam	Kinh	Quảng Lạc		Số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1715		Ha Gô		Nam	K'ho	Kăn Kil		Số 9/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1716		Ô Liêu		Nam	K'ho	Kăn Kil		Số 9/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1717		Ma Thim		Nữ	K'ho	Kăn Kil		Số 9/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1718		Ha Sếp		Nam	K'ho	Kăn Kil		Số 9/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1719		Sol Ly		Nam	K'ho	Kăn Kil		Số 9/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1720		Nguyễn Lê Gia		Nam	Kinh	Đường Mới		Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1721		Phan Văn Sỹ		Nam	Kinh	Đường Mới		Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1722	Nguyễn Thị Kim Duyên		Nữ	Kinh	Đường Mới		Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1723	Hồ Viết Ái		Nam	Kinh	Đường Mới		Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1724	Tạ Kim Thanh		Nam	Kinh	Đường Mới		Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1725	Nguyễn Sanh Bình		Nam	Kinh	Đường Mới		Số 08/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1726	Lê văn Hòa		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 2		Số 21/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1727	Đinh Văn Liễm		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 2		Số 21/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1728	Nguyễn Văn Dân		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 2		Số 21/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1729	Nguyễn Văn Hào		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 2		Số 21/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1730
1731
1732
1733
1734
1735
1736
1737

Phan Tý Việt		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 2		Số 21/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Ngọc Châu		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 1		Số 19/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Tấn lại		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 1		Số 19/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Lê Thị Minh Cách		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 2		Số 19/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Viết Văn		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 3		Số 19/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Tấn Hải		Nam	Kinh	Lâm Tuyên 4		Số 19/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Phô Lắc Nhuk		Nam	K'ho	Hamasing		Số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Ya Hiên		Nam	K'ho	Hamasing		Số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1738	Vũ Đình Khánh		Nam	K'ho	Hamasing		Số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1739	Phô Lắc Thanh Dân		Nam	K'ho	Hamasing		Số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1740	Ya Nô		Nam	K'ho	Hamasing		Số 07/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1741	Nguyễn Sỹ Thận		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 2		Số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1742	Phạm Thị Ngọc Thủy		Nữ	Kinh	Thôn Phú Thuận 2		Số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1743	Phạm Ngọc Quang		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 2		Số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1744	Lương Thị Thu Nguyệt		Nữ	Kinh	Thôn Phú Thuận 2		Số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1745	Dương Thanh Hùng		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 2		Số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1746
1747
1748
1749
1750
1751
1752
1753

Nguyễn Ngọc Toàn		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 2		Số 17/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Võ Văn Cảnh		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 3		Số 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Anh Thanh		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 3		Số 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Phan Thân		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 3		Số 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Lê Thị Yến Phương		Nữ	Kinh	Thôn Phú Thuận 3		Số 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Nguyễn Thành Được		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 3		Số 14/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Sa Hao Diễm		Nữ	Kinh	Thôn Phú Thuận 1		Số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
Võ Vượng		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 1		Số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran

1754		Huỳnh Tiến Dũng		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 1		Số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1755		Nguyễn Bản		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 1		Số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1756		Huỳnh Nghĩa		Nam	Kinh	Thôn Phú Thuận 1		Số 18/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND Thị trấn Dran
1757		Đoàn Văn Thanh		Nam	Kinh	Thôn 1		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1758		Lê Thị Liên		Nữ	Kinh	Thôn 1		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1759		Trịnh Văn Quý		Nam	Kinh	Thôn 1		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1760		Nguyễn Tiến Khánh		Nam	Kinh	Thôn 1		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1761		Nguyễn Văn sáng		Nam	Kinh	Thôn 1		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn

1762
1763
1764
1765
1766
1767
1768
1769

Ha Bê		Nam	Cill	Suối Thông A 2		Số 11/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ko So Ra Bi		Nam	Cill	Suối Thông A 2		Số 11/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ka Rôm		Nữ	Cill	Suối Thông A 2		Số 11/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ha Grus		Nam	Cill	Suối Thông A 2		Số 11/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ha Hương		Nam	Cill	Suối Thông A 2		Số 11/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ha Bơm B		Nam	Cill	Suối Thông A 1		Số 10/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ha Sin		Nam	Cill	Suối Thông A 1		Số 10/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ka Să K' Thái		Nữ	Cill	Suối Thông A 1		Số 10/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn

1770		Cill Pam ju Khing		Nam	Cill	Suối Thông A 1		Số 10/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1771		Ha Bắc		Nam	Cill	Suối Thông A 1		Số 10/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1772		Nguyễn Thị Lập		Nữ	Kinh	Thôn 2.		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1773		Hoàng Thị Hường		Nữ	Kinh	Thôn 2.		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1774		Hoàng Kim Trung		Nam	Kinh	Thôn 2.		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1775	Xã Đạ Ròn	Nguyễn Hữu Tiến		Nam	Kinh	Thôn 2.		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1776		Nguyễn Ngọc Lanh		Nữ	Kinh	Thôn 2.		Số 00/QĐ-UBND ngày /04/2022 của UBND Xã Đạ Ròn
1777		Bùi Đặng Thơm		Nam	Kinh	Thôn 3.		Số 17/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn

1778
1779
1780
1781
1782
1783
1784
1785

Nguyễn Thị Nga		Nữ	Kinh	Thôn 3.		Số 17/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Hà Thị Thông		Nữ	Kinh	Thôn 3.		Số 17/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Nguyễn Công Ban		Nam	Kinh	Thôn 3.		Số 17/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Nguey64n Văn Thành		Nam	Kinh	Thôn 3.		Số 17/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ka Úk		Nam	Cill	D'Ròn		Số 12/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ka Ku		Nam	Cill	D'Ròn		Số 12/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ya Minh		Nam	Cill	D'Ròn		Số 12/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
Ka Thanh		Nam	Cill	D'Ròn		Số 12/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn

1786	Ya Hùng		Nam	Cill	D'Ròn		Số 12/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1787	Lê Công Việt		Nam	Kinh	Suối Thông B2.		Số 09/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1788	Lê Công Nông		Nam	Kinh	Suối Thông B2.		Số 09/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1789	Lê Hoàng Hải		Nam	Kinh	Suối Thông B2.		Số 09/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1790	Đặng Thị Kim Hồng		Nữ	Kinh	Suối Thông B2.		Số 09/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1791	Phạm Văn Hai		Nam	Kinh	Suối Thông B2.		Số 09/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND xã Đạ Ròn
1792	Nguyễn Kiện		Nam	Kinh	Suối Thông B1		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2022 của UBND xã Đạ Ròn
1793	La Bouye Quốc		Nam	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1794
1795
1796
1797
1798
1799
1800
1801

Bơ Nahria Ma Hường		Nữ	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Ka Dao		Nữ	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Cil Phiêl		Nam	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Ka Vĩ		Nam	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Ka Thuôn		Nữ	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Ka Nghêu		Nữ	Cill	M'răng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Văn Túy		Nam	Kinh	Yên Kê Hạ		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn văn Hưởng		Nam	Kinh	Yên Kê Hạ		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1802
1803
1804
1805
1806
1807
1808
1809

Nguyễn Tất Thiệu		Nam	Kinh	Yên Khê Hạ		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Thị Bính Thân		Nam	Kinh	Yên Khê Hạ		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Phan Thanh Huyền		Nam	Kinh	Tân lập		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Phạm Duy Mạnh		Nam	Kinh	Tân lập		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Trương Quang Hồng		Nam	Kinh	Tân lập		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Trương Công Đoạt		Nam	Kinh	Tân lập		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Thị Phú		Nữ	Kinh	Tân lập		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Văn Sơn		Nam	Kinh	Quỳnh Châu Đông		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1810	Đinh Ngọc Thiệu		Nam	Kinh	Quỳnh Châu Đông	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1811	Nguyễn Văn Lạ		Nam	Kinh	Quỳnh Châu Đông	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1812	Nguyễn Văn Viễn		Nam	Kinh	Quỳnh Châu Đông	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1813	Nguyễn Trí Hùng		Nam	Kinh	Quỳnh Châu Đông	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1814	Nguyễn Thị Trâm Anh		Nữ	Kinh	Quỳnh Châu Đông	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1815	Đặng văn Giới		Nam	Kinh	Lạc lâm Làng	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1816	Võ Hữu Hưng		Nam	Kinh	Lạc lâm Làng	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1817	Lê Tám		Nam	Kinh	Lạc lâm Làng	Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1818	Xã Lạc Lâm	Nguyễn Ngọc Trung		Nam	Kinh	Lạc lâm Làng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1819		Huỳnh Nhật Phương		Nam	Kinh	Lạc lâm Làng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1820		Đặng thị Thế Tiếp		Nữ	Kinh	Lạc lâm Làng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1821		Trương Công Hải		Nam	Kinh	Lạc Sơn		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1822		Nguyễn Đình Quang		Nam	Kinh	Lạc Sơn		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1823		Nguyễn Thị Hải		Nữ	Kinh	Lạc Sơn		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1824		Nguyễn Quốc Thái		Nam	Kinh	Lạc Sơn		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1825		Ngô Minh Tín		Nam	Kinh	Lạc Sơn		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1826
1827
1828
1829
1830
1831
1832
1833

Phạm Thị Xuân Nga		Nữ	Kinh	Lạc Sơn		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Mai Quang Huỳnh		Nam	Kinh	Hải Hưng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Quang Minh		Nam	Kinh	Hải Hưng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Quân		Nam	Kinh	Hải Hưng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Thị Kim Oanh		Nữ	Kinh	Hải Hưng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Đặng Thị Tươi		Nữ	Kinh	Hải Hưng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Văn Hòa		Nam	Kinh	Hải Dương		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Văn Huynh		Nam	Kinh	Hải Dương		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1834
1835
1836
1837
1838
1839
1840
1841

Nguyễn Ngọc Hoàng		Nam	Kinh	Hải Dương		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Phạm Ngọc Quang		Nam	Kinh	Hải Dương		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Cao Thị Ngọc Vân		Nữ	Kinh	Hải Dương		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Bùi Trịnh Minh Hoàng		Nam	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Văn Quận		Nam	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Ngô Hưu Mục		Nam	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Diễm Dạm		Nam	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
Nguyễn Văn Tước		Nam	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm

1842		Nguyễn Văn Bằng		Nam	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1843		Nguyễn Thị Thanh Thủy		Nữ	Kinh	Xuân Thượng		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/04/2023 của UBND xã Lạc Lâm
1844		Phạm Minh Được		Nam	Kinh	Quảng Tân		Số28/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1845		Nguyễn Tuấn		Nam	Kinh	Quảng Tân		Số28/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1846		Nguyễn Sơn Lâm		Nam	Kinh	Quảng Tân		Số28/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1847		Nguyễn Thị Ánh Tuyết		Nữ	Kinh	Quảng Tân		Số28/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1848		Lê Văn Hiên		Nam	Kinh	Quảng Tân		Số28/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1849		Lê Hồng Công		Nam	Kinh	Quảng Thuận		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập

1850	Xã Quảng lập	Nguyễn Thanh Lâm		Nam	Kinh	Quảng Thuận		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1851		Trần Thị Kim Hương		Nữ	Kinh	Quảng Thuận		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1852		Trịnh Thị Trâm		Nữ	Kinh	Quảng Thuận		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1853		Lưu Đức Tuệ		Nam	Kinh	Quảng Thuận		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1854		Nguyễn Đức Ngà		Nam	Kinh	Quảng Hòa		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1855		Văn Hưu Dự		Nam	Kinh	Quảng Hòa		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1856		Bùi Duy Văn		Nữ	Kinh	Quảng Hòa		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1857		Trần Văn Thanh		Nam	Kinh	Quảng Hòa		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập

1858
1859
1860
1861
1862
1863
1864
1865

Nguyễn Văn Chức		Nam	Kinh	Quảng Hòa		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Nguyễn Thành		Nam	Kinh	Quảng Hiệp		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Đoàn Ngọc Sỹ		Nam	Kinh	Quảng Hiệp		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Dương Thị Kim Phụng		Nữ	Kinh	Quảng Hiệp		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Nguyễn Tứ Hải		Nam	Kinh	Quảng Hiệp		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Trần Văn Lộc		Nam	Kinh	Quảng Hiệp		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Đỗ Phú Tú		Nam	Kinh	Quảng Lợi		Số 24/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
Nguyễn Văn Cường		Nam	Kinh	Quảng Lợi		Số 24/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập

1866		Nguyễn Thị Hoa		Nam	Kinh	Quảng Lợi		Số 24/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1867		Trần Văn Cẩm		Nam	Kinh	Quảng Lợi		Số 24/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1868		Phan Thanh Hiền		Nam	Kinh	Quảng Lợi		Số 24/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND xã Quảng Lập
1869		Nhữ Quang Công		Nam	Kinh	Nam Hiệp 1.		Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1870		Bùi Văn Phúc		Nam	Kinh	Nam Hiệp 1.		Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1871		Mai Thị Tuyết Nhung		Nữ	Kinh	Nam Hiệp 1.		Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1872		Tsần Dòng Khương		Nam	Hoa	Nam Hiệp 1.		Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1873		Nguyễn Quốc Dũng		Nam	Kinh	Nam Hiệp 1.		Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1874	Nguyễn Văn Lượng		Nam	Kinh	Nam Hiệp 1.	Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1875	Nguyễn Quốc Bảo		Nam	Kinh	Nam Hiệp 1.	Số 40/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1876	Đỗ Trọng Giáp		Nam	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1877	Đỗ Văn Anh		Nam	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1878	Nguyễn Thuy Tuyền		Nữ	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1879	Lê Đức Tài		Nam	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1880	Lê Thi Minh Nguyệt		Nữ	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1881	Nguyễn Quốc Khanh		Nam	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1882	Lê Văn Đoàn		Nam	Kinh	Nam Hiệp 2.	Số 41/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1883	Đoàn Thị Kiều		Nữ	Kinh	Nghĩa Hiệp 1.	Số 42/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1884	Nguyễn Văn Thoại		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 1.	Số 42/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1885	Thái Hương Lân		Nữ	Kinh	Nghĩa Hiệp 1.	Số 42/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1886	Nguyễn Văn Thuận		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 1.	Số 42/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1887	Nguyễn Văn Sơn		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 1.	Số 42/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1888	Chềnh Gia Phối		Nam	Hoa	Nghĩa Hiệp 1.	Số 42/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1889	Trần Văn Hải		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 2.	Số 43/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1890		Phan Tùng Châu		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 2.		Số 43/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1891		Đỗ Thị Nga		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 2.		Số 43/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1892		Nguyễn Văn Quang		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 2.		Số 43/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1893		Nguyễn Văn Thương		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 2.		Số 43/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1894		Nguyễn Ngọc Thảo		Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp 2.		Số 43/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1895		Bơ Nah Ria Thủ		Nam	Cill	Ka Đô Mới 1.		Số 44/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1896		Sol Ao Khen		Nam	Cill	Ka Đô Mới 1.		Số 44/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1897		Ma Khoan		Nữ	Cill	Ka Đô Mới 1.		Số 44/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1898	Ya Kha		Nam	Cill	Ka Đô Mới 1.	Số 44/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1899	Ma Ngọc		Nam	Cill	Ka Đô Mới 1.	Số 44/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1900	Phô lăk Thúc		Nam	Cill	Ka Đô Mới 1.	Số 44/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1901	Ka Phúc		Nam	Cill	Ka Đô Mới 2.	Số 45/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1902	Bnah Ria Phú		Nam	Cill	Ka Đô Mới 2.	Số 45/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1903	Ma Cua		Nữ	Kinh	Ka Đô Mới 2.	Số 45/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1904	Nguyễn Hữu Tài		Nam	Kinh	Ka Đô Mới 2.	Số 45/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1905	Soh Ao Cường		Nam	Chu Ru	Ka Đô Mới 2.	Số 45/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1906	Ya Hanh		Nam	Chu Ru	Ka Đô Mới 2.	Số 45/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1907	Ya Nim		Nam	K'ho	Ta Ly 1.	Số 46/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1908	Drao Nung		Nam	Chu Ru	Ta Ly 1.	Số 46/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1909	Drao Let		Nam	Chu Ru	Ta Ly 1.	Số 46/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1910	Hà Bích Trà		Nam	Kinh	Ta Ly 1.	Số 46/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1911	K' Log Ha Thối		Nữ	Chu ru	Ta Ly 1.	Số 46/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1912	Ya Min		Nam	Chu Ru	Ta Ly 1.	Số 46/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1913	Ha Lâm		Nam	Chu Ru	Ta Ly 2.	Số 47/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1914	Trang Long		Nam	Chu Ru	Ta Ly 2.	Số 47/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1915	Ma Ty		Nữ	K'ho	Ta Ly 2.	Số 47/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1916	Ha El		Nam	K'ho	Ta Ly 2.	Số 47/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1917	Klong Ba		Nam	K'ho	Ta Ly 2.	Số 47/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1918	Touneh Thanh		Nam	Chu Ru	Ta Ly 2.	Số 47/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1919	Ma Reng		Nam	K'ho	Ka Đô Củ	Số 48/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1920	Touch Đông		Nam	Chu Ru	Ka Đô Củ	Số 48/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1921	Ma Tong		Nữ	K'ho	Ka Đô Củ	Số 48/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô

1922		Ka Tinh		Nam	K'ho	Ka Đô Củ		Số 48/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1923		Ya Lợi		Nam	K'ho	Ka Đô Củ		Số 48/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1924		Ya Tuân		Nam	K'ho	Ka Đô Củ		Số 48/QĐ-UBND ngày 04/07/2022 của UBND xã Ka Đô
1925		Rô Đa Nghiêm		Nam	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1926		Ro Đa Nai Linh		Nữ	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1927		Ro Đa nai Diệu Nga		Nữ	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1928		Ka Lim Ro Da		Nữ	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1929		Ya Vương		Nam	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937

Ya Cương		Nam	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Ro Da Nai Kha		Nữ	Chu Ru	M'Lon		Số 11/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Trần văn Tuấn		Nam	Kinh	Nghĩa Hội		Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Nguyễn Văn Tấn		Nam	Kinh	Nghĩa Hội		Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Võ Văn Công Hiệu		Nam	Kinh	Nghĩa Hội		Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Hồ Văn Tâm		Nam	Kinh	Nghĩa Hội		Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Đam Thầu		Nam	Kinh	Nghĩa Hội		Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
Nguyễn Anh Vũ		Nam	Kinh	Nghĩa Hội		Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1938	Đàm Thị Bích Vân	Nữ	Kinh	Nghĩa Hội	Số 09/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1939	Nguyễn Đình Nghĩa	Nam	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1940	Trịnh Ngọc Đức	Nam	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1941	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1942	Nguyễn Đức Quốc	Nam	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1943	Hà Thị Yên	Nữ	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1944	Nguyễn Ngọc Ánh	Nam	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1945	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	Kinh	Nghĩa lập 1.	Số 08/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1946	Đỗ Thị Phương Loan		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 2.		Số 07/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1947	Trần Trọng Tài		Nam	Kinh	Nghĩa lập 2.		Số 07/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1948	Lê Thị Hoài Thu		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 2.		Số 07/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1949	Dương Hoàng		Nam	Kinh	Nghĩa lập 2.		Số 07/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1950	Trần Tiến Mạnh		Nam	Kinh	Nghĩa lập 2.		Số 07/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1951	Nguyễn Anh Lăng		Nam	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1952	Đoàn Thị Hiền		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1953	Nguyễn Hữu Thọ		Nam	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1954	Tạ Tiến Dũng		Nam	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1955	Lâm Thị Thu Hà		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1956	Nguyễn Thái Học		Nam	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1957	Bùi văn Minh		Nam	Kinh	Nghĩa lập 3.		Số 06/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1958	Nguyễn Quang Trung		Nam	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1959	Ngô Văn Cư		Nam	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1960	Ngô Thị Bích Nga		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1961	Trần Thanh Phương		Nam	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1962	Thị trấn Thanh Mỹ	Đặng Phước Thống		Nam	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1963		Phan Hoàng Tăng		Nam	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1964		Đặng Phước Bảo		Nam	Kinh	Nghĩa lập 4.		Số 05/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1965		Bùi Văn Tài		Nam	Kinh	Nghĩa lập 5.		Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1966		Võ Hồng Chắc		Nam	Kinh	Nghĩa lập 5.		Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1967		Võ Thị Kiều My		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 5.		Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1968		Trịnh văn Thủy		Nam	Kinh	Nghĩa lập 5.		Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1969		Nguyễn Thị Thu Hà		Nữ	Kinh	Nghĩa lập 5.		Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1970	Phạm Tiến Trự		Nam	Kinh	Nghĩa lập 5.	Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1971	Nguyễn Phi Hồ		Nam	Kinh	Nghĩa lập 5.	Số 04/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1972	Nguyễn Văn Sơn		Nam	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1973	Bùi Trung Ngạn		Nam	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1974	Đỗ Thị Mỹ Hiền		Nữ	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1975	Bùi Văn Duẩn		Nam	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1976	Võ Tiến Cường		Nam	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1977	Ngô Bận		Nam	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1978	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Kinh	Nghĩa Thị	Số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1979	Nguyễn Văn Phong	Nam	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1980	Lê Thị Hương	Nữ	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1981	Trần Thị Thắm	Nữ	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1982	Thái Vinh Tiến	Nam	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1983	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1984	Nguyễn Thị Kiệt	Nữ	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1985	Nguyễn Mạnh Chiến	Nam	Kinh	Thanh Hòa	Số 10/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ

1986	Lê Thanh Tam		Nam	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1987	Phạm Quốc Anh		Nam	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1988	HỒ Thị Xuân Hương		Nữ	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1989	Đỗ Xuân Thanh		Nam	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1990	Đỗ Văn Hạnh		Nam	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1991	Nguyễn Danh Dân		Nam	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1992	Phạm phú Đức		Nam	Kinh	Thạnh Nghĩa		Số 13/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ
1993	Lê Đức Hiền		Nam	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thạnh Mỹ

1994		Phạm Thị Liệu		Nam	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1995		Nguyễn Thị Bích Vân		Nam	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1996		Nguyễn Đa		Nam	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1997		Phan Thị Hoa		Nữ	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1998		Ngô Xuân Hải		Nam	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
1999		Hoàng Nghệ Sỹ		Nam	Kinh	Nghĩa Đức		Số 03/QĐ-UBND ngày 00/01/2024 của UBND Thị trấn Thanh Mỹ
2000		Đỗ Văn Tường		Nam	Kinh	Suối Thông C2.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2001		Trương Thị Vạn		Nữ	Kinh	Suối Thông C2.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2002		Nguyễn Thị Xuân Viên		Nữ	Kinh	Suối Thông C2.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra

2003	Trương Đức Hùng		Nam	Kinh	Suối Thông C2.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2004	Nguyễn Công Đông		Nam	Kinh	Suối Thông C2.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2005	Nguyễn Hoàng Khánh		Nam	Kinh	Suối Thông C1.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2006	Đỗ Thị Mỹ Vân		Nữ	Kinh	Suối Thông C1.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2007	Nguyễn Thị Như Loan		Nữ	Kinh	Suối Thông C1.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2008	Nguyễn Hoàng Tuấn		Nam	Kinh	Suối Thông C1.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2009	Nguyễn Đình Thái Lưu		Nam	Kinh	Suối Thông C1.		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2010	Cơ Liêng Ha Vinh		Nam	Chu Ru	RLom		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2011	Ya Hiên		Nam	Chu Ru	RLom		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2012	Ma Sao		Nữ	Chu Ru	RLom		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2013	Ya Ngai		Nam	Chu Ru	RLom		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra

2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024

Ya My		Nam	Chu Ru	RLom		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ya Đức		Nam	Chu Ru	Ma Đanh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ya Tin		Nam	Chu Ru	Ma Đanh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ma Uyên		Nữ	Chu Ru	Ma Đanh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ya Si Môn		Nam	Chu Ru	Ma Đanh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
K' Đinh		Nam	Chu Ru	Ma Đanh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Nguyễn Thế Hải		Nam	Kinh	Lạc Trường		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Phan Thanh Hùng		Nam	Kinh	Lạc Trường		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Nguyễn Thị Thủy		Nữ	Kinh	Lạc Trường		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Nguyễn Viết Nữu		Nam	Kinh	Lạc Trường		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Lê Đức Minh		Nam	Kinh	Lạc Trường		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra

2025	Xã Tu Tra	Tô Ngọc Dũng		Nam	Kinh	Lạc Thạnh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2026		Nguyễn Hiền		Nam	Kinh	Lạc Thạnh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2027		Nguyễn Thị Thu Thảo		Nữ	Kinh	Lạc Thạnh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2028		Nguyễn Bá Vĩnh		Nam	Kinh	Lạc Thạnh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2029		Nguyễn Hữu Trường		Nam	Kinh	Lạc Thạnh		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2030		Trần Thanh Lệ		Nữ	Kinh	Lạc Nghiệp		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2031		Tạ văn Mười		Nam	Kinh	Lạc Nghiệp		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2032		Trần Thị Nga		Nữ	Kinh	Lạc Nghiệp		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2033		Nguyễn Thị Dung		Nữ	Kinh	Lạc Nghiệp		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2034		Phan Thanh Hưởng		Nam	Kinh	Lạc Nghiệp		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2035		Ka Đan		Nam	Chu ru	K' Lót		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra

2036
2037
2038
2039
2040
2041
2042
2043
2044
2045
2046

Ma Gon		Nữ	Chu ru	K' Lót		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Jơ Long Zdim		Nam	Chu ru	K' Lót		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ya Miêng		Nam	Chu ru	K' Lót		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Phạm Văn Phú		Nam	Kinh	Kinh Tế mới		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Hoàng Xuân Tâm		Nam	Kinh	Kinh Tế mới		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Nguyễn Thị Tám		Nữ	Kinh	Kinh Tế mới		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Phạm Văn Quý		Nam	Kinh	Kinh Tế mới		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Huỳnh Ngọc Sơn		Nam	Kinh	Kinh Tế mới		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
K' Bril		Nam	Chu Ru	Kambutte		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ya Đào		Nam	Chu Ru	Kambutte		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ma Nghệ		Nữ	Chu Ru	Kambutte		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra

2047
2048
2049
2050
2051
2052
2053
2054
2055
2056
2057

Tou Prong Cương		Nam	Chu Ru	Kambutte		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Dam Trung		Nam	Chu Ru	Kambutte		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ka Pier		Nữ	Chu Ru	HaWai		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Bơ Nah Ria Linh		Nữ	Chu Ru	HaWai		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Bơ Nah Ria Nai Phan		Nữ	Chu Ru	HaWai		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ya Xim		Nam	Chu Ru	HaWai		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Tou Trang Lê Trường		Nam	Chu Ru	HaWai		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Cill Pam Ha Wen		Nữ	Cill	Đa Hoa		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ha Pall		Nam	Cill	Đa Hoa		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ka māk		Nam	Churu	Đa Hoa		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
Ha Quyết		Nam	Churu	Đa Hoa		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra

2058			Lê văn Nhân		Nam	Kinh	Cầu Sắt		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2059			Phan Thị Tú		Nữ	Kinh	Cầu Sắt		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2060			Nguyễn Thị Phương		Nữ	Kinh	Cầu Sắt		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2061			Bùi Thị Hiền		Nữ	Kinh	Cầu Sắt		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2062			Đoàn Thượng Sâm		Nam	Kinh	Cầu Sắt		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2063			Ha Sách		Nam	Chu ru	Bockabang		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2064			Ha Siên		Nam	Chu ru	Bockabang		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2065			Ka Bảy		Nam	Chu ru	Bockabang		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2066			Ha Tuân		Nam	Chu ru	Bockabang		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2067			Kon sa E Sai		Nữ	Chu ru	Bockabang		Số 00/QĐ-UBND ngày 00/00/00 của UBND Xã Tu Tra
2068	Huyện Đa Têh	Xã Đa Lây	Nguyễn Phi Hải	1961	Nam	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ- UBND Ngày: 21/04/2020

2069
2070
2071
2072
2073
2074
2075
2076
2077
2078
2079

Phạm Hữu Đào	1946	Nam	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Phước Sắt	1955	Nam	kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Duy Lâm	1975	Nam	kinh	Thôn Thuận Lộc	TC. NN	QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Đoàn Thị Tuất	1959	Nữ	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Văn Ánh	1961	Nam	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Đặng Văn Thành	1960	Nam	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Phú Cường	1993	Nam	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Duy Hưng	1958	Nam	Kinh	Thôn Thuận Lộc		QĐ số: 71/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Dương Xuân Lô	1957	Nam	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Vũ Văn Thạch	1958	Nam	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Đinh Thị Thắng	1956	Nữ	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020

2080
2081
2082
2083
2084
2085
2086
2087
2088
2089
2090

Nguyễn Thị Lan	1958	Nữ	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Luận Thị Thơm	1963	Nữ	Tày	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Đinh Thị Phương	1971	Nữ	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Bế Văn Hiệp	1991	Nam	Tày	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Văn Hạnh	1954	Nam	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Vũ Văn Hải	1952	Nam	Kinh	Thôn Sơn Thủy		QĐ số: 66/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lại Xuân Thành	1957	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Văn Đức	1957	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Đào Thị Năm	1970	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Sỹ Hiền	1957	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lại Trọng Tuệ	1985	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020

2091
2092
2093
2094
2095
2096
2097
2098
2099
2100
2101

Nguyễn Văn Bảy	1972	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Văn Oanh	1950	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Cao Tấn Mạnh	1952	Nam	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Sử Thị Tinh	1967	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thanh		QĐ số: 63/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Hữu Thành	1957	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Túy	1959	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Văn Cao	1944	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Thanh Hưng	1966	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Hồ Đình Thanh	1991	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Thị Hồng Gấm	1988	Nữ	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Văn Mừng	1954	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020

2102
2103
2104
2105
2106
2107
2108
2109
2110
2111
2112

Lê Tâm Cao	1953	Nam	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Phạm Thị Thắm	1987	Nữ	Kinh	Thôn Hương Vân		QĐ số: 64/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lưu Tương	1949	Nam	Kinh	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Tráng Sỹ	1940	Nam	Kinh	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Chế Văn Nhân	1962	Nam	Kinh	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Thị Tố Tâm	1970	Nữ	Kinh	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Hồ Văn Thảo	1967	Nam	Kinh	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nông Duy Nhất	1952	Nam	Tày	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Hoàng Văn Trung	1993	Nam	Nùng	Thôn Lộc Hoà		QĐ số: 70/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Hà Văn Phước	1960	Nam	kinh	Thôn Vĩnh phước		QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Ngô Đa Huynh	1960	Nam	Kinh	Thôn Vĩnh phước		QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020

2113	Nguyễn Văn Công	1983	Nam	Kinh	Thôn Vĩnh phước	QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2114	Phan Công Thương	1958	Nam	Kinh	Thôn Vĩnh phước	QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2115	Triệu Văn Đăng	1998	Nam	Tày	Thôn Vĩnh phước	QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2116	Lê Văn Vân	1946	Nam	Kinh	Thôn Vĩnh phước	QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2117	Bạch Thị Huệ	1958	Nữ	Kinh	Thôn Vĩnh phước	QĐ số: 67/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2118	Lê Văn Hiển	1960	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận	QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2119	Hồ Đăng Lộc	1973	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận	QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2120	Đào Tô Hiệu	1973	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận	QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2121	Nguyễn Thị Dịu	1981	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận	QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2122	Nguyễn Đức Long	1954	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận	QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2123	Đinh Thị Nãi	1950	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận	QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020

2124
2125
2126
2127
2128
2129
2130
2131
2132
2133
2134

Nguyễn Thị Thanh Lam	1957	Nữ	Kinh	Thôn Hương Thuận		QĐ số: 68/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Xuân Long	1953	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Lê Mạnh Thường	1963	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Phan Thị Lài	1972	Nữ	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Hồ Thị Minh Ái	1985	Nữ	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Văn Tuấn	1957	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Phạm Bá Cường	1954	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Trần Phước Dũng	1986	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Đức Phát	1947	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình		QĐ số: 69/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Nguyễn Văn Nhân	1964	Nam	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
Huỳnh Hồng Phong	1964	Nam	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020

2135		Đào Thị Phương	1986	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2136		Hoàng Văn Long	1985	Nam	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2137		Đinh Thị Thanh	1965	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2138		Huỳnh Hồng Sơn	1975	Nam	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2139		Đỗ Tàu	1947	Nam	Kinh	Thôn Phú Thành		QĐ số: 65/QĐ-UBND Ngày: 21/04/2020
2140	Xã An Nhơn	Hoàng Văn Thái	1965	Nam	Nùng	Thôn 1		QĐ số: 90/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2141		Trần Kim Giảng	1994	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 90/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2142		Trương Sỹ Tình	1990	Nam	kinh	Thôn 1		QĐ số: 90/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2143		Dương Quang Dân	1982	Nam	kinh	Thôn 1		QĐ số: 90/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2144		Nguyễn Minh Sơn	1962	nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 90/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2145		Phan Đình Hùng	1982	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 90/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020

2146
2147
2148
2149
2150
2151
2152
2153
2154
2155
2156

Nông Văn Lương	1988	Nam	Nùng	Thôn 2		QĐ số: 91/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Vy Thị Dung	1986	Nữ	Nùng	Thôn 2		QĐ số: 91/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Hoàng Đức Hội	1981	Nam	Tày	Thôn 2		QĐ số: 91/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Hà Đức Bằng	1988	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 91/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Ngô Tiến Sỹ	1967	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 91/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Lưu Thanh Loan	1955	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 92/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Nông Thanh Toàn	1966	Nam	Nùng	Thôn 3		QĐ số: 92/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Triệu Thanh Tuấn	1994	Nam	Nùng	Thôn 3		QĐ số: 92/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Lê Thị Bạch Mai		Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 92/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Lê Thị Thúy	1982	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 92/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
Hoàng Văn Kiện	1959	Nam	Tày	Thôn 3		QĐ số: 92/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020

2157	Nông Đức Khai	1984	Nam	Nùng	Thôn 4	QĐ số: 93/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2158	Vương Thị Hồng	1963	Nữ	Nùng	Thôn4	QĐ số: 93/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2159	Tô Thị Minh	1971	Nữ	Nùng	Thôn 4	QĐ số: 93/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2160	Đỗ Mạnh Lâm	1969	Nam	Kinh	Thôn 4	QĐ số: 93/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2161	Nguyễn Xuân Tráng	1954	Nam	Kinh	Thôn 4	QĐ số: 93/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2162	Lăng Văn Páo	1967	Nam	Nùng	Thôn 5	QĐ số: 94/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2163	Mã Ngọc Quý	1985	Nam	Nùng	Thôn 5	QĐ số: 94/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2164	Nông Văn Đức	1972	Nam	Nùng	Thôn 5	QĐ số: 94/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2165	Lương Văn Thọ	1987	Nam	Kinh	Thôn 5	QĐ số: 94/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2166	Hoàng Thị Nhâm	1975	Nữ	Nùng	Thôn 5	QĐ số: 94/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2167	K' Miếu	1961	Nam	Châu Mạ	Thôn Tổ Lan	QĐ số: 95/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020

2168		Đỗ Trọng Mai	1950	Nam	Kinh	Thôn Tổ Lan		QĐ số: 95/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2169		K' Vải	1969	Nam	Châu mạ	Thôn Tổ Lan		QĐ số: 95/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2170		Ka BRót	1985	Nữ	Châu Mạ	Thôn Tổ Lan		QĐ số: 95/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2171		K' Lin	1996	Nam	Châu mạ	Thôn Tổ Lan		QĐ số: 95/QĐ-UBND Ngày: 23/09/2020
2172	Xã Triệu Hải	Đỗ Nhật Trường	1974	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 18/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2173		Lê Quang Hùng	1972	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 18/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2174		Nguyễn Xuân Thành	1958	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 18/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2175		Nguyễn Thị Hà	1981	Nữ	Kinh	Thôn 1		QĐ số 18/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2176		Trần Trọng	1950	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 18/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2177		Trương Đức Thông	1956	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2178		Lê Hữu Tịnh	1972	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 20/05/2020

2179
2180
2181
2182
2183
2184
2185
2186
2187
2188
2189

Lê Hữu Duy	1955	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Võ Thanh Hoàng	1988	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Trần Thị Bé	1965	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Võ Văn Đạt	1959	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Hà Văn Mạnh	1956	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Nguyễn Quốc Việt	1989	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Lê Việt Hà	1960	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Nguyễn Thị Lương	1973	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số 20/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Phan Ngọc Nam	1969	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số 21/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Đặng Vui	1958	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số 21/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
Hồ Văn Hải	1973	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số 21/QĐ-UBND ngày 20/05/2020

2190		Lê Thị Thu	1954	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số 21/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2191		Nguyễn Chiến	1960	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số 21/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2192		Nguyễn Đình Hương	1981	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số 22/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2193		Cao Xuân Vinh	1972	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số 22/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2194		Lê Trường Cường	1960	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số 22/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2195		Vũ Thị Lan	1982	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số 22/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2196		Phạm Khắc Vinh	1952	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số 22/QĐ-UBND ngày 20/05/2020
2197	Xã Quảng Trị	Nguyễn Lương Hiến	1960	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2198		Trương Chí Dũng	1960	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2199		Phạm Thị Cúc	1977	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2200		Lương Pháp	1956	Nam	kinh	Thôn 1		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021

2201
2202
2203
2204
2205
2206
2207
2208
2209
2210
2211

Phạm Thị Quyên	1976	Nữ	kinh	Thôn 1	TC NN	QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Trần Đình Triệu	1961	nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Bùi Thị Thủy	1975	Nữ	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Trần Đức Phong	1975	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Trần Đăng Trung	1970	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Phan Văn Thái	1966	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Phan Tư	1955	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Trần Đăng Chung	1964	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Bùi Văn Thiện	1998	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Nguyễn thị Nhiễm	1979	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Đặng Chức	1957	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021

2212
2213
2214
2215
2216
2217
2218
2219
2220
2221
2222

Lê mậu Hậu	1975	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Đoàn Thị Lệ	1978	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Hoàng Kinh	1948	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Mai Thanh Bình	1950	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Võ Hải Lâm	1976	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Trần Thị Thanh Mai	1992	Nữ	Kinh	Thôn 3	Cử nhân QTKD	QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Nguyễn Thị Ty	1978	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Trần Thị Mơ	1960	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Phùng Thế Bắc	1978	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Lê Thị Hằng	1964	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
Phạm Lương	1960	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021

2223		Nguyễn Thị Nụ	1990	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2224		Phùng Thế Giả	1947	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2225		Trần Thị Nga	1983	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 144/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2226	Xã Quốc Oai	Trần Hồng Quân	1967	Nam	Kinh	Thôn Hà Lâm		QĐ số 13/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2227		Hoàng Văn Nhâm	1959	Nam	Kinh	Thôn Hà Lâm		QĐ số 13/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2228		Hoàng Thị Nhàn	1989	Nữ	kinh	Thôn Hà Lâm		QĐ số 13/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2229		Phạm Hồng Lâm	1955	Nam	kinh	Thôn Hà Lâm		QĐ số 13/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2230		Lê Thị Vinh	1993	Nữ	Kinh	Thôn Hà Lâm		QĐ số 13/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2231		Vũ Thị Nhàn	1990	Nữ	Kinh	Thôn Hà Oai	Đại Học	QĐ số 14/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2232		Đỗ Duy Toàn	1988	Nam	Kinh	Thôn Hà Oai		QĐ số 14/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2233		Đỗ Thị Dung	1969	Nữ	Kinh	Thôn Hà Oai		QĐ số 14/QĐ - CT ngày 20/02/2024

2234	Đỗ Văn Bạo	1959	Nam	Kinh	Thôn Hà Oai		QĐ số 14/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2235	Nguyễn Thị Phụng	1955	Nữ	Kinh	Thôn Hà Oai		QĐ số 14/QĐ - CT ngày 20/02/2024
2236	Phạm Văn Tính	1959	Nam	Kinh	Thôn Hà Mỹ	Trung Cấp	QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2237	Vũ Thị Nguyên	1982	Nữ	Kinh	Thôn Hà Mỹ		QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2238	Kiều Anh Dũng	1979	Nam	Kinh	Thôn Hà Mỹ		QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2239	Trần Văn Tuyên	1973	Nam	Kinh	Thôn Hà Mỹ		QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2240	Phạm Thị Nhung	1985	Nữ	Kinh	Thôn Hà Mỹ		QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2241	Nguyễn Xuân Trường	1959	Nam	Kinh	Thôn Hà Mỹ		QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2242	Nguyễn Văn Thêm	1992	Nam	Kinh	Thôn Hà Mỹ		QĐ số: 194/QĐ-UBND Ngày: 02/11/2021
2243	Đặng Đình Hồng	1968	Nam	Kinh	Thôn Hà Tây		QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2244	Lưu Thị Thảo	1995	Nữ	Kinh	Thôn Hà Tây		QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021

2245
2246
2247
2248
2249
2250
2251
2252
2253
2254
2255

Đàm Thị Thúy	1975	Nữ	Kinh	Thôn Hà Tây		QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Nguyễn Đình Căn	1955	Nam	Kinh	Thôn Hà Tây		QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Nguyễn Mạnh Hùng	1987	Nam	Kinh	Thôn Hà Tây		QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Nguyễn Đình Tranh	1958	Nam	Kinh	Thôn Hà Tây	Trung Cấp	QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Nguyễn Mạnh Tấn	1971	Nam	Kinh	Thôn Hà Tây	Đại học	QĐ số: 195/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Bùi Hữu Tân	1972	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Chu Trung Kiên	1978	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú	Trung Cấp	QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Bùi Thị Thủy	1966	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Chu Thị Thu	1984	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Đào Duy Đoài	1960	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
Nguyễn Văn Tấn	1964	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021

2256		Đàm Quang Nam	1987	Nam	Kinh	Thôn Hà Phú		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2257		Ka Dụ	1982	Nữ	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar		QĐ số: 197/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2258		K' Tiểu	1986	Nam	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar	Đại Học	QĐ số: 197/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2259		K' Mông	1958	Nam	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar		QĐ số: 196/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2260		Ka Bích Biểu	1956	Nữ	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar		QĐ số: 197/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2261		Ka Thịnh	1984	Nữ	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar		QĐ số: 197/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2262		K' Rim	1979	Nam	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar		QĐ số: 197/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2263		K' Nghĩa	1995	Nam	Châu mạ	Thôn Đạ Nhar		QĐ số: 197/QĐ - CT ngày 22/10/2021
2264	Thị trấn Đạ Tẻh	Tô Thị Ngọc Trâm	1985	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 1A	Đại học KT	QĐ số: 165/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2265		Nguyễn Văn Thân	1958	Nam	Kinh	Tổ dân phố 1A	Trung cấp	QĐ số: 165/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2266		Hoàng Thị Ngân	1992	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 1A	Sơ cấp	QĐ số: 165/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2267
2268
2269
2270
2271
2272
2273
2274
2275
2276
2277

Nguyễn Thị Kim Chi	1958	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 1B	Đại học	QĐ số: 166/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Thị Luyến	1965	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 1B	Trung cấp	QĐ số: 166/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lê Văn Nam	1964	Nam	Kinh	Tổ dân phố 1B	Trung cấp	QĐ số: 166/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Đinh Ngọc Luyến	1957	Nam	Kinh	Tổ dân phố 1B	Trung cấp	QĐ số: 166/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
K' Vin	1958	Nam	C. Mạ	Tổ dân phố 1B	Sơ cấp	QĐ số: 166/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Phan Văn Rung	1966	Nam	Kinh	Tổ dân phố 1C	Trung cấp	QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nông Thị Mịch	1965	Nữ	Tày	Tổ dân phố 1C	Cao đẳng	QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
K' Bút	1986	Nam	C. Mạ	Tổ dân phố 1C	Trung cấp	QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lâm Văn Hải	1943	Nam	Kinh	Tổ dân phố 1C		QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Bùi Thị Kim Loan	1986	Nam	Kinh	Tổ dân phố 1C		QĐ số: 167/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lâm Thủy Triều	1955	Nam	Nùng	Tổ dân phố 2A	Trung cấp	QĐ số: 425/QĐ-UBND ngày 06/6/2022

2278	Phan Văn Thoại	1957	Nam	Kinh	Tổ dân phố 2A	Trung cấp	QĐ số: 425/QĐ-UBND ngày 06/6/2022
2279	Đặng Thị Hồng Chiến	1964	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2A	Trung cấp	QĐ số: 425/QĐ-UBND ngày 06/6/2022
2280	Nguyễn Văn Phát	1956	Nam	Kinh	Tổ dân phố 2B	Trung cấp	QĐ số 500/QĐ-UBND ngày 20/9/2022
2281	Nguyễn Thị Vinh	1960	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2B	Đại học	QĐ số 500/QĐ-UBND ngày 20/9/2022
2282	Hồ Thị Thọ	1962	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2B	Đại học	QĐ số 500/QĐ-UBND ngày 20/9/2022
2283	Phan Văn Dưỡng	1955	Nam	Kinh	Tổ dân phố 2C	Trung cấp	QĐ số: 170/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2284	Vũ Văn Tiến	1947	Nam	Kinh	Tổ dân phố 2C	Sơ cấp	QĐ số: 170/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2285	Lê Thị Tình	1967	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2C	Trung cấp	QĐ số: 170/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2286	Võ Thị Thùy	1975	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2C	Sơ cấp	QĐ số: 170/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2287	K' Cường	1996	Nam	C. Mạ	Tổ dân phố 2C		QĐ số: 170/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2288	Lại Thị Khoa	1964	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2D	Trung cấp	QĐ số: 18/QĐ-UBND ngày 14/03/2024

2289	Trần Thị Dung	1968	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 2D	Trung cấp	QĐ số: 18/QĐ-UBND ngày 14/03/2024
2290	Nguyễn Văn Liêm	1960	Nam	Kinh	Tổ dân phố 2D	Trung cấp	QĐ số: 18/QĐ-UBND ngày 14/03/2024
2291	Đỗ Anh Bốn	1950	Nam	Kinh	Tổ dân phố 3A	Sơ cấp	QĐ số: 174/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2292	Phan Văn Cầu	1946	Nam	Kinh	Tổ dân phố 3A	Trung cấp	QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2293	K' Ngọc Sửu	1983	Nam	C Mạ	Tổ dân phố 3A	Sơ cấp	QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2294	Ngô Thị Hoa	1964	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 3A	Trung cấp	QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2295	Lộc Văn Dồi	1962	Nam	Tày	Tổ dân phố 3A		QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2296	Nguyễn Thị Nền	1958	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 3B	Trung cấp	QĐ số: 173/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2297	Lê Văn Tron	1945	Nam	Kinh	Tổ dân phố 3B	Trung cấp	QĐ số: 173/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2298	Phạm Hùng Sơn	1962	Nam	Kinh	Tổ dân phố 3B	Sơ cấp	QĐ số: 173/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2299	Hoàng Văn Pèng	1978	Nam	Nùng	Tổ dân phố 3B	Sơ cấp	QĐ số: 173/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2300	Lý Văn Thịnh	1986	Nam	Kinh	Tổ dân phố 3B	Sơ cấp	QĐ số: 173/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2301	Hoàng Văn Thụ	1961	Nam	Tày	Tổ dân phố 3C	Sơ cấp	QĐ số: 108/QĐ-UBND ngày 15/12/2021
2302	Đàm Hà Giang	1956	Nam	Tày	Tổ dân phố 3C	Sơ cấp	QĐ số: 108/QĐ-UBND ngày 15/12/2021
2303	Nguyễn Năng Trường	1956	Nam	Kinh	Tổ dân phố 3C	Sơ cấp	QĐ số: 108/QĐ-UBND ngày 15/12/2021
2304	Nguyễn Văn Tuấn	1964	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4A	Trung cấp	QĐ số: 19/QĐ-UBND ngày 14/3/2024
2305	Linh Thị Huyền	1971	Nữ	Nùng	Tổ dân phố 4A	Trung cấp	QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 14/3/2024
2306	Lê Xuân Thật	1957	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4A	Sơ cấp	QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 14/3/2024
2307	Nguyễn Thị Huyền	1965	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 4A	Trung cấp	QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 14/3/2024
2308	Hoàng Thị Hường	1967	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 4A	Trung cấp	QĐ số 19/QĐ-UBND ngày 14/3/2024
2309	Đỗ Thị Hồng	1965	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 4B	Sơ cấp	QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2310	Huỳnh Tuấn Khanh	1955	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4B	Trung cấp	QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2311
2312
2313
2314
2315
2316
2317
2318
2319
2320
2321

Nguyễn Văn Huyết	1952	Nam	Tày	Tổ dân phố 4B	Sơ cấp	QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Chu Đức Hưng	1981	Nam	Tày	Tổ dân phố 4B	Trung cấp	QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Đình Hồng	1962	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4B	Sơ cấp	QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Trịnh Toàn	1958	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4D	Trung cấp	QĐ số: 177/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Ngô Thị Nga	1964	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 4D	Trung cấp	QĐ số: 177/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Phan Bá Niên	1956	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4D	Trung cấp	QĐ số: 177/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Hoàng Văn An	1986	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4D	Sơ cấp	QĐ số: 177/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lê Văn Thanh	1958	Nam	Kinh	Tổ dân phố 4D	Sơ cấp	QĐ số: 177/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Sự	1959	Nam	Kinh	Tổ dân phố 5A	Sơ cấp	QĐ số: 178/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Phan Văn Định	1960	Nam	Kinh	Tổ dân phố 5A	Sơ cấp	QĐ số: 178/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Thị Viết Huê	1961	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 5A	Trung cấp	QĐ số: 178/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2322	Hồ Thị Quỳ	1959	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 5A	Sơ cấp	QĐ số: 178/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2323	Nguyễn Văn Quý	1963	Nam	Kinh	Tổ dân phố 5B	Trung cấp	QĐ số: 179/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2324	Đoàn Văn Thanh	1960	Nam	Kinh	Tổ dân phố 5B		QĐ số: 179/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2325	Nguyễn Thị Huyền	1985	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 5B	Đại học	QĐ số: 179/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2326	Lê Thị Phụng	1951	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 5C	Trung cấp	QĐ số: 180/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2327	Mạch Thị Chỉ	1971	Nữ	Tày	Tổ dân phố 5C	Sơ cấp	QĐ số: 180/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2328	Nguyễn Thị Dạm	1964	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 5C	Sơ cấp	QĐ số: 180/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2329	Nguyễn Đình Tư	1962	Nam	Kinh	Tổ dân phố 5C		QĐ số: 180/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2330	Đoàn Thị Mạnh	1957	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 5C	Sơ cấp	QĐ số: 180/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2331	Nguyễn Phong Ba	1963	Nam	Kinh	Tổ dân phố 6A	Sơ cấp	QĐ số: 181/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2332	Phạm Văn Phụ	1950	Nam	Kinh	Tổ dân phố 6A	Sơ cấp	QĐ số: 181/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2333
2334
2335
2336
2337
2338
2339
2340
2341
2342
2343

Phan Thị Hồng Hoa	1976	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 6A	Trung cấp	QĐ số: 181/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lý Ngọc Tăng	1966	Nam	Tày	Tổ dân phố 6B	Sơ cấp	QĐ số: 182/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Hà Văn Đoàn	1982	Nam	Nùng	Tổ dân phố 6B	Sơ cấp	QĐ số: 182/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Vương Văn Quân	1974	Nam	Tày	Tổ dân phố 6B		QĐ số: 182/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Đoàn Thị Ly	1988	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 6B	Trung cấp	QĐ số: 182/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lộc Văn Thư	1973	Nam	Nùng	Tổ dân phố 7	Sơ cấp	QĐ số: 183/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Hoàng Thị Khôi	1961	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 7	Trung cấp	QĐ số: 183/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lê Văn Minh	1966	Nam	Kinh	Tổ dân phố 7		QĐ số: 183/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Văn Tấn	1953	Nam	Kinh	Tổ dân phố 7		QĐ số: 183/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Phạm Quang Hàm	1950	Nam	Kinh	Tổ dân phố 7		QĐ số: 183/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Lục Hữu Thuần	1968	Nam	Tày	Tổ dân phố 8A	Sơ cấp	QĐ số: 184/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2344
2345
2346
2347
2348
2349
2350
2351
2352
2353
2354

Lương Xuân Nạo	1950	Nam	Nùng	Tổ dân phố 8A		QĐ số: 184/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nông Ngọc Thiện	1989	Nam	Nùng	Tổ dân phố 8A	Trung cấp	QĐ số: 184/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Hứa Văn Trần	1971	Nam	Nùng	Tổ dân phố 8A		QĐ số: 184/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Hoàng Thị Vượng	1961	Nữ	Nùng	Tổ dân phố 8A	Cao đẳng	QĐ số: 184/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Xuân Tài	1960	Nam	Kinh	Tổ dân phố 9	Sơ cấp	QĐ số: 185/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Ma Thị Tuyết	1960	Nữ	Tày	Tổ dân phố 9	Sơ cấp	QĐ số: 185/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Nguyễn Văn Thức	1977	Nam	Kinh	Tổ dân phố 9		QĐ số: 185/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Đặng Thị Vững	1970	Nữ	Kinh	Tổ dân phố 9	Sơ cấp	QĐ số: 185/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Bàn Hữu Sinh	1960	Nam	Dao	Tổ dân phố 9		QĐ số: 185/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Tô Quang Vinh	1973	Nam	Nùng	Tổ dân phố 10	Sơ cấp	QĐ số: 186/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
Phạm Xích	1945	Nam	Kinh	Tổ dân phố 10		QĐ số: 186/QĐ-UBND ngày 10/9/2020

2355		Hoàng Thị Hành	1960	Nữ	Tày	Tổ dân phố 10	Sơ cấp	QĐ số: 186/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2356		Lục Ngọc Thông	1982	Nam	Tày	Tổ dân phố 10	Sơ cấp	QĐ số: 186/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2357		Dương Minh Dũng	1961	Nam	Tày	Tổ dân phố 10		QĐ số: 186/QĐ-UBND ngày 10/9/2020
2358	Xã Mỹ Đức	Trần Thị Gấm	1964	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hoà	TC NN	QĐ số: 55/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2359		Đặng Thị Thương	1954	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hoà		QĐ số: 55/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2360		Lương Thị Ảnh	1954	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hoà		QĐ số: 55/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2361		Cao Thị Bao	1958	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hoà		QĐ số: 55/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2362		Nguyễn Thị Thức	1964	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hoà		QĐ số: 55/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2363		Trương Thị Nhàn	1982	Nữ	Kinh	Thôn Yên Hoà	TC kế toán	QĐ số: 57/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2364		Đỗ Hữu Hưng	1972	Nam	Kinh	Thôn Yên Hoà		QĐ số: 57/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2365		Bùi Văn Sinh	1976	Nam	Kinh	Thôn Yên Hoà		QĐ số: 57/QĐ-UBND ngày 13/7/2022

2366
2367
2368
2369
2370
2371
2372
2373
2374
2375
2376

Đoàn Thị Đạt	1955	Nữ	Kinh	Thôn Yên Hoà		QĐ số: 57/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đặng Thị Thuởng	1983	Nữ	Kinh	Thôn Yên Hoà		QĐ số: 57/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Ngô Quốc Doang	1960	Nam	Kinh	Thôn Hoà Bình		QĐ số: 56/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đặng Thị Sâm	1981	Nữ	Kinh	Thôn Hoà Bình		QĐ số: 56/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Trần Thị Lan	1950	Nữ	Kinh	Thôn Hoà Bình		QĐ số: 56/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Hoàng Văn Sơn	1960	Nam	Kinh	Thôn Hoà Bình		QĐ số: 56/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đinh Văn Ngu	1957	Nam	Kinh	Thôn Hoà Bình		QĐ số: 56/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đinh Thị Lan	1966	Nữ	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 54/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Dương Xuân Đắc	1969	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 54/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đặng Văn Được	1955	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 54/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Cao Văn Thái	1954	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 54/QĐ-UBND ngày 13/7/2022

2377
2378
2379
2380
2381
2382
2383
2384
2385
2386
2387

Trần Thị Hoa	1984	Nữ	Kinh	Thôn 1		QĐ số: 54/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Thảo	1980	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 53/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Trần Xuân Thắng	1963	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 53/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Văn Cung	1967	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 53/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Văn Hào	1965	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 53/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đặng Thị Loan	1972	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số: 53/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Hằng	1957	Nữ	Kinh	Thôn 3	TC NN	QĐ số: 52/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Hiền	1976	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 52/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Lê Thuý Hằng	1978	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 52/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Vân	1968	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 52/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Thoả	1956	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số: 52/QĐ-UBND ngày 13/7/2022

2388
2389
2390
2391
2392
2393
2394
2395
2396
2397
2398

Nguyễn Văn Giang	1959	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 51/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Trần Thị Tách	1962	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 51/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đặng Xuân Vinh	1955	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 51/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Văn Đồng	1988	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 51/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Thuý	1959	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số: 51/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Tuyền	1984	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số: 50/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đinh Thị Nga	1991	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số: 50/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Đắc Sến	1985	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số: 50/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đinh Thị Nhuận	1948	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số: 50/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Trịnh Thị Nhài	1982	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số: 50/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Bùi Thị Hằng	1965	Nữ	Kinh	Thôn 6		QĐ số: 49/QĐ-UBND ngày 13/7/2022

2399
2400
2401
2402
2403
2404
2405
2406
2407
2408
2409

Nguyễn Văn Khởi	1956	Nam	Kinh	Thôn 6		QĐ số: 49/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Trần Văn Chín	1954	Nam	Kinh	Thôn 6		QĐ số: 49/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Dương Thị Mạnh	1953	Nữ	Kinh	Thôn 6		QĐ số: 49/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Hồng Hiệu	1976	Nam	Kinh	Thôn 6		QĐ số: 49/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Đinh Văn Luân	1964	Nam	Kinh	Thôn 7		QĐ số: 48/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Nguyễn Thị Hương	1973	Nữ	Kinh	Thôn 7		QĐ số: 48/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Hoàng Như Khuê	1953	Nam	Kinh	Thôn 7		QĐ số: 48/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Phùng Xuân Luận	1953	Nam	Kinh	Thôn 7		QĐ số: 48/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
Hoàng Thị Phú	1983	Nữ	Kinh	Thôn 7		QĐ số: 48/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
K' Túc	1970	Nam	Mạ	Thôn 8	SC QS	QĐ số: 47/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
K' Doá	1965	Nam	Mạ	Thôn 8		QĐ số: 47/QĐ-UBND ngày 13/7/2022

2410		K' Trung	1973	Nam	Mạ	Thôn 8		QĐ số: 47/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2411		K' Tàng	1988	Nam	Mạ	Thôn 8		QĐ số: 47/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2412		Ka Yong	1970	Nữ	Mạ	Thôn 8		QĐ số: 47/QĐ-UBND ngày 13/7/2022
2413	Xã Đạ Kho	Vũ Văn Nuôi	1951	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2414		Cần Văn Cường	1986	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2415		Kiều Quang Thà	1956	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2416		Nguyễn Thị Hồng Vân	1997	Nữ	Kinh	Thôn 1		QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2417		Hoàng Văn Hùng	1949	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2418		Phạm Thị Hải Âu	1994	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2419		Trịnh Xuân Hùng	1988	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2420		Vũ Văn Ánh	1982	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 19/04/2024

2421
2422
2423
2424
2425
2426
2427
2428
2429
2430
2431

Vũ Văn Sáng	1986	Nam	Kinh	Thôn 2		QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Bích Hằng	1969	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Hoàng Thị Sen	1954	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
La Thị Thanh	1964	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Trần Anh Hùng	1977	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Đinh Xuân Lập	1982	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Phạm Thị Thanh	1967	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Bùi Văn Mĩ	1963	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Văn Thoan	1975	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Trần Thị Thẩn	1956	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Quán Thị Mười	1965	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 19/04/2024

2432
2433
2434
2435
2436
2437
2438
2439
2440
2441
2442

Ngô Thị Chính	1965	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số 63/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Đoàn Thị Liệu	1972	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số 63/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Xuân Tiến	1976	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số 63/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Dương Văn Hoàn	1954	Nam	Kinh	Thôn 5		QĐ số 63/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Lê Thị Phòng	1965	Nữ	Kinh	Thôn 5		QĐ số 63/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Khánh	1965	Nữ	Kinh	Thôn 6		QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Hiền	1959	Nữ	Kinh	Thôn 6		QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Trần Đại Đức	2002	Nam	Kinh	Thôn 6		QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Phạm Thị Hoa	1980	Nữ	Kinh	Thôn 6		QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Phạm Văn Thịnh	1963	Nam	Kinh	Thôn 7		QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Phạm Quý Hiếu	1975	Nam	Kinh	Thôn 7		QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 19/04/2024

2443
2444
2445
2446
2447
2448
2449
2450
2451
2452
2453

Nguyễn Trường Sơn	1971	Nam	Kinh	Thôn 7		QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Lý	1966	Nữ	Kinh	Thôn 7		QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Bôi	1954	Nữ	Kinh	Thôn 7		QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Bùi Văn Xuân	1963	Nam	Kinh	Thôn 8		QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Văn Nhường	1965	Nam	Kinh	Thôn 8		QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Thanh Trường	1988	Nữ	Kinh	Thôn 8		QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Nguyễn Thị Dung	1956	Nữ	Kinh	Thôn 8		QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Phạm Văn Phong	1965	Nam	Kinh	Thôn 9		QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Tường Duy Thường	1959	Nam	Kinh	Thôn 9		QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Phạm Thị Diệu	1989	Nữ	Kinh	Thôn 9		QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
Lê Hồng Khanh	1966	Nam	Kinh	Thôn 9		QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 19/04/2024

2454		Nguyễn Văn Minh	1970	Nam	Kinh	Thôn 9		QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 19/04/2024
2455	Xã Dạ Pal	Vũ Sơn Hưng	1957	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2456		Đinh Quang Tuyển	1976	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2457		Phạm Xuân Thịnh	1976	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2458		Phạm Thị Thu	1966	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thượng	Trung cấp	QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2459		Đặng Tiến Phong	1982	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2460		Đặng Tiến Chung	1974	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2461		Vũ Thị Dần	1988	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2462		Lê Thị Kiên	1973	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2463		Đinh Xuân Kiên	1961	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thượng		QĐ số: 25/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2464		K' Tuyen	1966	Nam	Châu Mạ	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020

2465
2466
2467
2468
2469
2470
2471
2472
2473
2474
2475

Võ Thị Chi	1953	Nữ	Kinh	Thôn Tôn K' Long	Trung cấp	QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Ka Thẻo	1973	Nữ	Châu Mạ	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
K' Linh	1985	Nam	Châu Mạ	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
K' Hấu	1959	Nam	Châu Mạ	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Trần Trọng Thực	1992	Nam	Kinh	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
K' Brôl	1968	Nam	Châu Mạ	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Ka Sòn	1995	Nữ	Châu Mạ	Thôn Tôn K' Long		QĐ số: 26/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Mai Văn Vương	1975	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Vũ Đức Vương	1955	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Trần Ngọc Cẩm	1987	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Đinh Thị Sen	1958	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thành	Đại học	QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020

2476
2477
2478
2479
2480
2481
2482
2483
2484
2485
2486

Vũ Thị Hương	1971	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Bùi Minh Hoàng	1972	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Vũ Đức Huệ	1978	Nam	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Nguyễn Thị Lan	1966	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Thành		QĐ số: 27/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Nguyễn Thị Nhung	1984	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Châu		QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Đinh Tiến Thành	1960	Nam	Kinh	Thôn Xuân Châu		QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Nguyễn Hoàng Bình	1982	Nam	Kinh	Thôn Xuân Châu		QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Nguyễn Văn Dương	1979	Nam	Kinh	Thôn Xuân Châu	Trung cấp	QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Phạm Thị Doan	1965	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Châu		QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Lương Thanh Ngân	1989	Nam	Kinh	Thôn Xuân Châu		QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
Phạm Văn Cương	1978	Nam	Kinh	Thôn Xuân Châu	Sơ cấp	QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020

2487			Nguyễn Thế Đắc	1985	Nam	Kinh	Thôn Xuân Châu		QĐ số: 28/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2488			Nguyễn Thị Hương	1968	Nữ	Kinh	Thôn Bình Hòa		QĐ số: 29/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2489			Cao Văn Thắm	1965	Nam	Kinh	Thôn Bình Hòa		QĐ số: 29/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2490			Vũ Viết Chín	1956	Nam	Kinh	Thôn Bình Hòa		QĐ số: 29/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2491			Vũ Thị Hào	1952	Nữ	Kinh	Thôn Bình Hòa		QĐ số: 29/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2492			Nguyễn Văn Dương	1969	Nam	Kinh	Thôn Bình Hòa		QĐ số: 29/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2493			Nguyễn Thị Ty	1965	Nữ	Kinh	Thôn Bình Hòa		QĐ số: 29/QĐ-UBND ngày 03/06/2020
2494	Huyện Đam Rông	Xã Đạ R'sal	Lê Văn Rụ	1968	Nam	Kinh	Tân Tiến		Số: 20/QĐ - UBND ngày 12/03/2021
2495			Đinh Văn Nhừ	1959	Nam	Kinh	Tân Tiến		
2496			Trần Thị Luyến	1965	Nữ	Kinh	Tân Tiến		
2497			Phan Văn Tuấn	1965	Nam	Kinh	Tân Tiến		
2498			Nguyễn Thị Tình	1976	Nữ	Kinh	Tân Tiến		
2499			Vũ Văn Thiết	1990	Nam	Kinh	Tân Tiến		
2500			Trần Văn Tuyền	1969	Nam	Kinh	Phi Có		Số: 25/QĐ - UBND ngày 25/04/2022
2501			Nguyễn Thị Thơm	1990	Nữ	Kinh	Phi Có		
2502			Nguyễn Tiến Vượng	1968	Nam	Kinh	Phi Có	Trung Cấp	
2503			Đào Thanh Tuấn	1970	Nam	Kinh	Phi Có	Trung Cấp	
2504			Đào Quốc Toàn	1999	Nam	Kinh	Phi Có		
2505			Trần Viết Ủy	1954	Nam	Kinh	Phi Có	Cao Đẳng	

2506	Vũ Thị Lan	1958	Nữ	Kinh	Phi Có		Số: 23/QĐ - UBND ngày 12/03/2021
2507	Võ Xuân lộc	1968	Nam	Kinh	Liên Hương		
2508	Phùng văn Thịnh	1979	Nam	Kinh	Liên Hương		
2509	Lê Phúc Hưng	1993	Nam	Kinh	Liên Hương		
2510	Phạm Thị Tuyền	1972	Nam	Kinh	Liên Hương		
2511	Phùng Văn Lập	1988	Nam	Kinh	Liên Hương	Trung Cấp	
2512	Nông Thị Huyền	1984	Nữ	Tày	Liên Hương		
2513	Lê Văn Ngải	1976	Nam	Kinh	Liên Hương		Số: 19/QĐ - UBND ngày 12/03/2021
2514	Nguyễn Văn Xuân	1959	Nam	Kinh	Đắk Măng	Trung cấp	
2515	Nguyễn Văn Sơn	1968	Nam	Kinh	Đắk Măng		
2516	Nguyễn Thị Hương	1974	Nam	Kinh	Đắk Măng		
2517	Phùng Tuấn Vũ	1970	Nam	Kinh	Đắk Măng		
2518	Lê Xuân Huy	1975	Nam	Kinh	Đắk Măng		
2519	Phùng Thị Tâm	1975	Nam	Kinh	Đắk Măng		
2520	Trịnh Thị Vân	1970	Nam	Kinh	Đắk Măng		Số: 40/QĐ - UBND ngày 03/03/2023
2521	Trần Văn Phương	1972	Nam	Kinh	P. P. Nâm		
2522	Trần Quang Vinh	1972	Nam	Kinh	P. P. Nâm		
2523	Nguyễn Thanh Sơn	1980	Nam	Kinh	P. P. Nâm		
2524	Đinh Thị Thanh Tuyền	1991	Nữ	Kinh	P. P. Nâm		
2525	Nguyễn Tấn Văn	1952	Nam	Kinh	P. P. Nâm		
2526	Rơ Nang Y Xuân	1966	Nam	Kinh	P. P. Nâm		
2527	Trần Văn Trung	1982	Nữ	Kinh	P. P. Nâm		
2528	Rơ Nang Y Giáp	1977	Nam	Kinh	P. P. Nâm		
2529	Nguyễn Chín	1967	Nam	Kinh	P. P. Dong		
2530	Pang Pê Y B Ya	1976	Nam	M'nông	P. P. Dong		Số: 39/QĐ - UBND ngày 03/03/2023
2531	Bon K Rong Y Rong	1979	Nam	M'nông	P. P. Dong		
2532	Nờm H' Dem	1997	Nữ	M'nông	P. P. Dong		
2533	Rơ Ong Y Song	1976	Nam	M'nông	P. P. Dong	Trung Cấp	
2534	Phạm Văn Học	1960	Nam	Kinh	P. P. Dong		
2535	Cil Y Krang	1987	Nam	M'nông	P. P. Dong		
2536	Vũ Văn Hảo	1967	Nam	Kinh	Phi Jút		
2537	Pang Pê Y Nhang	1991	Nam	M'nông	Phi Jút		
2538	Trương Thị Khánh Ly	1969	Nam	M'nông	Phi Jút	Đại Học	

2539		Rơ Lúk Y Nhất	1977	Nam	M'ông	Phi Jút		Số: 22/QĐ - UBND ngày 12/03/2021
2540		K' Phiên	2001	Nam	M'ông	Phi Jút		
2541		Sruk Y Lợi	1979	Nam	Kinh	Phi Jút		
2542		Nguyễn Quang Sáng	1956	Nam	Kinh	Phi Jút		
2543		Lưu Văn Quý	1973	Nam	Kinh	Phi Jút		
2544		Nguyễn Thế Bảo	1977	Nam	M'ông	Phi Jút		
2545	Xã Đạ K'nàng	K' Bông	2001	Nam	Cil	Păng Báh		QĐ Số 222/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2546		Triệu Văn Lưu	1979	Nam	Kinh	Păng Báh		
2547		Bàn Văn Sinh	1956	Nam	Kinh	Păng Báh		
2548		K' Róc	1973	Nam	Kinh	Păng Báh		
2549		Bàn Văn Hòa	1986	Nam	Dao	Păng Báh		
2550		Bàn Tiến Bình	1987	Nam	Dao	Đạ Pin		QĐ Số 221/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2551		Hoàng Kim Vượng	1978	Nam	Dao	Đạ Pin		
2552		Nguyễn Thế Tài	1977	Nam	Kinh	Đạ Pin		
2553		Dương Thanh Tâm	1961	Nữ	Dao	Đạ Pin		
2554		Bàn Nguyên Đức	1975	Nam	Dao	Đạ Pin		
2555		K' Bát	1984	Nam	Cơ ho	Păng Dung		QĐ Số 223/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2556		Bàn Tiến Minh	1971	Nam	Dao	Păng Dung		
2557		Liêng Hót K' Nêu	1982	Nữ	Chil	Păng Dung	TC	
2558		K' Miss	1988	Nam	Cơ Ho	Păng Dung		
2559		Hoàng Văn Dũng	1992	Nam	Kinh	Păng Dung	ĐH luật	
2560		Kon Sơ Ha Tuy	1974	Nam	Chil	Đạ K' Nàng		QĐ Số 220/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2561		Mbon K' Nguyệt	1986	Nữ	Chil	Đạ K' Nàng		
2562		Y Ten Hlong	1990	Nam	Mnông	Đạ K' Nàng	CĐ	
2563		Kon Sơ Ha Be	1944	Nam	Chil	Đạ K' Nàng		
2564		Lương Khắc Trì	1963	Nam	Kinh	Đạ K' Nàng		
2565		Nguyễn Xuân Quang	1962	Nam	Kinh	Đạ Sơn	TC	QĐ Số 219/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2566		K' Yàng	1972	Nam	Mạ	Đạ Sơn		
2567		Nguyễn Văn Nguyên	1978	Nam	Kinh	Đạ Sơn		
2568		Nguyễn Thị Ái Hoa	1963	Nữ	Kinh	Đạ Sơn		
2569		Đặng Kim Đại	1889	Nam	Kinh	Đạ Sơn	CĐ	
2570		Mbon Ha Bình	1963	Nam	Chil	Đạ Mun		QĐ Số 218/QĐ-
2571		Kon Sơ K' Ha	1995	Nữ	Chil	Đạ Mun		

2572		Cil K' Tuyên	1991	Nữ	Chil	Đạ Mun		UBND ngày 27/12/2023
2573		Kon Sa K' Thảo	1989	Nữ	Chil	Đạ Mun		
2574		Lê Xuân Tuân	1969	Nam	Kinh	Đạ Mun		
2575		K' Sơn	1967	Nam	Cơ ho	Pul		QĐ Số 218/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2576		K' Mộc	1966	Nam	Cơ ho	Pul		
2577		K' Hương	1992	Nữ	Cơ ho	Pul		
2578		K' Huệ	1994	Nữ	Cơ ho	Pul		
2579		Nguyễn Thị Thuỷ	1976	Nữ	Kinh	Pul		QĐ Số 216/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2580		Nguồn Văn Hà	1991	Nam	Kinh	Tân Trung	TC	
2581		Nguyễn Thị Thâm	1966	Nữ	Tày	Tân Trung		
2582		Tưởng Thị Nhâm	1962	Nữ	Kinh	Tân Trung		
2583		Đặng Thị Thanh Vân	1989	Nữ	Kinh	Tân Trung	ĐH	
2584		Hoàng Văn Kiên		Nam	Nùng	Tân Trung	ĐH Luật	
2585		Bùi Thanh Nam	1990	Nam	Kinh	Trung Tâm	TC	QĐ Số 215/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2586		Nguyễn Văn Quân	1971	Nam	Kinh	Trung Tâm	ĐH	
2587		Phí Thị Loan	1963	Nữ	Kinh	Trung Tâm		
2588		Nguồn Thị Gấm	1974	Nữ	Kinh	Trung Tâm		
2589		Trương Văn Thắng	1987	Nam	Kinh	Trung Tâm		
2590		Nguyễn Đình Cầm	1955	Nam	Kinh	Lăng Tô		QĐ Số 215/QĐ- UBND ngày 27/12/2023
2591		K' Sơn	1998	Nam	Cơ ho	Lăng Tô		
2592		Ha Húy	1967	Nam	Cơ ho	Lăng Tô		
2593		Đào Thị Hoa	1972	Nữ	Kinh	Lăng Tô		
2594		K' Mai	1985	Nữ	Cơ ho	Lăng Tô		
2595	xã Đạ Long	Mbon Ha Siết	1981	Nam	Chil	Thôn 1		QĐ số 47/QĐ- UBND, ngày 09/04/2019
2596		Liêng Hót Ha Phương	1966	Nam	Chil	Thôn 1		
2597		Liêng Hót Ha Khen	1945	Nam	Chil	Thôn 1		
2598		Liêng Hót K' Phên	1989	Nữ	Chil	Thôn 1		
2599		Kơ Să Ha Gôn	1943	Nam	Chil	Thôn 1		
2600		Kơ Să Ha Cư	1991	Nam	Chil	Thôn 2		QĐ số 156/QĐ- UBND, ngày 11/07/2022
2601		Cơ Liêng K' Ôn	1985	Nữ	Chil	Thôn 2		
2602		Liêng Jrang K' Pham	1980	Nữ	Chil	Thôn 2		
2603		Liêng Hót Lê Vi	1992	Nam	Chil	Thôn 2		
2604		Liêng Hót Ha Nrang	1951	Nam	Chil	Thôn 2		

2605	Xã Liêng Srônh	Cơ Liêng Ha Đông	1988	Nam	Chil	Thôn 3		QĐ số 49/QĐ-UBND, ngày 09/04/2019
2606		Kơ Să Ha Chang	1989	Nam	Chil	Thôn 3		
2607		Liêng Hót Ha Chú	1951	Nam	Chil	Thôn 3		
2608		Cơ Liêng Ha Khiêm	1985	Nam	Chil	Thôn 3		
2609		Kơ Să K' Hăng	1988	Nữ	Chil	Thôn 3		
2610		Kră Jăn Ha Pút	1964	Nam	Chil	Thôn 4		QĐ số 50/QĐ-UBND, ngày 09/04/2019
2611		Liêng Hót Ha Sĩ	1988	Nam	Chil	Thôn 4		
2612		Cil Ha Nal	1962	Nam	Chil	Thôn 4		
2613		Liêng Hót Si Môn	1982	Nam	Chil	Thôn 4		
2614		Rơ Ông Ha Krong	1943	Nam	Chil	Thôn 4		
2615		Cơ Liêng Ha Ninh	1981	Nam	Chil	Thôn 1		QĐ Số 92/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2616		Rơ Ông Ha Tương	1984	Nam	Chil	Thôn 1		
2617		Rơ Ông Ha Jràng	1958	Nam	Chil	Thôn 1		
2618		Rơ Ông K' Đú	1975	Nữ	Chil	Thôn 1		
2619		Rơ Ông Ha Xuân	1986	Nam	Chil	Thôn 1		
2620		K' Trung	1986	Nam	Mạ	Thôn 1		QĐ Số 91/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2621		Bon Krông K' Hân	1975	Nam	Mạ	Thôn 2		
2622		K' Tăm	1987	Nam	Mạ	Thôn 2		
2623		Ndu K' Hai	1977	Nam	Mạ	Thôn 2		
2624		Kon Yông Ha Khiếp	1992	Nam	Mạ	Thôn 2	ĐH	
2625		Nguyễn Thị Lan	1963	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ Số 90/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2626		K' Kông	1981	Nam	K' Ho	Thôn 2		
2627		Kră Janh Ha Blăh	1970	Nam	Chil	Thôn 3		
2628		Long Dinh K' Xuân	1990	Nữ	Chil	Thôn 3		
2629		Rơ Ông K' Hòa	1993	Nữ	Chil	Thôn 3		
2630		Đông Thị Ngọc Trinh	1985	Nữ	Kinh	Thôn 3		QĐ Số 89/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2631		Mi Sel Hồng Mơ	1981	Nữ	Chil	Thôn 3		
2632		Cil Ha Krông	1968	Nam	Chil	Thôn 3		
2633		Bon Niêng Ha Tiêng	1980	Nam	Chil	Thôn 4		
2634		Cil Ha Nam	1989	Nam	Chil	Thôn 4		
2635		Nguyễn Thị Hồng Loan	1958	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ Số 89/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2636		Rơ Ông Ha Chùng	1935	Nam	Chil	Thôn 4		
2637		Rơ Ông Ha Tràng	1982	Nam	Chil	Thôn 4		

2638		Kơ Să K' Bài	1963	Nữ	Chil	Thôn 4		
2639		K' Lêm	1987	Nữ	Mạ	Thôn 5		
2640		K' Lan	1989	Nữ	Mạ	Thôn 5		QĐ Số 93/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
2641		Pang Tinh K' Măng	1973	Nữ	Mạ	Thôn 5		
2642		Rơ Ông Ha Srieét	1966	Nam	Mạ	Thôn 5		
2643		Pang Tas Y Sương	1990	Nam	Mạ	Thôn 5		
2644	Xã Phi Liêng	Nguyễn Văn Xuân	1963	Nam	Kinh	Đồng Tâm		QĐ Số 85/QĐ-UBND ngày 08/7/2021
2645		Nguyễn Văn Huệ	1965	Nam	Kinh	Đồng Tâm		
2646		Đỗ Thị Tuyết Lan	1968	Nữ	Kinh	Đồng Tâm		
2647		Hà Thị Tòà	1959	Nữ	Kinh	Đồng Tâm		
2648		Trần Văn Thiệp	1974	Nam	Kinh	Đồng Tâm		
2649		Ngô Mạnh Hùng	1974	Nam	Kinh	Trung Tâm		QĐ Số 99/QĐ-UBND ngày 24/8/2023
2650		Đỗ Thị Loan	1958	Nữ	Kinh	Trung Tâm		
2651		Tô Xuân Tuấn	1969	Nam	Kinh	Trung Tâm		
2652		Nguyễn Thị Mây	1971	Nữ	Kinh	Trung Tâm		
2653		Trần Văn Thường	1977	Nam	Kinh	Trung Tâm		
2654		Trần Đình Lưu	1963	Nam	Kinh	Thanh Bình		QĐ Số 86/QĐ-UBND ngày 08/7/2021
2655		Lê Văn Nôm	1955	Nam	Nùng	Thanh Bình		
2656		Nguyễn Thị Thúy	1964	Nữ	Kinh	Thanh Bình		
2657		Lê Văn Hùng	1985	Nam	Nùng	Thanh Bình		
2658		Đinh Văn Diễn	1973	Nam	Nùng	Thanh Bình		
2659		K' Nhắc	1980	Nam	Mạ	Păng Sim		QĐ Số 87/QĐ-UBND ngày 08/7/2021
2660		Hoàng Tùng	1979	Nam	Kinh	Păng Sim	ĐH Luật	
2661		K' Bang	1957	Nam	Mạ	Păng Sim		
2662		Nguyễn Thị Phương	1968	Nữ	Kinh	Păng Sim		
2663		Đinh Văn Luyện	1983	Nam	Kinh	Păng Sim		
2664		K' Biền	1989	Nữ	Cơ Ho	Boblé		QĐ Số 105/QĐ-UBND ngày 09/9/2022
2665		Nguyễn Thị Hải	1964	Nữ	Kinh	Boblé		
2666		K' Bang	1955	Nam	Cơ Ho	Boblé		
2667		Trần Thị Tươi	1982	Nữ	Kinh	Boblé		
2668		Nguyễn Đình Lâm	1969	Nam	Kinh	Boblé		
2669		Nguyễn Viết Hoàng	1963	Nam	Kinh	Bobblla		QĐ Số 88/QĐ-
2670		K' Lo	1995	Nam	Mạ	Bobblla		

2671		K' Bàng	1991	Nam	Mạ	Bobbla		UBND ngày 08/7/2021
2672		Đặng T Hồng Phụng	1989	Nữ	Kinh	Bobbla		
2673		K' Rát	1969	Nam	Mạ	Bobbla		
2674		Vàng A Phong	2001	Nam	Hmông	Dong Glê		QĐ Số 98/QĐ- UBND ngày 24/8/2023
2675		Cháo Lao Lở	1988	Nam	Hmông	Dong Glê		
2676		Mùa Pua Sủ	1960	Nam	Hmông	Dong Glê		
2677		Giàng Thị Mải	1985	Nữ	Hmông	Dong Glê		
2678		Giàng A Hồng	1996	Nam	Hmông	Dong Glê		
2679		Sùng Văn Chiến	1989	Nam	Hmông	Dong Glê		QĐ Số 106/QĐ- UBND ngày 209/9/2022
2680		K' Thu	1991	Nam	Mạ	Liêng Đông	TC	
2681		Đỗ Văn Toàn	1982	Nam	Kinh	Liêng Đông		
2682		K' Sang	1973	Nam	Cơ Ho	Liêng Đông		
2683		K' Bảo	1989	Nam	Mạ	Liêng Đông		
2684		H' Lêk	1998	Nữ	Mạ	Liêng Đông		
2685	xã Đạ M'rông	Kră Jăn Ha Bích	1987	Nam	Chil	Thôn Đa Tề		QĐ Số 58/QĐ- UBND ngày 15/4/2024
2686		Kră Jăn Ha Thi	1974	Nam	Chil	Thôn Đa Tề		
2687		Liêng Jrang Ha Tương	1956	Nam	Chil	Thôn Đa Tề	CD	
2688		Kră Jăn Ha Jim	1952	Nam	Chil	Thôn Đa Tề		
2689		Kră Jăn Ma Đa Lên	1993	Nữ	Chil	Thôn Đa Tề		
2690		Kon Sơ Ha Mais	1977	Nam	Chil	Thôn Đa Tề		QĐ Số 59/QĐ- UBND ngày 15/4/2024
2691		Kră Jăn Ha Bảy	1995	Nam	Chil	Thôn Đa Tề		
2692		Đa Cát Ha Tông	1978	Nam	M'Nông	Thôn LK 2		
2693		Mok Ha Đim	1979	Nam	M'Nông	Thôn LK 2		
2694		Srố Ha Bri	1987	Nam	M'Nông	Thôn LK 2	ĐH	
2695		Rơ Lík K' Thim	1997	Nữ	M'Nông	Thôn LK 2		
2696		Pang Ting K' Ghi	1994	Nữ	M'Nông	Thôn LK 2		QĐ Số 60/QĐ- UBND ngày 15/4/2024
2697		Đa Cát Ha Dương	1961	Nam	M'Nông	Thôn LK 2		
2698		Dong Jri Ha Đôn	1952	Nam	M'Nông	Thôn LK 2		
2699		Đa Cát Ha Long	1987	Nam	M'Nông	Thôn Tu La		
2700		Tría Ha Bel	1979	Nam	M'Nông	Thôn Tu La		
2701		Phi Srố Ha Chong	1968	Nam	M'Nông	Thôn Tu La		QĐ Số 60/QĐ- UBND ngày 15/4/2024
2702		Ndu K' Oì	1988	Nữ	M'Nông	Thôn Tu La		
2703		Ntor Ha Song	1986	Nam	M'Nông	Thôn Tu La		

2704		Cil Ya Trang	1992	Nam	M'Nông	Thôn Tu La		
2705		Long Ding Ha Lồng	1993	Nam	M'Nông	Thôn Tu La		
2706		Đa Cát Krêm	1982	Nam	M'Nông	Thôn LK1	TC	
2707		Ndu Ha Toanh	1985	Nam	M'Nông	Thôn LK1		
2708		Kră Jăn Ha Hoàng	1996	Nam	M'Nông	Thôn LK1		
2709		Rơ Lík K' Lai	1970	Nữ	M'Nông	Thôn LK1		
2710		Phi Srôn Ha Tang	1986	Nam	M'Nông	Thôn LK1		
2711		Liêng Hót Ha Nghanh	1946	Nam	M'Nông	Thôn LK1		
2712		Tría K' Proh	1987	Nữ	M'Nông	Thôn LK1		
2713		Đa Cát Ha Doanh	1985	Nam	M'Nông	Thôn Đa Xế	TC	
2714		Pang Ting Ha Phong	1995	Nam	M'Nông	Thôn Đa Xế	ĐH	
2715		Rơ Lík Ha Dương	1990	Nam	M'Nông	Thôn Đa Xế		
2716		Cil K' Thuyên	1984	Nữ	M'Nông	Thôn Đa Xế		
2717		Ndu Ha Chem	1984	Nam	M'Nông	Thôn Đa Xế		
2718		Đa Cát K' Đan	1986	Nữ	M'Nông	Thôn Đa Xế		
2719		Ndu Ha Tro	1939	Nữ	M'Nông	Thôn Đa Xế		
2720		Kră Jăn K' Nguyên	1990	Nữ	M'Nông	Thôn Đa La	ĐH	
2721		Rơ Lík Ha Siêng	1986	Nam	M'Nông	Thôn Đa La		
2722		Srố K' Glang	1993	Nữ	M'Nông	Thôn Đa La		
2723		Ntor Ha Chinh	1987	Nam	M'Nông	Thôn Đa La		
2724		Ntôl Ha Quỳnh	1996	Nam	M'Nông	Thôn Đa La		
2725		Đa Cát K' Loanh	1990	Nữ	M'Nông	Thôn Đa La		
2726		Pang Ting Ha Chiến	1979	Nam	M'Nông	Thôn Đa La		
2727	Xã Đa Tông	Liêng Hót Ha Tang	1994	Nam	Chil	Đạ Kao 2	Không	
2728		Rơ Ông Ha En	1987	Nam	Chil	Đạ Kao 2	Không	
2729		Liêng Hót Ha Liêng	1989	Nam	Chil	Đạ Kao 2	TC AN-TT	
2730		Liêng Hót Ha Khánh	1989	Nam	Chil	Đạ Kao 2	Không	
2731		Rơ Ông K' In	1995	Nữ	Chil	Đạ Kao 2	Không	
2732		Liêng Hót Ha Chong	1930	Nữ	Chil	Đạ Kao 2	Không	
2733		Rơ Ông Ha Kriêng	1989	Nam	Mnông	Đạ Ninh 1	Không	
2734		Kơ Tría Ha Đông	1987	Nam	Mnông	Đạ Ninh 1	Không	
2735		Liêng Jrang K' Gút	1986	Nữ	Mnông	Đạ Ninh 1	Không	
2736		Bon Dong Ha Pôt	1991	Nam	Mnông	Đạ Ninh 1	Không	

QĐ Số 61/QĐ-
UBND ngày
15/4/2024

QĐ Số 62/QĐ-
UBND ngày
15/4/2024

QĐ Số 63/QĐ-
UBND ngày
15/4/2024

Quyết định số
122/QĐ-UBND
ngày 27/4/2023

Quyết định số
121/QĐ-UBND
ngày 27/4/2023

2737	Đa Cát Ha Thân	1997	Nam	Mnông	Đạ Ninh 1	Không	ngày 27/4/2023
2738	Đa Cát Ha Sung	19	Nam	Mnông	Đạ Ninh 1	Không	
2739	Kon Yông Ha Liêng	1990	Nam	Mnông	Đạ Ninh 2	TC quản lý đất đai	Quyết định số 120/ QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2740	Ndu Ha Thái	1988	Nam	Mnông	Đạ Ninh 2	Không	
2741	Đa Cát Ha Tiên	1993	Nam	Mnông	Đạ Ninh 2	Không	
2742	Liêng Jrang Ha Chong	1987	Nam	Mnông	Đạ Ninh 2	Không	
2743	Liêng Hót K' Hương	1996	Nữ	Mnông	Đạ Ninh 2	Không	
2744	Kră Đà Ha Krang	1961	Nam	Mnông	Đạ Ninh 2	Không	
2745	Ntor Ha Xoa	1988	Nam	Mnông	Liêng Trang 1	Không	
2746	R' Yam Ha Ser	1994	Nam	Mnông	Liêng Trang 1	TC quản lý đất đai	Quyết định số 119 ngày 27/4/2023
2747	Ntor Ha Tuynh	1986	Nam	Mnông	Liêng Trang 1	Không	
2748	Liêng Hót Ha Soan	1989	Nam	Mnông	Liêng Trang 1	Không	
2749	Liêng Jrang K' Sinh	1985	Nữ	Mnông	Liêng Trang 1	Không	
2750	Ntor Ha Bang	1960	Nam	Mnông	Liêng Trang 1	Không	
2751	Lê Văn Lâm	1990	Nam	Kinh	Liêng Trang 2	Không	
2752	Kơ Să Ha Brăn	1987	Nam	Mnông	Liêng Trang 2	Không	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2753	Kơ Să K' Wel	1994	Nữ	Mnông	Liêng Trang 2	Không	
2754	Ntor Ha Yôm	1991	Nam	Mnông	Liêng Trang 2	Không	
2755	Kơ Să K' Yur	1987	Nữ	Mnông	Liêng Trang 2	Không	
2756	Liêng Hót Ha Nghe	1958	Nam	Mnông	Liêng Trang 2	Không	
2757	Liêng Hót Ha Priêr	1988	Nam	Chil	CCCM	TC tin học	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2758	Rơ Jê Ha Mi	1987	Nam	Chil	CCCM	Không	
2759	Liêng Hót Ha Măn	1988	Nam	Chil	CCCM	Không	
2760	Rơ Jê K' Lùng	1994	Nữ	Chil	CCCM	Không	
2761	Liêng Hót Ha Chin	1988	Nam	Chil	CCCM	Không	
2762	Cơ Liêng Ha Tang	1968	Nam	Chil	CCCM	Không	
2763	Kơ Să Y Sao	1986	Nam	Chil	CCCM	Không	
2764	Cơ Liêng Ha Tiêng	1946	Nam	Chil	CCCM	Không	
2765	Cil Ha Bang	1953	Nam	Mnông	CCCM	Không	
2766	Cil Rê Mi	1977	Nam	Chil	Mê Ka	TC an ninh	Quyết định số 116/QĐ-UBND
2767	Liêng Hót K' Jang	1987	Nữ	Chil	Mê Ka	TC nông nghiệp	

2768			Cơ Liêng K' Xuân	1997	Nữ	Chil	Mê Ka	Không	110/QĐ-UBND ngày 27/4/2023
2769			Lơ Mu Gia Kốp	1996	Nam	Chil	Mê Ka	Không	
2770	Huyện Đức Trọng	UBND Xã Ninh Gia	Phan Văn Lới	1965	Nam	Kinh	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 02/06/2022
2771			Phạm Văn Hường	1960	Nam	Kinh	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2772			Nguyễn Hữu Bình	1959	Nam	Kinh	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2773			Nguyễn Mạnh Hiền	1957	Nam	Kinh	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2774			Nguyễn Văn Lợi	1965	Nam	Kinh	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2775			Lương Văn Lễ	1979	Nam	Nùng	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2776			Phạm Thị Hoa	1968	Nữ	Kinh	Hiệp Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2777			Hồ Hữu Hiền	1944	Nam	Kinh	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2778			Huỳnh Ngọc Ánh	1970	Nam	Kinh	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2779			Nguyễn Văn Huyền	1979	Nam	Kinh	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2780			Lê Văn Hay	1967	Nam	Kinh	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2781			K' Êđê	1964	Nam	Cil	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2782			Trần Quý	1957	Nam	Kinh	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2783			Trần Thị Liên	1964	Nữ	Kinh	Ninh Thiện	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2784			Bùi Quang Doanh	1965	Nam	Churu	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2785	Vũ Thị Tươi	1963	Nữ	Kinh	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2786	Đặng Hoài Hận	1988	Nam	Kinh	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2787	Nguyễn Văn Lăng	1965	Nam	Kinh	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2788	Nguyễn Kim Minh	1987	Nam	Kinh	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2789	Trần Thị Thu Thủy	1978	Nữ	Kinh	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2790	Huỳnh Thị Tuyết Nga	1954	Nữ	Kinh	Hiệp Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2791	K' Bróp	1980	Nam	Kơ ho	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2792	K' Tin	1960	Nam	Cil	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2793	Bùi Thị Thu	1975	Nữ	Kinh	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2794	Ngô Thị Ánh	1972	Nữ	Kinh	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2795	K' Lin	1975	Nam	Cil	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2796	K' Đin	1960	Nam	Cil	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2797	K' Sơ Ao Ha Soái	1996	Nam	Cil	Đăng Srôn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2798	Bùi Quốc Phụng	1996	Nam	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2799	Nguyễn Đình Thủy	1965	Nam	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2800	Phạm Thị Vân	1988	Nữ	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số

2801	Vũ Văn Liên	1956	Nam	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2802	Nguyễn Tuyết Cương	1965	Nam	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2803	Trần Thị Phụng	1964	Nữ	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2804	Nguyễn Đình Thành	1967	Nam	Kinh	Đại Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2805	Nguyễn Phú Thông	1982	Nam	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2806	Trần Mỹ	1963	Nam	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2807	Lê Thị Nga	1973	Nữ	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2808	Lê Huỳnh Phong	1986	Nam	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2809	Nguyễn Thị Kim Hoàng	1982	Nữ	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2810	Phan Quang Anh	1979	Nam	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2811	Trần Thanh Sang	1982	Nam	Kinh	Kinh Tế Mới	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2812	Cao Khả Long	1957	Nam	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2813	Vũ Thị Liên	1956	Nữ	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2814	Trương Huy Vũ	1969	Nam	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2815	Nguyễn Việt Thắng	1992	Nữ	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2816	Dương Thị Ý	1975	Nữ	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2817	Trần Văn Thám	1964	Nam	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2818	Lê Xuân Điền	1955	Nam	Kinh	Ninh Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2819	Phạm Thị Như	1958	Nữ	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2820	Nguyễn Thành Phương	1958	Nam	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2821	Nguyễn Đình Mẫu	1962	Nam	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2822	Hồ Duy Chương	1951	Nam	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2823	Trần Vinh	1958	Nam	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2824	Trần Thị Hồng	1980	Nữ	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2825	Hồ Khắc Chương	1958	Nam	Kinh	Thiện Chí	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2826	Nguyễn Bá Thanh	1974	Nam	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 02/6/2022
2827	Nguyễn Duy Khanh	1979	Nam	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2828	Trần Diên	1982	Nam	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2829	Lê Thị Thanh Nga	1968	Nữ	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2830	Nguyễn Văn Thành	1978	Nam	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2831	Nguyễn Đàm Chính	1992	Nam	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2832	Trần Văn Cường	1981	Nam	Kinh	Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2833	UBND Xã Hiệp Thạnh	Nguyễn Thành Sự	1970	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/02/2023
2834		Hồ Đắc Minh	1964	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2835		Phạm Văn Thuần	1950	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2836		Nguyễn Văn Phùng	1967	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2837		Lê Quang Sắn	1951	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2838		Nguyễn Thị Thơi	1962	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2839		Đặng Thị Dung	1957	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2840		Phạm Việt Nam	1973	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2841		Nguyễn Thị Xí	1966	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 17/02/2023
2842		Phạm Đức Tâm	1990	Nam	Kinh	Thôn Phú Thạnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2843		Trần Văn Phận	1963	Nam	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2844		Nguyễn Khắc Hà Hải	1966	Nam	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2845		Nguyễn Xuân An	1957	Nam	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2846		Lê Văn Minh	1955	Nam	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2847		Phạm Văn Hiếu	1992	Nam	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2848		Trần Thị Thu Nga	1969	Nữ	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2849	Lê Văn Ngại	1954	Nam	Kinh	Thôn Bồng Lai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 17/02/2023
2850	Lê Hữu Nguyên	1959	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2851	Nguyễn Đình Minh Đức	1978	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2852	Lê Huy Dũng	1963	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2853	Bùi Văn Mạnh	1973	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2854	Trịnh Tiến Đức	1981	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2855	Nguyễn Ngọc Hùng	1952	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Sơ cấp QL Kinh tế	
2856	Lê Thị Minh Phương	1984	Nữ	Kinh	Thôn Phi Nôm	ĐH Mầm non	
2857	K' En	1983	Nữ	K' Ho	Thôn Phi Nôm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2858	Nguyễn Văn Thành	1987	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	ĐH Kiến trúc	
2859	Nguyễn Xuân Kiều	1958	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Trung cấp LLCT	
2860	Lê Văn Thích	1954	Nam	Kinh	Thôn Phi Nôm	Trung cấp Giao thông	
2861	Nguyễn Phú Thành	1962	Nam	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 17/02/2023
2862	Lê Văn Thanh	1958	Nam	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2863	Hoàng Văn Quang	1956	Nam	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2864	Tổng Thị Mỹ Linh	1989	Nữ	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2865	Nguyễn Thị Kim Hòa	1973	Nữ	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2866	Nguyễn Văn Vi	1959	Nam	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2867		Dương Ngọc Phương	1994	Nam	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2868		Võ Huy Chiến	1964	Nam	Kinh	Thôn Quảng Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2869		Hoàng Xuân Can	1952	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 17/02/2023
2870		Nguyễn Văn Tăng	1956	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2871		Lê Văn Quảng	1968	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2872		Trần Văn Năm	1960	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2873		Vũ Đình Khôi	1963	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2874		Nguyễn Văn Lửa	1968	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2875		Nguyễn Ngọc Châu	1988	Nam	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2876		Đoàn Thị Tường Vy	1982	Nữ	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2877		Lê Thị Ngọc Dũng	1947	Nữ	Kinh	Thôn Bắc Hội	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2878	UBND Xã Ninh Loan	Phạm Văn Thương	1982	Nam	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2879		Bùi Văn Bình	1968	Nam	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2880		Lưu Thị Hoa	1993	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2881		Vi Thị Tố Tâm	1988	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2882		Nguyễn Văn Tùng	1967	Nam	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2883
2884
2885
2886
2887
2888
2889
2890
2891
2892
2893
2894
2895
2896
2897
2898

Đình Quang Ngọc	1978	Nam	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ngô Văn Xuyến	1954	Nam	Kinh	Thôn Ninh Thuận	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Văn Nhung	1978	Nam	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Văn Hiệp	1983	Nam	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Văn Toàn	1979	Nam	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Văn Chính	1985	Nam	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Thị Kim	1959	Nữ	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Đức Hạnh	1968	Nam	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Bùi Văn Tiếp	1944	Nam	Kinh	Thôn Nam Loan	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Quang Duy	1979	Nam	Kinh	Thôn Nam Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Ngọc Giang	1967	Nam	Kinh	Thôn Nam Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Bùi Văn Suốt	1968	Nam	Kinh	Thôn Nam Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Hường	1975	Nữ	Kinh	Thôn Nam Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ninh Văn Sỹ	1963	Nam	Kinh	Thôn Nam Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Thị Cúc	1974	Nữ	Kinh	Thôn Nam Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Dung	1982	Nữ	Kinh	Thôn Trung Ninh	TC chính trị, TC hành chính

2899
2900
2901
2902
2903
2904
2905
2906
2907
2908
2909
2910
2911
2912
2913
2914

Lương Thị Lựa	1974	Nữ	Kinh	Thôn Trung Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Bùi Kim Quy	1946	Nam	Kinh	Thôn Trung Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Đinh Thị Thu Hương	1985	Nữ	Kinh	Thôn Trung Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Nguyễn Thanh Long	1969	Nam	Kinh	Thôn Trung Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Đặng Văn Thiện	1969	Nam	Kinh	Thôn Trung Hậu	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Lưu Văn Dương	1984	Nam	Kinh	Thôn Trung Hậu	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ninh Văn Lai	1969	Nam	Kinh	Thôn Trung Hậu	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Hoa	1967	Nữ	Kinh	Thôn Trung Hậu	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Phạm Văn Tiến	1947	Nam	Kinh	Thôn Trung Hậu	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Mai Quế Trường Giang	1987	Nam	Kinh	Thôn Trung Hậu	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Lại Thanh Toàn	1979	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Hiền	1972	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Lương Văn Bê	1959	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Mơ	1960	Nữ	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Phạm Văn Y	1969	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Trần Minh Châu	1955	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

Quyết định số
208/QĐ-UBND
ngày 24/10/2023

2915
2916
2917
2918
2919
2920
2921
2922
2923
2924
2925
2926
2927
2928
2929
2930

Đinh Văn Hoàn	1997	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Văn Sơn	1965	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Đào Văn Nghi	1956	Nam	Kinh	Thôn Ninh Hải	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Văn Giang	1983	Nam	Kinh	Thôn Thịnh Long	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Văn Hiếu	1980	Nam	Kinh	Thôn Thịnh Long	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Thị Nụ	1985	Nữ	Kinh	Thôn Thịnh Long	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Thị Trinh	1997	Nữ	Kinh	Thôn Thịnh Long	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Văn Hợp	1997	Nam	Kinh	Thôn Thịnh Long	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ninh Công Hiệu	1972	Nam	Kinh	Thôn Thịnh Long	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lại Thị Hơ	1959	Nữ	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Văn Hiệp	1980	Nam	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Văn Cao	1969	Nam	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Thị Yềng	1957	Nữ	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Đoàn Văn Đạt	1993	Nam	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Văn Bính	1950	Nam	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Thị Cúc	1956	Nữ	Kinh	Thôn Châu Phú	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

2931		Lê Thị Xuyên	1975	Nữ	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2932		Nguyễn Văn Cường	1984	Nam	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2933		Đặng Thị Thản	1972	Nữ	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2934		Nguyễn Thị Ngát	1956	Nữ	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2935		Nguyễn Văn Mới	1978	Nam	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2936		Nguyễn Văn Bùi	1949	Nam	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2937		Nguyễn Văn Sắc	1946	Nam	Kinh	Thôn Hùng Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2938	Xã Tân Hội	Nguyễn Lên	1971	Nam	Kinh	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 92/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2939		Trương Năm	1949	Nam	Kinh	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 85/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2940		Triệu Văn Dũng	1965	Nam	Tày	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2941		Nguyễn Thị Kim Chi	1959	Nữ	Kinh	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2942		Phan Tấn Phong	1987	Nam	Kinh	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2943		Lê Đắc Tấn	1981	Nam	Kinh	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2944		Huỳnh Ái Nghĩa	1967	Nam	Kinh	Thôn Tân Phú	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2945		Võ Văn Vân	1978	Nam	Kinh	Thôn Tân An	Trung cấp	
2946		Phạm Rân	1966	Nam	Kinh	Thôn Tân An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2947	Trần Văn Lộc	1990	Nam	Kinh	Thôn Tân An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 86/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2948	Nguyễn Công Thành	1988	Nam	Kinh	Thôn Tân An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2949	Bạch Phạm Hoài Vũ	1987	Nam	Kinh	Thôn Tân An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2950	Trần Thị Thương	1962	Nữ	Kinh	Thôn Tân An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2951	Đinh Như Hiệp	1971	Nam	Kinh	Thôn Tân Đà	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 72/QĐ- UBND ngày 31/03/2023
2952	Nguyễn Bồng	1967	Nam	Kinh	Thôn Tân Đà	Trung cấp	Quyết định 87/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2953	Đỗ Hoàng Nhật Bảo	1993	Nam	Kinh	Thôn Tân Đà	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2954	K' Đêm	1970	Nữ	Cơ Ho	Thôn Tân Đà	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2955	Bùi Khánh	1941	Nam	Kinh	Thôn Tân Đà	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2956	Huỳnh Thị Kim Hoa	1959	Nữ	Kinh	Thôn Tân Đà	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2957	Nguyễn Quang Thống	1954	Nam	Kinh	Thôn Tân Đà	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 94/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2958	Bùi Văn Tâm	1978	Nam	Kinh	Thôn Tân Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2959	Nguyễn Phan Hưng	1977	Nam	Kinh	Thôn Tân Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 88/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2960	Hồ Hữu Minh	1963	Nam	Kinh	Thôn Tân Trung	Trung cấp	
2961	Võ Thái Hiệp	1962	Nam	Kinh	Thôn Tân Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2962	Vũ Huy Niềm	1977	Nam	Kinh	Thôn Tân Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2963	Nguyễn Văn Sáu	1968	Nam	Kinh	Thôn Tân Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 89/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2964	Cà Thị Phương	1953	Nữ	Thái	Thôn Tân Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2965	Lê Thái Sơn	1968	Nam	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2966	Lê Minh Trình	1962	Nam	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2967	K' Mơ	1959	Nam	Cơ ho	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2968	Nguyễn Điền	1947	Nam	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2969	Cao Mỹ Linh	1967	Nữ	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2970	Lương Thị Hồng	1984	Nữ	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2971	Nguyễn Ngọc Thoán	1960	Nam	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 90/QĐ- UBND ngày 24/8/2020
2972	Nguyễn Thế Lý	1961	Nam	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2973	Đoàn Tụ	1950	Nam	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2974	Trần Thanh Bình	1975	Nam	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2975	Nguyễn Hữu Tấn	1970	Nam	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2976	Trần Công Hoàng	1993	Nam	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2977	Nguyễn Thị Giang	1976	Nữ	Kinh	Thôn Ba Cản	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2978	Nguyễn Dân	1963	Nam	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

2979	Xã Đà Loan	Nguyễn Quang Hưng	1971	Nam	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2980		Hồ Thanh Dũng	1963	Nam	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2981		Nguyễn Quốc Tuấn	1960	Nam	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2982		Nguyễn Hữu Hoàng	1961	Nam	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2983		Trần Thị Kim Cương	1978	Nữ	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2984		Phan Thị Vượng	1971	Nữ	Kinh	Thôn Tân Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2985		Hoàng Văn Nam	1959	Nam	Thái	Thôn Tân Lập	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 103/QĐ-UBND ngày 27/9/2017
2986		Đinh Văn Thái	1966	Nam	Tày	Thôn Tân Lập	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2987		Nguyễn Quang Văn	1955	Nam	Kinh	Thôn Tân Lập	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2988		Vy Thị Hơ	1957	Nữ	Tày	Thôn Tân Lập	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2989		Lương Thị Lưu	1978	Nữ	Tày	Thôn Tân Lập	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2990		Vũ Văn Điệp	1945	Nam	Kinh	Thôn Tân Lập	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2991		Trương Thọ	1963	Nam	Kinh	Đà Thọ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	52/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
2992		Lại Văn Hào	1976	Nữ	Kinh	Đà Thọ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2993		Trần Thị Ngọc Huệ	1967	Nam	Kinh	Đà Thọ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2994		Nguyễn Bảo Uyên	1990	Nam	Kinh	Đà Thọ	Đại học Luật	
2995		Ya Bông	1963	Nam	Kinh	Ma Am	Đại học SP	

2996	Ma Nguyệt	1987	Nữ	Churu	Ma Am	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	53/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
2997	Vũ Thị Thơm	1973	Nữ	Kinh	Ma Am	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2998	Vũ Thị Lợt	1969	Nữ	Kinh	Ma Am	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
2999	Ya Nguyên	1980	Nam	Churu	Ma Am	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3000	Dor Woang Ya Tau	2002	Nam	Kinh	Ma Am	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3001	Nguyễn Thanh Hùng	1965	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	54/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
3002	Nguyễn Văn Phú	1965	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3003	Nguyễn Thị Nhung	1970	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3004	Nguyễn Văn Ngâu	1964	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3005	Nguyễn Văn Hùng	1978	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3006	Ngô Văn Đào	1963	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	55/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
3007	Nguyễn Thị Phương	1976	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3008	Nguyễn Tấn Đại	1968	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3009	Nguyễn Văn Sơn	1989	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3010	Đỗ Kim Hậu	1974	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3011	Hoàng Thị Minh	1967	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3012	Then Sin Trọng	1987	Nam	Kinh	Đà Giang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3013	Trần Văn Ba	1949	Nam	Kinh	Đà Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	56/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
3014	Lê Ngọc Phương	1964	Nam	Kinh	Đà Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3015	Nguyễn Văn Tiền	1970	Nam	Kinh	Đà Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3016	Nguyễn Thị Thoa	1970	Nữ	Kinh	Đà Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3017	Ya Bin	1974	Nam	Churu	Đà Thuận	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3018	Đặng Phúc	1948	Nam	Kinh	Đà An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	57/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
3019	Nguyễn Đình Sơn	1964	Nam	Kinh	Đà An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3020	Huỳnh Thị Tý	1969	Nam	Kinh	Đà An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3021	Nguyễn Thị Kim Loan	1963	Nữ	Kinh	Đà An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3022	Hồ Văn Lý	1967	Nam	Kinh	Đà An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3023	Ya Hoa	1969	Nam	Churu	Sóp	Trung cấp NN	58/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
3024	Ma Brim	1969	Nữ	Churu	Sóp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3025	Ya Thoi	1967	Nam	Churu	Sóp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3026	Lê Quang Thắng	1963	Nam	Kinh	Đà R' Giềng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	59/QĐ-UBND ngày 19/4/2024
3027	K' Suôi	1972	Nữ	Cill	Đà R' Giềng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3028	Ha Phú	1986	Nam	Cill	Đà R' Giềng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3029		Mai Xuân Phú	1965	Nam	Kinh	Đà Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	67/QĐ-UBND ngày 14/4/2021
3030		Lê Phú Minh	1962	Nam	Kinh	Đà Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3031		Lê Văn Hưng	1978	Nam	Kinh	Đà Lâm	Trung cấp	
3032		Nguyễn Thị Loan	1963	Nữ	Kinh	Đà Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3033		La Viết Nguyễn	1958	Nam	Kinh	Đà Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3034		Nguyễn Hồng	1946	Nam	Kinh	Đà Thành	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	371/QĐ-UBND ngày 10/10/2023
3035		Phạm Hiền	1956	Nam	Kinh	Đà Thành	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3036		Trần Văn Còn	1967	Nam	Kinh	Đà Thành	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3037		Lương Duy Văn	1995	Nam	Kinh	Đà Thành	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3038		Võ Thị Bích Thủy	1975	Nữ	Kinh	Đà Thành	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3039		Hồ Đẩu	1961	Nam	Kinh	Đà Phước	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	261/QĐ-UBND ngày 17/8/2021
3040		Nguyễn Đức Nghi	1959	Nam	Kinh	Đà Phước	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3041		Nguyễn Thị Luyến	1981	Nữ	Kinh	Đà Phước	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3042	Thị trấn Liên Nghĩa	Nguyễn Văn Toàn	1961	Nam	Kinh	Tổ 01	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3043		Hồ Văn Thanh	1965	Nam	Kinh	Tổ 01	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3044		Lê Thị Hoa	1961	Nữ	Kinh	Tổ 01	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3045		Nguyễn Đẩu	1947	Nam	Kinh	Tổ 01	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3046
3047
3048
3049
3050
3051
3052
3053
3054
3055
3056
3057
3058
3059
3060
3061
3062
3063

Nguyễn Xuân Khang	1999	Nam	Kinh	Tổ 01	Cao đẳng
Bùi Văn Vui	1959	Nam	Kinh	Tổ 02	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Đào Văn Đức	1960	Nam	Kinh	Tổ 02	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Lê	1957	Nữ	Kinh	Tổ 02	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Nhật Đức	1956	Nam	Kinh	Tổ 02	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Viết Đại	1956	Nam	Thổ	Tổ 02	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Thanh Song	1955	Nam	Kinh	Tổ 03	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Dương Thị An	1955	Nữ	Thái	Tổ 03	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Đăng Thê	1960	Nam	Kinh	Tổ 03	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Quang Thị Hồng Mai	1959	Nữ	Thái	Tổ 03	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Đức Cường	1968	Nam	Kinh	Tổ 04	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Bùi Đình Mận	1960	Nam	Kinh	Tổ 04	Đại học
Bùi Thị Chuyển	1956	Nữ	Kinh	Tổ 04	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Đoàn Văn Cương	1958	Nam	Kinh	Tổ 04	Đại học
Đặng Văn Hoan	1954	Nam	Kinh	Tổ 04	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Tài Vĩnh Kiệt	1983	Nam	Hoa	Tổ 05	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Xuân Túy	1957	Nam	Kinh	Tổ 05	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vòng Tác Sênh	1965	Nam	Hoa	Tổ 05	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3064
3065
3066
3067
3068
3069
3070
3071
3072
3073
3074
3075
3076
3077
3078
3079
3080
3081

Nguyễn Ngọc Hoàng	1957	Nam	Kinh	Tổ 05	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Hồng	1960	Nam	Kinh	Tổ 05	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Mạnh Hùng	1950	Nam	Kinh	Tổ 06	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ngô Thị Hương	1968	Nữ	Kinh	Tổ 06	Đại học
Dương Văn Dìn	1952	Nam	Tày	Tổ 06	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phan Xuân Báu	1954	Nam	Kinh	Tổ 06	Đại học
Lý Viết Sinh	1957	Nam	Tày	Tổ 06	Đại học
Mào Văn Ngoan	1945	Nam	Thái	Tổ 07	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Thị Loan	1947	Nữ	Kinh	Tổ 07	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Điêu Hoàng Điệp	1957	Nam	Thái	Tổ 07	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lộc Văn Vương	1958	Nam	Nùng	Tổ 08	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Viết Thanh	1950	Nam	Kinh	Tổ 08	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hứa Thị Phong	1964	Nữ	Kinh	Tổ 08	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Viết Văn	1954	Nam	Kinh	Tổ 08	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Kon Sa Mỹ Lan	1995	Nữ	K'ho	Tổ 08	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Thị Mơ	1950	Nữ	Kinh	Tổ 09	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Quý	1952	Nam	Kinh	Tổ 09	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Hòa	1956	Nam	Kinh	Tổ 09	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3082
3083
3084
3085
3086
3087
3088
3089
3090
3091
3092
3093
3094
3095
3096
3097
3098
3099
3100
3101

Dương Quang Thịnh	1981	Nam	Tày	Tổ 09	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Bùi Thị Thanh Cảnh	1957	Nam	Kinh	Tổ 09	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Sinh Hoàng	1957	Nam	Kinh	Tổ 10	Trung cấp
Nguyễn Văn Tân	1961	Nam	Kinh	Tổ 10	Trung cấp
Phạm Thị Hồng	1964	Nữ	Kinh	Tổ 10	Đại học
Đào Duy Thy	1943	Nam	Kinh	Tổ 10	Đại học
Nguyễn Huy Lâm	1993	Nam	Kinh	Tổ 10	Đại học
Voòng Văn Sơn	1962	Nam	Tày	Tổ 11	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Thị Hường	1967	Nữ	Kinh	Tổ 11	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Thị Oanh	1969	Nữ	Tày	Tổ 11	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Bùi Duy Hưng	1975	Nam	Kinh	Tổ 12	Cao đẳng
Hoàng Vĩnh Tuy	1955	Nam	Tày	Tổ 12	Trung cấp
Trần Văn Vy	1956	Nam	Kinh	Tổ 12	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Thị Minh Thái	1962	Nữ	Kinh	Tổ 12	Cao đẳng
Lý Thị Bông	1956	Nữ	Tày	Tổ 12	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Thanh Hiếu	1977	Nam	Tày	Tổ 13	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Phương	1954	Nữ	Kinh	Tổ 13	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Văn Định	1948	Nam	Tày	Tổ 13	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lý Thị Nguyệt Nga	1965	Nữ	Tày	Tổ 13	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lộc Thị Hồng	1978	Nữ	Tày	Tổ 13	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3102
3103
3104
3105
3106
3107
3108
3109
3110
3111
3112
3113
3114
3115
3116
3117

Bùi Xuân Thắng	1956	Nam	Kinh	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Tiến Đạt	1955	Nam	Kinh	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Dương Văn Chung	1958	Nam	Nùng	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ngô Thị Mơ	1965	Nữ	Kinh	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Trang	1981	Nữ	Kinh	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Hương	1972	Nữ	Kinh	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Ngọc Hùng	1977	Nam	Kinh	Tổ 14	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Văn Trần	1962	Nam	Nùng	Tổ 15	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Tạ Thị Trúc Mai	1968	Nữ	Hoa	Tổ 15	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Tuấn Vự	1959	Nam	Kinh	Tổ 15	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lìu Say Chiu	1983	Nam	Hoa	Tổ 15	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lưu Thị Lan	1958	Nữ	Thái	Tổ 15	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lương Văn Ba	1956	Nam	Nùng	Tổ 16	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trịnh Đình Vũ	1957	Nam	Kinh	Tổ 16	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hứa Văn Quân	1960	Nam	Nùng	Tổ 16	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Huyền Thanh	1988	Nữ	Kinh	Tổ 16	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3118	Vũ Thị Nghi	1968	Nữ	Kinh	Tổ 17	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3119	Lê Văn En	1967	Nam	Kinh	Tổ 17	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3120	Vy Viết Hà	1956	Nam	Tày	Tổ 17	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3121	Phan Thị Hiền	1976	Nữ	Kinh	Tổ 17	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3122	Nguyễn Thị Thủy	1977	Nữ	Kinh	Tổ 18	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3123	Hứa Thị Thanh Vân	1977	Nữ	Thổ	Tổ 18	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3124	Phún Kiến An	1986	Nam	Hoa	Tổ 18	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3125	Vũ Thị Thu	1987	Nữ	Kinh	Tổ 18	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3126	Chương Hoàng Duy	1972	Nam	Tày	Tổ 19	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3127	Trịnh Thị Tám	1958	Nữ	Kinh	Tổ 19	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3128	K'Prong Thanh	1978	Nam	K'ho	Tổ 19	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3129	Trần Bá Thịnh	1959	Nam	Kinh	Tổ 20	Cao đẳng
3130	Nguyễn Xuân Chinh	1957	Nam	Kinh	Tổ 20	Đại học
3131	Nguyễn Thị Lưu	1981	Nữ	Kinh	Tổ 20	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3132	Đinh Hồng Tư	1951	Nam	Kinh	Tổ 20	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3133	Phạm Đăng Toàn	1966	Nam	Kinh	Tổ 20	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3134	Nguyễn Văn Chung	1967	Nam	Kinh	Tổ 21	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

Quyết định số 343
ngày 11/10/2023

3135
3136
3137
3138
3139
3140
3141
3142
3143
3144
3145
3146
3147
3148
3149
3150
3151
3152
3153
3154
3155
3156
3157

Lê Thị Hoa	1963	Nữ	Kinh	Tổ 21	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Thị Ngoan	1968	Nữ	Kinh	Tổ 21	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ngô Văn Quảng	1955	Nam	Kinh	Tổ 21	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phạm Thị Tùng	1962	Nữ	Kinh	Tổ 21	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Đắc Minh	1963	Nam	Kinh	Tổ 22	Đại học
Đoàn Văn Kham	1955	Nam	Kinh	Tổ 22	Cao đẳng
Mai Thúy Lợi	1966	Nữ	Tày	Tổ 22	Trung cấp
Nguyễn Văn Trọng	1957	Nam	Kinh	Tổ 22	Trung cấp
Dương Thị Thiêng	1969	Nữ	Kinh	Tổ 22	Trung cấp
Ngô Xuân Thọ	1955	Nam	Kinh	Tổ 22	Trung cấp
Nguyễn Thị Tạo	1966	Nữ	Kinh	Tổ 22	Trung cấp
Lê Văn Diệp	1964	Nam	Kinh	Tổ 23	Đại học
Nguyễn Sĩ Bửu	1957	Nam	Kinh	Tổ 23	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Thị Hoa	1955	Nữ	Kinh	Tổ 23	Đại học
Hoàng Thị Phương Thảo	1975	Nữ	Kinh	Tổ 23	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Ngọc Trung	1973	Nam	Kinh	Tổ 23	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Cao Thắng	1960	Nam	Kinh	Tổ 24	Đại học
Nguyễn Thị Hoa	1957	Nữ	Kinh	Tổ 24	Đại học
Hoàng Đức Lịch	1956	Nữ	Nùng	Tổ 24	Đại học
Võ Thị Nga	1970	Nữ	Kinh	Tổ 24	Cao đẳng
Hồ Ngọc Mỹ	1961	Nam	Kinh	Tổ 24	Trung cấp
Ngô Trọng Hạnh	1966	Nam	Kinh	Tổ 25	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Ngô Thành Hưng	1964	Nam	Kinh	Tổ 25	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3158
3159
3160
3161
3162
3163
3164
3165
3166
3167
3168
3169
3170
3171
3172
3173

Mai Thanh Bình	1963	Nam	Kinh	Tổ 25	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Thị Nghiênn	1957	Nữ	Kinh	Tổ 25	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Thị Uy	1967	Nữ	Kinh	Tổ 25	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Thành	1950	Nữ	Kinh	Tổ 26	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Anh Tuấn	1958	Nam	Kinh	Tổ 26	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Thái Thị Tường Lâm	1965	Nữ	Kinh	Tổ 26	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Thị Hoa	1960	Nữ	Kinh	Tổ 26	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Văn Tiến	1950	Nam	Kinh	Tổ 26	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lê Thị Hoa	1962	Nữ	Kinh	Tổ 27	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Bá Nhâm	1962	Nam	Kinh	Tổ 27	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Võ Hớn	1956	Nam	Kinh	Tổ 27	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Sơn	1972	Nam	Kinh	Tổ 27	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trần Thị Nhự	1963	Nữ	Kinh	Tổ 27	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Thái Hữu Phú	1960	Nam	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Tổng Thị Khánh	1959	Nữ	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Huyền	1984	Nữ	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3174
3175
3176
3177
3178
3179
3180
3181
3182
3183
3184
3185
3186
3187
3188
3189
3190
3191

Hoàng Văn Xứng	1948	Nam	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1993	Nữ	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Lý Nguyên Anh Khoa	1985	Nam	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Đoàn Văn Lâm	1956	Nam	Kinh	Tổ 28	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Văn Minh	1963	Nữ	Kinh	Tổ 29	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Bá Thắng	1968	Nam	Kinh	Tổ 29	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Gái	1956	Nữ	Kinh	Tổ 29	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Phụng	1982	Nữ	Kinh	Tổ 29	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Vũ Nam Toàn	1962	Nam	Kinh	Tổ 29	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Trương Văn Tư	1975	Nam	Kinh	Tổ 30	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Vân	1958	Nữ	Kinh	Tổ 30	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Phan Văn Điền	1965	Nam	Kinh	Tổ 30	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Hoàng Văn Chiêu	1975	Nam	Kinh	Tổ 30	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Nguyễn Thị Quý	1972	Nữ	Kinh	Tổ 30	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
Đinh Xuân Kiều	1960	Nam	Kinh	Tổ 31	Đại học
Phạm Thị Kim Hoa	1956	Nữ	Kinh	Tổ 31	Đại học
Lê Dương Lễ	1959	Nam	Kinh	Tổ 31	Trung cấp
Lý Thị Xuân Dung	1963	Nữ	Tày	Tổ 31	Cao đẳng

3192	Vi Văn Thành	1961	Nam	Tây	Tổ 31	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3193	Hoàng Minh Tấn	1967	Nam	Kinh	Tổ 32	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3194	Lê Thị Ngát	1965	Nữ	Kinh	Tổ 32	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3195	Nguyễn Văn Toàn	1974	Nam	Kinh	Tổ 32	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3196	Hoàng Văn Út	1975	Nam	Kinh	Tổ 32	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3197	Trần Thị Ngọc Hương	1967	Nữ	Kinh	Tổ 32	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3198	Nguyễn Trường Sơn	1973	Nam	Kinh	Tổ 33	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3199	Lê Đức Thê	1963	Nam	Kinh	Tổ 33	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3200	Lê Anh Biên	1963	Nam	Kinh	Tổ 33	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3201	Cao Thị Yến	1963	Nữ	Kinh	Tổ 33	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3202	Chu Văn Ngôn	1971	Nam	Nùng	Tổ 33	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3203	Lê Văn Xứng	1965	Nam	Kinh	Tổ 34	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3204	Lê Xuân Thủy	1956	Nam	Kinh	Tổ 34	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3205	Vy Thị Trang	1976	Nữ	Nùng	Tổ 34	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3206	Trần Công	1964	Nam	Kinh	Tổ 34	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3207	Hà Văn Ngời	1973	Nam	Kinh	Tổ 34	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3208	Xã Tân Thành	Nguyễn Văn Mức	1953	Nam	Kinh	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 05/10/2023
3209		Nguyễn Văn Tấn	1964	Nam	Kinh	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3210		Lò Thị Phương	1970	Nữ	Thái	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3211		Đỗ Tiến Lư	1955	Nam	Kinh	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3212		Nguyễn Thị Khanh	1955	Nữ	Kinh	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3213		Trương Văn Tú	1957	Nam	Kinh	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3214		Nguyễn Thị Hằng	1965	Nữ	Kinh	Tân Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3215		Mông Văn Tới	1967	Nam	Nùng	Tân Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 05/10/2023
3216		Lương Thị Hồng	1973	Nữ	Thái	Tân Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3217		Tính Nhục Sáng	1984	Nam	Nùng	Tân Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3218		Lò Thị Phương Lan	1974	Nữ	Thái	Tân Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3219		Lương Văn Minh	1960	Nam	Thái	Tân Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3220		Dương Thị Tuyết	1958	Nữ	Tày	Tân Nghĩa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 05/10/2023
3221		Lăng Văn Cơ	1962	Nam	Tày	Tân Nghĩa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3222		Võ Thị Thu Nga	1972	Nữ	Kinh	Tân Nghĩa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3223		Hoàng Đại Lực	1968	Nam	Thái	Tân Nghĩa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3224	Dìn Thị Lộc	1958	Nữ	Tày	Tân Nghĩa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3225	Quang Thị Phương Lan	1969	Nữ	Thái	Tân Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 05/10/2023
3226	Quang Văn Dung	1960	Nam	Thái	Tân Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3227	Bùi Phú Quốc	1970	Nam	Kinh	Tân Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3228	Lò Văn Tý	1972	Nam	Thái	Tân Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3229	Hoàng Văn Dũng	1970	Nam	Thái	Tân Hưng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3230	Linh Văn Vinh	1964	Nam	Tày	Tân Liên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 05/10/2023
3231	Hoàng Thị Quyết	1966	Nữ	Tày	Tân Liên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3232	Vy Văn Hạnh	1969	Nam	Tày	Tân Liên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3233	Hoàng Thị Ngọc Lan	1970	Nữ	Tày	Tân Liên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3234	Lò Thị Mỹ Hòa	1963	Nữ	Thái	Tân Liên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3235	Hoàng Văn Hòa	1970	Nam	Tày	Tân Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 05/10/2023
3236	Liêu Thị Nùng	1958	Nữ	Tày	Tân Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3237	Nông Quốc Tuấn	1968	Nam	Tày	Tân Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3238	Phạm Quang Tự	1971	Nam	Kinh	Tân Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3239	Nguyễn Năm	1964	Nam	Kinh	Tân Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3240	Xã Tà Năng	LÀNH VĂN CHÈO	1964	Nam	Nùng	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3241		HA HẢI	1977	Nam	Cil	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3242		K' TẤN CẢNH	1978	Nam	Cil	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3243		HA DIM	1988	Nam	Cil	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3244		HA JÊ	1968	Nam	Cil	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3245		HA HƯƠNG	1958	Nam	Cil	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3246		LUU VĂN QUÂN	1974	Nam	Nùng	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3247		K' GÊM	1988	Nữ	Cil	Thôn Bờ Lá	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3248		CHU VĂN SÁ	1973	Nam	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3249		LÝ VĂN THAO	1974	Nam	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3250		LÝ THỊ NIỆM	1966	Nữ	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3251		VI VĂN ƠN	1967	Nam	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3252		TRẦN VĂN QUANG	1972	Nam	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3253		LỘC TRUNG KIM	1947	Nam	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3254		VI VĂN TIỆP	1979	Nam	Nùng	Thôn Tà Sơn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3255		VŨ HỮU SẬU	1958	Nam	Kinh	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

3256
3257
3258
3259
3260
3261
3262
3263
3264
3265
3266
3267
3268
3269
3270
3271

PHẠM THỊ MÀU	1968	Nữ	Kinh	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
ĐOÀN THỊ ĐÀO	1959	Nữ	Kinh	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
LƯƠNG XUÂN MẬU	1988	Nam	Kinh	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
PHẠM THỊ TÍNH	1979	Nữ	Kinh	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
PHẠM XUÂN TÚ	1980	Nam	Kinh	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
HA HỨ	1974	Nam	Cil	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' THOA	1964	Nữ	Cil	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA THOAN	1985	Nam	Chu Ru	Thôn Tà Nhiên	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
PHAN AI	1946	Nam	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
HÀ VĂN TRƯỜNG	1975	Nam	Kinh	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
MA KHANG	1950	Nữ	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA MA	1978	Nam	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA BUN	1969	Nam	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
MA NAI ĐIỂM	1989	Nữ	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA UK	1965	Nam	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA NEN	1982	Nam	Chu Ru	Thôn Tou Neh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

3272
3273
3274
3275
3276
3277
3278
3279
3280
3281
3282
3283
3284
3285
3286
3287

K' VUÔNG	1982	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA NHO	1956	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
TÀ YÊN LƯƠNG	1979	Nam	Chăm	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA THUY	1962	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA THANG	1966	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA TIN	1959	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
MA NHÍN	1989	Nữ	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA THINH	1969	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA HUÛNG	1967	Nam	Chu Ru	Thôn Klong Bong	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA BUN	1966	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA ĐA	1965	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA THÂN	1956	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA QUANG	1983	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA THANG	1980	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA GIẤP	1989	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
MA HUÔNG	1965	Nữ	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

Quyết định số
18/QĐ-UBND ngày
19/4/2022

3288
3289
3290
3291
3292
3293
3294
3295
3296
3297
3298
3299
3300
3301
3302
3303

YA TIÊU	1971	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Sa Ra	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA BIÊNG	1972	Nam	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA NHAİ	1959	Nam	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA KANG	1980	Nam	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
YA MY	1978	Nam	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
MA LIN	1985	Nữ	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
TOU PRONG RUY QUAN	1980	Nam	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' LUN	1950	Nam	Kinh	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
JI KO NIA	1974	Nam	Chu Ru	Thôn Cha Răng Hao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
MAI THỊ TÂM	1956	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
TRỊNH VĂN KHẢI	1946	Nam	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
ĐỖ VIỆT ĐẠT	1976	Nam	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
TRẦN THỊ PHƯỢNG	1967	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
DOÃN THỊ XUYỀN	1966	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
TRẦN HỮU HIÊN	1987	Nam	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
LÊ THỊ DẬU	1949	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

3304		VŨ VĂN CAO	1972	Nam	Kinh	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3305		YA YÊN	1962	Nam	Chu Ru	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3306		YA NGANG	1969	Nam	Chu Ru	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3307		MA OI	1972	Nữ	Chu Ru	Thôn Đoàn Kết	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3308	Xã Bình Thạnh	Nguyễn Thiện Tâm	1961	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3309		Nguyễn Hoàng Trung	1983	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3310		Trần Văn Hải	1957	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3311		Trần Thị Xuân	1966	Nữ	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3312		Vũ Thị Bích Hằng	1968	Nữ	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3313		Trần Minh Công	1960	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3314		Lê Duy Tân	1992	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 1	Đại học THỂ DỤC THỂ THAO	
3315		Vũ Công Chính	1963	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3316		Trần Thanh Hữu	1949	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3317		Nguyễn Đức Thông	1956	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3318		Nguyễn Văn Hào	1945	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3319		Nguyễn Văn Diễn	1963	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3320	Nguyễn Thị Dung	1964	Nữ	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 24/7/2023
3321	Phạm Văn Khoa	1968	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3322	Trần Văn Thái	1960	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3323	Đinh Văn Hân	1946	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3324	Lê Xuân Xinh	1960	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3325	Nguyễn Duy Triệu	1954	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3326	Đoàn Văn Bàn	1962	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3327	Vũ Thị Ân	1976	Nữ	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3328	Lưu Văn Thiện	1968	Nam	Kinh	Thôn Thanh Bình 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3329	Trần Mạnh Chung	1955	Nam	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3330	Trần Hữu Trí	1980	Nam	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3331	Lương Trí Định	1960	Nam	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3332	Lê Văn Tâm	1955	Nam	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3333	Hoàng Mỹ Ngọc	1966	Nữ	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3334	Nguyễn Văn me	1973	Nam	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3335	Trần Thị Kim Liên	1972	Nữ	Kinh	Thôn Kim Phát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3336	Xã N'Thôn Hạ	Nguyễn Thị Thêu	1964	Nữ	Kinh	Thái Sơn	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3337		Lò Văn Thạch	1971	Nam	Thái	Thái Sơn	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3338		Lò Đức Huy	1991	Nam	Thái	Thái Sơn	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3339		Nguyễn Thanh Toán	1959	Nam	Kinh	Thái Sơn	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3340		K' Thiều	1970	Nữ	Kơ Ho	Đoàn Kết	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3341		K' Moi	1968	Nam	Kơ Ho	Đoàn Kết	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3342		K' Mor	1950	Nam	Kơ Ho	Đoàn Kết	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3343		K' Yền	1989	Nữ	Kơ Ho	Đoàn Kết	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3344		K' Breo	1950	Nam	Kơ Ho	Đoàn Kết	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3345		K' Duyệt	2000	Nữ	Kơ Ho	Đoàn Kết	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3346		Klong K' Xuân	1980	Nữ	Cil	Bon Rơ	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3347		Cil K' Nghĩa	1969	Nữ	Cil	Bon Rơ	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3348		Nguyễn Đăng Toàn	1980	Nam	Kinh	Bon Rơ	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3349		Ka Să K' Thuyn	1977	Nữ	Cil	Bon Rơ	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3350		Klong Ha Bông	1991	Nam	Cil	Bon Rơ	Đã được BD nghịệp vụ HGCS
3351		Ka Să Ha Chelly	1994	Nam	Cil	Bon Rơ	Đã được BD nghịệp vụ HGCS

3352
3353
3354
3355
3356
3357
3358
3359
3360
3361
3362
3363
3364
3365
3366
3367

Da Gout Blong	1987	Nam	Cil	Bon Rom	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Klong K'Juyen	1986	Nữ	Cil	Bon Rom	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Klong Ha Dong	1959	Nam	Cil	Bon Rom	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Să Ha Tăng	1938	Nam	Cil	Bon Rom	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Dương Văn Thuận	1971	Nam	Kinh	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Liêng	1950	Nam	Kơ Ho	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Minh	1969	Nam	Kơ Ho	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Mẫu	1989	Nam	Kơ Ho	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Să K' Mía	1986	Nữ	Cil	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Să Ha Quân	1978	Nam	Cil	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Kon Sa Ha Thoan	1971	Nam	Cil	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Jrang	1965	Nam	Kơ Ho	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Phương	1981	Nữ	Kơ Ho	Bia Ray	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Cil Múp Ha Nhon	1969	Nam	Cil	Srê Đăng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Liêng Hót Ha Kim	1971	Nam	Cil	Srê Đăng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Hai	1950	Nam	Kơ Ho	Srê Đăng	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

Quyết định số
15/QĐ-UBND ngày
24/2/2022

3368		Cil Múp Ra Sin	1972	Nữ	Cil	Srê Đăng	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3369		Liêng Hót Ha Sliêng	1956	Nam	Cil	Srê Đăng	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3370		Rơ Ông Ha Chang	1981	Nam	Cil	Srê Đăng	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3371		Kơ Să Ha Lan	1951	Nam	Cil	Yang Ly	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3372		Ka Să A Na	1984	Nữ	Cil	Yang Ly	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3373		Kon Sa Ha Vũ	1974	Nam	Cil	Yang Ly	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3374		Kon Sa Ha Đồng	1963	Nam	Cil	Yang Ly	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3375		Trần Đình Trung	1987	Nam	Kinh	Yang Ly	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3376		Kon Sa Ha Súc	1966	Nam	Cil	Lạch Tông	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3377		Sơ Nur Ha Thùy	1950	Nam	Cil	Lạch Tông	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3378		Ka Să K' Julê	1973	Nữ	Cil	Lạch Tông	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3379		Ka Să Ha Yar	1976	Nam	Cil	Lạch Tông	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3380		Ka Să Ha Son	1968	Nam	Cil	Lạch Tông	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3381		Cil Yũ Ha Joan	1949	Nam	Cil	Lạch Tông	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3382	Xã Tà Hine	Ya Thung	1963	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 06/8/2020
3383		Ya Thiên	1962	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	

3384	Tou Prong Ya Thở	1988	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Tà Hine
3385	Tou Prong Ya Giáp	1987	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3386	Tow prong Khanh	1976	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3387	Ya Thuần	1979	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3388	Ya Liêng	1961	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3389	Ê Phê Sô	1990	Nam	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3390	Ma Điều	1968	Nữ	Chu Ru	thôn B'Liang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3391	Ma Lim	1962	Nữ	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 06/8/2020
3392	Ma Thi	1970	Nữ	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Tà Hine
3393	Ya Loan	1970	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3394	Ya Linh	1975	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3395	ChRu Yang Prong Thóa	1988	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3396	K' Tiến	1989	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3397	Ya Ji	1965	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3398	Ma Ene	1992	Nữ	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3399	Ya Đanh	1975	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06/8/2020
3400	Ya Biông	1970	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Tà Hine
3401	Ya Linh	1974	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3402	K' Săm	1970	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3403	Ya Kim	1978	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3404	Ya La Oì	1964	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3405	Ya Phi Or	1989	Nam	Chu Ru	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3406	Tô Thị Thúy Thanh	1987	Nữ	Kinh	thôn Tà Hine	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3407	Trần Xuân Khánh	1969	Nam	Kinh	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
3408	Vũ văn Nghiệp	1978	Nam	Kinh	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Tà Hine
3409	K'Som	1963	Nam	Kơ Ho	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3410	Ya Liêng	1965	Nam	Chu Ru	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3411	Ya Diên	1987	Nam	Chu Ru	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3412	Ya Tiêng	1964	Nam	Chu Ru	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3413	Ya Tiêng	1961	Nam	Chu Ru	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3414		Ma Rô Lan	1991	Nữ	Chu Ru	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3415		Mai Lê Bom	1987	Nữ	Kơ Ho	thôn Phú Cao	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3416	Xã Liên Hiệp	K' Hải	1988	Nam	Kơ Ho	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
3417		Bùi Thị Thúy Nga	1984	Nữ	Kinh	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3418		Liêng Hót K' Sóp	1989	Nữ	Chil	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3419		Ha Kin	1980	Nam	Chil	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3420		K' Lợi	1986	Nam	Kơ Ho	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3421		K' Biếuh	1958	Nam	Kơ Ho	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3422		Trương Ngọc Cường	1954	Nam	Kinh	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3423		Na Ria Khánh Lai	1988	Nam	Chil	Thôn Gân Reo	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3424		Hồ Hữu Lộc	1974	Nam	Kinh	Thôn An Ninh	TC chính trị	Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
3425		Trần Đức Bình	1968	Nam	Kinh	Thôn An Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3426		Võ Thị Phương	1960	Nữ	Kinh	Thôn An Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3427		Dương Quang Đông	1981	Nam	Kinh	Thôn An Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3428		Bùi Quang Vinh	1979	Nam	Kinh	Thôn An Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3429		Huỳnh Văn Bình	1966	Nam	Kinh	Thôn An Ninh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3430		Lý Thị Nhạn	1979	Nữ	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3431		Lê Quang Xê	1955	Nam	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3432		Âu Đăng Ngộ	1954	Nam	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3433		Phạm Thị Bích Phượng	1966	Nữ	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3434		Trịnh Thị Kê	1975	Nữ	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3435		Huỳnh Đức Hiệp	1991	Nữ	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3436		Nguyễn Văn Long	1961	Nam	Kinh	Thôn An Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3437		Mai Đức Định	1958	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
3438		Lê Văn Sáng	1960	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3439		Nguyễn Như Uyên	1958	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3440		Trần Kim Lộc	1969	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3441		Nguyễn Huy Phú	1953	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3442		Lương Thị Thanh Hằng	1981	Nữ	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3443		Phạm Thị Viên	1952	Nữ	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3444	Lê Thị Hồng Vân	1960	Nữ	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3445	Lê Văn Hoa	1947	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3446	Nguyễn Tất Sử	1955	Nam	Kinh	Thôn An Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3447	Trần Thị Lam	1985	Nữ	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
3448	Nguyễn Văn Thắm	1951	Nam	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3449	Trần Thị Nông	1957	Nữ	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3450	Vũ Thanh Bình	1955	Nữ	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3451	Dương Ngọc Thế	1953	Nam	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3452	Nguyễn Xuân Thịnh	1964	Nam	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3453	Bùi Thị Hoa	1957	Nữ	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3454	Hoàng Văn Hà	1958	Nam	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3455	Huỳnh Văn Minh	1970	Nam	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3456	Nguyễn Văn Tường	1956	Nam	Kinh	Thôn Nghĩa Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3457	Lê Văn Hưởng	1962	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
3458	Ngô Công Vụ	1959	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3459	Hồ A Sáng	1957	Nam	Hoa	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3460	Lê Công Quyết	1958	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3461	Phạm Thị Len	1983	Nữ	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3462	Mai Phước Dũng	1975	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3463	Nguyễn Khắc Tường	1951	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3464	Nguyễn Thị Huyền	1960	Nữ	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3465	Nguyễn Văn Tiến	1955	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3466	Nguyễn Viết Chung	1987	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3467	Lương Việt Hưng	1987	Nam	Kinh	Thôn An Tĩnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3468	Nguyễn Văn Hùng	1968	Nam	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 30/6/2023
3469	Lâu Làng Ổn	1975	Nam	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Liên Hiệp
3470	Hoàng Thị Út	1963	Nữ	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3471	Hoàng Thị Lệ	1958	Nữ	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3472	Hồ Minh	1969	Nam	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3473	Vòng Công Hội	1995	Nam	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3474	Lênh Sập Giắt	1965	Nam	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3475		Lý Tổng Sáng	1964	Nam	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3476		Lâm Sáng	1956	Nam	Hoa	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3477		Lê Minh Hải	1983	Nam	Kinh	Thôn Tân Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3478	Xã Đa Quyn	A Dắt Ly Sa	1987	Nữ	Cil	Thôn Tân Hạ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3479		Cil K' Hạnh	1989	Nữ	Cil	Thôn Tân Hạ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3480		Klong Yu Hào	1994	Nam	Cil	Thôn Tân Hạ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3481		Klong K' Phil	1987	Nữ	Cil	Thôn Tân Hạ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3482		Cil Ha Linh	1996	Nam	Cil	Thôn Tân Hạ	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3483		Vũ Văn Kiến	1956	Nam	Kinh	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3484		Kon Sơ K' Điệp	1991	Nữ	Cil	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3485		Trần Văn Doanh	1064	Nam	Kinh	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3486		K' Nga	1988	Nữ	Cil	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3487		Ha So	1983	Nam	Cil	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3488		Phạm Đình Thi	1985	Nam	Kinh	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3489		Kơ Să Rafrai	1996	Nam	Cil	Thôn Toa Cát	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
3490		Ha Soan	1983	Nam	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

3491
3492
3493
3494
3495
3496
3497
3498
3499
3500
3501
3502
3503
3504
3505
3506

Ya Noel	1978	Nam	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Jen	1986	Nam	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Sơ Ao K' Nruong	1997	Nữ	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Sơ Ao Ha Khuyên	1993	Nam	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Kon Sơ Ha Sol	1988	Nam	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
K' Pham	1989	Nữ	Cil	Thôn Tơ Mrang	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Tou Neh Gương	1964	Nam	Chu Ru	Thôn Chơ Rung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Y Pam A Yũn	1973	Nam	Ê Đê	Thôn Chơ Rung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ya Toang	1962	Nam	C' Ho	Thôn Chơ Rung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ma Hiền	1988	Nữ	Chu Ru	Thôn Chơ Rung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Dăm Bót	1985	Nam	Chu Ru	Thôn Chơ Rung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ta Yên Quang	1979	Nam	Rắc Lây	Thôn Chơ Rung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Chin	1974	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Seng	1969	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ka Să K' Hiêr	1987	Nữ	Cil	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS
Ma Đô Na	1989	Nữ	Chu Ru	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS

Quyết định số
15/QĐ-UBND ngày
25/5/2022

3507		Ya Tim	1952	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3508		Ka Să K' Tuyên	1995	Nữ	Cil	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3509		Nguyễn Thế Hạ	1969	Nam	Kinh	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3510		Jơ Lương Duyên	1973	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3511		Ya Sô	1983	Nam	Chu Ru	Thôn Ma Bó	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3512	Xã Phú Hội	Ngô Trí Thắng	1970	Nam	Kinh	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định 10/QĐ- UBND ngày 24/01/2024
3513		Bùi Mục	1967	Nam	Kinh	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3514		Nguyễn Thanh Nguyên	1986	Nam	Kinh	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3515		Bùi Đức Mên	1984	Nam	Kinh	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3516		Nguyễn Lý	1948	Nam	Kinh	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3517		Ha Tên	1969	Nam	Cil	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3518		Bon Dơng Tha Ny	1994	Nữ	Cil	Thôn Lạc Nghiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3519		Trần Đình Thêm	1964	Nam	Kinh	Thôn Lạc Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3520		Phạm Quang Sơn	1987	Nam	Kinh	Thôn Lạc Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân
3521		Phạm Quang Liệu	1955	Nam	Kinh	Thôn Lạc Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3522	Đào Duy Huỳnh	1991	Nam	Kinh	Thôn Lạc Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	dân xã Phú Hội
3523	Phạm Thị Ngọt	1980	Nữ	Kinh	Thôn Lạc Lâm	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3524	Lê Quang Phục	1959	Nam	Kinh	Thôn Phú Tân	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3525	Nguyễn Văn Tường	1973	Nam	Kinh	Thôn Phú Tân	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3526	Võ Văn Nam	1952	Nam	Kinh	Thôn Phú Tân	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3527	Lê Văn Liễn	1968	Nam	Kinh	Thôn Phú Tân	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3528	Nguyễn Trường Xuân	1955	Nam	Kinh	Thôn Phú Tân	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3529	Lê Trọng	1969	Nam	Kinh	Thôn Phú Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3530	Bùi Thanh Quang	1981	Nam	Kinh	Thôn Phú Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3531	Nguyễn Thành Đạt	1990	Nam	Kinh	Thôn Phú Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3532	Trương Hào	1961	Nam	Kinh	Thôn Phú Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3533	Trần Thị Kim Thảo	1968	Nữ	Kinh	Thôn Phú Trung	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3534	Jơ Nong Sang Tam	1956	Nam	Kơ ho	Thôn Chi Rông	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3535	K' Mê Dững	1968	Nam	Ko ho	Thôn Chi Rông	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân
3536	K' Đoành	1973	Nam	Koho	Thôn Chi Rông	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3537	K' Phong	1978	Nam	Ko ho	Thôn Chi Rông	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	dân xã Phú Hội
3538	Nguyễn Thị Trinh	1967	Nữ	Kinh	Thôn Chi Rông	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3539	Đinh Thanh Tịnh	1954	Nam	Kinh	Thôn K' Nai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3540	Ya Nim	1970	Nam	Churu	Thôn K' Nai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3541	Thạch Sa Rinh	1980	Nam	Khome	Thôn K' Nai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3542	Ya Thi	1954	Nam	Churu	Thôn K' Nai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3543	Phạm Văn Hiên	1964	Nam	Kinh	Thôn K' Nai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3544	Nguyễn Thị Hòa	1972	Nữ	Kinh	Thôn K' Nai	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3545	Ngô Thị Mộng Điệp	1979	Nữ	Kinh	Thôn Phú Lộc	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3546	Ngô Văn Ký	1963	Nam	Kinh	Thôn Phú Lộc	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3547	Nguyễn Thị Hoa	1950	Nữ	Kinh	Thôn Phú Lộc	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3548	Ngô Thị Luyến	1971	Nữ	Kinh	Thôn Phú Lộc	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3549	Đặng Thị Kim Yến	1978	Nữ	Kinh	Thôn Phú Lộc	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3550	Trần Ngọc Lương	1965	Nam	Kinh	Thôn Phú Lộc	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3551	Bon Dong Ha Bang	1956	Nam	Cil	Thôn R' Chai 1	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 24/01/2024

3552	Mbon Ha Poh	1980	Nam	Cil	Thôn R' Chai 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3553	Hà Đức Hùng	1967	Nam	Cil	Thôn R' Chai 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3554	Lơ Mu Ha Liêng	1965	Nam	Cil	Thôn R' Chai 4	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3555	Lơ Mu K' Ngân	1993	Nữ	Cil	Thôn R' Chai 5	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3556	Cil Ha Siêng	1956	Nam	Cil	Thôn R' Chai 6	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3557	Ya Thuyên	1961	Nam	Churu	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 24/01/2024
3558	Trương Văn Tuấn	1990	Nam	Kinh	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3559	Phan Văn Thọ	1961	Nam	Kinh	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3560	Phạm Thành Danh	1956	Nam	Kinh	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3561	Ngô Thị Kim Cúc	1970	Nữ	Kinh	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3562	Ma K'LÁ	1964	Nữ	Churu	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3563	Trương Thị Hương	1969	Nữ	Kinh	Thôn P're	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 09/5/2023
3564	Phan Thị Hồng	1960	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3565	Trương Ngọc Cẩm	1962	Nam	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3566	Lê Thanh Trà	1979	Nam	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3567	Lê Thị Thư	1966	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3568	Phan Tấn Viện	1967	Nam	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3569	Huỳnh Hữu Hạnh	1981	Nam	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3570	Lâm Thị Lan	1959	Nữ	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3571	Trần Lanh	1953	Nam	Kinh	Thôn Phú Hòa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3572	Phan Thị Ánh Hồng	1976	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 09/5/2023
3573	Nguyễn Thị Mỹ Hà	1970	Nữ	Kinh	Thôn Phú Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3574	Nguyễn Thành Hưng	1996	Nam	Kinh	Thôn Phú Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3575	Hồ Ngọc Tuấn	1976	Nam	Kinh	Thôn Phú Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3576	Nguyễn Hữu Anh	1966	Nam	Kinh	Thôn Phú Thịnh	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3577	Trương Văn Qua	1968	Nam	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/5/2023
3578	Trần Thành	1959	Nam	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3579	Nguyễn Văn Quýt	1952	Nam	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3580	Trần Thái Lâm	1983	Nam	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3581	Huỳnh Ngọc Minh Kha	1987	Nam	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3582	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	1975	Nữ	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3583	Trần Thị Mai	1967	Nữ	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3584	Nguyễn Văn Thọ	1983	Nam	Kinh	Thôn Phú An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3585	Yét Som	1975	Nam	Cil	Thôn R' Chai 2	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 09/5/2023
3586	Liêng Hót Ha Quyền	1988	Nam	Cil	Thôn R' Chai 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3587	Kră Jăn Sa Ly	1978	Nam	Cil	Thôn R' Chai 4	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3588	Lâm Viêng K' Sam	1990	Nữ	Cil	Thôn R' Chai 5	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3589	Ha Ôn	1978	Nam	Cil	Thôn R' Chai 6	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3590	Ka Să Rô Đa	1991	Nữ	Cil	Thôn R' Chai 7	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3591	Kră Jăn Ha Đoi	1964	Nam	Cil	Thôn R' Chai 8	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3592	Phạm Đức Chiến	1964	Nam	Kinh	Thôn R' Chai 3	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 09/5/2023
3593	Kră Jăn Ha Song	1967	Nam	Cil	Thôn R' Chai 4	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3594	Nguyễn Đăng Khoa	1986	Nam	Kinh	Thôn R' Chai 5	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3595	Lâm Viêng K' Đăm	1990	Nữ	Cil	Thôn R' Chai 6	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3596	K' Ninh	1990	Nữ	Cil	Thôn R' Chai 7	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3597		Ha Giaó	1967	Nam	Cil	Thôn R' Chai 8	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3598		Huỳnh Trương Hạnh	1974	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 09/5/2023
3599		Huỳnh Thị Ngọc Bích	1965	Nữ	Kinh	Thôn Phú Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội
3600		Tạ Văn Tuấn	1962	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3601		Lò Xuân An	1985	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3602		Hồ Ngọc Khánh	1986	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3603		Trần Đình Công	1959	Nam	Kinh	Thôn Phú Bình	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3604	xã Hiệp An	Nguyễn Đình Bi	1975	Nam	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Số 358/QĐ-UBND ngày 03/11/2021
3605		Phạm Hồng Tư	1953	Nam	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3606		Nguyễn Quốc Cường	1985	Nam	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3607		Nguyễn Thành Hưng	1956	Nam	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3608		Huỳnh Trọng Quy	1990	Nam	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3609		Phan Thị Thúy Nguyệt	1972	Nữ	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3610		Đỗ Quang Hải	1960	Nam	Kinh	Định An	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3611		K' Đô	1960	Nam	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3612		K' Sáu	1966	Nam	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3613	Ha Hoan	1979	Nam	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3614	K' Đức	1965	Nam	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3615	Ben Ja Min	1940	Nam	Cil	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3616	K' Kim	1993	Nam	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3617	Ma Lin	1974	Nữ	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3618	K' Thương	1974	Nam	K' Ho	K' Rèn	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Số 357/QĐ-UBND ngày 03/11/2021
3619	K' Hùng	1969	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3620	K' Lèn	1960	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3621	Bùi Thái Triêm	1952	Nam	Kinh	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3622	Trịnh Thị Nhân	1973	Nữ	Kinh	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3623	K' Hình	1967	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3624	K' Sáng	1995	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3625	K' Tim	1973	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3626	K' Rốt	1952	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Số 357/QĐ-UBND ngày 03/11/2021
3627	K' Tin	1959	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3628	Nguyễn Minh Cảnh	1959	Nam	Kinh	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3629	K' Lìn	1967	Nam	K' Ho	K' Long	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	Số 356/QĐ-UBND ngày 03/11/2021
3630	K' Hằng	1980	Nữ	Cil	Đarahoa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3631	Chu Long Quý	1971	Nam	Kinh	Đarahoa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3632	Rơ Ông Ha Hưng	1985	Nam	Cil	Đarahoa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3633	Cil Ha Huỳnh	1989	Nam	Cil	Đarahoa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3634	K' Thim	1967	Nữ	Cil	Đarahoa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3635	Ha Trang	1954	Nam	Cil	Đarahoa	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3636	Nguyễn Trọng Thạch	1957	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3637	Vô Thanh Xoan	1957	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3638	Trần Công Quang	1959	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3639	Nguyễn Hữu Quân	1958	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3640	Trần Thị Nương	1960	Nữ	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3641	Trần Ngọc Anh	1985	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3642	Nguyễn Thanh Bình	1977	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3643	Nguyễn Văn Khương	1985	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	
3644	Nguyễn Văn Trường	1970	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghiệp vụ HGCS	

3645		Nguyễn Thị Hường	1972	Nữ	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3646		Phạm Đăng Toàn	1966	Nam	Kinh	Trung Hiệp	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3647		Mai Khả Cử	1950	Nam	Kinh	Tân An	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3648		Hoàng Bá	1958	Nam	Kinh	Tân An	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3649		Tạ Song Hà	1979	Nam	Kinh	Tân An	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3650		Nguyễn Văn Sơn	1980	Nam	Kinh	Tân An	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3651		Đoàn Thanh Trâm	1992	Nữ	Kinh	Tân An	Đã được BD nghịệp vụ HGCS	
3652		Trần Thị Anh	1956	Nữ	Kinh	tổ 1, Lộc Phát		164/QĐ-UBND ngày 01/7/2023
3653	Thành phố Bảo Lộc	Nguyễn Đức Thán	1955	Nam	Kinh	tổ 1 Lộc Phát	Trung cấp	164/QĐ-UBND ngày 01/7/2023
3654		Mai Thị Lan	1972	Nữ	Kinh	tổ 1 Lộc Phát	Đại học	164/QĐ-UBND ngày 01/7/2023
3655		Nguyễn Thị Loan	1963	Nữ	Kinh	tổ 2 Lộc Phát		264/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3656		Phạm Trường Sơn	1967	Nam	Kinh	tổ 2 Lộc Phát		264/QĐ-UBND ngày 30/12/2021
3657		Lê Thị Lương Hiền	1965	Nữ	Kinh	tổ 2 Lộc Phát		264/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3658		Trần Văn Chính	1954	Nam	Kinh	Tổ 3 Lộc Phát		265/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3659		Nguyễn Văn Điệp	1969	Nam	Kinh	Tổ 3 Lộc Phát		265/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3660		Trần Văn Hiếu	1968	Nam	Kinh	Tổ 3 Lộc Phát		265/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

3661	Nguyễn Thị Thanh Dung	1971	Nữ	Kinh	Tổ 3 Lộc Phát		265/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3662	Phạm Ngọc Sơn	1968	Nam	Kinh	Tổ 4 Lộc Phát		05/QĐ-UBND ngày 01/01/2023
3663	Vũ Minh Tuấn	1967	Nam	Kinh	Tổ 4 Lộc Phát		05/QĐ-UBND ngày 01/01/2023
3664	Trần Văn Thiện	1959	Nam	Kinh	Tổ 4 Lộc Phát		05/QĐ-UBND ngày 01/01/2023
3665	Vũ Thị Dung	1959	Nữ	Kinh	Tổ 4 Lộc Phát		05/QĐ-UBND ngày 01/01/2023
3666	Vũ Hoàng Tú	1989	Nam	Kinh	Tổ 4 Lộc Phát		05/QĐ-UBND ngày 01/01/2023
3667	Trần Văn Hàm	1960	Nam	Kinh	Tổ 5 Lộc Phát		267/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3668	Bùi Thị Mộng Hương	1956	Nữ	Kinh	Tổ 5 Lộc Phát	Cao đẳng	267/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3669	Vũ Minh Thúc	1960	Nam	Kinh	Tổ 5 Lộc Phát		267/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3670	Bùi Thị Mộng Thu	1967	Nữ	Kinh	Tổ 5 Lộc Phát		267/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3671	Nguyễn Hoan	1941	Nam	Kinh	Tổ 5 Lộc Phát		267/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3672	Trần Phúc Huy	1959	Nam	Kinh	Tổ 6 Lộc Phát		268/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3673	Trần Văn Tam	1958	Nam	Kinh	Tổ 6 Lộc Phát		268/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3674	Lê Thị Kim Sơn	1960	Nữ	Kinh	Tổ 6 Lộc Phát	Cao đẳng	268/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3675	Đỗ Trọng Cường	1961	Nam	Kinh	Tổ 7 Lộc Phát		269/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3676	Nguyễn Thị vân	1960	Nữ	Kinh	Tổ 7 Lộc Phát		269/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

3677	Đinh văn Lập	1960	Nam	Kinh	Tổ 7 Lộc Phát		269/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3678	Phạm Văn Hải	1956	Nam	Kinh	Tổ 8 Lộc Phát		20/QĐ-UBND ngày 20/4/2023
3679	Mai Hồng Thị Nữ Nhi	1972	Nữ	Kinh	Tổ 8 Lộc Phát		20/QĐ-UBND ngày 20/4/2023
3680	Trương Thị Bích Hào	1960	Nữ	Kinh	Tổ 8 Lộc Phát	Cao đẳng	20/QĐ-UBND ngày 20/4/2023
3681	Thái Thị Hồng Len	1984	Nữ	Kinh	Tổ 8 Lộc Phát	Đại học	20/QĐ-UBND ngày 20/4/2023
3682	Trần Thị Thay	1968	Nữ	Kinh	Tổ 8 Lộc Phát		20/QĐ-UBND ngày 20/4/2023
3683	Trần Minh Hoàn	1943	Nam	Kinh	Tổ 9 Lộc Phát		271/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3684	Phạm Thị Nhu	1955	Nữ	Kinh	Tổ 9 Lộc Phát		271/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3685	Vũ Đình Như	1943	Nam	Kinh	Tổ 9 Lộc Phát		271/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3686	Nguyễn Văn Hạnh	1957	Nam	Kinh	Tổ 9 Lộc Phát		271/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3687	Vũ Hữu Hóa	1953	Nam	Kinh	Tổ 9 Lộc Phát		271/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3688	Nguyễn Văn Liên	1956	Nam	Kinh	Tổ 10 Lộc Phát		272/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3689	Trần Văn Toán	1956	Nam	Kinh	Tổ 10 Lộc Phát		272/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3690	Đinh Thị Thu Nga	1975	Nữ	Kinh	Tổ 10 Lộc Phát		272/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3691	Trần Đức Thành	1975	Nam	Kinh	Tổ 10 Lộc Phát		272/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3692	Trần Văn Vọng	1948	Nam	Kinh	Tổ 10 Lộc Phát		272/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

3693	Phạm Quang Hiển	1957	Nam	Kinh	Tổ 11 Lộc Phát	273/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3694	Phạm Văn Mạnh	1965	Nam	Kinh	Tổ 11 Lộc Phát	273/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3695	Nguyễn Thị Thúy	1962	Nữ	Kinh	Tổ 11 Lộc Phát	273/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3696	Trần Kim Quý	1951	Nam	Kinh	Tổ 11 Lộc Phát	273/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3697	Vũ Tấn Đạt	1943	Nam	Kinh	Tổ 11 Lộc Phát	273/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3698	Nguyễn Phát Thành	1961	Nam	Kinh	Tổ 12 Lộc Phát	45/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3699	Phan Thị Tịnh	1965	Nữ	Kinh	Tổ 12 Lộc Phát	45/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3700	Vũ thanh Phong	1973	Nam	Kinh	Tổ 12 Lộc Phát	45/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3701	Phạm Hòa Thế Nhân	1986	Nam	Kinh	Tổ 12 Lộc Phát	45/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3702	Phạm Văn Anh	1965	Nam	Kinh	Tổ 13 Lộc Phát	275/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3703	Phạm Thị Lan	1962	Nữ	Kinh	Tổ 13	275/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3704	Thái Văn Môn	1946	Nam	Kinh	Tổ 13	275/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3705	Trịnh Đức Trung	1959	Nam	Kinh	Tổ 13	275/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3706	Võ văn Dũng	1982	Nam	Kinh	Tổ 14	46/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3707	Nguyễn Văn Xuân	1950	Nam	Kinh	Tổ 14	46/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3708	Trần Thị Hạnh	1968	Nữ	Kinh	Tổ 14	46/QĐ-UBND ngày 01/06/2023

3709	Phan Bá Vượng	1964	Nam	Kinh	Tổ 14		46/QĐ-UBND ngày 01/06/2023
3710	Trần Văn Quốc	1956	Nam	Kinh	Tổ 15		277/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3711	Nguyễn Thị Xuân Chi	1960	Nữ	Kinh	Tổ 15		277/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3712	Đặng Hữu Chạo	1954	Nam	Kinh	Tổ 15		277/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3713	Nguyễn Văn Khương	1960	Nam	Kinh	Tổ 15		277/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3714	Phạm Văn Hòa	1961	Nam	Kinh	Tổ 15		277/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3715	Hoàng Đế Vương	1964	Nam	Kinh	Tổ 16		278/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3716	Võ Văn Quyền	1952	Nam	Kinh	Tổ 16	Trung cấp	278/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3717	Phạm Văn Nam	1959	Nam	Kinh	Tổ 16		278/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3718	Đinh Văn Đỗ	1960	Nam	Kinh	Tổ 16		278/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3719	Võ Thị Minh Hiền	1967	Nữ	Kinh	Tổ 16		278/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3720	Võ Viết Phương	1962	Nam	Kinh	Tổ 17		279/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3721	Hoàng Văn Tình	1956	Nam	Kinh	Tổ 17		279/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3722	Thân Văn Huế	1956	Nam	Kinh	Tổ 17		279/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3723	Trần Thị Thuận	1957	Nữ	Kinh	Tổ 17		279/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3724	Bùi Quang Khâm	1958	Nam	Kinh	Tổ 18		280/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

3725	Hoàng Gia Luận	1953	Nam	Kinh	Tổ 18		280/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3726	Nguyễn Hữu Huân	1966	Nam	Kinh	Tổ 18		280/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3727	Trần Hồng Phong	1949	Nam	Kinh	Tổ 18		280/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3728	Trần Văn Hòa	1965	Nam	Kinh	Tổ 19		281/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3729	Trần Đăng Canh	1964	Nam	Kinh	Tổ 19		281/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3730	Nguyễn Thị Hường	1962	Nữ	Kinh	Tổ 19		281/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3731	Phan Thị Thu Hương	1958	Nữ	Kinh	Tổ 19		281/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3732	Nguyễn Như Phước	1969	Nam	Kinh	Tổ 20		282/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3733	Đỗ Minh Hải	1957	Nam	Kinh	Tổ 20 Lộc Phát		282/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3734	Nguyễn Thị Mây	1945	Nữ	Kinh	Tổ 20 Lộc Phát		282/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3735	Đỗ minh Phong	1958	Nam	Kinh	Tổ 20 Lộc Phát		282/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3736	Đỗ Hoàng Minh	1971	Nam	Kinh	Tổ 20 Lộc Phát		282/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
3737	Ông: Phạm Quốc Trường				Thôn 1 ĐamB'ri		
3738	Ông: Trần Minh				Thôn 1 ĐamB'ri		
3739	Ông: Lưu Văn Đợi				Thôn 1 ĐamB'ri		
3740	Ông: Vũ Đức Tài				Thôn 1 ĐamB'ri		
3741	Ông Phùng Văn Điều				Thôn 2		
3742	Bà: Trần Thị Hảo				Thôn 2		
3743	Ông: Nguyễn Văn Lục				Thôn 2		
3744	Ông: Nguyễn Hữu Nam				Thôn 2		
3745	Ông: Nguyễn Đình Nhan				Thôn 3		

3746	Bà: Nguyễn Thị Hoa				Thôn 3		
3747	Ông: Trịnh Đình Đăng				Thôn 3		
3748	Ông: Nguyễn Đức Sang				Thôn 3		
3749	Ông: Vũ Thanh Sơn				Thôn 4		
3750	Ông: Nguyễn Nhật Chí				Thôn 4		
3751	Ông: Nguyễn Ngọc Viên				Thôn 4		
3752	Bà: Nguyễn Thị Hiền				Thôn 4		
3753	Ông: Nguyễn Xuân Tý				Thôn 5		
3754	Ông: Đinh Tấn Đạt				Thôn 5		
3755	Bà: Trần Thị Hằng Nga				Thôn 5		
3756	Bà: Trần Thị Thủy				Thôn 5		
3757	Bà: Nguyễn Thị Hường				Thôn 6		
3758	Ông: Trịnh Đăng Hậu				Thôn 6		
3759	Bà: Lê Thị Thanh Châu				Thôn 6		
3760	Bà: Nguyễn Thị Tứ				Thôn 6		
3761	Bà: Trần Thị Phi Nga				Thôn 7		
3762	Bà: Trần Thị Xuân				Thôn 7		
3763	Ông: Nguyễn Xuân Tường				Thôn 7		
3764	Ông: Vũ Văn Ban				Thôn 7		
3765	Ông: Nguyễn Hữu An				Thôn 8		
3766	Bà: Nguyễn Thị Yên				Thôn 8		
3767	Bà: Lê Thị May				Thôn 8		
3768	Ông: Nguyễn Văn Hiếu				Thôn 8		
3769	Ông: Phạm Văn Sinh				Thôn 9		
3770	Ông: Nguyễn Trường Thi				Thôn 9		
3771	Ông: Nguyễn Tiến Dương				Thôn 9		
3772	Bà: Nguyễn Thị Tuyết				Thôn 9		
3773	Ông: Nguyễn Trung Tính				Thôn 10		
3774	Ông: Bùi Đức Toàn				Thôn 10		
3775	Ông: Trần Văn Chuyên				Thôn 10		
3776	Bà Dương Thị Thúy				Thôn 10		
3777	Ông: Lê Viết Chí				Thôn 11		
3778	Ông: Nguyễn Văn Vụ				Thôn 11		

3779	Ông: Dương Xuân Thủy				Thôn 11		
3780	Ông: Phạm Đình Bản				Thôn 11		
3781	Ông: Nguyễn Duy Thiêm				Thôn 12		
3782	Ông: Nguyễn Ngọc Minh				Thôn 12		
3783	Ông: Dư Văn Ba				Thôn 12		
3784	Bà: Vũ Thị Thanh Xuân				Thôn 12		
3785	Ông: Phan Tiến Dũng				Thôn 13		
3786	Ông: Lê hữu Vũ				Thôn 13		
3787	Ông: Vũ Quang Tú				Thôn 13		
3788	Bà: Trần Thị Thúy				Thôn 13		
3789	Ông: Phạm Duy Hà				Thôn 14 ĐamB'ri		
3790	Ông: Vũ Bá Cường				Thôn 14 ĐamB'ri		
3791	Ông: Lương Văn Đủ				Thôn 14 ĐamB'ri		
3792	Bà: Đinh Thị Thúy				Thôn 14 ĐamB'ri		
3793	Vũ Thị Thủy				Tổ 1 phường 2		
3794	Nguyễn Thị Thủy				Tổ 1 phường 2		
3795	Nguyễn Thị Kim Tuyết				Tổ 1 phường 2		
3796	Nguyễn Thị Lệ Xuân				Tổ 1 phường 2		
3797	Hoàng Văn Quỳnh				Tổ 2 phường 2		
3798	Trần Thị Diễm				Tổ 2 phường 2		
3799	Lê Thị Thành				Tổ 2 phường 2		
3800	Đông Thị Hải				Tổ 2 phường 2		
3801	Nguyễn Thị Mai Du				Tổ 3 phường 2		
3802	Nguyễn Thị Đỏ				Tổ 3 phường 2		
3803	Trịnh Quốc Khánh				Tổ 3 phường 2		
3804	Trịnh Đình Thịnh				Tổ 3 phường 2		
3805	Nguyễn Bá Khiết				Tổ 4 phường 2		
3806	Phạm Thành Hưng				Tổ 4 phường 2		
3807	Hoàng Thị Ngoan				Tổ 4 phường 2		
3808	Hoàng Thị Tuyết				Tổ 4 phường 2		
3809	Hoàng Sỹ Đoàn				Tổ 5 phường 2		
3810	Võ Ngọc Liên				Tổ 5 phường 2		
3811	Đinh Thị Ngọ				Tổ 5 phường 2		

3812	Đỗ Văn Phụng				Tổ 5 phường 2		
3813	Bùi Văn Ngọc				Tổ 6 phường 2		
3814	Nguyễn Thị Minh Thuận						
3815	Lưu Nam Quang						
3816	Trần Thị Bình						
3817	Đặng Thị Rồng				Tổ 7 phường 2		
3818	Hà Thị Nữ						
3819	Nguyễn Đức Thuận						
3820	Bùi Thị Hằng Giang						
3821	Lê Thị Hồng				Tổ 8 phường 2		
3822	Phan Thị Tâm						
3823	Huỳnh Thị Kim Trinh						
3824	Nguyễn Thị Hồng Trâm						
3825	Nguyễn Văn Cang				Tổ 9 phường 2		
3826	Nguyễn Mạnh Hải						
3827	Trần Thị Liên						
3828	Hoàng Xuân Vinh						
3829	Chế Thị Đào				Tổ 10 phường 2		
3830	Bùi Quốc Hợp						
3831	Nguyễn Nhị Trứ						
3832	Tô Xuân Thiệp						
3833	Nguyễn Thị Loan				Tổ 11 phường 2		
3834	Vũ Văn Hoàng						
3835	Đoàn Văn Tế						
3836	Dương Minh Độ						
3837	Nguyễn Thị Bích Hợp				Tổ 12 phường 2		
3838	Huỳnh Thị Ngọc Thu						
3839	Phạm Thị Mỹ Hạnh						
3840	Nguyễn Thị Minh Thao						
3841	Trần Thị Hồng Điều				Tổ 13 phường 2		
3842	Đỗ Thị Phương Trang						
3843	Hoàng Thị Minh Thiện						
3844	Trần Hữu Trung						

3845	Vũ Quang Chu				Tổ 14 phường 2		
3846	Trịnh Thị Tự						
3847	Đinh Thị Hồng						
3848	Vương Thị Minh Châu						
3849	Lê Thị Bích				Tổ 15 phường 2		
3850	Đặng Thanh Bình						
3851	Đinh Viêt Được						
3852	Trần Ngọc Thắng						
3853	Mai Thị Du				Tổ 16 phường 2		
3854	Đỗ Thị Kim Dung						
3855	Trần Thị Thủy						
3856	Văn Thị Thanh						
3857	Nguyễn Văn Ủy				Tổ 17 phường 2		
3858	Nguyễn Văn Tiến						
3859	Tạ Thị Đào Tú						
3860	Phạm Thị Thanh Thảo						
3861	Ngô Xuân Bồng				Tổ 18 phường 2		
3862	Nguyễn Thị Lý						
3863	Vũ Văn Luật						
3864	Nguyễn Thị Ánh						
3865	Nguyễn Xuân Cừ				Tổ 19 phường 2		
3866	Nguyễn Đức Phong						
3867	Nguyễn Ngọc Quang						
3868	Đỗ Xuân Hòa						
3869	Nguyễn Văn Sáng				Tổ 20 phường 2		
3870	Đỗ Thanh Kỷ						
3871	Phạm Ngọc Tươi						
3872	Lê Thị Ngọc Thủy						
3873	Nguyễn Thị Bích Nhuận				Tổ 21 phường 2		
3874	Lê Văn Thanh						
3875	Trần Huy Hệ						
3876	Tôn Văn Thành						
3877	Đào Văn Dân				Tổ 22 phường 2		

3878	Nguyễn Đức Đáp					
3879	Nguyễn Thị Huyền					
3880	Vũ Thị Tuyết					
3881	Lê Thị Bích Hương			Tổ 23 phường 2		
3882	Lê Văn Khánh					
3883	Nguyễn Xuân Trường					
3884	Bùi Thị Hoi					
3885	Trần Phương An	1961	Nữ	Kinh	Tổ 1, B'Lao	198/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3886	Nguyễn Đình Thạnh	1954	Nam	Kinh	Tổ 1 B'Lao	198/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3887	Trần Thị Kim Dung	1963	Nữ	Kinh	Tổ 1	198/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3888	Phạm Quang Thuật	1960	Nam	Kinh	Tổ 1	198/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3889	Lê Đình Khương	1958	Nam	Kinh	Tổ 02	199/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3890	Phan Văn Anh	1952	Nam	Kinh	Tổ 02	199QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3891	Phan Thị Phú	1954	Nữ	Kinh	Tổ 02	199/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3892	Tôn Nữ Thị Phụng	1969	Nữ	Kinh	Tổ 03	200/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3893	Cao Minh Đức	1965	Nam	Kinh	Tổ 03	200/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3894	Nguyễn Trần Minh Tâm	1982	Nam	Kinh	Tổ 03	200/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3895	Trần Trung Chuẩn	1960	Nam	Kinh	Tổ 03	200/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3896	Nguyễn Thị Nga	1965	Nữ	Kinh	Tổ 03	200/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3897	Trần Đình Phước	1956	Nam	Kinh	Tổ 04	201/QĐ-UBND ngày 30/06/2023

3898	Trần Văn Thịnh	1965	Nam	Kinh	Tổ 04		201/QĐ-UBND ngày 30/06/2036
3899	Phạm Văn Quý	1960	Nam	Kinh	Tổ 04		201/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3900	Nguyễn Văn Thanh Thanh	1962	Nam	Kinh	Tổ 04		201/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3901	Trần Bảo	1962	Nam	Kinh	Tổ 05		202/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3902	Nguyễn Chí Công	1981	Nam	Kinh	Tổ 05		202/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3903	Lê Thị Ngọc Phượng	1968	Nữ	Kinh	Tổ 05		202/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3904	Nguyễn Công Tuấn	1976	Nam	Kinh	Tổ 06		203/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3905	K' Sơn	1954	Nam	K' Ho	Tổ 06		203/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3906	Nguyễn Viết Hân	1950	Nam	Kinh	Tổ 06		203/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3907	Ka Hậu	1983	Nữ	K' Ho	Tổ 06		203/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3908	Đặng Hưng Thanh	1950	Nam	Kinh	Tổ 06		203/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3909	Đặng Xuân Dũng	1955	Nam	Kinh	Tổ 07		204/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3910	Trang Minh Thoan	1958	Nam	Kinh	Tổ 07		204/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3911	Bùi Thị Liễu	1969	Nữ	Kinh	Tổ 07		204/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3912	Dương Hồng Kỳ	1969	Nam	Kinh	Tổ 07		204/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3913	Đỗ Thị Thanh Nga	1965	Nữ	Kinh	Tổ 08		205/QĐ-UBND ngày 30/06/2023

3914	Tào Quang Khải	1955	Nam	Kinh	Tổ 08		205/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3915	Nguyễn Xuân Thắng	1977	Nam	Kinh	Tổ 08		205/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3916	Nguyễn Thị Lợi	1963	Nữ	Kinh	Tổ 08		205/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3917	Nguyễn Ngọc Toán	1963	Nam	Kinh	Tổ 08		205/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3918	Thái Thị Thu Hà	1965	Nữ	Kinh	Tổ 09		206/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3919	Nguyễn Tuyên	1965	Nam	Kinh	Tổ 09	ĐH Luật	206/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3920	Vũ Trọng Kiều	1954	Nam	Kinh	Tổ 09		206/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3921	Phạm Thị Huy	1971	Nữ	Kinh	Tổ 09		206/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3922	Nguyễn Duy Thống	1976	Nam	Kinh	Tổ 09		206/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3923	Traần Thị Hồng	1965	Nam	Kinh	Tổ 10		207/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3924	Phan Văn Thảo	1963	Nam	Kinh	Tổ 10		207/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3925	Đặng Thị Hải	1959	Nữ	Kinh	Tổ 10		207/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3926	Nguyễn Văn Phúc	1960	Nam	Kinh	Tổ 11		208/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3927	Trần Xuân Chiến	1954	Nam	Kinh	Tổ 11		208/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3928	Nguyễn Xuân Vui	1976	Nữ	Kinh	Tổ 11		208/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3929	Nguyễn Thái Lý	1953	Nam	Kinh	Tổ 11		208/QĐ-UBND ngày 30/06/2023

3930	Nguyễn Thị Hồi	1965	Nữ	Kinh	Tổ 12		209/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3931	Nguyễn Thị Thu Yên	1969	Nữ	Kinh	Tổ 12		209/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3932	Nguyễn Quang Đạt	1960	Nam	Kinh	Tổ 12		209/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3933	Hồ Anh Báu	1990	Nam	Kinh	Tổ 12		209/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3934	Nguyễn Thị Ngoan	1974	Nữ	Kinh	Tổ 12		209/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3935	Nguyễn Thị Nhung	1956	Nữ	Kinh	Tổ 13		210/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3936	Nguyễn Thị Đức	1976	Nữ	Kinh	Tổ 13		210/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3937	Nguyễn Thị Sẻ	1952	Nữ	Kinh	Tổ 13		210/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3938	Đỗ Thị Phúc	1966	Nữ	Kinh	Tổ 13		210/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3939	Phí Đăng Phong	1952	Nam	Kinh	Tổ 14		211/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3940	Mai Thị Mỹ	1956	Nữ	Kinh	Tổ 14 B'Lao		211/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3941	K' Yếp	1969	Nam	K' Ho	Tổ 14 B'Lao		211/QĐ-UBND ngày 30/06/2023
3942	Dư Thị Hân	1955	Việt Nam	Kinh	Tổ 01	Trung cấp	Số 89 ngày 30/03/2023
3943	Nguyễn Văn Khương	1979	Việt Nam	Kinh	Tổ 01	Đại học	Số 89 ngày 30/03/2023
3944	Dương Văn Cường	1965	Việt Nam	Kinh	Tổ 01	Sơ cấp	Số 89 ngày 30/03/2023
3945	Dương Đức Trí	1957	Việt Nam	Kinh	Tổ 01	Sơ cấp	Số 89 ngày 30/03/2023

3946	Trịnh Thị Ngọc	1954	Việt Nam	Kinh	Tổ 01	Sơ cấp	Số 89 ngày 30/03/2023
3947	Nguyễn Trọng Tú	1958	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Đại học	Số 90 ngày 30/03/2023
3948	Nguyễn Văn Thao	1966	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Cử nhân Luật	Số 90 ngày 30/03/2023
3949	Lê Hữu Ngụ	1960	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Cao Đẳng	Số 90 ngày 30/03/2023
3950	Dư Viết Lợi	1966	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Công nhân kỹ thuật	Số 90 ngày 30/03/2023
3951	Đoàn Thị Phương Thảo	1952	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Đại học kinh tế	Số 90 ngày 30/03/2023
3952	Nguyễn Thị Liên Hoa	1970	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Cử nhân kinh tế	Số 90 ngày 30/03/2023
3953	Đỗ Duy Mật	1971	Việt Nam	Kinh	Tổ 02	Không(7/10)	Số 90 ngày 30/03/2023
3954	Lê Việt Quang	1958	Việt Nam	Kinh	Tổ 03	Kỹ sư mỏ	Số 91 ngày 30/03/2023
3955	Nguyễn Văn Đông	1946	Việt Nam	Kinh	Tổ 03	Không	Số 91 ngày 30/03/2023
3956	Nguyễn Quốc Ánh	1959	Việt Nam	Kinh	Tổ 03	Cao đẳng cảnh sát	Số 91 ngày 30/03/2023
3957	Trần Kiều Xuyên	1966	Việt Nam	Kinh	Tổ 03	Cao đẳng sư phạm	Số 91 ngày 30/03/2023
3958	Lê Thị Ánh	1962	Việt Nam	Kinh	Tổ 03	Không(12/12)	Số 91 ngày 30/03/2023
3959	Trần Văn Cư	22889	Việt Nam	Kinh	Tổ 04	Trung Cấp	Số 92 ngày 30/3/2023
3960	Chế Thị Hải Lý	22939	Việt Nam	Kinh	Tổ 04	Sơ cấp	Số 92 ngày 30/3/2023
3961	Võ Thị Bích Phượng	22436	Việt Nam	Kinh	Tổ 04	Sơ cấp	Số 92 ngày 30/3/2023

3962	Nguyễn Thị Bích Hợp	22889	Việt Nam	Kinh	Tổ 04	Đại học sư phạm	Số 92 ngày 30/3/2023
3963	Nguyễn Việt Hùng	25966	Việt Nam	Kinh	Tổ 04	Không	Số 92 ngày 30/3/2023
3964	Đỗ Hồng Sơn	20365	Việt Nam	Kinh	Tổ 05	Trung Cấp kỹ thuật	Số 93 ngày 30/3/2023
3965	Phan Thị Tố Hòa	1955	Việt Nam	Kinh	Tổ 05	Sơ cấp y tế	Số 93 ngày 30/3/2023
3966	Nguyễn Huy Thúy	1954	Việt Nam	Kinh	Tổ 05	Trung cấp kỹ thuật	Số 93 ngày 30/3/2023
3967	Phạm Văn Hiệp	27494	Việt Nam	Kinh	Tổ 06	Sơ cấp chính trị	Số 94 ngày 30/3/2023
3968	Trương Văn Thế	20223	Việt Nam	Kinh	Tổ 06	Trung cấp chính trị	Số 94 ngày 30/3/2023
3969	Nguyễn Thế Nhựt	26060	Việt Nam	Kinh	Tổ 06	không(9/12)	Số 94 ngày 30/3/2023
3970	Hà Thị Hoa	22759	Việt Nam	Kinh	Tổ 06	không(11/12)	Số 94 ngày 30/3/2023
3971	Trần Đình Nghinh	1948	Việt Nam	Kinh	Tổ 07	Trung cấp	Số 95 ngày 30/3/2023
3972	Ngô Tiến Dũng	1965	Việt Nam	Kinh	Tổ 07	không(12/12)	Số 95 ngày 30/3/2023
3973	Lê Thị Mỹ	1961	Việt Nam	Kinh	Tổ 07	Đại học kế toán - tài chính	Số 95 ngày 30/3/2023
3974	Đỗ Thị Thủy Tiên	1985	Việt Nam	Kinh	Tổ 07	Đại học	Số 95 ngày 30/3/2023
3975	Nguyễn Thị Thanh	1957	Việt Nam	Kinh	Tổ 07	Đại học sư phạm	Số 95 ngày 30/3/2023
3976	Nguyễn Xuân Lãi	1952	Việt Nam	Kinh	Tổ 8	Đại học	Số 96 ngày 30/3/2023
3977	Phan Minh Chương	1966	Việt Nam	Kinh	Tổ 8	Đại học	Số 96 ngày 30/3/2023

3978	Lương Trường Sơn	1986	Việt Nam	Kinh	Tổ 8	Trung cấp tin học	Số 96 ngày 30/3/2023
3979	Hoàng Thị Diễm	1960	Việt Nam	Kinh	Tổ 8	Đại học tài chính- kế toán	Số 96 ngày 30/3/2023
3980	Nguyễn Thị Hồng	1957	Việt Nam	Kinh	Tổ 8	Cao đẳng dược	Số 96 ngày 30/3/2023
3981	Nguyễn Trọng Tiến	1955	Việt Nam	Kinh	Tổ 09	TC đồ họa	Số 100 ngày 31/3/2023
3982	Nguyễn Thanh Hòa	1969	Việt Nam	Kinh	Tổ 09	Không(12/12)	Số 100 ngày 31/3/2023
3983	Nguyễn Thị Rịu	1958	Việt Nam	Kinh	Tổ 09	Không(11/12)	Số 100 ngày 31/3/2023
3984	Lưu Thị Nhuận	1971	Việt Nam	Kinh	Tổ 09	Cao đẳng đông y	Số 100 ngày 31/3/2023
3985	Trần Thị Thu Vân	1971	Việt Nam	Kinh	Tổ 09	Không(12/12)	Số 100 ngày 31/3/2023
3986	Lại Văn Thứ	21820	Việt Nam	Kinh	Tổ 10	Trung cấp công an	Số 97 ngày 30/3/2023
3987	Nguyễn Ngọc Minh	21158	Việt Nam	Kinh	Tổ 10	Trung cấp Cơ khí	Số 97 ngày 30/3/2023
3988	Hoàng Thị Hồng Việt	21404	Việt Nam	Kinh	Tổ 10	Không	Số 97 ngày 30/3/2023
3989	Lộc Thị An	23785	Việt Nam	Nùng	Tổ 10	Trung cấp(7/10)	Số 97 ngày 30/3/2023
3990	Lê Hữu Phúc	24392	Việt Nam	Kinh	Tổ 10	Không(9/12)	Số 97 ngày 30/3/2023
3991	Đặng Xuân Sửu	1949	Việt Nam	Kinh	Tổ 11	Trung cấp công an	Số 98 ngày 30/3/2023
3992	Lê Thị Bích Loan	1989	Việt Nam	Kinh	Tổ 11	Cao đẳng Hóa	Số 98 ngày 30/3/2023
3993	Lê Thị Thoản	1953	Việt Nam	Kinh	Tổ 11	Trung cấp ngân hàng	Số 98 ngày 30/3/2023

3994	Nguyễn Văn Hòa	1960	Việt Nam	Kinh	Tổ 12	Cư nhân Luật	Số 101 ngày 31/3/2023
3995	Phan Thị Nhân	1964	Việt Nam	Kinh	Tổ 12	Đại học sư phạm	Số 101 ngày 31/3/2023
3996	Phan Thị Yến	1965	Việt Nam	Kinh	Tổ 12	Cao đẳng sư phạm	Số 101 ngày 31/3/2023
3997	Lê Xuân Bảy	1952	Việt Nam	Kinh	Tổ 12	Bác sỹ	Số 101 ngày 31/3/2023
3998	Trần Hữu Thành	1957	Việt Nam	Kinh	Tổ 12	Sơ cấp	Số 101 ngày 31/3/2023
3999	Vũ Minh Khoáng	1959	Việt Nam	Kinh	Tổ 13	Đại học an ninh, cử nhân luật	Số 99 ngày 30/3/2023
4000	Nguyễn Văn Thùy	1954	Việt Nam	Kinh	Tổ 13	Không	Số 99 ngày 30/3/2023
4001	Nguyễn Đăng Thủy	1967	Việt Nam	Kinh	Tổ 13	Kỹ sư điện	Số 99 ngày 30/3/2023
4002	Nguyễn Xuân phú	1963	Việt Nam	Kinh	Tổ 13	Không	Số 99 ngày 30/3/2023
4003	Lý Nữ Hoàng Diễm	1963	Việt Nam	Kinh	Tổ 13	Trung cấp ngân hàng	Số 99 ngày 30/3/2023
4004	Vũ Thị Bích Sơn	1958	Việt Nam	Kinh	Tổ 13	Đại học sư phạm	Số 99 ngày 30/3/2023
4005	NGUYỄN VĂN SONG	1960	NAM	KINH	ĐẠI NGA 1		
4006	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	1963	NAM	KINH	ĐẠI NGA 1		
4007	TRƯƠNG QUỐC THỐNG	1958	NAM	KINH	ĐẠI NGA 1	CD	
4008	HOÀNG CÔNG THẮNG	1993	NAM	KINH	ĐẠI NGA 1		
4009	ĐỖ GIÁO HÓA	1966	NAM	KINH	TÂN HÓA 2		Tổ trưởng
4010	TRẦN NAM HÙNG	1967	NAM	KINH	TÂN HÓA 2		tổ phó
4011	TRẦN THỊ THU	1960	NỮ	KINH	TÂN HÓA 2		thành viên
4012	ĐỖ KHẮC NIỆM	1979	NAM	KINH	TÂN HÓA 2		thành viên
4013	NGUYỄN HOÀNG SƠN	1957	NAM	KINH	ĐẠI NGA 2		Tổ trưởng
4014	NGUYỄN NGỌC NÊN	1954	NAM	KINH	ĐẠI NGA 2		tổ phó
4015	NGUYỄN MINH TÂM	1963	NAM	KINH	ĐẠI NGA 2		thành viên

4016	VŨ THỊ HỒNG NGUYỆT	1964	NỮ	KINH	ĐẠI NGA 2		thành viên
4017	NGUYỄN ĐÌNH BỬU	1955	NAM	KINH	ĐẠI NGA 2		thành viên
4018	NGUYỄN XUÂN ĐỊNH	1968	NAM	KINH	NGA SƠN 1		Tổ trưởng
4019	PHẠM MINH ĐĂNG	1974	NAM	KINH	NGA SƠN 1		tổ phó
4020	HỒ THỊ HẠNH	1966	NỮ	KINH	NGA SƠN 1		thành viên
4021	TRẦN THỊ XUÂN HƯỜNG	1970	NỮ	KINH	NGA SƠN 1		thành viên
4022	TRẦN TIẾN THÀNH	1986	NAM	KINH	NGA SƠN 1		thành viên
4023	CAO VĂN LONG	1974	NAM	KINH	NGA SƠN 2		Tổ Trưởng
4024	TRẦN ĐÌNH HÙNG	1958	NAM	KINH	NGA SƠN 2		Tổ Phó
4025	LÊ VĂN ĐỊNH	1953	NAM	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4026	NGUYỄN THỊ THỦY	1964	NỮ	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4027	K' MẾU	1944	NAM	CÓ HO	NGA SƠN 2		Thành viên
4028	BÙI THỊ ÂN	1959	NỮ	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4029	NGUYỄN THỊ MAI LAN	1981	NỮ	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4030	NGUYỄN HOÀNG THANH	1972	NAM	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4031	NGUYỄN THỊ MAI LAN	1981	NỮ	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4032	NGUYỄN HOÀNG THANH	1972	NAM	KINH	NGA SƠN 2		Thành viên
4033	PHAN HÙNG DỤNG	1952	NAM	KINH	TÂN HÓA 1		Tổ trưởng
4034	TRẦN THỊ MẠN	1960	NỮ	KINH	TÂN HÓA 1		tổ phó
4035	PHẠM THỊ XUYẾN	1959	NỮ	KINH	TÂN HÓA 1		thành viên
4036	NGUYỄN NGỌC ÁNH	1983	NAM	KINH	TÂN HÓA 2		thành viên
4037	VŨ THÀNH NINH	1966	NAM	KINH	TÂN HÓA 1		thành viên
4038	TRẦN VĂN QUANG	1958	NAM	KINH	KIM THANH		Tổ trưởng
4039	HOÀNG THỊ MẾN	1949	NỮ	KINH	KIM THANH		tổ phó
4040	NGÔ ĐỨC THÌN	1952	NAM	KINH	KIM THANH		thành viên
4041	NGUYỄN CÔNG MINH	1965	NAM	KINH	KIM THANH		thành viên
4042	ĐÌNH THỊ GƯƠNG	1949	NỮ	KINH	KIM THANH		thành viên
4043	NGUYỄN TRỌNG TÂM	1971	NAM	KINH	KIM ĐIỀN		Tổ trưởng
4044	NGUYỄN ĐỨC KHẢI	1966	NAM	KINH	KIM ĐIỀN		tổ phó
4045	PHẠM THỊ THỦY	1960	NỮ	KINH	KIM ĐIỀN		thành viên
4046	NGUYỄN KIM ÁNH	1976	NAM	KINH	KIM ĐIỀN		thành viên
4047	LÊ QUÍ ĐÔNG	1963	NỮ	KINH	KIM ĐIỀN		thành viên
4048	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	1955	NAM	KINH	THANH XÁ		Tổ Trưởng

4049	PHẠM VĂN KHÁNH	1963	NAM	KINH	THANH XÁ		Tổ Phó
4050	BÙI NGỌC LÝ	1969	NAM	KINH	THANH XÁ		Thành viên
4051	NGUYỄN VĂN CUÔNG	1954	NAM	KINH	THANH XÁ		Thành viên
4052	NGUYỄN THỊ THANH TH	1967	NỮ	KINH	THANH XÁ		Thành viên
4053	HOÀNG THỊ KIM LIÊN	1971	NỮ	KINH	THANH XÁ		Thành viên
4054	HOÀNG THÁI PHONG	1976	NAM	KINH	THANH XÁ		Thành viên
4055	K' NHÂN	1955	NAM	CỐ HO	Thôn Nausri		Tổ Trưởng
4056	K' JÈM	1958	NAM	CỐ HO	Thôn Nausri		Tổ Phó
4057	KA THUYẾT	1983	NỮ	CỐ HO	Thôn Nausri		Thành viên
4058	K' BRÉT	1968	NAM	CỐ HO	Thôn Nausri		Thành viên
4059	K' BRÓK	1967	NAM	CỐ HO	Thôn Nausri		Thành viên
4060	K' ĐOL	1971	NAM	CỐ HO	Thôn Nausri		Thành viên
4061	NGUYỄN NGỌC BỘI	1960	NAM	KINH	Thôn Nausri		Thành viên
4062	Phạm Hồng Long	1969	Nam	Kinh	Thôn 1	Trung cấp Lâm nghiệp	313, 05/4/2024
4063	Nguyễn Thị Hạnh	1969	Nữ	Kinh	Thôn 1	Trung cấp sư phạm	313,05/4/2024
4064	Hoàng Văn Hồng	1964	Nam	Kinh	Thôn 1		313,05/4/2024
4065	Lê Hồng Quân	1956	Nam	Kinh	Thôn 2	Trung cấp cơ khí	47,10/3/2017
4066	Nguyễn Thị Hiền	1984	Nữ	Kinh	Thôn 2	10/10	
4067	Nguyễn Phú Biền	1969	Nam	Kinh	Thôn 2		
4068	Nguyễn Văn Ngọc	1967	Nam	Kinh	Thôn 3		314, 05/4/2024
4069	Đinh Văn Giáp	1963	Nam	Kinh	Thôn 3		
4070	Nguyễn Thị Phương	1972	Nữ	Kinh	Thôn 3		
4071	Đinh Hữu Hiệp	1987	Nam	Kinh	Thôn 3	Trung cấp Nông nghiệp	
4072	Nguyễn Thị Kim Phương	1986	Nữ	Kinh	Thôn 3		315, 05/4/2024
4073	Nguyễn Xuân Lộc	1958	Nam	Kinh	Thôn 4	Trung cấp xây dựng	
4074	Nguyễn Đăng Long	1961	Nam	Kinh	Thôn 4		
4075	Võ Hải Ngân	1993	Nữ	Kinh	Thôn 4	Đại học Văn hoá	
4076	Lò Văn Trọng	1970	Nam	Thái	Thôn 5		249,21/3/2024
4077	Trần Thị Đoài	1972	Nữ	Kinh	Thôn 5	Sơ cấp kế toán	

4078	Ninh Thị Dậu	1973	Nữ	Kinh	Thôn 5		
4079	Trần Viết Quảng	1965	Nam	Kinh	Thôn 6		
4080	Lê Mạnh Linh	1986	Nam	Kinh	Thôn 6	Cao đẳng điện	
4081	Nguyễn Thị Hạnh	1965	Nữ	Kinh	Thôn 6	Trung cấp kế toán	316, 05/4/2024
4082	Hồ Ngọc Hoàng	1980	Nam	Kinh	Thôn 6	Cao đẳng cơ khí	
4083	Cao Hồng Sinh	1964	Nam	Kinh	Thôn 6		
4084	Võ Xuân Sáu	1962	Nam	Kinh	Thôn 7		
4085	Đỗ Hữu Quyết	1990	Nam	kinh	Thôn 7		993, 07/12/2022
4086	Nguyễn Thị Hải Hoà	1983	Nữ	Kinh	Thôn 7		
4087	Lê Xuân Bình	1970	Nam	Kinh	Thôn 9		
4088	Đỗ Thị Yến	1974	Nữ	Kinh	Thôn 9		54, 10/3/2017
4089	Bùi Thế Lộc	1957	Nam	Kinh	Thôn 9		
4090	Lại Thị Oanh	1975	Nữ	Kinh	Thôn 10		
4091	Phan Thị Xuân	1958	Nữ	Kinh	Thôn 10		250, 21/3/2024
4092	Thành Thị Linh	1987	Nữ	Kinh	Thôn 10		
4093	Trần Thanh Tịnh	1963	nam	Kinh	Thôn 11		
4094	Trịnh Thanh Vân	1961	Nam	Kinh	Thôn 11		994,07/12/2022
4095	Bùi Thị Hương	1987	Nữ	Kinh	Thôn 11	Trung cấp kế toán	
4096	Nguyễn Thị Sự		Nữ	Kinh	Tân Hương 1		
4097	Nguyễn Thị Thanh Vân		Nữ	Kinh	Tân Hương 1		
4098	Nguyễn Thị Bạch Yến		Nữ	Kinh	Tân Hương 1		
4099	Nguyễn Thanh Tùng		Nam	Kinh	Tân Hương 2		
4100	Nguyễn Hoàng Ngọc		Nam	Kinh	Tân Hương 2		
4101	Phạm Mạnh Dương		Nam	Kinh	Tân Hương 2		
4102	Đào Duy Khánh		Nam	Kinh	Thanh Hương 1		
4103	Hoàng Thị Lệ Thu		Nữ	Kinh	Thanh Hương 1		
4104	Đào Thị Kim Phượng		Nữ	Kinh	Thanh Hương 1		
4105	Vũ Thị Huệ		Nữ	Kinh	Thanh Hương 2		
4106	Nguyễn Thị Oanh		Nữ	Kinh	Thanh Hương 2		
4107	Nguyễn Ngọc Oánh		Nam	Kinh	Thanh Hương 2		
4108	Đinh Văn Vượng		Nam	Kinh	Thanh Hương 3		Số: 538b/QĐ-

4109			Giáp Thị Ngọc Trang		Nữ	Kinh	Thanh Hương 3		UBND ngày 01/10/2022
4110			Trần Đình Thuần		Nam	Kinh	Thanh Hương 3		
4111			Nguyễn Mạnh Hùng		Nam	Kinh	Thanh Xuân 1		
4112			Nguyễn Đình Thông		Nam	Kinh	Thanh Xuân 1		
4113			Nguyễn Thị Tươi		Nữ	Kinh	Thanh Xuân 1		
4114			Lưu Văn Cương		Nam	Kinh	Thanh Xuân 2		
4115			Trần Duy Phước		Nam	Kinh	Thanh Xuân 2		
4116			Trần Thị Lựa		Nữ	Kinh	Thanh Xuân 2		
4117			Vũ Thị Hòa		Nữ	Kinh	Tân Bình 1		
4118			Nguyễn Ngọc Hùng		Nam	Kinh	Tân Bình 1		
4119			Trần Thị Thanh Thủy		Nữ	Kinh	Tân Bình 1		
4120			Nguyễn Thị Lý		Nữ	Kinh	Tân Bình 2		
4121			Triệu Thị Tươi		Nữ	Kinh	Tân Bình 2		
4122			Chu Đình Hoàng		Nam	Kinh	Tân Bình 2		
4123	Thành phố Đà Lạt	Phường 1	Lê Xuân Hạnh	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, phường 1		Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4124			Đặng Văn Bình	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, phường 1		
4125			Võ Thị Tuyết Ngân	1995	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, phường 1		
4126			Phạm Thị Chung	1957	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1, phường 1		
4127			Nguyễn Ngọc Sơn	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, phường 1		Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4128			Dương Thành Hưng	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, phường 1		
4129			Nguyễn Văn Quyết	1950	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, phường 1		
4130			Lê Anh Tuấn	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, phường 1		

4131	Đào Đình Thành	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, phường 1		
4132	Công Tăng Tôn Nữ Thị Đi	1962	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2, phường 1		
4133	Nguyễn Minh	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, phường 1		Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4134	Võ Ngọc Diệu Thanh	1966	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, phường 1		
4135	Lê Thị Hồng Nhung	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3, phường 1		
4136	Phùng Thị Vải	1955	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, phường 1		Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4137	Phan Thị Thanh Thủy	1969	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, phường 1		
4138	Nguyễn Thị Loan	1949	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4, phường 1		
4139	Phạm Đình Quý	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, phường 1		Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4140	Trần Tuyết Lan	1954	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, phường 1		
4141	Nguyễn Đắc Hồng Linh	1983	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, phường 1		
4142	Phan Thị Ý	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, phường 1		

4143		Văn Mỹ Mỹ	1972	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5, phường 1		
4144		Trương Thị Thu Yến	1967	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, phường 1		Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4145		Nguyễn Đức Chính	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, phường 1		
4146		Nguyễn Thị Chung	1963	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, phường 1		
4147		Nguyễn Thị Hường	1961	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, phường 1		
4148		Tô Bá Điển	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6, phường 1		
4149		Nguyễn Huế	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, phường 1		Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của UBND Phường 1
4150		Nguyễn Thanh Bình	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, phường 1		
4151		Phạm Văn Thành	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, phường 1		
4152		Nguyễn Ngọc Huy	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7, phường 1		
4153	Phường 2	Nguyễn Mộng Dịch		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 01		
4154		Huỳnh Thị Bạch Mai		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 01		
4155		Nguyễn Kim Sơn		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 01		
4156		Nguyễn Thị Kim Hoa		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 01		
4157		Lục Ka Chính		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 01		
4158		Trần Anh Dũng	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 04	10/10	
4159		Nguyễn Ngọc Dương	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 04	10/10	

4160	Dương Thị Hiền Thảo	1980	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 04	Đại học	
4161	Văn Thị Kim Hoa	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 04		
4162	Bùi Anh Tuân	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 04		
4163	Lê Thanh Nhân	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 05	Cử nhân Luật	
4164	Nguyễn Cửu Trung	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 05		
4165	Châu Ngọc Dzin	1952	Nữ	Hoa	Tổ hòa giải 05		
4166	Nguyễn Thị Phương	1948	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 05		
4167	Thái Thị Hoa	1939	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 05		
4168	Nguyễn Thị Lịch		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 06		
4169	Trần Ngọc Hạ		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 06		
4170	Phạm Thị Thành		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 06		
4171	Đinh Đức Đáo		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 07		
4172	Nguyễn Bảy		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 07		
4173	Nguyễn Thị Lâm		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 07		
4174	Võ Đình Hòa		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 07		
4175	Vũ Minh Khôi		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 07		
4176	Bùi Duy Phong	1981	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 08	Trung cấp	
4177	Đào Văn Khoát	1955	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 08	Đại học	
4178	Nguyễn Thị Tuyết Phương	1989	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 08	12/12	
4179	Đào Thị Vượng	1957	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 08	Trung cấp	
4180	Nguyễn Văn Dũng	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 08	Đại học	
4181	Trần Lê Hương Bình		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 09		
4182	Lê Sỹ Sơn		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 09		
4183	Đỗ Thị Kiều Oanh		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 09		
4184	Nguyễn Hữu Long		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 09		
4185	Huỳnh Thị Kim Xuân		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 09		
4186	Nguyễn Hòa	1951	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 11		
4187	Nguyễn Thế Phụng	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 11		
4188	Huỳnh Ba	1951	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 11		
4189	Đặng Thị Trang	1982	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 11		
4190	Đặng Dũng Quế		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 12		
4191	Hoàng Thông		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 12		
4192	Huỳnh Văn Bảy		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 12		

4193	Nguyễn Thái Trinh		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 12		
4194	Đoàn Thị Nguyệt		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 12		
4195	Lương Văn Ngự		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 13		
4196	Hoàng Vạn Phòng		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 13		
4197	lê văn hung		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 13		
4198	hoàng thị thanh tịnh		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 13		
4199	hồ đắc khương		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 13		
4200	trần ngọc hân		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 13		
4201	vũ thị ngọc dung		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 14		
4202	võ xuân hòa		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 14		
4203	đương hải long		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 14		
4204	nguyễn thị phú		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 14		
4205	nguyễn thị vân		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 14		
4206	trần công hòa		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 15		
4207	trần văn tuần		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 15		
4208	nguyễn hùng		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 15		
4209	phạm đình thân		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 15		
4210	cao xuân ánh		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 15		
4211	lê bá ứng		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 16		
4212	vũ công chinh		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 16		
4213	trần thị mỹ hạnh		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 16		
4214	tổng phước hòa		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 16		
4215	nguyễn thị quỳnh		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 16		
4216	phạm hùng phi		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 17		
4217	lê viết thụ		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 17		
4218	trần tuyết mai		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 17		
4219	đào xuân đăng		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 17		
4220	nguyễn thị ngọc yến		Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 17		
4221	nguyễn thị bích thủy	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 18	Trung cấp	
4222	trần văn quang	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 18		
4223	lê văn mỹ	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 18		
4224	nguyễn thị bạch tuyết	1956	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 18		
4225	phan bốn	1940	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 18		

4226		phạm thị thanh	1954	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 19		
4227		ông văn ngọc	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 19		
4228		vũ văn hải	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 19		
4229		hoàng thị bé	1952	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 19		
4230		bùi thị thực	1946	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 19		
4231		nguyễn ngọc hùng		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 20		
4232		trần bồ		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 20		
4233		tạ văn tit		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 20		
4234		ché công thuận		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 20		
4235		nguyễn cửu tịnh		Nam	Kinh	Tổ hòa giải 20		
4236		lê thị huyền	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 21	7/10	
4237		vũ ngọc kim	1948	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 21	7/10	
4238		lê lý	1946	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 21	10/10	
4239		nguyễn thị hữu	1971	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải 21	12/12	
4240		hồ trung việt	1978	Nam	Kinh	Tổ hòa giải 21	12/12	
4241	Phường 3	Lương Văn Thúy	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1	Không	
4242		Nguyễn Thơm	1946	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1	Không	
4243		Nguyễn Thị Bạch Mai	1959	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 1	Không	
4244		Hồ Đắc Khương	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2	Không	
4245		Tăng Viết Nhơn	1953	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2	Không	
4246		Nguyễn Thị Thu Minh	1972	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2	Không	
4247		Nguyễn Thị Anh Đào	1971	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2	Không	
4248		Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 2	Không	
4249		Đôn Văn Hùng	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3	Không	

4250	Huỳnh Hải	1943	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3	Không	
4251	Nguyễn Văn Tân	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3	Trung cấp	
4252	Nguyễn Thị Như Lan	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 3	Đại học	
4253	Lê Công Đông	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4	Không	
4254	Trần Mạnh Việt	1948	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4	Cao Đẳng	
4255	Nguyễn Văn Nghĩa	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4	Đại học	
4256	Nguyễn Thị Minh Tuyết	1969	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 4	Không	
4257	Lê Thị Kim Anh	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5	Trung cấp	
4258	Phạm Hữu Toàn	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5	Không	
4259	Trần Thị Hương	1982	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 5	Đại học	
4260	Trương Hải Đăng	1969	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6	Không	
4261	Nguyễn Văn Trung	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6	Không	
4262	Phan Lê Thùy Linh	1970	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6	Không	
4263	Lê Thị Thu Loan	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 6	Không	
4264	Đỗ Đức Phong	1972	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7	Không	
4265	Đỗ Minh Ký	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7	Không	

4266
4267
4268
4269
4270
4271
4272
4273
4274
4275
4276
4277
4278
4279
4280
4281

Trần Thị Cúc	1952	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7	Không	
Nguyễn Thị Kim Khoa	1973	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 7	Đại học	
Nguyễn Đức Hùng	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8	Không	
Nguyễn Phi Nhân	1944	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8	Không	
Nguyễn Thị Khoa	1957	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8	Đại học	
Nguyễn Thị Thắm	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 8	Đại học	
Nguyễn Công Duy	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9	Trung cấp	
Nguyễn Thị Hải Ninh	1954	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9	Trung cấp	
Nguyễn Đức Trâm	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9	Trung cấp	
Phan Thanh Trân	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 9	Đại học	
Huỳnh Dương Hồng Quân	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10	Cao đẳng	
Hoàng Sỹ Cư	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10	Đại học	
Phan Thị Bích Vân	1956	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10	Đại học	
Hoàng Thị Huệ	1967	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10	Không	
Phan Đức Mỹ	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 10	Không	
Trần Văn Tuế	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11	Trung cấp	

4282	K' Thị Ánh Nguyệt	1963	Nữ	K' ho	Tổ hòa giải tổ dân phố 11	Đại học	
4283	Trần Văn Thảo	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11	Đại học	
4284	Trần Thanh Quảng	1979	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11	Đại học	
4285	Nguyễn Thanh Hà	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 11	Không	
4286	Trần Văn Phong	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12	Đại học	
4287	Nông Tắc Phu	1957	Nam	Tày	Tổ hòa giải tổ dân phố 12	Không	
4288	Huỳnh Văn Thà	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12	Đại học	
4289	Ngô Thị Kim Thủy	1963	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố12	Không	
4290	Nguyễn Dong	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 12	Đại học	
4291	Duong Đức Lợi	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13	Trung cấp	
4292	Dương Thế Căn	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13	Trung cấp	
4293	Vũ Thị Tú	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13	Cao đẳng	
4294	Hồ Thị Thanh Lâm	1970	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 13	Không	
4295	Lê Văn Sinh	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14	Trung cấp	
4296	Nguyễn Văn Hùng	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14	Không	
4297	Nguyễn Ngọc Lạc	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14	Không	

4298
4299
4300
4301
4302
4303
4304
4305
4306
4307
4308
4309
4310
4311
4312
4313

Phạm Thị Kiên	1958	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 14	Trung cấp	
Trương Thị Nhung	1972	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15	Không	
Lê Thị Thanh Hoa	1963	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15	Đại học	
Nguyễn Phan Sơn	1950	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15	Không	
Đặng Thị Hà	1975	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15	Không	
Nguyễn Xuân Tứ	1945	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 15	Không	
Nguyễn Công Trường	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16	Không	
Trần Văn Bình	1958	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16	Không	
Phạm Viết Khính	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16	Không	
Đặng Lê Chuẩn	1979	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16	Không	
Nguyễn Thị Yên	1960	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 16	Không	
Võ Tấn Huệ	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17	Đại học	
Mai Thị Diên	1952	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17	Trung cấp	
Phan Thị Tích	1961	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17	Đại học	
Huỳnh Thị Thúy Đa	1956	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17	Trung cấp	
Phạm Văn Minh	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 17	Không	

4314		Võ Hữu Trí	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18	Không	
4315		Nguyễn Văn Thù	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18	Trung cấp	
4316		Lê Văn Diệu	1963	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18	Đại học	
4317		Nguyễn Thị Lan	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 18	Trung cấp	
4318		Nguyễn Văn Lượm	1948	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19	Không	
4319		Trần Văn Hiến	1955	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19	Không	
4320		Nguyễn Thị Đào	1968	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19	Không	
4321		Nguyễn Thanh Minh	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19	Không	
4322		Nguyễn Hiều	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải tổ dân phố 19	Không	
4323	Phường 4	Phạm Đồng Sương	1950	Kinh	Nam	Tổ dân phố 1		
4324		Ngô Viết Sanh	1947	Kinh	Nam	Tổ dân phố 1		
4325		Phí Văn Trung	1952	Kinh	Nam	Tổ dân phố 1		
4326		Quách Thị Quý	1960	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 1		
4327		Đặng Thị Vân Đoàn	1952	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 1		
4328		Hoàng Thanh Sơn	1952	Kinh	Nam	Tổ dân phố 1		
4329		Đỗ Văn Quế	1959	Kinh	Nam	Tổ dân phố 1		
4330		Nguyễn Văn Sơn	1955	Kinh	Nam	Tổ dân phố 2		
4331		Nguyễn Xuân Quang	1961	Kinh	Nam	Tổ dân phố 2		
4332		Nguyễn Quý	1943	Kinh	Nam	Tổ dân phố 2		
4333		Nguyễn Thị Mai	1965	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 2		
4334		Nguyễn Thị Nga	1965	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 2		
4335		Nguyễn Thị Chinh	1965	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 3		
4336		Huỳnh Thị Có	1962	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 3		
4337		Nguyễn Thị Loan Chi	1973	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 3		

4338	Nguyễn Minh Sơn	1960	Kinh	Nam	Tổ dân phố 4		
4339	Hồ Hoàng Dũng	1964	Kinh	Nam	Tổ dân phố 4		
4340	Hoàng Thị Bích Thảo	1987	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 4		
4341	Nguyễn Thị Thu Vân	1978	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 4		
4342	Quách Đình Hỷ	1953	Kinh	Nam	Tổ dân phố 4		
4343	Trương Dưỡng	1952	Kinh	Nam	Tổ dân phố 5		
4344	Lê Thị Liệu	1962	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 5		
4345	Vũ Thị Huyền	1967	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 5		
4346	Hồ Văn Chí	1961	Kinh	Nam	Tổ dân phố 5		
4347	Lê Thị Thái Dung	1961	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 5		
4348	Nguyễn Anh Tú	1981	Kinh	Nam	Tổ dân phố 6		
4349	Nguyễn Thành Đô	1958	Kinh	Nam	Tổ dân phố 6		
4350	Trương Thị Hoa	1970	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 6		
4351	Phạm Thị Huế	1965	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 6		
4352	Đỗ Ngọc Lan	1947	Kinh	Nam	Tổ dân phố 7		
4353	Nguyễn Quang Dị	1985	Kinh	Nam	Tổ dân phố 7		
4354	Đồng Xuân Huệ	1955	Kinh	Nam	Tổ dân phố 7		
4355	Lê Minh Cường	1963	Kinh	Nam	Tổ dân phố 7		
4356	Mai Đức Vận	1958	Kinh	Nam	Tổ dân phố 8		
4357	Nguyễn Văn Phúc	1962	Kinh	Nam	Tổ dân phố 8		
4358	Vũ Thị Cậy	1950	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 8		
4359	Hứa Thị Cẩm Nhung	1988	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 8		
4360	Phan Mậu Hậu	1960	Kinh	Nam	Tổ dân phố 8		
4361	Hoàng Trọng Dũng	1967	Kinh	Nam	Tổ dân phố 9		
4362	Nguyễn Thị Hoa	1975	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 9		
4363	Nguyễn Văn Cường	1978	Kinh	Nam	Tổ dân phố 9		
4364	Trần Thị Thu Hương	1971	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 9		
4365	Nguyễn Ngọc Định	1959	Kinh	Nam	Tổ dân phố 10		
4366	Huỳnh Đức	1964	Kinh	Nam	Tổ dân phố 10		
4367	Vũ Văn Sơn	1956	Kinh	Nam	Tổ dân phố 10		
4368	Hoàng Trần Như Bình	1991	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 10		
4369	Nguyễn Văn Việt	1964	Kinh	Nam	Tổ dân phố 11		
4370	Nguyễn Thiệt	1956	Kinh	Nam	Tổ dân phố 11		

4371		Phạm Quang Thủy		Kinh	Nam	Tổ dân phố 11		
4372		Lê Thị Ngọc Hà	1972	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 11		
4373		Đoàn Thị Tính	1969	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 11		
4374		Bùi Sỹ Đài	1964	Kinh	Nam	Tổ dân phố 12		
4375		Phạm Thị Thắm	1977	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 12		
4376		Trần Thịnh	1968	Kinh	Nam	Tổ dân phố 12		
4377		Phạm Thanh Mai Chi	1960	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 12		
4378		Nguyễn Thái Chân	1953	Kinh	Nam	Tổ dân phố 13		
4379		Hồ Thị Đàm	1948	Kinh	Nam	Tổ dân phố 13		
4380		Vương Xuân Hậu	1971	Kinh	Nam	Tổ dân phố 14		
4381		Phan Thanh Dũng	1973	Kinh	Nam	Tổ dân phố 14		
4382		Phan Thị Vịnh	1968	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 14		
4383		Nguyễn Thị Huyền Chi	1980	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 14		
4384		Cao Duy Hùng	1970	Kinh	Nam	Tổ dân phố 15		
4385		Nguyễn Thị The	1964	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 15		
4386		Hồ Chiến	1966	Kinh	Nam	Tổ dân phố 16		
4387		Lại Phước Thảo	1965	Kinh	Nam	Tổ dân phố 16		
4388		Võ Thị Thanh Thủy	1975	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 16		
4389		Dương Thị Phương Lan	1957	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 16		
4390		Nguyễn Thị Diên	1962	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 16		
4391		Trần Văn Ngọc	1989	Kinh	Nam	Tổ dân phố 16		
4392		Lê Thị Hiếu	1966	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 16		
4393		Phạm Gia Bảy	1963	Kinh	Nam	Tổ dân phố 17		
4394		Phạm Quốc Đồng	1973	Kinh	Nam	Tổ dân phố 17		
4395		Nguyễn Thị Kim Thoa	1969	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 17		
4396		Trần Bích Hiền	1960	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 17		
4397		Trần Công Hân	1963	Kinh	Nam	Tổ dân phố 18		
4398		Nguyễn Thị Duyên	1970	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 18		
4399		Lê Thị Vân	1955	Kinh	Nữ	Tổ dân phố 18		
	Phường 5					10 yagout, Tổ Hoàng Diệu, phường 5	Trung cấp	QĐ số: 563/QĐ- UBND ngày 21/11/2022
4400		Trương Văn Thịnh	1950	Nam	Mường			

4401	Phan Thị Xuân Phương	1957	Nữ	Kinh	7 Hẻm 2 Hoàng Diệu, Tổ Hoàng Diệu, phường 5	Đại học	
4402	Woong Cường	1959	Nam	Kinh	Hẻm 29 HD, Tổ Hoàng Diệu, phường 5	Cao đẳng	
4403	Phạm Thị Mai	1955	Nữ	Kinh	16 Trần Nhật Duật, Tổ Hoàng Diệu, phường 5		
4404	Nguyễn Hồng	1959	Nam	Kinh	45 Trần Nhật Duật, Tổ Hoàng Diệu, phường 5	Đại học	
4405	Lê Thị Thanh Vân	1972	Nữ	Kinh	7/3 Hàn Thuyên, Tổ Lê Lai, phường 5		QĐ số: 461/QĐ-UBND ngày 10/8/2022
4406	Võ Văn Lượm	1957	Nam	Kinh	33 Trần Bình Trọng, Tổ Lê Lai, phường 5	Đại học	
4407	Nguyễn Phước Hạnh	1958	Nam	Kinh	11 Hàn Thuyên, Tổ Lê Lai, phường 5		
4408	Phạm Tiến Hưng	1967	Nam	Kinh	A15 KQH - Nguyễn Khuyến, Tổ Lê Lai, phường 5	Trung cấp	
4409	Nguyễn Thị Ám	1968	Nữ	Kinh	Hẻm 2 Hàn Thuyên, Tổ Lê Lai, phường 5		
4410	Võ Tá Hào	1964	Nam	Kinh	01 Nguyễn Khuyến, Tổ Lê Lai, phường 5		
4411	Trần Su	1954	Nam	Kinh	36 Lê Lai, tổ Lê Lai, phường 5		
4412	Nguyễn Hùng Vỹ	1976	Nam	Kinh	81A/1 Cam Ly, Tổ Vạn Thành, Phường 5		QĐ số: 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2020

4413	Nguyễn Cao Phi	1964	Nam	Kinh	62 Vạn Thành, Tổ Vạn Thành, phường 5		
4414	Lưu Thị Kim Phụng	1985	Nữ	Kinh	27 Vạn Thành, Tổ Vạn Thành, phường 5		
4415	Trần Đình Thịnh	1963	Nam	Kinh	Vạn Thành, Tổ Vạn Thành, phường 5		
4416	Phạm Văn Thông	1955	Nam	Kinh	Vạn Thành, Tổ Vạn Thành, phường 5		
4417	Phạm Văn Đại	1956	Nam	Kinh	35 Vạn Thành, Tổ Vạn Thành, phường 5	Cao đẳng	QĐ số: 426/QĐ-UBND ngày 09/11/2020
4418	Nguyễn Văn Rộng	1950	Nam	Kinh	30 Lâm Viên, Tổ Vạn Thành 1, phường 5	Trung cấp	QĐ số: 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2020
4419	Trần Minh Anh	1971	Nam	Kinh	37 Trần Văn Côi, Tổ Vạn Thành 1, phường 5		
4420	Nguyễn Bá Tư	1964	Nam	Kinh	23 Vạn Thành, Tổ Vạn Thành 1, phường 5		
4421	Trương Thị Lệ Nhung	1966	Nữ	Kinh	9B Vạn Thành, Tổ Vạn Thành 1, phường 5		
4422	Vũ Xuân Hợp	1958	Nam	Kinh	5 Nguyễn Thượng Hiền, Tổ Yết Kiêu, phường 5	Đại học	QĐ số: 421/QĐ-UBND ngày 09/11/2020
4423	Lê Hoàng Dũng	1945	Nam	Kinh	20 Dã Tượng, Tổ Yết Kiêu, phường 5	Sơ cấp	
4424	Vũ Xuân Quảng	1967	Nam	Kinh	7/5 Hàn Thuyên, Tổ Yết Kiêu, phường 5		
4425	Bùi Thị Lân	1964	Nữ	Kinh	7/5 Hàn Thuyên, Tổ Yết Kiêu, phường 5		

4426	Võ Thị Liễu	1963	Nữ	Kinh	14 Dã Tượng, Tổ Yết Kiêu, phường 5	Đại học	QĐ số: 420/QĐ- UBND ngày 09/11/2020
4427	Đông Xuân Bình	1959	Nam	Kinh	15 Ma Trang Sơn, Tổ Ma Trang Sơn, phường 5	Trung cấp	QĐ số: 444/QĐ- UBND ngày 11/11/2020
4428	Phạm Đại Tĩnh	1959	Nam	Kinh	27 Ma Trang Sơn, Tổ Ma Trang Sơn, phường 5		
4429	Hoàng Văn Hùng	1972	Nam	Kinh	E12 KQH Hoàng Diệu, Tổ Ma Trang Sơn, phường 5	Trung cấp	
4430	Nguyễn Thị Hiền	1959	Nữ	Kinh	29/3 Ma Trang Sơn, Tổ Ma Trang Sơn, phường 5		
4431	Tạ Thu Hà	1959	Nữ	Kinh	KQH Hoàng Diệu, Tổ Ma Trang Sơn, phường 5		
4432	Dương Xuân Quán	1947	Nam	Kinh	79 Hải Thượng, Tổ Hải Thượng, phường 5	Đại học	QĐ số: 419/QĐ- UBND ngày 09/11/2020
4433	Lê Giáp Minh	1955	Nam	Kinh	Lô E 100 Hải Thượng, Tổ Hải Thượng, phường 5	Cao đẳng	
4434	Nguyễn Hoàng Đức	1951	Nam	Kinh	7B Trần Bình Trọng, Tổ Hải Thượng, phường 5		
4435	Hà Thị Kim Chi	1959	Nữ	Kinh	31 Hải Thượng, Tổ Hải Thượng, phường 5		
4436	Nguyễn Thị Xuân	1964	Nữ	Kinh	7 Hải Thượng, Tổ Hải Thượng, phường 5	Đại học	

4437	Nguyễn Thị Quý	1949	Nữ	Kinh	130 Gio An, Tổ Hoàng Văn Thụ, phường 5		QĐ số: 435/QĐ-UBND ngày 11/11/2020
4438	Bùi Thị Ngọc Dung	1954	Nữ	Kinh	2 Huyện Trân Công Chúa, Tổ Hoàng Văn Thụ, phường 5	Trên Đại học	
4439	Hồ Văn Phi	1971	Nam	Kinh	42B Hoàng Văn Thụ, Tổ Hoàng Văn Thụ, phường 5		
4440	Phạm Thị Xuân Viên	1960	Nữ	Kinh	2 Huyện Trân Công Chúa, Tổ Hoàng Văn Thụ, phường 5	Cao đẳng	
4441	Huỳnh Thị Huệ	1986	Nữ	Kinh	14 Tô Ngọc Vân, Tổ Lê Quý Đôn, phường 5	Sơ cấp	QĐ số: 429/QĐ-UBND ngày 5/11/2020
4442	Nguyễn Hữu Quýt	1954	Nam	Kinh	08 Tô Ngọc Vân, Tổ Lê Quý Đôn, phường 5		
4443	Trương Xuân Bình	1959	Nam	Kinh	9/4 Hải Thượng, Tổ Lê Quý Đôn, phường 5		
4444	Lê Văn Tám	1976	Nam	Kinh	14/1 Hoàng Diệu, Tổ Lê Quý Đôn, phường 5	Trên Đại học	
4445	Nguyễn Văn Đoàn	1953	Nữ	Kinh	129 Âu Tinh, Tổ Đa Minh, phường 5	Tốt nghiệp THCS	QĐ số: 422/QĐ-UBND ngày 9/11/2020
4446	Nguyễn Thị Hà Anh	1966	Nữ	Kinh	28 Đa Minh, Tổ Đa Minh, phường 5	Trung cấp	
4447	Lê Văn Ngọc	1956	Nam	Kinh	133/17 Y Dinh, Tổ Đa Minh, phường 5	Tốt nghiệp THCS	

4448	Lê Thị Kim Liên	1967	Nữ	Kinh	46B Thánh Tâm, Tổ Du Sinh, phường 5	Trung cấp	QĐ số: 443/QĐ-UBND ngày 11/11/2020
4449	Nguyễn Quốc Trung	1959	Nam	Kinh	84 Huyện Trần Công Chúa, Tổ Du Sinh, phường 5	Trung cấp	
4450	Bùi Thị Thanh Thủy	1978	Nữ	Kinh	37 Thánh Tâm, Tổ Du Sinh, phường 5	Đại Học	
4451	Nguyễn Mạnh Hùng	1964	Nữ	Kinh	90 Huyện Trần Công Chúa, Tổ Du Sinh, phường 5	Cao đẳng	
4452	Nguyễn Văn Lớn	1948	Nam	Kinh	20/12 Huyện Trần Công Chúa, Tổ Du Sinh, phường 5	Trung cấp	
4453	Bùi Đức Vân	1964	Nam	Kinh	20/3 Hoàng Diệu, Tổ Mỹ Thành, phường 5	Trung cấp	
4454	Phạm Minh Sơn	1952	Nam	Kinh	48 Hoàng Diệu, Tổ Mỹ Thành, phường 5		
4455	Trần Thị Thu Trang	1972	Nữ	Kinh	69 Hoàng Diệu, Tổ Mỹ Thành, phường 5		
4456	Đinh Văn Tùng	1960	Nam	Kinh	20 An Tôn, Tổ Vườn Ươm, phường 5		QĐ số: 298/QĐ-UBND ngày 29/11/2023
4457	Nguyễn Văn Hùng	1940	Nam	Kinh	24 An Tôn, Tổ Vườn Ươm, phường 5		
4458	Nguyễn Quang Duy	1976	Nam	Kinh	45 An Tôn, Tổ Vườn Ươm, phường 5		
4459	Phạm Thị Hoi	1975	Nữ	Kinh	Nguyễn Đình Quân, Tổ Vườn Ươm, phường 5		
4460	Nguyễn Thị Mai Hương	1966	nam	Kinh	26 Nguyễn Đình Quân, Tổ Vườn Ươm, phường 5		

4461		Nguyễn Phi Tiến	1968	Nam	Kinh	54 Ma Trang Sơn, Tổ Cam Ly, phường 5	Đại học	QĐ số: 20/QĐ-UBND ngày 18/01/2024
4462		Nguyễn Văn Đam	1969	Nam	Kinh	42 Ma Trang Sơn, Tổ Cam Ly, phường 5	Đại học	
4463		Đinh Văn Sổ	1965	Nam	Kinh	26C Ma Trang Sơn, Tổ Cam Ly, phường 5	Đại học	
4464		Võ Tá Hùng	1962	Nam	Kinh	10 Ma Trang Sơn, Tổ Cam Ly, phường 5	Tốt nghiệp THPT	
4465		Trần Thị Thu Phương	1967	Nữ	Kinh	58/6 Ma Trang Sơn, Tổ Cam Ly, phường 5	Cao đẳng	
4466	Phường 6	Hoàng Văn Thị Thuận	1956	Nữ	Kinh	182/3 Hai Bà Trưng, TDP 1	Cao đẳng sư phạm	Số 206/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4467		Lê Đình Mên	1954	Nam	Kinh	161 Hai Bà Trưng, TDP 1		
4468		Mai Thị Sân	1954	Nữ	Kinh	175 Hai Bà Trưng, TDP 1		
4469		Phan Thị Phước	1970	Nữ	Kinh	161 Hai Bà Trưng, TDP 1		
4470		Trần Kỳ	1960	Nam	Kinh	182/1 Hai Bà Trưng, TDP 1		
4471		Dương Bi	1945	Nam	Kinh	217/5 Ngô Quyền, TDP 2		Số 207/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4472		Phan văn Nghĩa	1953	Nam	Kinh	183 Ngô Quyền, TDP 2		
4473		Nguyễn Quốc	1960	Nam	Kinh	153 Ngô Quyền, TDP 2		
4474		Đinh Thị Sương	1967	Nữ	Kinh	69/5 Ngô Quyền, TDP 2		
4475		Nguyễn Thị Thủy	1973	Nữ	Kinh	69/7 Ngô Quyền, TDP 2		

4476	Trần Việt	1945	Nam	Kinh	72 Ngô Quyền, TDP 2		
4477	Nguyễn Văn	1962	Nam	Kinh	231 Ngô Quyền, TDP 2		
4478	Hồ Phi Minh	1959	Nam	Kinh	52 Tô Vĩnh Diện, TDP3		Số 208/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4479	Trần Hoài Sơn	1958	Nam	Kinh	A56 KQH Ngô Quyền, TDP3		
4480	Nguyễn Mạnh Giảng	1952	Nam	Kinh	A43 KQH Ngô Quyền, TDP3		
4481	Nguyễn Thị Ánh	1964	Nữ	Kinh	B51 KQH Ngô Quyền, TDP 3		
4482	Phạm Văn Đức	1958	Nam	Kinh	C13 KQH Ngô Quyền, TDP 3		
4483	Nguyễn Thị Nụ	1965	Nữ	Kinh	A46 KQH Ngô Quyền, TDP 3		
4484	Nguyễn Thị Mỹ Loan	1964	Nữ	Kinh	B65 KQH Ngô Quyền, TDP 3		
4485	Lê Văn Tiến	1964	Nam	Kinh	49/4C Tô Vĩnh Diện, TDP 4	Đại học	Số 209/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4486	Lê Trung Hiếu	1954	Nam	Kinh	18 Tô Vĩnh Diện, TDP 4	Trung cấp	
4487	Dương Văn Thắng	1960	Nam	Kinh	41/4 Hẻm Tô Vĩnh Diện, TDP 4	Đại học	
4488	Phạm Đức Chiến	1958	Nam	Kinh	507, khối A1, CCNQ, TDP 4	Đại học	
4489	Nguyễn Thị Tài	1957	Nữ	Kinh	27/4 Tô Vĩnh Diện, TDP 4	Đại học	
4490	Nguyễn Thị Chế Kim Ánh	1972	Nữ	Kinh	08 Tô Vĩnh Diện, TDP 4		

4491	Nguyễn Thị Hiền	1966	Nữ	Kinh	49/4C Tô Vĩnh Diện, TDP 4		
4492	Trương Văn Thêm	1960	Nam	Kinh	20/4 Tô Vĩnh Diện, TDP 4		
4493	Lê Xuân Hường	1955	Nam	Kinh	304, khối A4 CCNQ, TDP 4		
4494	Nguyễn Huy Cao	1971	Nam	Kinh	208, khối A2, CCNQ, TDP 4	Đại học	
4495	Nguyễn Chí Linh	1968	Nam	Kinh	401, khối A3, CCNQ, TDP 4		
4496	Nguyễn Ngọc Hòa	1966	Nam	Kinh	136 Ngô Quyền, TDP 5		Số 210/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4497	Nguyễn Xuân Sánh	1958	Nam	Kinh	27 hẻm Ngô Quyền, TDP 5		
4498	Ngô Minh Châu	1961	Nam	Kinh	77 Ngô Quyền, TDP 5	Đại học	
4499	Dương Triều	1950	Nam	Kinh	25 Kim Đồng, TDP 5	Đại học	
4500	Huỳnh Đình Lai	1951	Nam	Kinh	108 Ngô Quyền, TDP 5	Đại học	
4501	Lê Hữu Hiếu	1957	Nam	Kinh	116 Ngô Quyền, TDP 5		
4502	Ngô Thị Thắng	1969	Nữ	Kinh	17/2 Phan Đình Giót, TDP 5		
4503	Nguyễn Xuân Thành	1966	Nam	Kinh	436 Hai Bà Trưng, TDP 6		Số 211/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4504	Nguyễn Văn Nam	1962	Nam	Kinh	353 Hai Bà Trưng, TDP 6		
4505	Võ Văn Dũng	1965	Nam	Kinh	1/1 La Sơn Phu Tử, TDP 6		
4506	Lê Thị Dân	1958	Nữ	Kinh	3/9 La Sơn Phu Tử, TDP 6		

4507	Nguyễn Thị Lệ	1968	Nữ	Kinh	402 Hai Bà Trưng, TDP 6		
4508	Thái Thị Xuân Hiệp	1963	Nữ	Kinh	09 hẻm Ngô Quyền, TDP 6		
4509	Phạm Thị Gái	1952	Nữ	Kinh	7A La Sơn Phu Tử, TDP 6		
4510	Nguyễn Thành	1964	Nam	Kinh	Kim Đồng, TDP 7		Số 212/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4511	Nguyễn Duy Lâm	1963	Nam	Kinh	18/5 Kim Đồng, TDP 7		
4512	Trần Thị Hồng	1965	Nữ	Kinh	11/12 Kim Đồng, TDP 7		
4513	Trần Văn Tường	1966	Nam	Kinh	65 Kim Đồng, TDP 7		
4514	Nguyễn Thành Lý	1966	Nam	Kinh	TDP 7		
4515	Võ Thị Tâm	1967	Nữ	Kinh	TDP 7		
4516	Nguyễn Thị Nga	1958	Nữ	Kinh	TDP 7		
4517	Nguyễn Văn Thanh	1961	Nam	Kinh	75 Yết Kiêu, TDP 8		Số 213/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4518	Lê Hòa	1966	Nam	Kinh	69 Nguyễn An Ninh, TDP 8		
4519	Nguyễn Thị Loan	1963	Nữ	Kinh	Hẻm 110 Nguyễn An Ninh, TDP 8	Đại học	
4520	Doãn Thị Thu Hương	1963	Nữ	Kinh	7/1 Lãnh Địa Đức Bà, TDP 8	Đại học	
4521	Mai Đình Lê	1946	Nam	Kinh	54 Nguyễn An Ninh, TDP 8		
4522	Lê Đình Huynh	1998	Nam	Kinh	42 Yết Kiêu, TDP 8	Đại học	
4523	Nguyễn Thị Thảo	1961	Nữ	Kinh	84/2 Nguyễn An Ninh, TDP 8	Đại học	

4524	Lê Quang Trung	1959	Nam	Kinh	2b Dã Tượng, TDP 9	Sơ cấp công an	Số 214/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4525	Nguyễn Xuân Dực	1949	Nam	Kinh	Hẻm Mai Hắc Đế, TDP 9	Trung cấp quân sự	
4526	Huỳnh Thị Minh Tâm	1954	Nữ	Kinh	56 Lê Thánh Tôn, TDP 9	Sơ cấp công an	
4527	Trương Thị Bích	1967	Nữ	Kinh	60 Lê Thánh Tôn, TDP 9	Trung cấp sư phạm	
4528	Nguyễn Văn Thanh	1939	Nam	Kinh	06 Đồi Mai Anh, TDP 9	Cao cấp công an	
4529	Trần Quốc Thúy	1954	Nam	Kinh	39/5/40 Ngô Quyền, TDP 11		Số 215/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4530	Đặng Thị Thảo	1987	Nữ	Kinh	46 Ngô Quyền, TDP 11	Đại học	
4531	Đặng Thị Nhật Uyên	1993	Nữ	Kinh	18/5 Kim Đồng, TDP 11	Đại học	
4532	Ngô Xuân Thủy	1961	Nam	Kinh	41/7 Ngô Quyền, TDP 11	Trung cấp	
4533	Dương Thị Yên Chi	1962	Nữ	Kinh	78 Thi Sách, TDP 11		
4534	Phạm Văn Thông	1961	Nam	Kinh	3A Thi Sách, TDP 11		
4535	Lê Minh Thái	1960	Nam	Kinh	38 Thi Sách, TDP 11	Đại học	
4536	Nguyễn Ngọc Uyên Khoa	2002	Nữ	Kinh	41 Ngô Quyền, TDP 11	Đại học	
4537	Trần Hà Phương	1961	Nữ	Kinh	92 Thi Sách, TDP 11	Đại học	
4538	Trần Xuân Duyên	1960	Nam	Kinh	245 Hai Bà Trưng, TDP 12	Đại học	Số 216/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4539	Phan Thị An	1955	Nữ	Kinh	376 Hai Bà Trưng, TDP 12		
4540	Lê Trọng Thành	1958	Nam	Kinh	330 Hai Bà Trưng, TDP 12	Đại học	

4541	Nguyễn Văn Tú	1955	Nam	Kinh	324 Hai Bà Trưng, TDP 12	Kỹ sư nông nghiệp	
4542	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1953	Nữ	Kinh	247 Hai Bà Trưng TDP 12		
4543	Võ Đình Liên	1964	Nam	Kinh	56/10/7 Hải Thượng, TDP 18	Đại học	Số 217/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4544	Vũ Minh Thiếc	1954	Nam	Kinh	82 Hải Thượng, TDP 18		
4545	Nguyễn Thị Lộc	1956	Nữ	Kinh	9K/13 Hai Bà Trưng, TDP 18		
4546	Nguyễn Thị Kim Cúc	1959	Nữ	Kinh	22 Phạm Ngọc Thạch, TDP 18		
4547	Phạm Ngọc Liên	1960	Nam	Kinh	38 Phạm Ngọc Thạch, TDP 18		
4548	Nguyễn Viết Thới	1956	Nam	Kinh	56/10 Hải Thượng, TDP 18		
4549	Huỳnh Thu Thảo	1959	Nữ	Kinh	9K/14 Hải Thượng, TDP 18		
4550	Kiều Thị Nhật Vy	2003	Nữ	Kinh	46D Hải Thượng, TDP 18		
4551	Huỳnh Mạnh	1953	Nam	Kinh	38/22 Hai Bà Trưng, TDP 20		Số 218/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4552	Nguyễn Văn Diên	1951	Nam	Kinh	36B Thi Sách, TDP 20		
4553	Đỗ Nhật Thăng	1955	Nam	Kinh	50A Hai Bà Trưng, TDP 20		
4554	Phùng Thị Thập	1960	Nữ	Kinh	50A Hai Bà Trưng, TDP 20		
4555	Nguyễn Hữu Trường	1965	Nam	Kinh	49 Hai Bà Trưng, TDP 20		

4556		Phạm Văn Minh	1959	Nam	Kinh	38/2 Hai Bà Trưng, TDP 20		
4557		Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	2000	Nam	Kinh	38/16 Hai Bà Trưng, TDP 20		
4558		Nguyễn Trung Lam	1955	Nam	Kinh	15/14 Hai Bà Trưng, TDP 21		Số 219/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4559		Kim Văn Ngọc	1960	Nam	Kinh	15/9 Hai Bà Trưng, TDP 21		
4560		Lương Tuyết Hải	1969	Nữ	Kinh	15/3 Hai Bà Trưng, TDP 21		
4561		Trần Thị Hường	1972	Nữ	Kinh	26 Hai Bà Trưng, TDP 21		
4562		Trần Hồ Phương Thư	2002	Nữ	Kinh	15/3A Hai Bà Trưng, TDP 21	Cao đẳng sư phạm	
4563		Trần Thị Hương Hạnh	1971	Nữ	Kinh	18C Hai Bà Trưng, TDP 22	Đại học	Số 220/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
4564		Nguyễn Văn Tiến	1969	Nam	Kinh	15/5C Hai Bà Trưng, TDP 22	Trung cấp	
4565		Phạm Thị Hoa Lý	1954	Nữ	Kinh	15/3 Hai Bà Trưng, TDP 22	Cao đẳng	
4566		Xa Văn Hường	1952	Nam	Kinh	87/3 Hai Bà Trưng, TDP 22		
4567		Trương Công Thành	1969	Nam	Kinh	15/3C Hai Bà Trưng, TDP 22		
4568		Ngô Anh Minh	1993	Nam	Kinh	03 Hai Bà Trưng, TDP 22	Đại học	
	Phường 7							Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4569		Dương Hiên Thanh	1939	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Bá Quát	TN THCS	
4570		Huỳnh Văn Hùng	1961	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Bá Quát	TN THCS	
4571		Võ Ngọc Lễ	1951	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Bá Quát	TN THCS	

4572	Phan Công Nghệ	1949	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Bá Quát	TN THCS	
4573	Lê Thị Mai	1969	Nữ	Kinh	Tổ 1 Cao Bá Quát	TN THCS	
4574	Nguyễn Văn Đức	1960	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Bá Quát	ĐH	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4575	Bùi Văn Tý	1972	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Bá Quát	ĐH	
4576	Trần Thạch	1966	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Bá Quát	ĐH	
4577	Dương Quang Kỳ	1948	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Bá Quát	ĐH	
4578	Đặng Thị Thanh Hà	1951	Nữ	Kinh	Tổ 2 Cao Bá Quát	ĐH	
4579	Nguyễn Văn Hiền	1960	Nam	Kinh	Tổ 3 Cao Bá Quát		Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4580	Hoàng Vinh	1965	Nam	Kinh	Tổ 3 Cao Bá Quát		
4581	Thái Thị Hạnh	1964	Nữ	Kinh	Tổ 3 Cao Bá Quát	Giáo Viên	
4582	Lê Anh Tuấn	1962	Nam	Kinh	Tổ 3 Cao Bá Quát		
4583	Cao Hoàng Trung Hiếu	1991	Nam	Kinh	Tổ 3 Cao Bá Quát	ĐH	
4584	Lương Văn Núi	1963	Nam	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	TN THPT	Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4585	Trương Long	1960	Nam	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	TN THPT	
4586	Nguyễn Ty	1953	Nam	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	TN THPT	
4587	Trần Minh Sáng	1946	Nam	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	TN THPT	
4588	Trần Văn Quang	1959	Nam	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	TN THPT	
4589	Hoàng Thị Ngọc Ánh	1985	Nữ	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	Cao Đẳng	
4590	Lê Việt Hồng	1953	Nam	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	TN THPT	
4591	Bùi Thị Thảo Trang	1984	Nữ	Kinh	Tổ 1 Đa Thành	ĐH	
4592	Thi Sĩ Cẩm	1957	Nam	Kinh	Tổ Nguyễn Siêu	TN THPT	Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4593	Võ Thanh Cư	1948	Nam	Kinh	Tổ Nguyễn Siêu	ĐH	
4594	Nguyễn Đức Lộc	1960	Nam	Kinh	Tổ Nguyễn Siêu	TN THPT	
4595	Trịnh Hữu Quý	1974	Nam	Kinh	Tổ Nguyễn Siêu	TN THPT	
4596	Phạm Quang	1969	Nam	Kinh	Tổ Nguyễn Siêu	TN THPT	

4597	Nguyễn Văn Vỹ	1964	Nam	Kinh	Tổ Nguyễn Siêu	TNTHPT	
4598	Nguyễn Văn Đông	1977	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Thắng	TNTHPT	Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 16/4/2024
4599	Trần Ngọc Trung	1987	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Thắng	TNTHPT	
4600	Trần Thị Xuân Thư	1965	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Thắng	TNTHPT	
4601	Hồ Ngọc Nguyệt	1960	Nữ	Kinh	Tổ 1 Cao Thắng	TNTHPT	
4602	Đoàn Biệt	1944	Nam	Kinh	Tổ 1 Cao Thắng	TNTHPT	
4603	Nguyễn Ngọc Anh	1968	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Thắng		Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4604	Bùi Văn Tâm	1964	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Thắng	TN THPT	
4605	Lê Quang Dũng	1957	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Thắng	ĐH	
4606	Trần Thị Diệp	1964	Nữ	Kinh	Tổ 2 Cao Thắng	TN THPT	
4607	Bùi Thị Mỹ	1967	Nữ	Kinh	Tổ 2 Cao Thắng	TN THPT	
4608	Nguyễn Thị Bích Vân	1988	Nam	Kinh	Tổ 2 Cao Thắng	ĐH	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4609	Nguyễn Quang Trung		Nam	Kinh	Tổ Thánh Mẫu	TN THPT	
4610	Nguyễn Hữu Khôi		Nam	Kinh	Tổ Thánh Mẫu	TN THPT	
4611	Nguyễn Văn Lợi		Nam	Kinh	Tổ Thánh Mẫu	TN THPT	
4612	Nguyễn Thị Phước		Nữ	Kinh	Tổ Thánh Mẫu	TN THPT	
4613	Nguyễn Gia Lợi		Nam	Kinh	Tổ Thánh Mẫu	TN THPT	Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4614	Lê Minh	1943	Nam	Kinh	Tổ Bạch Đằng		
4615	Đặng Thành	1954	Nam	Kinh	Tổ Bạch Đằng	TN THPT	
4616	Nguyễn Hữu Lễ	1952	Nam	Kinh	Tổ Bạch Đằng	TN THPT	
4617	Nguyễn Văn Hòa	1941	Nam	Kinh	Tổ Bạch Đằng		
4618	Nguyễn Thị Thảo	1946	Nữ	Kinh	Tổ Bạch Đằng	TN THPT	
4619	Bùi Duy Giang	1960	Nam	Kinh	Tổ Bạch Đằng	TN THPT	

4620	Lê Trung Thành	1957	Nam	Kinh	Tổ 1 Phước Thành	TN THCS	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4621	Nguyễn Đặng Đức	1961	Nam	Kinh	Tổ 1 Phước Thành	TN THPT	
4622	Thượng Văn Sơn	1970	Nam	Kinh	Tổ 1 Phước Thành	TN THPT	
4623	Nguyễn Thị Thanh Hà	196	Nữ	Kinh	Tổ 1 Phước Thành	TN THPT	
4624	Võ Thị Bích Vân	1961	Nữ	Kinh	Tổ 1 Phước Thành	TN THPT	
4625	Nguyễn Văn Sen	1955	Nam	Kinh	Tổ 2 Phước Thành	TN THPT	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4626	Trương Thành	1948	Nam	Kinh	Tổ 2 Phước Thành	TN THCS	
4627	Trần Sơn	1959	Nam	Kinh	Tổ 2 Phước Thành	TN THCS	
4628	Phạm Ngọc Minh	1956	Nam	Kinh	Tổ 2 Phước Thành	TN THCS	
4629	Nguyễn Thanh Nam	1992	Nam	Kinh	Tổ 2 Phước Thành	Cao Đẳng	
4630	Trương Bá Quý	1964	Nam	Kinh	Tổ Đa Phú	TN THPT	Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4631	Võ Tấn A	1956	Nam	Kinh	Tổ Đa Phú	TN THPT	
4632	Hà Thị Nguyệt Trinh	1989	Nữ	Kinh	Tổ Đa Phú	TN THPT	
4633	Hồ Chở	1984	Nam	Kinh	Tổ Đa Phú	TN THPT	
4634	Nguyễn Văn Phước	1951	Nam	Kinh	Tổ Đa Phú	TN THPT	
4635	Nguyễn Tường	1956	Nam	Kinh	Tổ Đa Phú		
4636	Đặng Bá Lâm		Nam	Kinh	Tổ Măng Line	TN THPT	Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4637	Liêng Hót Lê		Nam	Lạch	Tổ Măng Line		
4638	Nguyễn Đình Thịnh		Nam	Kinh	Tổ Măng Line	TN THPT	
4639	Cil Si A Duyên		Nữ	Lạch	Tổ Măng Line	TN THPT	
4640	Trần Ngọc Hòa		Nam	Kinh	Tổ Măng Line	TN THPT	
4641	Đỗ Thị Nhân		Nữ	Kinh	Tổ Măng Line		
4642	Y Hy Cil		Nam	Lạch	Tổ Măng Line		

4643		Trịnh Quang Khanh	1958	Nam	Kinh	Tổ Tùng Lâm	TN THPT	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
4644		Đức Quốc Lục Vương		Nam	Kinh	Tổ Tùng Lâm	TN THPT	
4645		Vũ Thị Liễu		Nữ	Kinh	Tổ Tùng Lâm	TN THPT	
4646		Phạm Quang Nghĩa		Nam	Kinh	Tổ Tùng Lâm		
4647		Vũ Viết Cường	1959	Nam	Kinh	Tổ Tùng Lâm	TN THPT	
4648		Nguyễn Văn Trọng	1958	Nam	Kinh	Tổ Tùng Lâm		
4649		Nguyễn Thị Thục Trinh	1959	Nữ	Kinh	Tổ Tùng Lâm		
4650		Nguyễn Thị Thục Trinh	1959	Nữ	Kinh	Tổ Tùng Lâm		
4651	Phường 8	Hoàng Xuân Đông	1955	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 1 - 71 Vạn Hạnh		
4652		Lê Thị Hồng	1955	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 1 - 88 Vạn Hạnh		
4653		Nguyễn Hoàng Tuấn	1969	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 1 - 62 Vạn Hạnh	Cao đẳng	
4654		Phạm Thy Hà	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 2 - 180 Phù Đồng Thiên Vương		
4655		Nguyễn Minh Tân	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 2 - Địa chỉ 160/5 Phù Đồng Thiên Vương, phường 8		
4656		Vương Danh Thủy	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 2 - Địa chỉ 64 Trần Quang Khải, phường 8		
4657		Nguyễn Thị Hiền	1961	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Đa Thiện 2 - Địa chỉ 35 Trần Quang Khải, phường 8	Đại học	

4658	Nguyễn Hữu Phước	1964	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Mai Anh Đào - Địa chỉ 201 Mai Anh Đào, phường 8	Trung cấp	
4659	Nguyễn Đăng Lộc	1969	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Mai Anh Đào - Địa chỉ 216 Mai Anh Đào, phường 8		
4660	Lương Mẫn	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Mai Anh Đào - Địa chỉ 23 Ngô Tất Tố, phường 8		
4661	Phạm Thanh Hà	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Trần Đại Nghĩa - Địa chỉ 38 Trần Đại Nghĩa, phường 8	Thạc sĩ	
4662	Lê Thị Ái Thu	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Trần Đại Nghĩa - Địa chỉ 253 Ngô Tất Tố, phường 8		
4663	Nguyễn Thị Lan	1967	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Trần Đại Nghĩa - Địa chỉ 266 Ngô Tất Tố, phường 8		
4664	Phan Thị Thu Hương	1978	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Trần Đại Nghĩa - Địa chỉ 253 Ngô Tất Tố, phường 8		
4665	Phan Huy Tân	1985	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 1 - Địa chỉ hẻm 33 Nguyễn Công Trứ		
4666	Lê Thị Thanh Phụng	1965	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 1 - hẻm 33 Nguyễn Công Trứ	Thạc sĩ	
4667	Lê Thị Bé	1962	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 1 - 24/4 Thông Thiên Học		

4668	Phùng Đình Bào	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 1 - Địa chỉ 57 Nguyên Tử Lực, phường 8		
4669	Võ Văn Dy	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 1 - Địa chỉ 02 Nguyên Tử Lực, phường 8		
4670	Mai Văn Ninh	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 1 - Địa chỉ 02 Cách Mạng Tháng Tám, phường 8		
4671	Trần Văn Nhiên	1975	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 1 - Địa chỉ 02 Cách Mạng Tháng Tám, phường 8		
4672	Nhữ Ngọc Nương	1953	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 2 - Địa chỉ B24 KQH Nguyên Tử Lực, phường 8	Đại học	
4673	Lê Văn Hà	1963	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 2 - Địa chỉ 158 Nguyên Tử Lực, phường 8	Trung cấp	
4674	Nguyễn Thị Thúy	1979	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 2 - Địa chỉ 168 Nguyên Tử Lực, phường 8		
4675	Đỗ Đình Chính	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 2 - Địa chỉ 158 Nguyên Tử Lực, phường 8		

4676	Nguyễn Đức Tài	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 4 - Địa chỉ 320/9 Mai Xuân Thưởng, phường 8		
4677	Đoàn Quang Xuyên	1951	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 4 - Địa chỉ 467 Nguyên Tử Lực, phường 8		
4678	Ngô Hy	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 4 - Địa chỉ 295 Nguyên Tử Lực, phường 8		
4679	Hồ Ngọc Duy	1990	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nguyên Tử Lực 4 - Địa chỉ 280 Mai Xuân Thưởng, phường 8	Đại học	
4680	Lê Văn Quang	1950	Nam	Kinh	Tổ hòa giải PĐTV - Địa chỉ E4/2 Trần Nhân Tông, phường 8	Đại học	
4681	Lê Thị Tích	1950	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải PĐTV - Địa chỉ Võ Trường Toản, phường 8		
4682	Phan Bá Ngân	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải PĐTV - Địa chỉ Trần Nhân Tông, phường 8	Thạc sĩ	
4683	Nguyễn Tiến Hường	1950	Nam	Kinh	Tổ hòa giải PĐTV - Địa chỉ 25 Võ Trường Toản, phường 8		
4684	Phan Thị Thanh Minh	1950	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải PĐTV - Địa chỉ 01 Phù Đồng Thiên Vương, phường 8		

4685	Vũ Anh Dũng	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 1 - Địa chỉ 118 Hà Đông 1, phường 8		
4686	Phan Đắc Lạc	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 1 - Địa chỉ 03 Nguyễn Công Trứ, phường 8		
4687	Trần Văn Thư	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 1 - Địa chỉ 86 Hà Đông 1, phường 8		
4688	Vũ Quốc Bảo	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 1 - Địa chỉ 113 Hà Đông 1, phường 8		
4689	Nguyễn Duy Vinh	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 2 - Địa chỉ 10 Xô viết Nghệ Tĩnh, phường 8	Trung cấp	
4690	Trần Thị Mẫn	1955	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 2 - Địa chỉ 28 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 8		
4691	Nguyễn Văn Cường	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 2 - Địa chỉ 06B Tôn Thất Tùng, phường 8	Trung cấp	
4692	Hoàng Huy Hiệu	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 2 - Địa chỉ 20 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 8		
4693	Ngô Mạnh Hùng	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 3 - Địa chỉ 60 Đông Tĩnh, phường 8		
4694	Tạ Văn Mẫn	1963	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 3 - Địa chỉ 68 Vạn Kiếp, phường 8		

4695	Võ Trung Chính	1954	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 3 - Địa chỉ 23 Tôn Thất Tùng, phường 8		
4696	Ngô Thu Hà	1967	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 3 - Địa chỉ 62 Tôn Thất Tùng, phường 8		
4697	Phạm Thị Lộc	1952	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Hà Đông 3 - Địa chỉ 66 Vạn Kiếp, phường 8		
4698	Phan Thanh Sơn	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 2 - Địa chỉ 60B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8	Đại học	
4699	Đào Đức Thịnh	1959	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 2 - Địa chỉ 51/2 Nguyễn Công Trứ, phường 8	Đại học	
4700	Phạm Văn Huân	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 2 - Địa chỉ 90 Nguyễn Công Trứ, phường 8	Đại học	
4701	Trần Văn Hùng	1967	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 3 - Địa chỉ 29/132 Trần Khánh Dư, phường 8		
4702	Phạm Minh Tuyến	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 3 - Địa chỉ 62 Trần Khánh Dư, phường 8		
4703	Phạm Thị Ngọc Lan	1954	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 3 - Địa chỉ 79 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8		

4704	Phan Văn Sự	1955	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 3 - Địa chỉ 41 Trần Khánh Dư, phường 8		
4705	Dương Kiến Phước	1969	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 4 - Địa chỉ B17 Lý Nam Đề, phường 8		
4706	Nguyễn Huynh	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 4 - Địa chỉ 18 Lý Nam Đề, phường 8		
4707	Nguyễn Hữu Thạnh	1965	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 4 - Địa chỉ 05 Lý Nam Đề, phường 8		
4708	Nguyễn Thị Nhung	1973	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 4 - Địa chỉ 87 Lý Nam Đề, phường 8		
4709	Lê Đình Thìn	1952	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 5 - Địa chỉ 1/5/1 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 8	Trung cấp	
4710	Phạm Văn Đại	1962	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 5 - Địa chỉ 01/43 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 8	Đại học	
4711	Tô Thị Ngọc	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Nghệ Tĩnh 5 - Địa chỉ 01/50 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 8		

4712		Trương Tuấn	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải Vòng Lâm Viên - Địa chỉ Vòng Lâm Viên, phường 8		
4713		Lê Thị Song Song	1973	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Vòng Lâm Viên - Địa chỉ Vòng Lâm Viên, phường 8		
4714		Lê Thế Trà	1959	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải Vòng Lâm Viên - Địa chỉ Vòng Lâm Viên, phường 8		
4715	Phường 9	Trần Thị Thanh	1956		Kinh	Nguyễn Du		Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4716		Đàm Văn Quyền	1950		Kinh	Nguyễn Du		
4717		Nguyễn Thị Liễu	1952		Kinh	Nguyễn Du		
4718		Vũ Thị Hồng Nga	1965		Kinh	Nguyễn Du		
4719		Bùi Thanh Long	1952		Kinh	Nguyễn Du		
4720		Đồng Thị Thanh Hòa	1965		Kinh	2 Mê Linh		Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4721		Nguyễn Danh Đức	1975		Kinh	2 Mê Linh		
4722		Lê Thị Nhung	1978		Kinh	2 Mê Linh		
4723		Phạm Văn Úy	1956		Kinh	2 Mê Linh		
4724		Nguyễn Thị Bích Liên	1952		Kinh	2 Mê Linh		
4725		Trương Thị Nghị	1962		Kinh	1 Chi Lăng		Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4726		Nguyễn Tiến Thưởng	1951		Kinh	1 Chi Lăng		
4727		Bùi Xuân Quang	1965		Kinh	1 Chi Lăng		
4728		Vũ Thị Cúc	1978		Kinh	1 Chi Lăng		

4729	Đinh Văn Bảo	1965		Kinh	1 Hồ Xuân Hương	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4730	Thái Quang Hải	1955		Kinh	1 Hồ Xuân Hương	
4731	Nguyễn kỳ Sửu	1956		Kinh	1 Hồ Xuân Hương	
4732	Phạm Thị Hồng Đĩnh	1968		Kinh	1 Hồ Xuân Hương	
4733	Phạm Đức Bình	1971		Kinh	1 Hồ Xuân Hương	
4734	Phan Văn Cửu	1965		Kinh	1 Lâm Viên	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4735	Ngô Chí Cẩn	1968		Kinh	1 Lâm Viên	
4736	Đỗ Văn Cát	1952		Kinh	1 Lâm Viên	
4737	Đặng Thị Ngọc Phượng	1975		Kinh	1 Lâm Viên	
4738	Từ Minh Thắng	1972		Kinh	1 Lâm Viên	
4739	Nguyễn Văn Quỳnh	1956		Kinh	1 Lữ Gia	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4740	Trần Đình Long	1955		Kinh	2 Lữ Gia	
4741	Nguyễn Thị Hương	1968		Kinh	3 Lữ Gia	
4742	Trương Cứ	1957		Kinh	4 Lữ Gia	
4743	Lê Đức Ngộ	1959		Kinh	5 Lữ Gia	
4744	Đoàn Thị Bình	1962		Kinh	1 Mê Linh	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 10/01/2023
4745	Nguyễn Hồng Thịnh	1972		Kinh	1 Mê Linh	
4746	Lê Thành Thiện	1960		Kinh	1 Mê Linh	
4747	Huỳnh hòa	1958		Kinh	1 Nguyễn Đình Chiểu	Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4748	Khuất Thị Kim Liên	1960		Kinh	1 Nguyễn Đình Chiểu	
4749	Trần Tuấn Bình	1966		Kinh	1 Nguyễn Đình Chiểu	
4750	Trần Thị Thu Trang	1965		Kinh	1 Nguyễn Đình Chiểu	
4751	Lê Quang Hoàng	1958		Kinh	1 Nguyễn Đình Chiểu	

4752	Lê Trọng Đại	1960		Kinh	1 Phan Chu Trinh	Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4753	Lê Văn Cúc	1970		Kinh	1 Phan Chu Trinh	
4754	Nguyễn Khắc Vinh	1969		Kinh	1 Phan Chu Trinh	
4755	Đinh Thị Lãm	1959		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4756	Nguyễn Xuân Minh	1967		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4757	Ngô Đức Vinh	1969		Kinh	2 hồ Xuân Hương	
4758	Lê Thị Thuận	1970		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4759	Nguyễn Công Mai	1971		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4760	Vũ Bình Hùng	1974		Kinh	2 hồ Xuân Hương	
4761	Lê Hữu Thiết	1968		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4762	Nguyễn Hữu Hiền	1966		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4763	Trịnh Thị Trúc Vân	1975		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4764	Đàm Quang Huy	1968		Kinh	2 Hồ Xuân Hương	
4765	Nguyễn Duy Chính	1972		Kinh	2 Lâm Viên	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4766	Đinh Việt Trung	1975		Kinh	2 Lâm Viên	
4767	Bùi Mạnh Thắng	1960		Kinh	2 Lâm Viên	
4768	Nguyễn Thị Thêm	1971		Kinh	2 Lâm Viên	
4769	Nguyễn Khắc Hạp	1970		Kinh	2 Lâm Viên	
4770	Lê Xuân Thêm	1967		Kinh	2 Nguyễn Đình Chiểu	Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4771	Vũ Đình Tạo	1966		Kinh	2 Nguyễn Đình Chiểu	
4772	Đinh Thị Phương	1972		Kinh	2 Nguyễn Đình Chiểu	
4773	Nguyễn Thị Hoàn	1965		Kinh	2 Nguyễn Đình Chiểu	
4774	Đỗ Ngọc Hải	1968		Kinh	2 Nguyễn Đình Chiểu	

4775	Hoàng Trọng Bảo	1966	Kinh	2 Phan Chu Trinh	Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4776	Hồ Sỹ Dân	1968	Kinh	2 Phan Chu Trinh	
4777	Nguyễn Văn Lanh	1967	Kinh	2 phan Chu Trinh	
4778	Đào Thị Học	1966	Kinh	2 Phan Chu Trinh	
4779	Trần Công Thành	1968	Kinh	2 phan Chu Trinh	
4780	Trần Đình Thắm	1969	Kinh	3 Chi Lăng	Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4781	Quach Thị Long	1958	Kinh	3 Chi Lăng	
4782	Nguyễn Văn Thùy	1955	Kinh	3 Chi Lăng	
4783	Nguyễn Xuân Nhật	1960	Kinh	3 Chi Lăng	
4784	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1970	Kinh	3 Chi Lăng	
4785	Đinh Thị Thiệp	1969	Kinh	3 Chi Lăng	
4786	Trần Thị Thanh Lam	1971	Kinh	3 Lữ Gia	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4787	Nguyễn Văn Nam	1967	Kinh	3 Lữ Gia	
4788	Trần Thị Quyên	1957	Kinh	3 Lữ Gia	
4789	Nguyễn Xuân Sơn	1965	Kinh	3 Lữ Gia	
4790	Bùi Xuân Thành	1968	Kinh	3 Phan Chu Trinh	Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4791	Nguyễn Hữu Tấn	1972	Kinh	3 Phan Chu Trinh	
4792	Trần Quốc Hoài	1969	Kinh	3 Phan Chu Trinh	
4793	Trịnh Mạnh Hùng	1967	Kinh	4 Chi Lăng	Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4794	Phan Đình Nhân	1973	Kinh	4 Chi Lăng	
4795	Nguyễn Văn Thùy	1966	Kinh	4 Chi Lăng	
4796	Lê Duy Lịch	1959	Kinh	4 Chi Lăng	
4797	Hoàng Thị Tâm	1961	Kinh	4 Chi Lăng	

4798		Lê Ngọc Hùng	1963		Kinh	4 Chi Lăng		
4799		Phạm Thị Thúy	1974		Kinh	4 Chi Lăng		
4800		Nguyễn Thị Vân	1973		Kinh	4 Chi Lăng		
4801		Đặng Ngọc Thạch	1966		Kinh	4 Chi Lăng		
								Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4802		Đào Văn Tiến	1964		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4803		Hoàng Thúc Trình	1959		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4804		Phan Đình Cường	1971		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4805		Trần Thị Mai Nguyên	1969		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4806		Lê Thị Hồng Phần	1953		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4807		Phạm Thị Đức	1965		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4808		Ngô Thị Thanh Nhân	1961		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4809		Biện Duy Ngân	1965		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
4810		Đại Đức Thích Đồng Thanh	1972		Kinh	4 Phan Chu Trinh		
								Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 03/6/2023
4811		Trần Xuân Tùng	1964		Kinh	5 Lữ Gia		
4812		Lê Quý Tám	1963		Kinh	5 Lữ Gia		
4813		Nguyễn Thị Hoa	1958		Kinh	5 Lữ Gia		
4814		Lê Quang Trung	1966		Kinh	5 Lữ Gia		
	Phường 10					134 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4815		Thái Văn Dur	1959	Nam	Kinh	70/1 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Cao đẳng	
		Trần Ngọc	1957	Nam	Kinh	53 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4816		Nguyễn Văn Hoàn	1961	Nam	Kinh	20 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
		Lê Vĩnh Lộc	1979	Nam	Kinh	5A/1 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4817		Trần Bá Nga	1968	Nam	Kinh	9 Trần Quang Diệu, phường 10	Cao đẳng	
4818		Nguyễn Quang Đại	1968	Nam	Kinh			
4819								
4820								

4821	Đoàn Văn Nghiêm	1963	Nam	Kinh	E10 Trần Quang Diệu, phường 10	Đại học	
4822	Nguyễn Thị Xuân Phúc	1943	Nam	Kinh	E15 Trần Quang Diệu, phường 10	Cao đẳng	
4823	Cao Xuân Lợi	1966	Nam	Kinh	A8 Trần Quang Diệu, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4824	Đặng Đình Ngừ	1960	Nam	Kinh	3/1 Trần Quang Diệu, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4825	Nguyễn Thị Thúy Vân	1978	Nữ	Kinh	17 Trần Quang Diệu, phường 10	Cao đẳng	
4826	Nguyễn Thị Hoa	1962	Nữ	Kinh	K4 Trần Quang Diệu, phường 10	Đại học	
4827	Võ Thành Hiệp	1968	Nam	Kinh	25 Khe Sanh, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4828	Bùi Thị Thanh Hiền	1966	Nữ	Kinh	Am Bà Giáo, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4829	Nguyễn Hữu	1958	Nam	Kinh	9/12 Khe Sanh, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
4830	Dương Chí Công	1960	Nam	Kinh	Tổ Sở Lãng, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
4831	Phạm Thị Mai Quyên	2004	Nữ	Kinh	36 Khe Sanh, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4832	Nguyễn Văn Thông	1958	Nam	Kinh	29C Yersin, phường 10	Kỹ sư	
4833	Nguyễn Hồng Biên	1958	Nam	Kinh	29 Yersin, phường 10	Kỹ sư	
4834	Vũ Văn Tấn	1953	Nam	Kinh	29 Yersin, phường 10	Thạc sĩ	
4835	Vũ Thị Bích Phương	1964	Nữ	Kinh	24B Yersin, phường 10	Cử nhân	
4836	Trịnh Quang Linh	1955	Nam	Kinh	17/9 Nguyễn Trãi, phường 10	Trung cấp	
4837	Phạm Ngọc Kinh	1967	Nam	Kinh	13/2 Khởi Nghĩa Bắc Sơn, phường 10	Tốt nghiệp THPT	

4838	Nguyễn Tri Trung	1969	Nam	Kinh	15/1 Khởi Nghĩa Bắc Sơn, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4839	Đinh Xuân Lý	1948	Nam	Kinh	114 Hồ Tùng Mậu, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4840	Phạm Thị Nhung	1960	Nữ	Kinh	18/2 Khởi Nghĩa Bắc Sơn, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4841	Trần Thị Hằng Nga	1959	Nữ	Kinh	28/2 Khởi Nghĩa Bắc Sơn, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4842	Vũ Văn Luận	1952	Nam	Kinh	12 Yên Thế, phường 10	Đại học	
4843	Phạm Hồng Tân	1952	Nam	Kinh	26/1 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4844	Trần Quốc Sơn	1964	Nam	Kinh	1C Hoàng Hoa Thám, phường 10	Cao đẳng	
4845	Trần Thị Ngọc	1952	Nữ	Kinh	1 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Cao đẳng	
4846	Trần Thị Thùy Dương	1967	Nữ	Kinh	2 Trần Quang Diệu, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4847	Trần Thị Xê	1959	Nữ	Kinh	14/3 Yên Thế, phường 10	Trung cấp	
4848	Trần Thị Mai	1963	Nữ	Kinh	12/12 Yên Thế, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4849	Mai Xuân Quang	1959	Nam	Kinh	31 Lê Văn Tám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4850	Đinh Thị Huệ	1962	Nữ	Kinh	35/6 Lê Văn Tám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4851	Nguyễn Thị Hường	1955	Nữ	Kinh	12 Lê Văn Tám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4852	Trương Tấn Dũng	1973	Nam	Kinh	18/7 Lê Văn Tám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4853	Bùi Khắc Tâm	1952	Nam	Kinh	14 bis Lê Văn Tám, phường 10	Trung cấp	

4854	Nguyễn Ngọc Đỉnh	1956	Nam	Kinh	27/52B Yersin, phường 10	Đại học	
4855	Trần Thị Lan	1953	Nữ	Kinh	1/1 Yersin, phường 10	Đại học	
4856	Trần Khắc Thu	1960	Nam	Kinh	29/2 Yersin, phường 10	Đại học	
4857	Phan Đình Lập	1957	Nam	Kinh	3/7 Yersin, phường 10	Đại học	
4858	Triệu Vĩnh Lộc	1957	Nam	Kinh	27/15 Yersin, phường 10	Đại học	
4859	Nguyễn Xuân Quang	1961	Nam	Kinh	13/2 Hùng Vương, phường 10	Trung cấp	
4860	Nguyễn Thị Đề	1952	Nữ	Kinh	18/2 Trần Quý Cáp, phường 10	Đại học	
4861	Phan Huy Đạt	1952	Nam	Kinh	17/23 Phạm Hồng Thái	Trung cấp	
4862	Trần Văn Bắc	1957	Nam	Kinh	15/1 Hùng Vương	Đại học	
4863	Huỳnh Hiệp Phú	1952	Nam	Kinh	1 Phạm Hồng Thái, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4864	Trần Văn Thanh	1960	Nam	Kinh	10A Phạm Hồng Thái, phường 10	Trung cấp	
4865	Đỗ Thị Kim Dung	1959	Nữ	Kinh	2/9A Phạm Hồng Thái, phường 10	Trung cấp	
4866	Trần Thị Công Nga	1962	Nữ	Kinh	8 cư xá Phạm Hồng Thái, phường 10	Đại học	
4867	Huỳnh Thị Xuân Linh	1960	Nữ	Kinh	29/23/2 Phạm Hồng Thái, phường 10	Đại học	
4868	Như Thế Diệp	1966	Nam	Kinh	12 Phạm Hồng Thái, phường 10	Trung cấp	
4869	Đinh Trọng Quý	1964	Nam	Kinh	N1/1 bis cư xá Hòa Xa	Tốt nghiệp THPT	
4870	Đặng Văn Tuấn Minh	1970	Nam	Kinh	32/11 Trần Thái Tông, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4871	Dương Văn Đông	1964	Nam	Kinh	39 Trần Thái Tông, phường 10	Đại học	

4872
4873
4874
4875
4876
4877
4878
4879
4880
4881
4882
4883
4884
4885
4886
4887

Vi Văn Hưng	1962	Nam	Kinh	28V Hùng Vương, phường 10	Đại học	
Nguyễn Xuân Tung	1958	Nam	Kinh	26 Hùng Vương, phường 10	Trung cấp	
Lê Thị Hồng Trang	1958	Nữ	Kinh	26/2 Hùng Vương, phường 10	Trung cấp	
Vũ Đình Hiệp	1960	Nam	Kinh	32/9 Hùng Vương, phường 10	Đại học	
Vũ Minh Hồi	1960	Nam	Kinh	49/2 Trần Thái Tông, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
Nguyễn Văn Hạnh	1958	Nam	Kinh	73B Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
Nguyễn Thị Cúc	1953	Nữ	Kinh	69 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
Lê Thị Ngân Uyên	1966	Nữ	Kinh	97 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
Võ Thị Huệ	1963	Nữ	Kinh	103 Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
Lê Văn Hòa	1964	Nam	Kinh	90C Hoàng Hoa Thám, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
Phạm Thị Lý	1944	Nữ	Kinh	9E Hùng Vương, phường 10	Đại học	
Trần Thị Kim Thúy	1959	Nữ	Kinh	9C Hùng Vương, phường 10	Cao đẳng	
Nguyễn Thị Lý	1954	Nữ	Kinh	49/8 Phạm Hồng Thái, phường 10	Cao đẳng	
Lưu Văn Đề	1972	Nam	Kinh	49/28/2 Phạm Hồng Thái, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
Lê Trần Hùng	1964	Nam	Kinh	25/18/3 Hùng Vương, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
Giáp Văn Đạo	1969	Nam	Kinh	13/6 Trần Hưng Đạo, phường 10	Tốt nghiệp THPT	

4888		Nguyễn Thị Hồi	1962	Nữ	Kinh	15 Trần Hưng Đạo, phường 10	Cao đẳng	
4889		Trần Thị Tâm	1966	Nữ	Kinh	13/10 Trần Hưng Đạo, phường 10	Cao đẳng	
4890		Nguyễn Văn Việt	1969	Nam	Kinh	9/11 Hẻm Cầu Đức, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4891		Nguyễn Dung	1964	Nam	Kinh	1D Yersin, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4892		Trương Công Liêm	1957	Nam	Kinh	8 Khe Sanh, phường 10	Trên Đại học	
4893		Nguyễn Ngọc Kiên	1959	Nam	Kinh	Căn 210 Chung cư Khối 3 Khe Sanh, phường 10	Đại học	
4894		Phạm Thị Sanh	1958	Nữ	Kinh	5 Khe Sanh, phường 10	Đại học	
4895		Nguyễn Mỹ Sơn	1961	Nam	Kinh	11 Khe Sanh, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4896		Hoàng Văn Thắng	1955	Nam	Kinh	11 Khe Sanh, phường 10	Tốt nghiệp THCS	
4897		Trần Anh Tiến	1952	Nam	Kinh	Căn 210 CC khối 2 Khe Sanh, phường 10	Tốt nghiệp THPT	
4898	Phường 11	Nguyễn Văn Chi	1973	Nam	Kinh	tổ Đa phước 1		186/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4899		Hồ Đắc Thắng	1957	Nam	Kinh	tổ Đa phước 1		
4900		Lê Thành Long	1992	Nam	Kinh	tổ Đa phước 1	Đại học	
4901		Nguyễn Thị Vy	1975	Nữ	Kinh	tổ Đa phước 1		
4902		Tô Văn Thêm	1960	Nam	Kinh	tổ Đa phước 2		187/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4903		Nguyễn Đức Hùng	1962	Nam	Kinh	tổ Đa phước 2	Đại học	
4904		Hồ Văn Sang	1955	Nam	Kinh	tổ Đa phước 2		
4905		Nguyễn Thị Bích Thu	1970	Nữ	Kinh	tổ Đa phước 2		

4906	Thái Văn Ngữ	1963	Nam	Kinh	tổ Trại Mát		188/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4907	Nguyễn Hoàng Minh	1954	Nam	Kinh	tổ Trại Mát	Cao đẳng	
4908	Nguyễn Văn Chiến	1963	Nam	Kinh	tổ Trại Mát		
4909	Trần Thị Ngọc Châu	1958	Nữ	Kinh	tổ Trại Mát		
4910	Trần Văn Bình	1942	Nam	Kinh	tổ Huỳnh Tấn Phát		189/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4911	Lương Ngọc Lan	1962	Nữ	Kinh	tổ Huỳnh Tấn Phát		
4912	Nguyễn Văn Huệ	1965	Nam	Kinh	tổ Huỳnh Tấn Phát		
4913	Nguyễn Thị Có	1968	Nữ	Kinh	tổ Huỳnh Tấn Phát		
4914	Nguyễn Văn Khuyên	1957	Nam	Kinh	tổ Sào Nam		190/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4915	Trần Quang Khanh	1962	Nam	Kinh	tổ Sào Nam		
4916	Hà Huy Hùng	1970	Nam	Kinh	tổ Sào Nam		
4917	Nguyễn Thị Kim Chi	1966	Nữ	Kinh	tổ Sào Nam		
4918	Nguyễn Văn Phan	1957	Nam	Kinh	tổ Lâm Văn Thạnh		191/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4919	Ngô Đức Tiến	1967	Nam	Kinh	tổ Lâm Văn Thạnh		
4920	Nguyễn Chín	1972	Nam	Kinh	tổ Lâm Văn Thạnh		
4921	Nguyễn Thị Hằng	1966	Nữ	Kinh	tổ Lâm Văn Thạnh		
4922	Lê Văn Mười	1947	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 1		192/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4923	Phạm Quỳnh Dương	1990	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 1	Đại học	
4924	Đoàn Minh Hùng	1975	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 1		
4925	Lê Thị Thu Tuyết	1963	Nữ	Kinh	tổ Tự tạo 1		
4926	Nguyễn Văn Phú	1963	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 2		193/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020

4927		Lê Văn Duy	1980	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 2		
4928		Nguyễn Công Hoàng	1975	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 2		
4929		Nguyễn Thị Minh Trang	1990	Nữ	Kinh	tổ Tự tạo 2		
4930		Nguyễn Đình Phục	1964	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 3		194/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4931		Đặng Văn Dũng	1969	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 3		
4932		Lê Minh Trung	1994	Nam	Kinh	tổ Tự tạo 3	Đại học	
4933		Phạm Thị Thanh Cửa	1978	Nữ	Kinh	tổ Tự tạo 3		
4934		Đinh Đức Kế	1960	Nam	Kinh	tổ Tây hồ 1		195/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4935		Lê Thiện Sinh	1955	Nam	Kinh	tổ Tây hồ 1		
4936		Lý Thị Huệ	1968	Nữ	Kinh	tổ Tây hồ 1		
4937		Phạm Minh Dương	1978	Nam	Kinh	tổ Tây hồ 1		
4938		Trương Quang Thịnh	1964	Nam	Kinh	tổ Tây hồ 2		196/QĐ-UBND P11 ngày 22/10/2020
4939		Nguyễn Năng	1958	Nam	Kinh	tổ Tây hồ 2		
4940		Trần Văn Nhân	1964	Nam	Kinh	tổ Tây hồ 2		
4941		Trần Thị Phương Loan	1964	Nữ	Kinh	tổ Tây hồ 2		
4942	Phường 12	Nguyễn Thị Thanh	1966	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phát		
4943		Huỳnh Trần Hoan	1958	Nam	Kinh	Tổ Thái Phát		
4944		Nguyễn Văn Danh	1985	Nam	Kinh	Tổ Thái Phát		
4945		Đoàn Văn Dũng	1969	Nam	Kinh	Tổ Thái Phát		
4946		Trần Duy Lân	1949	Nam	Kinh	Tổ Thái Phát		
4947		Ngô Thị Quỳnh Vân	1986	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phát		
4948		Nguyễn Kính	1955	Nam	Kinh	Tổ Thái Phát		
4949		Phan Thị Luyến	1970	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phát		
4950		Nguyễn Thị Thu Hiền	2001	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phát		
4951		Đặng Văn Lợi	1962	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4952		Bùi Công Trí	1962	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4953		Trần Hoàng Dũng	1974	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		

4954	Phan Thị Thuỷ	1966	Nữ	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4955	Hoành Văn Dương	1976	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4956	Dương Thị Tâm	1978	Nữ	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4957	Nguyễn Long Trung Hiếu	2000	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4958	Nguyễn Văn Đua	1947	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4959	Lưu Văn Chánh	1964	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4960	Phùng Minh Quang	1974	Nam	Kinh	Tổ Hồ Than Thở		
4961	Vũ Xuân Hợp	1955	Nam	Kinh	Tổ Thái An		
4962	Nguyễn Văn Đồng	1971	Nam	Kinh	Tổ Thái An		
4963	Bùi Văn Thảo	1971	Nam	Kinh	Tổ Thái An		
4964	Lê Thị Hương	1957	Nữ	Kinh	Tổ Thái An		
4965	Đặng Thái Hoà	1973	Nam	Kinh	Tổ Thái An		
4966	Hoàng Văn Sơn	1981	Nữ	Kinh	Tổ Thái An		
4967	Bùi Thị Thanh Sương	1999	Nữ	Kinh	Tổ Thái An		
4968	Nguyễn Anh Hồng	1955	Nam	Kinh	Tổ Thái An		
4969	Nguyễn Thị Bích	1965	Nữ	Kinh	Tổ Thái An		
4970	Hồ Vĩnh	1953	Nam	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4971	Phan Ngọc Hạnh	1958	Nam	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4972	Phan Văn Tựu	1970	Nam	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4973	Phan Quý Phi	1990	Nam	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4974	Nguyễn Thị Nhìu	1961	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4975	Phan Thị Thu Hà	1996	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4976	Nguyễn Văn Dũng	1958	Nam	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4977	Nguyễn Thị Kim Hoa	1967	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4978	Phạm Huỳnh Phương	1986	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4979	Vũ Thị Kim Mai	1981	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phiên		
4980	Lê Văn Công	1961	Nam	Kinh	Tổ Thái Thịnh		
4981	Lê Đầu	1966	Nam	Kinh	Tổ Thái Thịnh		
4982	Nguyễn Đình Đơn	1966	Nam	Kinh	Tổ Thái Thịnh		
4983	Nguyễn Văn Dinh	1968	Nam	Kinh	Tổ Thái Thịnh		
4984	Nguyễn Đình Quý	1963	Nam	Kinh	Tổ Thái Thịnh		
4985	Nguyễn Anh Hùng	1990	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4986	Nguyễn Đình Cư	1963	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		

4987	Hoàng Văn Chuyên	1965	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4988	Hoàng Thị Xuân Yên	1970	Nữ	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4989	Bùi Văn Xế	1954	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4990	Ngô Hoàng Lệ Quyên	1996	Nữ	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4991	Văn Đức Sao	1954	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4992	Mai Hiền	1963	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4993	Mai Văn Khang	1983	Nam	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4994	Trần Thị Thu	1971	Nữ	Kinh	Tổ Hòn Bô		
4995	Nguyễn Đình Hường	1957	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
4996	Nguyễn Đình Kỳ	1956	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
4997	Nguyễn Thanh Hải	1979	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
4998	Nguyễn Văn Bất	1955	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
4999	Phạm Thị Bích Nga	1960	Nữ	Kinh	Tổ Thái Phước		
5000	Dương Tấn Hùng	1961	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
5001	Mai Văn Kịch	1982	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
5002	Hoàng Văn Như	1943	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
5003	Nguyễn Đình Nhật Linh	1997	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
5004	Nguyễn Văn Dỹ Định	1985	Nam	Kinh	Tổ Thái Phước		
5005	Bùi Đức Chánh	1964	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5006	Mai Văn Khản	1970	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5007	Hồ Thị Thanh Thuỷ	1969	Nữ	Kinh	Tổ Thái Bình		
5008	Nguyễn Du	1958	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5009	Huỳnh Thanh Tuấn	1985	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5010	Lê Đức Huy	1993	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5011	Dương Thị Nhung	1979	Nữ	Kinh	Tổ Thái Bình		
5012	Trương Thị Hạnh	1979	Nữ	Kinh	Tổ Thái Bình		
5013	Lê Quốc Vũ	1993	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5014	Hoàng Đắc Trị	1954	Nam	Kinh	Tổ Thái Bình		
5015	Nguyễn Văn An	1960	Nam	Kinh	Tổ Thái Hoà		
5016	Lê Đức Thịnh	1990	Nam	Kinh	Tổ Thái Hoà		
5017	Nguyễn Văn Rạng	1964	Nam	Kinh	Tổ Thái Hoà		
5018	Nguyễn Thị Đào	1974	Nữ	Kinh	Tổ Thái Hoà		
5019	Trần Đăng Dư	1966	Nam	Kinh	Tổ Thái Hoà		

5020	Xã Tà Nung	Hà Trọng Hưởng	1956	Nam	Kinh	Tổ 13, thôn 1, xã Tà Nung	Số 368/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5021		Nguyễn Công Ái	1954	Nam	Kinh	Tổ 19, thôn 1, xã Tà Nung	
5022		Nguyễn Cil Thanh Trúc	1954	Nữ	K' ho	Tổ 16, thôn 1, xã Tà Nung	
5023		Phan Gia Hợi	1970	Nam	Kinh	Tổ 4, thôn 2, xã Tà Nung	Số 369/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5024		Cơ Liêng K' Ang	1960	Nữ	K' ho	Tổ 3, thôn 2, xã Tà Nung	
5025		Cil Ha Phước	1945	Nam	K' ho	Tổ 4, thôn 2, xã Tà Nung	
5026		Đa Gout Măng	1953	Nam	K' ho	Tổ 12, thôn 3, xã Tà Nung	Số 370/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5027		Cil Nam	1960	Nam	K' ho	Tổ 17, thôn 3, xã Tà Nung	
5028		Đà Cát Bông	1973	Nam	K' ho	Tổ 12, thôn 3, xã Tà Nung	
5029		Ron Ông K' Uynh	1945	Nam	K' ho	Tổ 12, thôn 3, xã Tà Nung	
5030		Trần Văn Lương	1962	Nam	Kinh	Tổ 10, thôn 4, xã Tà Nung	Số 371/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5031		Lê Minh Bằng	1959	Nam	Kinh	Tổ 11, thôn 4, xã Tà Nung	
5032		Hồ Thanh Hoài	1958	Nam	Kinh	Tổ 20, thôn 4, xã Tà Nung	
5033		Nguyễn Văn Minh	1952	Nam	Kinh	Tổ 14, thôn 4, xã Tà Nung	

5034	Lê Văn Ký	1964	Nam	Kinh	Tổ 10, thôn 4, xã Tà Nung		
5035	Phạm Thị Gái	1958	Nữ	Kinh	Tổ 9, thôn 4, xã Tà Nung		
5036	Vũ Thị Thúy Toan	1965	Nữ	Kinh	Tổ 10, thôn 4, xã Tà Nung		
5037	Phú Trường Lộc	1964	Nam	Kinh	Tổ 14, thôn 4, xã Tà Nung		
5038	Lương Thị Mừng	1964	Nam	Kinh	Tổ 20, thôn 4, xã Tà Nung		
5039	Nguyễn Thị Loan	1954	Nữ	Kinh	Tổ 10, thôn 4, xã Tà Nung		
5040	Bùi Thị Kim Hoa	1954	Nữ	Kinh	Tổ 6, thôn 5, xã Tà Nung		Số 372/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5041	Nông Văn Thanh	1960	Nam	Kinh	Tổ 8, thôn 5, xã Tà Nung		
5042	Klong Ha Som	1961	Nam	K' ho	Tổ 6, thôn 5, xã Tà Nung		
5043	MBon Ha Mười	1970	Nam	K' ho	Tổ 8, thôn 5, xã Tà Nung		
5044	Lơ Mu Ha Jip	1969	Nam	K' ho	Tổ 1, thôn 6, xã Tà Nung		Số 373/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
5045	Đinh Thị Thúy Hằng	1958	Nữ	Kinh	Tổ 15, thôn 6, xã Tà Nung		
5046	Klong Ha Huynh	1957	Nam	K' ho	Tổ 1, thôn 6, xã Tà Nung		
5047	Liêng Hót K' Giáo	1972	Nữ	K' ho	Tổ 15, thôn 6, xã Tà Nung		
5048	Đặng Thị Hà	1966	Nữ	Kinh	Tổ 15, thôn 6, xã Tà Nung		

5049		Trần Thị Tâm	1960	Nữ	Kinh	Tổ 1 , thôn 6, xã Tà Nung		
5050		Phạm Thị Bích Phương	1955	Nữ	Kinh	Tổ 1 , thôn 6, xã Tà Nung		
5051		Kră Jăn Ha Bít	1971	Nam	K' ho	Tổ 15 , thôn 6, xã Tà Nung		
5052	Xã Trạm Hành	Vũ Đình Tèo	1956	Nam	Kinh	thôn Phát Chi		Số 65/QĐ-UBND ngày 19/6/2022
5053		Hồ Thám Hoa	1978	Nam	Kinh	thôn Phát Chi		
5054		Vũ Thị Loan	1962	Nữ	Kinh	thôn Phát Chi		
5055		Nguyễn Xuân Huy	1954	Nam	Kinh	thôn Phát Chi		
5056		Lê Văn Hiền	1974	Nam	Kinh	thôn Phát Chi		
5057		Trần Văn Minh	1954	Nam	Kinh	thôn Phát Chi		
5058		Lê Văn Thành	1967	Nam	Kinh	thôn Trường Thọ		Số 64/QĐ-UBND ngày 19/6/2022
5059		Cao Xuân Hải	1965	Nam	Kinh	thôn Trường Thọ		
5060		Nguyễn Thị Tàn	1967	Nữ	Kinh	thôn Trường Thọ		
5061		Phạm Thanh An	1967	Nam	Kinh	thôn Trường Thọ		
5062		Nguyễn Thị Minh Hiếu	1976	Nữ	Kinh	thôn Trạm Hành 1		Số 63/QĐ-UBND ngày 19/6/2022
5063		Lê Mai	1964	Nam	Kinh	thôn Trạm Hành 1		
5064		Trần Thị Kim Phụng	1955	Nữ	Kinh	thôn Trạm Hành 1		
5065		Đặng Văn Nghiêm	1964	Nam	Kinh	thôn Trạm Hành 1		
5066		Lê Thị Thu An	1965	Nữ	Kinh	thôn Trạm Hành 2		Số 66/QĐ-UBND ngày 19/6/2022
5067		Lê Văn Thiệp	1976	Nam	Kinh	thôn Trạm Hành 2		
5068		Nguyễn Thị Cúc	1959	Nam	Kinh	thôn Trạm Hành 2		
5069	Xã Xuân Thọ	Bồ Dũng	1964	Nam	Kinh	thôn Xuân Thành		Số 83/QĐ-UBND ngày 19/10/2020
5070		Mai Văn Quốc Trung	1973	Nam	Kinh	thôn Xuân Thành		
5071		Đặng Thị Ngọc	1969	Nữ	Kinh	thôn Xuân Thành		
5072		Trần Văn Phúc	1953	Nam	Kinh	thôn Xuân Thành		

5073	Ngô Minh	1969	Nam	Kinh	thôn Lộc Quý	Số 28/QĐ-UBND ngày 12/01/2024
5074	Nguyễn Thị Chính	1957	Nữ	Kinh	thôn Lộc Quý	
5075	Nguyễn Thị Sen	1963	Nữ	Kinh	thôn Lộc Quý	
5076	Đặng Cư	1961	Nam	Kinh	thôn Lộc Quý	
5077	Ngô Thị Bình	1975	Nữ	Kinh	thôn Lộc Quý	
5078	Huỳnh Thị Tuyết Anh	1979	Nữ	Kinh	thôn Lộc Quý	
5079	Huỳnh Ngọc Hưng	1969	Nam	Kinh	thôn Đa Quý	Số 133/QĐ-UBND ngày 19/7/2023
5080	Nguyễn Đồng	1971	Nam	Kinh	thôn Đa Quý	
5081	Nguyễn Thị Hà Vi	1989	Nữ	Kinh	thôn Đa Quý	
5082	Trương Văn Hùng	1971	Nam	Kinh	thôn Đa Quý	
5083	Phạm Văn Phước	1965	Nam	Kinh	thôn Đa Quý	
5084	Trần Thanh Hải	1966	Nam	Kinh	thôn Đa Lộc	Số 08/QĐ-UBND ngày 05/01/2024
5085	Trương Thị Hồng Nhung	1987	Nữ	Kinh	thôn Đa Lộc	
5086	Hồ Thị Bích Phương	1985	Nam	Kinh	thôn Đa Lộc	
5087	Nguyễn Hạnh	1971	Nam	Kinh	thôn Đa Lộc	
5088	Lê Viết Bảy	1960	Nam	Kinh	thôn Đa Lộc	
5089	Đặng Quốc Khánh	1962	Nam	Kinh	thôn Túy Sơn	Số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2024
5090	Cao Thị Thìn	1964	Nam	Kinh	thôn Túy Sơn	
5091	Nguyễn Thị Ngọc Bích	1984	Nữ	Kinh	thôn Túy Sơn	
5092	Phạm Văn Kỳ	1959	Nam	Kinh	thôn Túy Sơn	
5093	Ngô Thị Hiệp	1967	Nữ	Kinh	thôn Túy Sơn	
5094	Lê Trung Hiền	1966	Nam	Kinh	thôn Đa Thọ	Số 89/QĐ-UBND ngày 19/10/2020
5095	Đỗ Công Long	1966	Nam	Kinh	thôn Đa Thọ	
5096	Đỗ Hùng Ân	1965	Nam	Kinh	thôn Đa Thọ	
5097	Lê Hữu Nghĩa	1974	Nam	Kinh	thôn Đa Thọ	
5098	Mai Thị Kim Oanh	1974	Nữ	Kinh	thôn Đa Thọ	

		Xã Xuân Trường					Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 10/02/2022
5099		Tăng Bá Hánh	1958	Nam	Kinh	Trường Xuân 2	THPT
5100		Trần Quang Vinh	1968	Nam	Kinh	Trường Xuân 2	10/12
5101		Phan Văn Khánh	1962	Nam	Kinh	Trường Xuân 2	THPT
5102		Hồ Thị Loan	1968	Nữ	Kinh	Trường Xuân 2	THPT
5103		Tán Thị Trinh	1972	Nữ	Kinh	Trường Xuân 2	11/12
5104		Lâm Thái Vũ	1973	Nam	Kinh	Trường An	THPT
5105		Trần Tuyển	1954	Nam	Kinh	Trường An	THPT
5106		Lê Viết Hải	1984	Nam	Kinh	Trường An	THPT
5107		Trần Thị Như Thùy	1973	Nữ	Kinh	Trường An	THPT
5108		Nguyễn Thị Thanh Nga	1972	Nữ	Kinh	Trường An	THPT
5109		Nguyễn Song Vũ	1983	Nam	Kinh	Trường Sơn	THPT
5110		Lê Xuân Thới	1968	Nam	Kinh	Trường Sơn	Đại học
5111		Võ Văn Thạnh	1965	Nam	Kinh	Trường Sơn	THPT
5112		Nguyễn Thị Thu Loan	1968	Nữ	Kinh	Trường Sơn	10/12
5113		Kiều Thị Phước	1966	Nữ	Kinh	Trường Sơn	THPT
5114		Xuân Trí Hải	1962	Nam	Kinh	Cầu Đất	THPT
5115		Nguyễn Thị Ánh Phương	1971	Nữ	Kinh	Cầu Đất	THPT
5116		Nguyễn Hòa	1973	Nam	Kinh	Cầu Đất	THPT
5117		Nguyễn Đình Xứng	1972	Nam	Kinh	Cầu Đất	THPT
5118		Nguyễn Ngọc Minh	1960	Nam	Kinh	Cầu Đất	THPT
5119		Mã Thành Thiện	1960	Nam	Kinh	Trường Xuân 1	THPT
5120		Nguyễn Thị Hiệp	1967	Nữ	Kinh	Trường Xuân 1	THPT
5121		Nguyễn Thị Kim Lan	1966	Nữ	Kinh	Trường Xuân 1	THPT
5122		Đỗ Văn Sự	1966	Nam	Kinh	Trường Xuân 1	THPT
5123		Nguyễn Thị Minh Lý	1972	Nữ	Kinh	Trường Xuân 1	THPT
5124		Nguyễn Thị Châu	1946	Nữ	Kinh	Xuân Sơn	THPT
5125		Phạm Văn Nhường	1971	Nam	Kinh	Xuân Sơn	THPT
5126		Nguyễn Đình Thuận	1966	Nam	Kinh	Xuân Sơn	THPT
5127		Lầu Cung Hoành	1970	Nam	Kinh	Xuân Sơn	THPT
5128		Nguyễn Thị Như Hạnh	1962	Nữ	Kinh	Xuân Sơn	THPT
5129		Mai Xuân Long	1972	Nam	Kinh	Đất Làng	THPT

5130			Nguyễn Viết Hòa	1971	Nam	Kinh	Đất Làng	THPT	
5131			Võ Tấn Đa	1959	Nam	Kinh	Đất Làng	THPT	
5132			Nguyễn Thị Phượng	1968	Nữ	Kinh	Đất Làng	THPT	
5133			Huỳnh Bảo Loan	1968	Nữ	Kinh	Đất Làng	THPT	
5134			Ngô Minh Dương	1967	Nam	Kinh	Đất Làng	THPT	
5135			Lý A Lục	1967	Nam	Hoa	Trường Vinh	THPT	
5136			Hồ A Phu	1961	Nam	Hoa	Trường Vinh	THPT	
5137			Dương Thị Phụng	1977	Nữ	Hoa	Trường Vinh	THPT	
5138			Phan Văn Khải	1993	Nam	Kinh	Trường Vinh	THPT	
5139			Chinh A Dũng	1961	Nam	Hoa	Trường Vinh	9/12	
5140	Huyện Lạc Dương	Thị trấn Lạc Dương	Nguyễn Văn Lân	1962	Nam	Kinh	Tổ dân phố Đồng Tâm	ĐH	QĐ số 06/QĐ- UBND ngày 08/01/2024
5141			Nguyễn Đình Hoan	1957	Nam	Kinh		ĐH	
5142			Nguyễn Thị Xuyên	1963	Nữ	Kinh		ĐH	
5143			Chu Xuân Tâm	1961	Nam	Kinh			
5144			Nguyễn Mai Hùng	1958	Nam	Kinh		ĐH	
5145			Nguyễn Quang Đo	1960	Nam	Kinh	tổ dân phố B' Nơr A		QĐ số 154/QĐ- UBND ngày 09/10/2023
5146			Kră Jăn Thuên	1988	Nam	Lạch			
5147			Bon Đing Tuấn	1963	Nam	Lạch			
5148			Hồ Thị Hoa	1955	Nữ	Kinh			
5149			Dương Thị Hoa	1963	Nữ	Kinh			
5150			Vũ Văn Minh	1959	Nam	Kinh	tổ dân phố Hợp Thành		QĐ số 163/QĐ- UBND ngày 09/10/2023
5151			Nguyễn Duy Tân	1953	Nam	Kinh			
5152			Nguyễn Thị Hiền	1962	Nữ	Kinh		ĐH	
5153			Nguyễn Thị Ca	1956	Nữ	Kinh			
5154			Trần T. Ngọc Hằng	1960	Nữ	Kinh		TC	

5155	Lê Thị Nga	1964	Nữ	Kinh	tổ dân phố Lang Biang	TC	QĐ số 51/QĐ-UBND ngày 23/4/2024
5156	Nguyễn Xuân Trường	1955	Nam	Kinh			
5157	Đỗ Thị Hằng	1957	Nữ	Kinh		ĐH	
5158	Trương T. Ánh Tuyết	1962	Nữ	Kinh		ĐH	
5159	Đỗ Quang Yên	1956	Nam	Kinh		ĐH	
5160	Nguyễn Thị Tranh	1958	Nữ	Kinh			
5161	Bùi Xuân Hoàng	1963	Nam	Kinh	tổ dân phố Đăng Lèn		QĐ số 161/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
5162	Trần Quang Kỳ	1954	Nam	Kinh			
5163	Lê Văn Liễu	1968	Nam	Kinh			
5164	Vũ Văn Chiến	1947	Nam	Kinh			
5165	Lê Thị Thùy Vân	1967	Nữ	Kinh		ĐH	
5166	Kră Jăn Mơ	1961	Nam	Lạch	tổ dân phố Đăng Gia		QĐ số 160/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
5167	Kră Jăn Tẹ	1986	Nam	Lạch			
5168	Me Bla Jú	1963	Nam	Lạch			
5169	Liêng Hót Hoài	1991	Nữ	Lạch			
5170	Pang Ting Krè	1977	Nữ	Lạch	tổ dân phố Bon Đưng I		QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
5171	Pang Ting Sin	1979	Nam	Lạch			
5172	Cil Tẹ Cường	1988	Nam	Lạch			
5173	Kra Jan Tèn	1953	Nam	Lạch			
5174	Cil Điuon	1969	Nam	Lạch			
5175	Kra Jan BLôm	1957	Nam	Lạch	tổ dân phố Bon Đưng II		QĐ số 158/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
5176	Kra Jan Mứ	1961	Nam	Lạch			
5177	Bon Đing Đình	1965	Nam	Lạch			

5178		Pang Ting Thảo	1996		Lạch			
5179		Rơ Ông Ha Tiên	1963		Cil	tổ dân phố Đăng Gia Dề B		QĐ số 156/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
5180		Lê Thành Huân	1962	Nam	Cil			
5181		Lơ Mu Gút Nuynh	1965		Cil			
5182		Rơ Ông Ha Vinh	1965		Cil			
5183		Liêng Hót K' Thanh	1989		Cil			
5184		Rơ Ông Ha Char	1976		Cil			
5185		Rơ Ông K' Ương	1973		Cil			
5186		Rơ Glê Chiêl	1976		Lạch	tổ dân phố B' Nơ B		QĐ số 155/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
5187		K' Đweh BonNơ Cil	1979		Lạch			
5188		Bon Yô Jek	1976		Lạch			
5189		Bon Đing Đim	1961	Nam	Lạch			
5190		Liêng Hot Đuk	1976	Nam	Lạch			
5191		Cilles Poh	1956	Nam	Lạch	tổ dân phố Đan Kia		QĐ số 07QĐ-UBND ngày 08/01/2024
5192		Lơ Mu EnLy	1962	Nam	Lạch			
5193		Cao Đức Diệu	1973	Nam	Kinh			
5194		Da Gout Krè	1954	Nam	Lạch			
5195		Nguyễn Xuân Quả	1971	Nam	Kinh			
5196	Xã Đạ Nhim	Cil Pam K' Phương	1974	Nữ	Cil	Thôn Đara Hoa		Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 10/10/2019
5197		Kơ Să Ha Ghe	1969	Nam	Cil			Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 31/10/2022
5198		Klong Sơn Trường	1990	Nam	Cil			Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 09/11/2022

5199	Cil Phi Crieu Ha Vương	1968	Nam	Cil		Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 31/10/2022
5200	Cil Pam Ha Toan	1980	Nam	Cil		Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
5201	Kon Sơ Ha Toang	1965	Nam	Cil	Thôn Đa tro	Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
5202	Lơ Mu Ha Hoặc	1987	Nam	Cil		Trung cấp
5203	Sơ Ao Ha Klas	1947	Nam	Cil		
5204	Kon Sơ Ha Bang	1969	Nam	Cil		Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/10/2019
5205	Sơ Ao K' Cam	1998	Nữ	Cil		
5206	Lơ Mu Ha Khlip	1972	Nam	Cil		
5207	Dong Gur Do Ly	1975	Nam	Cil		
5208	Kon Sơ Mi La	1982	Nữ	Cil	Thôn Liêng Bông	Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 11/5/2020
5209	Kon Sơ K' Hìn	1978	Nữ	Cil		Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 10/10/2019
5210	Dong Gur Ha Ninh	1956	Nam	Cil		Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
5211	Cil Yũ Ha Giảng	1958	Nam	Cil		
5212	Kơ Să Ha Du Khrom	1984	Nam	Cil		Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 31/10/2022
5213	Dong Gur Ha Chiêng	1964	Nam	Cil		

5214		Kon Sa Ha Hang	1973	Nam	Cil	Thôn Đa Bla		Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
5215		Cil Yũ Ha Duông	1968	Nam	Cil			
5216		Cil Pam K' Quyền	1989	Nữ	Cil		Đại học	Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 31/10/2022
5217		Trần Văn Liên	1986	Nam	Kinh			
5218		Cil Yũ Ha Then	1968	Nam	Cil			
5219		Kơ Să K' Lương	1993	Nữ	Thôn Đa Cháy	Thôn Đa Cháy		
5220		Kơ Să Ha Bình	1968	Nam	Cil		Sơ cấp	Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 09/11/2022
5221		Kon Sa Ya Quang	1969	Nam	Cil			Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 31/10/2022
5222		Kơ Să Ha Năm	1965	Nam	Cil			
5223		Kơ Să K' Duyn	1987	Nữ	Cil			
5224	Xã Đa Sar	Tou Neh Bi Za	1986	nam	Châu Mạ	thôn 1	Đại học	265/QĐ-UBND ngày 10/10/2023
5225		Pang Ting Doanh	1977	nam	Lạch			
5226		K' Biell	1975	nam	K' Ho			
5227		Kơ Să Ha Tang	1949	nam	Cil			
5228		Liêng Jrang Ha Bri	1953	nam	Cil			
5229		Liêng Jrang Ha Solly	1962	nam	Cil	thôn 2		
5230		Kră Jăn Ha Tem	1962	nam	Cil			
5231		Liêng Jrang Ha Hai	1956	nam	Cil			
5232		Lơ Mu Ha Tuyết	1987	nam	Cil			
5233		Kră Jăn Sa Mu Êl	1966	nữ	Cil			
5234		Lơ Mu K' Sanh	1989	nữ	Cil	thôn 3		
5235		Liêng Jrang K' Lok	1973	nữ	Cil			
5236		Liêng Jrang Ha Phim	1959	nam	Cil			

5237		Liêng Jrang K' Gít	1971	nữ	Cil			
5238		Kră Jăn Ha Tang	1957	nam	Cil			
5239		Kră Jăn Ha Viên	1964	nam	Cil	thôn 4		
5240		Liêng Jrang Di Gân	1984	nữ	Cil			
5241		Kơ Să Ha Bang	1980	nam	Cil			
5242		Lơ Mu Ha Jri	1944	nam	Cil			
5243		Kơ Să K' Sing	1985	nữ	Cil			
5244		Kon Sơ Ha Mơi	1987	nam	Cil	thôn 5		
5245		Kơ Să Ha Sếp	1967	nam	Cil			
5246		Lơ Mu Ha Bock	1957	nam	Cil			
5247		Kon Sơ Ha Tư	1963	nam	Cil			
5248		Klong K' Chiêm	1992	nữ	Cil			
5249		Kon Sơ Ha Đoang	1987	nam	Cil	thôn 6		
5250		Lơ Mu Ha Djô	1960	nam	Cil			
5251		Cil K' Pút	1962	nữ	Cil			
5252		Sơ Ao K' Phia	1991	nữ	Cil		Đại học	
5253		Klong Ha Jack	1963	nam	Cil			
	Xã Đạ Chais							Quyết định công nhận làm hòa giải viên số 132/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023
5254		Kon Sơ Ha Sang	1975	Nam	Cil	Đông Mang		
5255		Nguyễn Văn Dân	1975	Nam	Kinh			
5256		Kơ Să K' Huy	1985	Nữ	Cil			
5257		Đơng Gur K' Ly	1993	Nữ	Cil			
5258		Kơ Să K' Thêu	1983	Nữ	Cil			
5259		Đơng Gur K' Oang	1987	Nữ	Cil	Tu Poh		
5260		Hà Duay Minh	1995	Nữ	Cil			
5261		Sơ Kết Ha Xia	1984	Nữ	Cil			
5262		Kơ Đơng Ha Dương	1956	Nam	Cil			
5263		Sơ Ao Ha Thuận	1990	Nam	Cil			
5264		Cil K' Đóp	1964		Cil	Long Lanh		

5265		Đa Du Ha Krong	1962	Nam	Cil			
5266		Kon Sa K' Dân	1987	Nữ	Cil			
5267		Kon Sơ K' Bìn	1962	Nữ	Cil			
5268		K' Ngôi	1987	Nữ	Cil			
5269		Cil Ha Su	1988	Nam	Cil	Đưng K' Si		
5270		Bon Tô Sa Nga	1963	Nam	Cil			
5271		Sơ Kết Lơ Vy	1993	Nữ	Cil			
5272		A Den	1984	Nam	Cil			
5273		Bon Tô Ha Diêng	1971	Nam	Cil			
5274		Kon Sơ Ja Quăk	1962	Nam	Cil			
5275		Sơ Kết Tha Ry	1990	Nữ	Cil			
	Xã Lát							Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 09/01/2024
5276		Kơ Să Ha Jie	1963	Nam	Cil	Thôn Đạ Nghit		
5277		LiêngJrang Ha Hoàng	1981	Nam	Cil			
5278		Kơ Să K' Srin	1993	Nữ	Cil			
5279		Klong Ha Tuyên	1967	Nam	Cil			
5280		Lơ Mu Ha Xuyên	1958	Nam	Cil			
5281		Liêng Hót Ha Viên	1970	Nam	Cil	Thôn Đạ Nghit		
5282		Lơ Mu Ha Grim	1983	Nam	Cil			
5283		Liêng Hót K' Juyl	1990	Nữ	Cil			
5284		Klong Ha Sang	1945	Nam	Cil			
5285		Kră Jăn Tư	1967	Nam	Kơ ho	Thôn Păng Tiêng		
5286		K' Sung	1986	Nam	Kơ ho			
5287		Dà Cát K' Tam	1972	Nam	Kơ ho			
5288		Kơ Să Joan Blis	1946	Nam	Kơ ho			
5289		Ka Sa K' Viên	1971	Nam	Kơ ho			
5290		Cil K' Brêô	1958	Nam	Kơ ho	Thôn Păng Tiêng I		
5291		Rơ Ông K' Gial	1980	Nam	Kơ ho			
5292		Trần Văn Vinh	1982	Nam	Kơ ho			
5293		Kră Jăn K' Juet	2002	Nữ	Kơ ho			
5294		Dà cắt K' Piêl	1995		Kơ ho			

	Xã Đưng K' Nớ							Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	
5295		Bà Bong Niêng K' Chăng		Nữ	Cơ Ho	Thôn K' Nớ 1			
5296		Ông Bon Niêng Ha Oanh		Nam	Cơ Ho				
5297		Ông Rơ Ông Ha Linh		Nam	Cơ Ho				
5298		Bà Bon Niêng K' Bí		Nữ	Cơ Ho				
5299		Bà Rơ Ông K' Tiên		Nữ	Cơ Ho				
5300		Ông Bon Niêng Ha Đê		Nam	Cơ Ho	Thôn K' Nớ 2			
5301		Ông Bon Niêng Ha Jăng		Nam	Cơ Ho				
5302		Ông Rơ Ha Vít		Nam	Cơ Ho				
5303		Bà Bon Niêng K' Phin		Nữ	Cơ Ho				
5304		Ông Rơ Ông Ha Sóp		Nam	Cơ Ho				
5305		Ông Phi Sồn Ha Krinh		Nam	Cơ Ho	Thôn Đưng Trang			
5306		Ông Bon Niêng Ha Liêng		Nam	Cơ Ho				
5307		Bà Rơ Ông K' Jiêng		Nữ	Cơ Ho				
5308		Ông Kơ Să Ha Leh		Nam	Cơ Ho				
5309		Ông Liêng Hót Ha Chú		Nam	Cơ Ho	Thôn Lán Tranh			
5310		Ông Kơ Dong Ha Biêng		Nam	Cơ Ho				
5311		Bà Kơ Dong K' Tuyen		Nữ	Cơ Ho				
5312		Ông Cơ Liêng Ha Đông		Nam	Cơ Ho				
5313	Ông Kơ Să Ha Chú		Nam	Cơ Ho					
	Huyện Lâm Hà	Xã Đan Phượng						QĐ Số 116/QĐ - UBND ngày 5/9/2023	
			Lê Thị Lan	1988	Nữ	Kinh	T. Đan Hà		
			Nguyễn Văn Minh	1970	Nam	Kinh			
			Nguyễn Thị Hoa	1986	Nữ	Kinh			
			Trần Đình Phùng	1955	Nam	Kinh			
			Nguyễn Tài Vịnh	1966	Nam	Kinh			
			Hoàng Thị Mai	1972	Nữ	Kinh			
			Lã Văn Trường	1956	Nam	Kinh	T. Phượng Lâm		QĐ Số 111/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
			Doãn Văn Mùi	1955	Nam	Kinh			

Nguyễn Thị Hương	1985	Nữ	Kinh			
Phạm Thanh Phưởng	1964	Nam	Kinh			
Nguyễn Quốc Sơn	1957	Nam	Kinh			
Doãn Văn Khánh	1995	Nam	Kinh			
Nguyễn Đức Liêm	1966	Nam	Kinh	T. Đoàn Kết		QĐ Số 114/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
Nguyễn Văn Được	1966	Nam	Tày			
Nguyễn Văn Mến	1955	Nam	Kinh			
Trần Đình Phong	1961	Nam	Kinh			
Đinh Thị Thu Hương	1971	Nữ	Kinh			
Phan Xuân Tam	1970	Nam	Kinh			
Trương Công Tâm	1968	Nam	Kinh			
Trần Thị Huyền	1976	Nữ	Kinh	T. Thống Nhất		QĐ Số 110/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
Trần Thị Mão	1951	Nam	Kinh			
Dương Thị Lan	1962	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Hiền	1968	Nữ	Kinh			
Lê Hữu Sỏi	1959	Nam	Kinh			
Lê Hữu Pha	1990	Nam	Kinh			
Lê Xuân Tạo	1990	Nam	Kinh			
K' Nghiêu	1988	Nữ	Cơ Ho	T. Tân Lập		QĐ Số 115/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
K' Hiếu	1970	Nam	Cơ Ho			
K' Heng	1984	Nam	Cơ Ho			
K' Xuân	1988	Nữ	Cơ Ho			
Võ Văn Bé	1976	Nam	Kinh			
Trần Văn Cao	1986	Nam	Kinh	T. An Bình		QĐ Số 112/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
Phạm Phú Quốc	1989	Nam	Kinh			

		Tạ Thị Mến	1989	Nữ	Kinh			
		Lê Văn Trạc	1970	Nam	Kinh			
		Đoàn Văn Hệ	1972	Nam	Kinh			
								QĐ Số 113/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
		Đặng Duy Thanh	1992	Nam	Kinh	T. Nhân Hòa		
		Đặng Thương	1973	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Hợi	1968	Nữ	Kinh			
		Lê Thị Ánh	1953	Nam	Kinh			
		Trần Văn Thắng	1988	Nam	Kinh			
		Lương Ngọc Sáng	1958	Nam	Kinh			
		Nguyễn Huy Hiếu	1990	Nam	Kinh			
		Bùi Tuấn Anh	1968	Nam	Kinh	T Liên Hà 1		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
	Xã Liên Hà	Nguyễn Tử Bình	1944	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Quân	1982	Nam	Kinh			
		Hữu Thị Toan	1970	Nữ	Kinh			
		Đặng Ngọc Tuấn	1992	Nam	Kinh			
								81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
		Đoàn Văn Huân	1950	Nam	Kinh	T Liên Hà 2		
		Nguyễn Văn Tiến	1966	Nam	Kinh			
		Trần Thị Hoa	1979	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Trung	1953	Nam	Kinh			
		Nguyễn Chu Hiển	1966	Nam	Kinh			
		Vương Đăng Thắng	1983	Nam	Kinh			
		Hoàng Văn Lộc	1984	Nam	Kinh			
		Nguyễn Bá Lý	1950	Nam	Kinh	T Phúc Thạch		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
		Đỗ Anh Đức	1950	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Tĩnh	1986	Nữ	Kinh			
		Phan Thị Khoi	1965	Nữ	Kinh			
		Phùng Văn Uyên	1954	Nam	Kinh			

Nguyễn Văn Thịnh	1961	Nam	Kinh	Thạch Hà		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Nguyễn Văn Boong	1966	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Hiền	1956	Nữ	Kinh			
Phùng Thị Tâm	1073	Nữ	Kinh			
Hoàng Thị An	1984	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Quyền	1962	Nam	Kinh	Phúc Thọ		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Đoàn Xuân Tình	1962	Nam	Kinh			
Nguyễn Trọng Đạt	1954	Nam	Kinh			
Trịnh Văn Canh	1968	Nam	Kinh			
Trương Thị Thà	1984	Nữ	Kinh			
Phạm Thị Lý	1958	Nữ	Kinh			
Nguyễn Anh Tuấn	1968	Nam	Kinh	Liên Hồ		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Thái Đắc Hải	1963	Nam	Kinh			
Lương Viết Huỳnh	1984	Nam	Kinh			
Tiến Thị Tuất	1975	Nữ	Kinh			
Nguyễn Thái Nam	1990	Nam	Kinh			
Phạm Viết Hòa	1954	Nam	Kinh			
Bàn Văn Thảo	1969	Nam	Dao	Chiến Thắng		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Đỗ Nhân Quyết	1964	Nam	Kinh			
Vũ Thị Chung	1978	Nữ	Kinh			
Trần Thị Luyến	1997	Nữ	Kinh			
Nguyễn Thành Trung	1962	Nam	Kinh			
Trịnh Văn Định	1989	Nam	Kinh			
Hà Duy Mỹ	1958	Nam	Kinh			
Đoàn Văn Thực	1954	Nam	Kinh	Liên Kết		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Nguyễn Văn Hùng	1957	Nam	Kinh			
Nguyễn Hữu Học	1956	Nam	Kinh			
Kiều Thị Lý	1962	Nữ	Kinh			

[illegible]

Cần Đức Hoan	1993	Nam	Kinh			
Nguyễn Xuân Hạnh	1960	Nam	Kinh	Đạ Dâng		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
K' Nhim	1959	Nam	Cơ ho			
Hoàng Đức Tuyên	1990	Nam	Tày			
Nguyễn Phong Quế	2001	Nam	Kinh			
K' Luyên	1989	Nữ	Cơ ho			
Ha Manh	2000	Nam	Cơ ho			
K' Sêh	1986	Nam	Cơ ho			
Nguyễn Đông Bộ	1965	Nam	Kinh	Tân Kết		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Phạm Văn Giang	1986	Nam	Kinh			
Đỗ Văn Tiến	1968	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Mai	1971	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Hà	1999	Nam	Kinh			
Hồ Xuân Đăng	1960	Nam	Kinh			
Phạm Văn Mạn	1952	Nam	Kinh			
Lê Minh Vương	1971	Nam	Kinh	Đạ Sa		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Thái Đắc Sáu	1968	Nam	Kinh			
Phạm Ngọc Dung	1967	Nam	Kinh			
Nguyễn Phước Trường	1983	Nam	Kinh			
K' Phiên	1988	Nữ	Chil			
Bùi Quang Tiến	1971	Nam	Kinh	Sinh Công		81/QĐ-UBND ngày 14/04/2023
Bùi Văn Phước	1988	Nam	Kinh			
Vũ Thị Thắm	1984	Nữ	Kinh			
Nguyễn Xuân Sỹ	1952	Nam	Kinh			
Bùi Xuân Nhâm	1951	Nam	Kinh			
Lê Hồng Thắng	1973	Nam	Kinh			
Trần Văn Lọt	1969	Nam	Kinh			
Nguyễn Viết Trọng	1960	Nam	Kinh			
Lê Văn Kiên	1978	Nam	Kinh			

		Khuất Văn Khánh	1977	Nam	Kinh			
		Lê Hồng Thắng	1973	Nam	Kinh	Hà Lâm		81/QĐ-UBND ,ngày 14/04/2023
		Trần Văn Lọt	1969	Nam	Kinh			
		Nguyễn Việt Trọng	1960	Nam	Kinh			
		Lê Văn Kiên	1978	Nam	Kinh			
		Khuất Văn Khánh	1977	Nam	Kinh			
		Đinh Bá Quảng	1972	Nam	Kinh	Tân Lập		107/QĐ-UBND ,ngày 05/06/2023
	xã Tân Văn	Đỗ Xuân Lập	1957	Nam	Kinh			
		Phan Đình Tiến	1986	Nam	Kinh			
		Thái Thị Lý	1952	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thị Lý	1964	Nữ	Kinh			
		Lê Thị Ngọc	1979	Nữ	Kinh			
		Lò Đức Dương	1966	Nam	Thái	Tân Tiến		105/QĐ-UBND, ngày 05/06/2023
		Nguyễn Mười	1960	Nam	Kinh			
		Đinh Văn Giang	1975	Nam	Kinh			
		Lý Thành Quý	1963	Nam	Tày			
		Trần Văn Liên	1973	Nam	Kinh			
		Nguyễn Minh Tuấn	1958	Nam	Kinh			
		Trần Quốc Đản	1956	Nam	Kinh			
		Hoàng Văn Thắng	1970	Nam	Kinh			
		Lý Ngọc Vũ	1964	Nam	Thái	Tân Đức		110/QĐ-UBND, ngày 05/06/2023
		Mào Văn Mỹ	1964	Nam	Thái			
		Quảng Hoàng Phước Nam	1982	Nam	Thái			
		Lù Thị Thanh Thịnh	1967	Nữ	Thái			
		Quảng Văn Sơn	1967	Nam	Thái			110/QĐ-UBND, ngày 05/06/2023
		Chu Phúc Sanh	1969	Nam	Nùng			
		Hứa Văng Tằng	1963	Nam	Nùng			

Hứa Văn Cùm	1963	Nam	Nùng			
Ngô Thị Minh	1958	Nữ	Nùng			
Vy Thị Hoa	1978	Nữ	Nùng			
Phùng Văn Sách	1966	Nam	Nùng	Tân Thuận		106/QĐ-UBND, ngày 05/6/2023
Lò Thị Xuân Lan	1971	Nữ	Thái			
Hứa Thị Dầm	1982	Nữ	Nùng			
Chè A Sáng	1953	Nam	Hoa			
La Hoàng Quyên	1978	Nữ	Thái			
Nguyễn Hữu Dũng	1960	Nam	Kinh	Tân Hòa		280/QĐ-UBND, ngày 12/12/2023
Võ Đông Nam	1964	Nam	Kinh			
Phạm Ngọc Tâm	1973	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Minh	1970	Nam	Kinh			
Kiều Thị Mong	1975	Nữ	Kinh			
Nguyễn Công Hân	1999	Nam	Kinh			
Lê Thị Hương	1982	Nữ	Kinh			
Nguyễn Mạnh Phước	1979	Nam	Kinh			
Cà Hoài Thái Lâm	2003	Nam	Thái			
Lù Giang Thanh	1983	Nam	Nùng	Tân An		277/QĐ-UBND, ngày 12/12/2023
Lê Văn Chinh	1972	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Sơn	1964	Nam	Kinh			
Huỳnh Thị Bích Ngọc	1967	Nữ	Kinh			
Hoàng Văn Nhâm	1949	Nam	Kinh			
Cà Thành Minh	1965	Nam	Thái			
Trần Thị Kim Hồng Đức	1976	Nữ	Kinh			
Hoàng Văn Sửu	1961	Nam	Kinh	Tân Hiệp		109/QĐ-UBND, ngày 05/6/2023
Đỗ Thúy Mỹ	1952	Nữ	Kinh			
Đinh Thị Đại	1965	Nữ	Kinh			
Đoàn Văn Tuấn	1958	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Tuấn	1964	Nam	Kinh			

		Cù Bá Kiều	1958	Nam	Kinh	Tân Lộc		97/QĐ-UBND, ngày 11/7/2022
		Vùi A Hòa	1963	Nam	Nhắng			
		Phạm Thị Kim Lộc	1965	Nữ	Kinh			
		Phạm Ngọc Tùng	1967	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Hoàng	1985	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đình Tuệ	1966	Nam	Kinh	Tân Thành		106/QĐ-UBND, ngày 11/7/2022
		Trần Văn Đạo	1989	Nam	Kinh			
		Đoàn Văn Thông	1969	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đình Tiến	1991	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Lương	1961	Nữ	Kinh			
		Đỗ Văn Hội	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn 1		Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND xã Mê Linh
	xã Mê Linh	Nguyễn Văn Thanh	1959	Nam	Kinh			
		Trần Thị Trung Tín	1967	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thị Thử	1964	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Duy Khoa	1973	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn 2		Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND xã Mê Linh
		Nguyễn Văn Thiếp	1963	Nam	Kinh			
		Lê Thị Hiền	1973	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Trường Sinh	1952	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Dũng	1991	Nam	Kinh			

		K' Thông	1979	Nam	K'ho			
								Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Dạ Đồn
		Trần Văn Đồng	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Tân Lâm		
	xã Dạ Đồn	Vũ Khắc Tô	1959	Nam	Kinh			
		Bùi Thị Xê	1959	Nữ	Kinh			
		Đinh Thị Hiền	1964	Nữ	Kinh			
		Bùi Văn Lực	1960	Nam	Kinh			
		Đặng Thanh Hà	1963	Nam	Kinh			
		Nguyễn Trọng Lư	1966	Nam	Kinh			
								Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Dạ Đồn
		Nguyễn Minh Thu	1984	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Đam Pao	Cao Đẳng	
		Trần Thu Hương	1965	Nữ	Kinh		Trung cấp	
		Nguyễn Quốc Hưng	1963	Nam	Kinh			
		Dong Gur Ha Tiêng	1975	Nam	Chil			
		Rơ ông Kim Thơm	1974	Nữ	Chil			
		KRă Danh Nhang	1957	Nam	Chil			
		K' Kai	1986	Nam	Cơ ho			
								Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Dạ Đồn
		Phùng Thị Liên	1964	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải thôn Đa Nung A		
		K Yông	1954	Nữ	Cơ ho			
		Lê Thị Hoành	1964	Nữ	Kinh			
		Ha Mook Ra Ba	1965	Nam	Chil			
		Mook Đan	1965	Nữ	Mạ			

[illegible]

Nguyễn Kinh	1960	Nam	Kinh			
Phan Văn Nghĩa	1964	Nam	Kinh			Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đa Đồn
Ha Thương	1965	Nam	Chil	Tổ hòa giải thôn Đa Nung B		
Long Đình Ha Nhui	1957	Nam	Chil			
Liêng Mang	1960	Nam	Mạ			
K' Mồ	1982	Nữ	Cơ ho			
Ha B Lang	1944	Nam	Chil			
Kră Janh Ha Krong	1965	Nam	Mạ			
K' Ngay	1961	Nữ	Cơ ho	Tổ hòa giải thôn Đa Đa R' Kôh		Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đa Đồn
K' Duyệt	1991	Nữ	Cơ ho		ĐHSP	
Nguyễn Tấn Huy	1987	Nam	Kinh			
K' Thanh	1962	Nam	Cơ ho			
K' Krong	1959	Nam	Cơ ho			
K' Nguyên	1992	Nam	Cơ Hho			
K' Tôi	1980	Nam	Cơ ho			
Trần Khắc Hữu	1966	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Yên Thành		Quyết định số 9144/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND xã Đa Đồn
Trần Khắc Mai	1962	Nam	Kinh			
Trần Khắc Đào	1997	Nam	Kinh			
Nguyễn Hữu Thọ	1960	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Truyền	1975	Nam	Kinh			

Trần Khắc Thiện	1973	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Quang	1986	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Định	1973	Nam	Kinh			
Hồ Viết Cường	1964	Nam	Kinh			Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đạ Đờn
Nguyễn Tấn Chánh	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn An Phước		
Võ Đăng Tuệ	1970	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Tích	1963	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Ngọc	1960	Nữ	Kinh			
Võ Trí	1950	Nữ	Kinh			
Trần Dũng	1948	Nam	Kinh			
Bùi Xuân Tăng	1961	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Tân Tiến		Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đạ Đờn
Lê Thị Tám	1960	Nữ	Kinh			
Lê Thị Chinh	1959	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn An	1985	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Đại	1958	Nam	Kinh			
Lê Thị Thành	1966	Nữ	Kinh			
Lê Minh Tiến	1938	Nam	Kinh			
K' Tăm	1968	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn R' Lom		Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đạ Đờn
Đinh Hữu Đoan	1950	Nam	Kinh			
K' So	1975	Nam	Cơ Ho			

		Lê Vũ Phong	1975	Nam	Kinh			
		K' Hanh	1978	Nữ	Cơ Ho			
		K' Koi	1954	Nam	Cơ ho			
		Nguyễn Văn Lượng	1954	Nam	Kinh			
								Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đạ Đờn
		Trương Đắc Bình	1970	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Liên Kết		
		Nguyễn Thanh Hoàn	1957	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Chung	1970	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Ninh	1993	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Trường	1960	Nam	Kinh			
		Nguyễn Hữu Dị	1952	Nam	Kinh			
		Võ văn Duyên	1972	Nữ	Kinh			
								Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND xã Đạ Đờn
		Nguyễn Đình Sinh	1972	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Đạ Ty		
		Nguyễn Trọng Phùng	1957	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn long	1940	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đình Sinh	1972	Nam	Kinh			
		Bùi Thị Tuyết	1973	Nữ	Kinh			
		Lê Trọng Thử	1953	Nam	Kinh			
		Lơ Mu Ha Tư	1960	Nam	Chil			
								QĐ số 101/QĐ-UBND ngày 24/8/2023
		Nguyễn Bá Khâm	1963	Nam	Kinh	Thôn Nam Hưng		
	xã Hoài Đức □							
		Lều Ngọc Kiêm	1965	Nam	Kinh			
		Dương Ngọc Mỹ	1950	Nam	Kinh			

Lưu Thị Yến	1968	Nữ	Kinh			
Vũ Trường Túy	1966	Nam	Kinh			
Đào Đức Tiến	1985	Nam	Kinh			
Nguyễn Viết Tiến	1960	Nam	Kinh	Thôn Đức Bình		QĐ số 355/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Võ Quang Huy	1968	Nam	Kinh			
Hoàng Văn Hạnh	1963	Nam	Kinh			
Trần Ngọc Dũng	1966	Nam	Kinh			
Bùi Thị Thoa	1971	Nữ	Kinh			
Trần Thị Bùi	1968	Nữ	Kinh			
Ngô Thành Lam	1965	Nam	Kinh			
Nguyễn Đức Dũng	1967	Nam	Kinh	Thôn Đức Hải		QĐ số 356/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Trần Bá Lới	1955	Nam	Kinh			
Nguyễn Công Vịnh	1983	Nam	Kinh			
Dương Thị Lâm	1978	Nữ	Kinh			
Đỗ Thị Tăng	1956	Nữ	Kinh			
Trần Văn Ất	1950	Nam	Kinh	Thôn Đức Long		QĐ số 357/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Lê Thị Bích	1955	Nữ	Kinh			
Bùi Văn Thành	1974	Nam	Kinh			
Dương Thị Lương	1966	Nữ	Kinh			
Hoàng Văn Thọ	1961	Nam	Kinh			
Nguyễn Đức Xuyên	1960	Nam	Kinh	Thôn Đức Thành		QĐ số 358/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Nguyễn Văn Chữ	1955	Nam	Kinh			
Trần Minh Việt	1982	Nam	Kinh			
Đào Xuân Tỳ	1956	Nam	Kinh			
Bùi Thị Loan	1964	Nữ	Kinh			

						QĐ số 359/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Nguyễn Quang Hoà	1963	Nam	Kinh	Thôn Hải Hà		
Nguyễn Thị Lan	1981	Nữ	Kinh			
Nguyễn Thị Thu	1970	Nữ	Kinh			
Nguyễn Xuân Xế	1962	Nam	Kinh			
Hoàng Văn Đức	1960	Nam	Kinh			
						QĐ số 360/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Nguyễn Chí Khoát	1966	Nam	Kinh	Thôn Minh Dương		
Nguyễn Văn Tiến	1966	Nam	Kinh			
Nguyễn Xuân Hiệu	1960	Nam	Kinh			
Lê Trần Huân	1963	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Thanh	1968	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Thế	1978	Nam	Kinh			
Phí Đình Hợi	1965	Nam	Kinh			
						QĐ số 361/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Nguyễn Chí Long	1966	Nam	Kinh	Thôn Minh Thành		
Nguyễn Công Thuận	1963	Nam	Kinh			
Nguyễn Tiến Thái	1988	Nam	Kinh			
Hoàng Thị Lý	1972	Nữ	Kinh			
						QĐ số 362/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Nguyễn Đắc Quế	1952	Nam	Kinh	Thôn Mỹ Hà		
Tạ Thị Thanh	1953	Nữ	Kinh			
Đàm Quang Tuyển	1964	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Bích	1955	Nữ	Kinh			
Nguyễn Viết Tuấn Anh	1994	Nam	Kinh			
						QĐ số 364/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
Bùi Văn Tuyền	1955	Nam	Kinh	Thôn Phú Dương		
Lê Văn Tuế	1974	Nam	Kinh			

		Phạm Thị Thuỷ	1985	Nữ	Kinh			
		Đỗ Công Lâm	1978	Nam	Kinh			
		Bách Thị Hoà	1954	Nữ	Kinh			
		Trần Đình Duyên	1968	Nam	Kinh	Thôn Quế Dương		QĐ số 365/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
		Nguyễn Đình Hiệp	1968	Nam	Kinh			
		Trần Văn Minh	1963	Nam	Kinh			
		Nguyễn Tiến Hoàng	1995	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Thắm	1978	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Hoà	1957	Nam	Kinh	Thôn Vân Khánh		QĐ số 366/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
		Hồ Thị Luyên	1968	Nam	Kinh			
		Bùi Xuân Điền	1965	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Dung	1955	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Duy Chiến	1965	Nam	Kinh			
		Nguyễn Khắc Mộng	1961	Nam	Kinh	Thôn Vinh Quang		QĐ số 367/QĐ-UBND ngày 01/11/2022
		Nguyễn Quốc Chung	1958	Nam	Kinh			
		Nguyễn Trọng sơn	1966	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Ngọc	1986	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Luyến	1994	Nam	Kinh			
		Lê Văn Dũng	1966	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Nhị	1957	Nam	Kinh	Thạch Thát 2		597/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023
	xã Tân Hà	Nguyễn Thanh Thìn	1952	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Quang Trí	2004	Nam	Kinh			
		Đỗ Thị Hiền	1971	Nữ	Kinh			
		Kiều Văn Thường	1969	Nam	Kinh			

Lê Viết Tồn	1952	Nam	Kinh	Đan Phượng 1		588/QĐ-UBND, ngày 17/11/2023
Bùi Anh Thúc	1952	Nam	Kinh			
Nguyễn Đình Đệ	1964	Nam	Kinh			
Trần Anh Thêm	1947	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Ngân	1957	Nữ	Kinh			
Nguyễn Thị Xuân	1978	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Tùng	1975	Nam	Kinh			
Ngô Văn Vệ	1956	Nam	Kinh	Phúc Hưng		01/QĐ-UBND, ngày 03/01/2023
Lô Viết Vạn	1966	Nam	Tày			
Nguyễn Hùng Sơn	1978	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Long	1961	Nam	Kinh			
Phạm Thị Bàng	1971	Nữ	Kinh			
Phạm Văn Nghĩa	1956	Nam	Kinh	Phúc Tân		50/QĐ-UBND, ngày 26/03/2019
Nguyễn Văn Bình	1951	Nam	Kinh			
Đào Duy Mơ	1962	Nam	Kinh			
Phạm Văn Ngọc	1959	Nam	Kinh			
Vũ Xuân Tinh	1952	Nam	Kinh			
Đỗ Thị Chính	1959	Nữ	Kinh			
Phùng Văn Tĩnh	1967	Nam	Kinh	Phúc Thọ 2		52/QĐ-UBND, ngày 26/03/2019
Nguyễn Bá Canh	1960	Nam	Kinh			
Phùng Văn Tích	1954	Nam	Kinh			
Bùi Xuân Tuyên	1950	Nam	Kinh			
Đặng Tiến Quân	1966	Nam	Kinh			
Hoàng Văn Hùng	1971	Nam	Kinh			
Phùng Thị Cúc	1959	Nữ	Kinh			
Nguyễn Đình Khánh	1961	Nam	Kinh	Tân Trung		53/QĐ-UBND, ngày 26/03/2019
Nguyễn Anh Đức	1957	Nam	Kinh			
Nguyễn Đức Mộc	1962	Nam	Kinh			

		Nguyễn Tiến Thành		Nam	Kinh			
		Phạm Minh Thuận		Nam	Kinh			
		Triệu Thị Hiện		Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Thắng	1955	Nam	Kinh			
		Đinh Thị Kim	1970	Nữ	Mường	Thôn Thanh Trì	Trung cấp Mầm Non	QĐ số 19 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
	xã Đông Thanh	Trần Đăng Khoa	1967	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Toán	1957	Nam	Kinh			
		Lê Thị Loan	1988	Nữ	Kinh			
		Hoàng Văn Hiệp	1973	Nam	Kinh			
		Trần Thị Hiền	1980	Nữ	Kinh	Thôn Thanh Hà		QĐ số 20 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
		Cao Tiến Minh	1966	Nam	Kinh			
		Phạm Duy Tám	1960	Nam	Kinh			
		Bùi Thị Diễm	1960	Nữ	Kinh			
		Lê Minh Hiếu	2001	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Ý	1977	Nam	Kinh	Thôn Trung Hà	ĐH	QĐ số 17 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
		Phạm Như Huỳnh	1979	Nam	Kinh			
		Nguyễn Hữu Hội	1975	Nam	Kinh			
		Vương Thị Hồng Hoa	1977	Nữ	Kinh			
		Hoàng Anh Quý	1978	Nam	Kinh			
		Nguyễn Minh Thắng	1989	Nam	Kinh	Thôn Đông Hà		QĐ số 15 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
		Nguyễn Hữu Phong	1964	Nam	Kinh			
		Lê Duy Đông	1989	Nam	Kinh			
		Cao Thị Thúy	1974	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Thành	1966	Nam	Kinh			

							QĐ số 18 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
		Phạm Thị Thu Thanh	1968	Nữ	Kinh	Thôn Tiền Lâm	CĐTH
		Nguyễn Văn Quân	1974	Nam	Kinh		
		Nguyễn Thị Cẩm Vân	1985	Nữ	Kinh		
		Bùi Văn Hải	1963	Nam	Kinh		
		Đinh Văn Thắng	1965	Nam	Kinh		
							QĐ số 14 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
		Hồ Thị Thanh Tâm	1970	Nữ	Kinh	Thôn Tầm Xá	
		Nguyễn Tiến Lực	1971	Nam	Kinh		
		Lê Văn Cẩm	1975	Nam	Kinh		
		Lê Thị Mai	1968	Nữ	Kinh		
		Nguyễn Văn Toàn	1979	Nam	Kinh		
							QĐ số 16 QĐ -UBND ngày 22/01/2024
		Nguyễn Văn Báu	1989	Nam	Kinh	Thôn Đông Anh	
		Cao Minh Phương	1962	Nam	Kinh		
		Trần Văn Tuấn	1966	Nam	Kinh		
		Phạm Thúy Nga	1968	Nữ	Kinh		
		Nguyễn Hồng Thắng	1959	Nam	Kinh		
		Phan Thị Bình	1956	Nữ	Kinh	Tân An	1945/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022
	xã Tân Thanh						
		Võ Văn Thân	1958	Nam	Kinh		
		Phan Thưởng	1944	Nam	Kinh		
		Võ xuân Hường	1961	Nam	Kinh		
		Phạm Văn Duy	1991	Nam	Kinh		
		Võ Thị Sen	1982	Nữ	Kinh		
		Vi Văn Đàn	1982	Nam	Tày		
		Phan Văn Hạ	1972	Nam	Kinh	Đoàn kết	1946/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022

[illegible]

Vũ Văn Quang	1978	Nam	Kinh			
Trịnh Thanh Hải	1962	Nam	Kinh			
Đinh Thị Hời	1984	Nam	Kinh			
Đinh Trọng Duyên	1964	Nam	Kinh			
K' Jóng	1964	Nam	K' ho	Phi Tô		1947/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022
K' Lành	1984	Nam	K' ho			
K' Sang	1971	Nam	K' ho			
K' Em	1988	Nữ	K' ho			
Kră Jăn an Drê	1988	Nam	K' ho			
Đậu Văn Quế	1958	Nam	Kinh	Hòa Bình		1948/QĐ-UBND,ngày 17/06/2022
Phạm Văn Tư	1974	Nam	Kinh			
Phan Văn Quyền	1959	Nam	Kinh			
Đào Quang Trung	1959	Nam	Kinh			
Hoàng Văn Quyết	1982	Nam	Tày			
Dương Đình Tuấn	1978	Nam	Kinh	Kon Pang		1949/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022
Đào Tuấn Anh	1976	Nam	Kinh			
Phan Văn Thìn	1964	Nữ	Kinh			
K' Hậu	1986	Nữ	K' ho			
Lý Chấn Quý	1947	Nam	Kinh			
Từ Hữu Hiếu	1963	Nữ	Kinh			
Đặng Thúy Vân	1986	Nữ	Tày	Tân Bình		1950/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022
Bùi Trọng Cầm	1974	Nam	Kinh			
Nông Văn Thẩn	1946	Nam	Tày			
Hoàng Thị Tiệp	1977	Nam	Tày			
Hà Văn Thọ	1991	Nữ	Tày			
Mông Đức Quân	1958	Nam	Tày			
Bùi Thiên Trương	1973	Nam	Kinh	Đông Thanh		1951/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022

[illegible]

Trần Văn Chanh	1969	Nam	Kinh			
Lê Hoàng Tiến	1990	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Duyên	1965	Nữ	Kinh			
Hà Văn Thanh	1957	Nam	Tày			
Nông Thị Hiệu	1975	Nữ	Tày	Bắc Sơn		1952/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022
Nguyễn Thanh Huyền	1978	Nam	Kinh			
Hoàng Văn Quốc	1995	Nam	Nùng			
Đinh Thiên Tường	1950	Nam	Kinh			
Hoàng Văn Tài	1990	Nam	Tày			
Lê Thanh Định	1963	Nam	Kinh	Thanh Bình		1953/QĐ-UBND, ngày 17/06/2022
Triệu Thị Sa	1960	Nữ	Tày			
Hoàng Thành Luân	1969	Nùng	Kinh			
Phan Hùng	1956	Nam	Kinh			
Triệu Văn Học	1960	Nam	Nùng			
Ka Phi	1964	Nữ	Cil			
Nguyễn Văn Giáp	1973	Nam	Kinh			
Triệu Đình Tấn	1965	Nam	Dao	Tân Hợp		1954/QĐ-UBND ,ngày 17/06/2022
Phạm Văn Trịnh	1983	Nam	Kinh			
Liêu Văn Bằng	1963	Nam	Nùng			
Vi Ngọc Giọng	1950	Nam	Nùng			
Triệu Văn Thắng	1983	Nam	Dao			
Lý Thị Sai	1986	Nữ	Dao			
Ngô Văn Dương	1951	Nam	Kinh	Thanh Hà		1955/QĐ-UBND ,ngày 17/06/2022
Phạm Đình Vân	1957	Nam	Kinh			
Dương Thị Lanh	1982	Nữ	Kinh			
Phạm Đình Ngộ	1966	Nam	Kinh			
Phạm Đình Hoàng	1996	Nam	Kinh			

		Vũ Hoàng Anh	1987	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Hoàn Kiếm 1	Cao Đăng	QĐ Số 17/QĐ-UBND ngày 10/03/2023
	xã Nam Hà	Vũ Hồng Phong	1992	Nam	Kinh		Cao Đăng	
		Mai Ngọc Long	1979	Nam	Kinh			
		Phùng Văn Toàn	1959	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Huỳnh	1958	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Căng	1957	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Hoàn Kiếm 2		Quyết định Số 16/QĐ-UBND ngày 08/03/2023
		Đỗ Thị Phượng	1958	Nữ	Kinh			
		Trần Hữu Thắng	1972	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Tuyết	1982	Nữ	Kinh			
		Lê Thanh Tuyền	1983	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Đình Luyện	1958	Nam	Kinh			
		Phùng Xuân Thông	1955	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Hoàn Kiếm 3		Quyết định Số 27/QĐ-UBND ngày 25/03/2023
		Lưu Trọng Lâm	1974	Nam	Kinh			
		Tiêu Đăng Tuấn	1954	Nam	Kinh			
		Phạm Văn Chính	1962	Nam	Kinh			
		Đỗ Thị Hương	1971	Nữ	Kinh			
		Lỗ Văn Hiên	1960	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Nam Hà		Số 18/QĐ-UBND ngày 12/03/2023
		Kiều Văn Đăng	1963	Nam	Kinh			
		Đặng Văn Tuấn	1971	Nam	Kinh			
		Vũ Huy Cường	1971	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đức Luật	1955	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Quyên	1980	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Duy Canh	1956	Nam	Kinh	Tổ hòa giải thôn Hai Bà Trưng		Số 19/QĐ-UBND ngày 13/03/2023

		Trần Như Sơn	1960	Nam	Kinh			
		Trịnh Lê Mạnh Cường	1962	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đức Vĩnh	1971	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Liệu	1955	Nữ	Kinh			
		Tạ Thị Mão	1962	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thành An	1961	Nam	Kinh	Mô hình Tổ hòa giải thôn Sóc Sơn		Số 21 /QĐ-UBND ngày 13/03/2023
		Nguyễn Bá Hùng	1958	Nam	Kinh			
		Hoàng Văn Chung	1966	Nam	Kinh			
		Trần Thị Luyến	1971	Nữ	Kinh			
		Lương Văn Toàn	1968	Nam	Kinh			
		Hoàng Thế Tình	1959	Nam	Kinh	Từ Liêm 1		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
	thị trấn Nam Ban							
		Nguyễn Thị Kim Nhung	1963	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Minh Quốc	1961	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Độ	1989	Nam	Kinh			
		Trần Đức Tiên	1964	Nam	Kinh			
		Vũ Thị Tám	1973	Nữ	Kinh			
		Lê Thị Cúc	1968	Nữ	Kinh			
		Lê Hồng Công	1992	Nam	Kinh	Từ Liêm 2		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
		Trần Thị Lan	1971	Nữ	Kinh			
		Đào Công Đoàn	1964	Nam	Kinh			
		Hoàng Thị Kim Anh	1974	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thị Hoạt	1965	Nữ	Kinh			
		Ngô Việt Tiến	1970	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Lý	1972	Nữ	Kinh			
		Đỗ Trung Dũng	1988	Nam	Kinh			

Ngô Sach Trung	1962	Nam	Kinh	Đông Anh 1		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Đào Hùng Dũng	1988	Nam	Kinh			
Dương Hồng Thái	1952	Nam	Kinh			
Bùi Văn khuyến	1959	Nam	Kinh			
Đào Đình Hương	1959	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Dương	1962	Nữ	Kinh			
Đào Kim Chi	1976	Nữ	Kinh	Đông Anh 2		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Trần Văn Đức	1979	Nam	Kinh			
Trương Thị Tân	1950	Nữ	Kinh			
Dương Thị Thảo	1968	Nữ	Kinh			
Lê Thị Thu	1978	Nữ	Kinh			
Nguyễn Viết Sang	1993	Nam	Kinh	Đông Anh 3		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Nguyễn Văn Lự	1971	Nam	Kinh			
Trần Thị Thời	1965	Nữ	Kinh			
Trần Thị Hoa	1979	Nữ	Kinh			
Vương Thị Ngọc	1986	Nữ	Kinh			
Vũ Thị Dung	1981	Nữ	Kinh			
Kiều Hoài Nam	1970	Nam	Kinh			
Nguyễn Đăng Chính	1977	Nam	Kinh	Chi Lăng		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Đỗ Văn Bốn	1963	Nam	Kinh			
Trần Quang Minh	1987	Nam	Kinh			
La Văn Hoan	1964	Nam	Kinh			
Ngô Thị Lựu	1969	Nữ	Kinh			
Bùi Trọng Thanh	1970	Nam	Kinh			
Phạm Thị Ngạn	1986	Nữ	Kinh			
Cần Đình Hợi	1972	Nam	Kinh			
Vũ Đình Mạnh	1980	Nam	Kinh			
Vũ Hà Tuyên		Nam	Kinh	Bạch Đằng		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023

[illegible]

Vũ Xuân Nhã	1958	Nam	Kinh			
Lê Hiền	1948	Nam	Kinh			
Trần Như Tước	1974	Nam	Kinh			
Trần Thị Lựu	1971	Nữ	Kinh			
Hán Thị Phụng	1976	Nữ	Kinh			
Nguyễn Hùng Tiều	1970	Nam	Kinh			
Đoàn Trường Sơn	1986	Nam	Kinh			
Nguyễn Thanh Toàn	1963	Nam	Kinh	Thăng Long		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Hoàng Cao Khải	1952	Nam	Kinh			
Trần Văn Quý	1965	Nam	Kinh			
Trần Viết Thuận	1965	Nam	Kinh			
Trần Thanh Cảnh	1952	Nam	Kinh			
Dương Song Bình	1970	Nam	Kinh			
Hà Văn Dũng	1975	Nam	Kinh	Ba Đình		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Nguyễn Thanh Bình	1974	Nam	Kinh			
Mai Hồng Liên	1975	Nữ	Kinh			
Nguyễn Mạnh Hồng	1962	Nam	Kinh			
Đỗ Văn Đích	1971	Nam	Kinh			
Nguyễn Trọng Nghĩa	1985	Nam	Kinh			
Nguyễn Duy Dương	1992	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Mỹ	1965	Nữ	Kinh			
Phạm Ngọc Tươi	1962	Nam	Kinh	Đống Đa		77/QĐ-UBND, ngày 22/3/2023
Nguyễn Đình Song	1965	Nam	Kinh			
Nguyễn Huy Từ	1955	Nam	Kinh			
Phạm Văn Hào	1957	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Thiện	1987	Nữ	Kinh			
Lương Xuân Thúc	1971	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Năm	1960	Nam	Kinh			

			1992	Nam	Kinh	T. Phúc Hưng		QĐ Số 180/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
	xã Phúc Thọ	Kiều Xuân Hạnh	1988	Nam	Kinh			
		Trần Văn Lộc	1963	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Vân	1973	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thị Dự	1958	Nữ	Kinh			
		Cao Chí Khiêm	1985	Nam	Kinh	Thôn Phúc Thanh		QĐ Số 181/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
		Lương Thanh Nghị	1991	Nữ	Thổ			
		Nguyễn Văn Chung	1990	Nam	Kinh			
		Trịnh Thị Thứ	1964	Nữ	Kinh			
		Đdinh Thị Ngoan	1968	Nữ	Kinh			
		Bùi Văn Gia	1966	Nam	Kinh	T. Phúc Tân		QĐ Số 182/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
		Vũ Văn Cao	1960	Nam	Kinh			
		Đàm Thị Hồng	1990	Nữ	Tày			
		Đoồ Thị Thoa	1962	Nữ	Kinh			
		Ngô Thị Nguyệt	1966	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thị Tươi	1960	Nữ	Kinh	T. Phúc Tiến		QĐ số 183/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
		Nguyễn Văn Ngọc	1968	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Luyến	1968	Nam	Kinh			
		Bùi Thị Toan	1987	Nữ	Kinh			
		Vi Văn Sơn	1982	Nam	Nùng	T. Phúc Hợp		QĐ Số 184/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
		Nguyễn Phạm Quyền	1951	Nam	Kinh			

[illegible]

Hà Văn Nhớn	1958	Nam	Kinh			
Triệu Văn Bảy	1991	Nam	Nùng			
Vũ Thị Suất	1956	Nữ	Kinh			
						QĐ Số 185/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
Lăng Văn Thành	1972	Nam	Nùng	T. Lâm Bồ		
Triệu Văn Bình	1973	Nam	Nùng			
Đào Thị Bé	1984		Kinh			
Long Đình Ha Sắc	1960	Nam	Cơ Ho			
Nguyễn Thị Thu Hằng	1980	Nam	Thái			
						QĐ Số 186/QĐ - UBND ngày 22/8/2023
Nông Thị Thời	1988	Nam	Tày	T. Phúc Cát		
Hoàng Văn Dương	1967	Nam	Tày			
Nguyễn Thị Hoa	1980	Nữ	Tày			
Hoàng Thị Tâm	1993	Nữ	Tày			
Hoàng Văn Trần	1970	Nam	Tày			
						QĐ số 1187/QĐ-UBND ngày 22/8/2023
Bùi Văn Nhiệm	1975	Nam	Kinh	T. Phúc Lộc		
Phạm Văn Tác	1976	Nam	Kinh			
Phạm Văn Lực	1973	Nam	Kinh			
Quách Văn Thảo	1970	Nam	Kinh			
Trần Thị Thu Hiền	1976	Nữ	Kinh			
						QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 22/8/2023.
Nguyễn Thị Thu Hằng	1971	Nữ	Kinh	T.Tân Sơn		
Nguyễn Văn Lộc	1958	Nam	Kinh			
Trương Đức Hệ	1966	Nam	Kinh			
Phạm Đình Hùng	1971	Nam	Kinh			
Bùi Thị Dung	1949	Nữ	Kinh			

		Lường Văn Đại	1973	Nam	Thái	T.Đạ Pe		QĐ số:190 QĐ-UBND ngày 22/8/2023.
		Long Đình Ha Vương	1973	Nam	Cơ Ho			
		Đỗ Thị Hương	1982	Nữ	Kinh			
		Long Đình K Thái	1993	Nữ	Cơ Ho			
		Long Đình K Thảo	1989	Nam	Cơ Ho			
		Hoàng Thị Thủy	1986	Nữ	Kinh	T. R hang Trụ		QĐ số 189/ QĐ-UBND ngày 22/8/2023
		Vũ Công Hàm	1959	Nam	Kinh			
		Vũ Thị Thanh	1990	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thanh Phi Long	1974	Nam	Kinh			
		Mai Xuân Tiến	1954	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đức Phước	1965	Nam	Kinh	Prtieng 1		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
	xã Phú Sơn	Dương Ngọc Lâm	1982	Nam	Kinh			
		Huỳnh Thị Kim Liễu	1976	Nữ	Kinh			
		Dương Ngọc Điền	1975	Nam	Kinh			
		Nguyễn Xuân Chiến	1981	Nam	Kinh			
		Đặng Xuân Ba	1976	Nam	Kinh	Prtieng 2		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
		Lâm Văn Quyền	1974	Nam	Kinh			
		Phạm Thị Mai	1973	Nữ	Kinh			
		K' Bảo	1975	Nam	K ho			
		Trương Quý Dương	1986	Nam	Kinh			
		Trần Quang Quý	1983	Nam	Kinh			
		Đặng Hữu Khôi	1973	Nam	Kinh	Ngọc Sơn 1		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
		Nguyễn Viết Phú	1969	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Hàng	1968	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thị Bích Tâm	1967	Nữ	Kinh			

Nguyễn Trọng Hòa	1969	Nam	Kinh			
Trương Văn Thịnh	1981	Nam	Kinh	Ngọc Sơn		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
Nguyễn Xuân Lục	1986	Nam	Kinh			
Huỳnh Lê Anh Quốc	1973	Nam	Kinh			
Nguyễn Hữu Tịnh	1985	Nam	Kinh			
Huỳnh Thị Lệ	1969	Nữ	Kinh			
Trần Hoàng Quý	1968	Nam	Kinh			
HUỳnh Thị Thu	1965	Nữ	Kinh			
Lâm Thanh Trà	1968	Nam	Kinh	Ngọc Sơn 2		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
Huỳnh Thị Kim Hoa	1965	Nữ	Kinh			
Lương Thị Bông	1962	Nữ	Kinh			
Nguyễn Thị Kim Cúc	1961	Nữ	Kinh			
Lê Hồng Hải	1960	Nam	Kinh			
Đặng Văn Dũng	1958	Nam	Kinh	Ngọc Sơn 3		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
Nguyễn Thanh Ân	1957	Nam	Kinh			
Nguyễn Côi	1956	Nam	Kinh			
Lê Văn Diễm	1982	Nam	Kinh			
Nguyễn Phương Thống	1981	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Lang	1980	Nam	Kinh			
Nguyễn Đức Quân	1983	Nam	Kinh			
Nguyễn Thanh Hà	1984	Nam	Kinh	Lạc Sơn		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
Đặng Văn Đức	1969	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Tuất	1965	Nam	Kinh			
Nguyễn Đình Trung	1966	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Cúc	1959	Nữ	Kinh			
Đặng Đình Long	1953	Nam	Kinh	thôn 1/5		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
Đoàn Quốc Việt	1965	Nam	Kinh			
TRịnh Thị Tâm	1965	Nữ	Kinh			

		Ngô Thị Thanh Tâm	1964	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Khắc Mạnh	1962	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Nga	1968	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Hoàng Ngân	1970	Nam	Kinh			
		Phạm Văn Tùng	1969	Nam	Kinh	thôn Bằng Tiên 1		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
		Huỳnh Nam	1968	Nam	Kinh			
		HUỳnh Thị Hồng Loan	1968	Nữ	Kinh			
		Huỳnh Văn Thỉnh	1960	Nam	Kinh			
		Ton Nữ Minh Hội	1962	Nữ	Kinh			
		Đinh Thị Thúy Nga	1968	Nữ	Kinh	Thôn Bằng Tiêng 2		160/QĐ-UBND ngày 15/8/2022
		Nguyễn Tấn Chơi	1968	Nam	Kinh			
		Phan Văn Hưng	1962	Nam	Kinh			
		Đỗ Thành Long	1964	Nam	Kinh			
		Dương Thị Xuân Mai	1965	Nữ	Kinh			
		K B Rôn	1960	Nam	Kơ Ho	Bồ Liêng		số 18/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
	TT Đinh Văn	K Thim	1988	Nữ	Kơ Ho			
		CIL K Giang	1950	Nữ	Chil			
		PhẠM Thị Hà	1964	Nữ	Kinh			
		Trần Duy Đức	1956	Nam	Kinh			
		Phùng Công Minh	1958	Nam	Kinh	TDP Tân Tiến		số 3565/QĐ - UBND ngày 08/7/2022
		Mai Công Lý	1959	Nam	Kinh			
		Lê Thanh Tuấn	1956	Nam	Kinh			
		Trần Văn Huynh	1960	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thành Tài	1967	Nam	Kinh	TDP Srê Nhắc		15/QĐ-UBND ngày 25/01/2023

KTrương	1952	Nam	Kơ Ho			
K Hồng	1970	Nữ	Kơ Ho			
Gia Cơ	1996	Nam	Kơ Ho			
Đoàn Mạnh Hùng	1963	Nam	Kinh			
Nguyễn Khiêm	1965	Nam	Kinh			
Nguyễn Trường Thanh	1964	Nam	Kinh			
Nông Trang	1960	Nam	Kinh	TDP Hoà Lạc		số 3/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Nông Liễu	1961	Nam	Kinh			
Dương Trần Ngọc Lạn	1979	Nữ	Kinh			
Đoàn Thị Hạnh	1962	Nữ	Kinh			
Tạ Quang Chế	1955	Nam	Kinh			
Trương Văn Huy	1960	Nam	Kinh			
Lê Công Tịnh	1960	Nam	Kinh			
Đoàn Văn Vượng	1985	Nam	Kinh			
Võ Minh Lượng	1962	Nam	Kinh			
Trần Ngọc Sáng	1957	Nam	Kinh			
Lê Tài Thoại	1956	Nam	Kinh	TDP Yên Bình		số 25/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Nguyễn Tiến Hòa	1955	Nam	Kinh			
Đinh Thế Chuyết	1956	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Bé	1947		Kinh			
Nguyễn Tấn Trọng	1956	Nam	Kinh			
Phan Văn khánh	1964	Nam	Kinh			
Cao Thị Hồng	1956	Nữ	Kinh			
Lê Thị Tiếp	1986	Nữ	Kinh			
Phạm Xuân Hường	1965	Nam	Kinh			
K' GLÉO	1961	Nữ	Kơ Ho	TDP Cô Ya		số 27/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Đinh Thị Hợi	1961	Nữ	Kinh			

Ha GRong	1960	Nam	Kơ Ho			
K' TIU	1972	Nữ	Kơ Ho			
K' NUY	1993	Nữ	Kơ Ho			
Kmai	1947	Nam	Kơ Ho			
Rô Da Nghinh	1961	Nam	Kơ Ho			
						số 38/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Đinh Xuân Kinh	1950	Nam	Kinh	TDP Sơn Hà		
Nguyễn Du Hành	1955	Nam	Kinh			
Nguyễn Đình	1955	Nam	Kinh			
Trịnh Thị Quynh	1961	Nữ	Dao			
Nguyễn Thị Huệ	1957	Nữ	Kinh			
						số 40/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
K' Téo	1979	Nam	Kơ Ho	TDP Ryông Sre		
Phạm Văn Tiến	1957	Nam	Kinh			
K' Eo	1963	Nam	K ơ Ho			
K' Doanh	1986	Nữ	K ơ Ho			
K' Brem	1940	Nam	K ơ Ho			
						số 29/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Trần Thị Phụng	1956	Nữ	Kinh	TDP Đoàn Kết		
Nguyễn Văn Thúc	1975	Nam	Kinh			
Bùi Văn Mạnh	1959	Nam	Kinh			
Đinh Phú Quý	1993	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Vạn	1957	Nam	Kinh			
Hoàng Thị Mùi	1957	Nữ	Kinh			
						số 19/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Đoàn Văn Mậu	1956	Nam	kinh	TDP An Lạc		
Đinh Văn Lượng	1965	Nam	Kinh			
Hoàng Đình Hùng	1970	Nam	Kinh			
Trần Trọng Nghĩa	1954	Nam	Kinh			

Trần Đình Thi	1989	Nam	Kinh			
Đỗ Văn Học	1948	Nam	Kinh	TDP Tiên Phong		số 36/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Bế Văn Thọ	1983	Nam	Kinh			
Hoàng Quốc Hoàng	1956	Nam	Kinh			
Trần Văn Ruện	1938	Nam	Kinh			
Lưu Thị Trang	1983	Nữ	Kinh			
Đỗ Văn Tú	1956	Nam	Kinh	TDP Văn Tâm		số 19/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Trần Đình Luận	1958	Nam	Kinh			
Đỗ Đình Gia	1955	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Mai	1960	Nam	Kinh			
Hoàng Thị Thanh Thúy	1969	Nữ	Kinh			
Đỗ Thị Mai Thanh	1988	Nữ	Kinh			
Ngô Thị Luận	1958	Nữ	Kinh			
Vũ Kim Thanh	1959	Nam	Kinh	TDP Gia Thạnh		số 26/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Nguyễn Quang Phú	1956	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Thơm	1960	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Huỳnh Hợp	1980	Nam	Kinh			
Nguyễn Văn Hiệp	1984	Nam	Kinh			
Toô Hồng Trường	1978	Nam	Kinh			
Lê Vũ Phương	1964	Nam	Kinh			
K' Hiếu	1959	Nữ	Kinh	TDP Xoan		số 28/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Tòng Văn Gót	1966	nam	Thái			
K' Lòom	1979	Nam	K ơ Ho			
K' Tèm	1961	Nam	K ơ Ho			

[illegible]

K' Tèo	1966	Nam	K ơ Ho	TDP Đa Huynh		số34/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
K' Têm	1972	Nam	K ơ Ho			
K' Nhel	1963	Nam	K ơ Ho			
K' Tiễn	1983	Nam	K ơ Ho			
K' ềo	1968	Nữ	K ơ Ho			
Trần Văn Quang	1971	Nam	kinh	TDP B' Nông Rết		số 22/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
KỔ Dong Ha Siêu	1956	Nam	Chil			
Ha Kai	1946	Nam	Chil			
K' Yang	1956	Nam	Chil			
Ha Đôn	1940	Nam	Chil			
Ha Lui	1969	Nam	Chil	TDP Pót Pe		số 30/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
Ha Đoi	1960	Nam	Chil			
Nguyễn Đức Sinh	1963	Nam	Kinh			
Huỳnh Như Hùng	1964	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Xuân Huyền	1979	Nam	Kinh			
Trần Tuấn Anh	1965	Nam	Kinh			
Ha Chong	1961	Nam	Chil			
K' Long	1955	Nam	K ơ Ho	TDP Kon Tách Đăng		số23/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
HA Hai	1974	Nam	Chil			
Nguyễn Mạnh Cường	1963	Nam	Kinh			
Nguyễn Thị Bích Liên	1969	Nữ	Kinh			
Nguyễn Văn Bảo	1983	Nam	Kinh			
Đỗ Văn Huề	1979	Nam	Kinh	TDP Văn Hà		số 35/QĐ - UBND ngày 24/01/2019

		Nguyễn Minh Dương	1965	Nam	Kinh			số 35/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
		Đào Thanh Trung	1975	Nam	Kinh			
		Vũ Văn Thân	1980	Nam	Mường			
		Bùi Xuân Thiêng	1961	Nam	Kinh			
		Nguyễn Bá Liêm	1963	Nam	Kinh	TĐp Quảng Đức		số 39/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
		Vũ Văn Thắng	1969	Nam	Kinh			
		Nguyễn Đình Luận	1967	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Thương	1978	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Thanh Vân	1954	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Chiêu	1956	Nữ	Kinh	TDP Đồng Tâm		
		Nguyễn Đình Thiện	1964	Nam	Kinh			số 17/QĐ - UBND ngày 24/01/2019
		Nguyễn Thị Quang	1963		Kinh			
		Phạm Văn Hồng	1956	Nam	Kinh			
		Trần Văn Màu	1956	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Soi	1956	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Liên	1958	Nữ	Kinh			
		Bùi Đắc Thái	1960	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ Số 116/QĐ - UBND ngày 5/9/2023
	xã Gia Lâm	Tân Văn Hắc	1966	Nam	Kinh			
		Hoàng Thị Lịch	1961	Nữ	Kinh			
		Hà Mạnh Hùng	1970	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thị Vinh	1963	Nữ	Kinh			
		Nguyễn Văn Huỳnh	1974	Nam	Kinh			
		Đinh Xuân Thiện	1994	Nam	Kinh			

						QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Nhâm Thị Ninh	1952	Nữ	Kinh	Thôn 2	
	Nguyễn Thanh Tăng	1950	Nam	Kinh		
	Nguyễn Thị Miên	1949	Nữ	Kinh		
	Trần Văn Doãn	1960	Nam	Kinh		
	Đồng Thị Toán	1967	Nữ	Kinh		
	Nguyễn Thị Yên	1964	Nữ	Kinh		
	Tạ Văn Nguyên	1992	Nam	Kinh		
						QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Hồ Quang Hợi	1950	Nam	Kinh	Thôn 3	
	Đinh Thế Quang	1960	Nam	Tày		
	Trần Thị Ngóng	1956	Nữ	Kinh		
	Nguyễn Đức Thuận	1949	Nam	Kinh		
	Lê Thị Hiệp	1974	Nữ	Kinh		
	Vũ Quang Thành	1977	Nam	Kinh		
	Lê Xuân Đạt	1994	Nam	Kinh		
						QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Nguyễn Thị Thu Hương	1976	Nữ	Kinh	Thôn 4	
	Vũ Bá Hùng	1972	Nam	Kinh		
	Nguyễn Văn An	1952	Nam	Kinh		
	Trần Văn Minh	1958	Nam	Kinh		
	Phạm Thị Thủy	1981	Nữ	Kinh		
	Tạ Thị Vụ	1966	Nữ	Kinh		
	Nguyễn Văn Trọng	1999	Nam	Kinh		
						QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Nguyễn Thanh Long	1960	Nam	Kinh	Thôn 5	
	Nguyễn Thị Thi	1954	Nữ	Kinh		
	Lê Thị Toán	1960	Nữ	Kinh		
	Nguyễn Văn Cường	1956	Nam	Kinh		

	Nguyễn Thị Thu Lan	1962	Nữ	Kinh			
	Cao Thị Tuyền	1974	Nữ	Kinh			
	Phạm Mạnh Hà	1993	Nam	Kinh			
	Nguyễn Văn Lộc	1971	Nam	Kinh	Thôn 6		QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Nguyễn Hải Đăng	1952	Nam	Kinh			
	Phan Thị Hạnh	1965	Nữ	Kinh			
	Nguyễn Sỹ Nam	1984	Nam	Kinh			
	Phạm Thị Yên	1970	Nữ	Kinh			
	Nguyễn Thị Thu Hằng	1979	Nữ	Kinh			
	Vũ Thị Phương Thúy	1989	Nữ	Kinh			
	Trịnh Trường Hưng	1992	Nam	Kinh	Quang Trung 1		QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Nguyễn Văn Huệ	1959	Nam	Kinh			
	Nguyễn Thị Loan	1959	Nữ	Kinh			
	Nguyễn Huy Dũng	1982	Nam	Kinh			
	Lê Thị Hồng Gấm	1988	Nữ	Kinh			
	Nguyễn Thị Nụ	1966	Nữ	Kinh			
	Nguyễn Văn Hoàng	1992	Nam	Kinh			
	Nguyễn Quang Bảo	1949	Nam	Kinh	Quang Trung 2		QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024
	Hoàng Quốc Việt	1952	Nam	Kinh			
	Vũ Thị Tân	1948	Nữ	Kinh			
	Nguyễn Đức Vân	1964	Nam	Kinh			
	Nguyễn Thị Hoa	1960	Nữ	Kinh			
	Vũ Thị Dư	1960	Nữ	Kinh			
	Lê Hoàng Giang	1993	Nam	Kinh			
	Đoàn Văn Phiếm	1970	Nam	Kinh	Gan Thi		QĐ Số 49/QĐ - UBND ngày 19/4/2024

		Nguyễn Văn Đức	1957	Nam	Kinh			
		Nguyễn Văn Đài	1938	Nam	Kinh			
		Nguyễn Thanh Dương	1964	Nam	Kinh			
		Trần Thị Khương	1988	Nữ	Kinh			
		Bùi Thị Hồng	1960	Nữ	Kinh			
		Phạm Hữu Khánh	1992	Nam	Kinh			
								Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND xã Phi Tô
	xã Phi Tô	Hoàng Trùng Dương	1969	Nam	Tày	Tổ hòa giải thôn Phú Hòa		
		Hoàng Minh Hào	1992	Nam	Tày			
		Lò Văn Dương	1952	Nam	Thái			
							Đại học sư phạm	
		Hoàng Thị Hương	1990	Nữ	Tày			
		Đinh Văn Nùng	1955	Nam	Tày			
								Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND xã Phi Tô
		Lê Thị Sơn	1984	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải thôn Quảng Bằng		
		Trần Khanh	1987	Nam	Kinh		ĐH QTKD	
		Hoàng Thị Phỷ	1973	Nam	Tày			
		Hoàng Văn Sơn	1972	Nam	Nùng			
		Phan Văn Công	1993	Nam	Tày			
								Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND xã Phi Tô
		Trần Thị Thu Hà	1972	Nữ	Kinh	Tổ hòa giải thôn Liên Hòa		

		Nông Văn Đài	1988	Nam	Tày		ĐH Kỹ sư XD	
		Lương Hùng Cường	1963	Nam	Tày		TC QRĐ	
		Vương Văn Nhất	1982	Nam	Nùng			
		Lê Thị Vân	1981	Nữ	Kinh			
		Quảng Văn Păng	1958	Nam	Thái	Tổ hòa giải thôn Lâm Nghĩa		Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND xã Phi Tô
		Trần Thiện Thanh Vi	1981	Nam	Kinh			
		Lò Hồng Lai	1980	Nam	Thái			
		Cà Đức Hoa	1964	Nam	Thái			
		Lương Thị An Vệ	1981	Nữ	Thái			
		K' Shiêng	1959	Nam	Cơ Ho	Tổ hòa giải thôn Ryông Tô	CĐ SP	Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND xã Phi Tô
		Đồng Thị Quyên	1974	Nữ	Kinh			
		K' Lâm	1987	Nam	Cơ Ho			
		K' Bảy	1953	Nam	Cơ Ho			
		K' Kíu	1963	Nam	Cơ Ho			
		Long Thị Huệ	1986	Nữ	Tày			
		K' Lương	1985	Nữ	Cơ Ho	Tổ hòa giải thôn Phi Sour		Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND xã Phi Tô
		K' Tiền	1990	Nam	Cơ Ho			
		Ha Nhật	1959	Nam	Chil			
		Long Dìng K' Thảo	1993	Nữ	Chil		CĐSP Địa lý	

			K' Sim	1992	Nữ	Cơ Ho			
	Huyện Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng							Quyết định Số 1529/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 1
			Bùi Thanh Đức	1970	Nam	Kinh	Tổ 1		
			Nguyễn Xuân Bửu	1949	Nam	Kinh	Tổ 1		
			Bùi Thị Thu	1965	Nữ	Kinh	Tổ 1		
			Nguyễn Thị Hanh	1961	Nữ	Kinh	Tổ 1		
			Vũ Đức Mỹ	1959	Nam	Kinh	Tổ 1		
			Dương Đình Mão	1974	Nam	Kinh	Tổ 1		
			Phạm Tiến Dũng	1958	Nam	Kinh	Tổ 1		
									Quyết định Số 1528/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 2
			Bùi Hai	1946	Nam	Kinh	Tổ 2		
			Phạm Văn Luận	1965	Nam	Kinh	Tổ 2		
			Trần Thị Nhiên	1959	Nữ	Kinh	Tổ 2		
			Nguyễn Xuân Tịnh	1953	Nữ	Kinh	Tổ 2		
			Lê Phùng Nhâm	1958	Nam	Kinh	Tổ 2		
			Nguyễn Trọng Hữu	1959	Nam	Kinh	Tổ 2		

[illegible]

						Quyết định Số 1530/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ DP 3
Nguyễn Văn Điệp	1958	Nam	Kinh	Tổ 3		
Nguyễn Thị Thơm	1985	Nữ	Kinh	Tổ 3		
Lương Thị Hương	1987	Nữ	Kinh	Tổ 3	Đại học	
Nguyễn Trung Thành	1962	Nam	Kinh	Tổ 3		
Trần Đình Thi	1982	Nam	Kinh	Tổ 3		
						Quyết định Số 1531/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ DP 4
Võ Văn Hồng	1966	Nam	Kinh	Tổ 4		
Nguyễn Văn Hạnh	1970	Nam	Kinh	Tổ 4		
Nguyễn Thị Thanh Phúc	1965	Nữ	Kinh	Tổ 4		
Nguyễn Thị Nga	1971	Nữ	Kinh	Tổ 4		
Nguyễn Thị Thành Tâm	1976	Nữ	Kinh	Tổ 4		
K' Chim	1954	Nam	Mạ	Tổ 4		

[illegible]

						Quyết định Số 1532/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 6
Võ Văn Dương	1955	Nam	Kinh	Tổ 6		
Nguyễn Văn	1957	Nam	Kinh	Tổ 6		
Phan Thị Oanh	1956	Nữ	Kinh	Tổ 6		
Nguyễn Văn Sự	1962	Nam	Kinh	Tổ 6		
Lê Văn Ái	1962	Nam	Kinh	Tổ 6		
Bùi Đức Lương	1949	Nam	Kinh	Tổ 6		
						Quyết định Số 1533/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ DP 7
Kờ Ngọ	1990	Nam	Mạ	Tổ 7		
Nguyễn Đình Sỹ	1968	Nam	Kinh	Tổ 7		
K' Chem	1972	Nam	Mạ	Tổ 7		
Nông Phúc Tương	1952	Nam	Tày	Tổ 7		
Kờ Thị Huyền	1993	Nữ	Mạ	Tổ 7		

						Quyết định Số 1534/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 8
	Nguyễn Mạnh Dũng	1964	Nam	Kinh	Tổ 8	
	Trần Thị Kim Thìn	1963	Nam	Kinh	Tổ 8	
	Ngô Thị Phương	1956	Nữ	Kinh	Tổ 8	
	Nguyễn Văn Phan	1962	Nam	Kinh	Tổ 8	
	Mai Xuân Đô	1963	Nam	Kinh	Tổ 8	
	Nguyễn Hữu Sơn	1964	Nam	Kinh	Tổ 8	
	Nguyễn Thọ Quyền	1954	Nam	Kinh	Tổ 8	
						Quyết định Số 1535/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 9
	Lê Ngọt	1963	Nam	Kinh	Tổ 9	
	Nguyễn Văn Hào	1960	Nam	Kinh	Tổ 9	
	Nguyễn Thị Kim Oanh	1960	Nữ	Kinh	Tổ 9	
	Nguyễn Công Xã	1960	Nam	Kinh	Tổ 9	
	Đinh Tuấn Lịch	1948	Nam	Kinh	Tổ 9	
	Trương Nhờ	1961	Nam	Kinh	Tổ 9	

[illegible]

Huỳnh Tấn Hữu	1952	Nam	Kinh	Tổ 11		
						Quyết định Số 1538/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ DP 12
Nguyễn Thị Tuyết Mai	1965	Nữ	Kinh	Tổ 12		
Vũ Thị Mơ	1958	Nữ	Kinh	Tổ 12		
Hoàng Thị Hải	1951	Nữ	Kinh	Tổ 12		
Đình Văn Sóng	1944	Nam	Kinh	Tổ 12		
Nguyễn Thanh Hiền	1962	Nam	Kinh	Tổ 12		
						Quyết định Số 1539/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 13
Vũ Xuân Mỹ	1966	Nam	Kinh	Tổ 13		
Lưu Thị Chinh	1955	Nữ	Kinh	Tổ 13		
Vương Thị Tốt	1969	Nữ	Kinh	Tổ 13		
Hoàng Gia Bảo Triều	1972	Nam	Kinh	Tổ 13		
Dương Văn Bắc	1981	Nam	Kinh	Tổ 13		

							Quyết định Số 1540/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 14
	K' Gẻoh	1972	Nam	Mạ	Tổ 14		
	Ka Hè	1993	Nữ	Mạ	Tổ 14		
	Vũ Thị Hương	1962	Nữ	Kinh	Tổ 14		
	K' Lêm	1967	Nam	Mạ	Tổ 14		
	K' Tin	1965	Nam	Mạ	Tổ 14		
	Phạm Bá Quy	1973	Nam	Kinh	Tổ 14		
	Đặng Xuân Thủy	1974	Nam	Kinh	Tổ 14		
							Quyết định Số 1518/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ DP 15
	Nguyễn Minh Sơn	1956	Nam	Kinh	Tổ 15		
	Nguyễn Trọng Bách	1965	Nam	Kinh	Tổ 15		
	Ka Oì	1985	Nữ	Mạ	Tổ 15		
	Nguyễn Văn Viên	1963	Nam	Kinh	Tổ 15		
	Nguyễn Đình Tuấn	1964	Nam	Kinh	Tổ 15		

						Quyết định Số 1541/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 16
Ka Hân	1990	Nữ	Mạ	Tổ 16		
K' Bên	1972	Nam	Mạ	Tổ 16		
Lê Thị Thu Thảo	1967	Nữ	Kinh	Tổ 16		
K' Gêoh	1967	Nam	Mạ	Tổ 16		
K' Hân	1986	Nam	Mạ	Tổ 16		
K' Bri	1957	Nam	Mạ	Tổ 16		
						Quyết định Số 1542/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 17
K' Thắng	1987	Nam	Mạ	Tổ 17		
Nguyễn Đình Thuật	1972	Nam	Kinh	Tổ 17		
Ka Dôn	1960	Nữ	Mạ	Tổ 17		
K' Lợi	1993	Nam	Mạ	Tổ 17		
Ka Điều	1976	Nữ	Mạ	Tổ 17		

						Quyết định Số 1543/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ DP 18
Nguyễn Hữu Thạch	1957	Nam	Kinh	Tổ 18		
Trần Thị Thanh	1968	Nữ	Kinh	Tổ 18		
Phan Thị Dâng	1953	Nữ	Kinh	Tổ 18		
Nguyễn Đạo Hiệp	1950	Nam	Kinh	Tổ 18		
Nguyễn Hữu Quang	1962	Nam	Kinh	Tổ 18		
						Quyết định Số 1544/QĐ-UBND ngày 06/11/2022 Quyết định công nhận tổ trưởng, thành viên tổ hòa giải của Tổ dân phố 19
Lê Trung Hưng	1974	Nam	Kinh	Tổ 19		
Nguyễn Thị Ái Liên	1984	Nữ	Kinh	Tổ 19		
Phạm Hồng Tuấn	1960	Nam	Kinh	Tổ 19		
Phạm Thị Tươi	1957	Nữ	Kinh	Tổ 19		
Vũ Phong Tài	1958	Nam	Kinh	Tổ 19		
Nguyễn Mạnh Hùng	1981	Nam	Kinh	Tổ 19		
Phan Thị Hường	1951	Nữ	Kinh	Tổ 19		

	Xã Lộc Bảo						Quyết định công nhận hòa giải viên số 64/QĐ- UBND ngày 04 tháng 04 năm 2024
		K' Hải	1992	Nam	Châu Mạ	Thôn 1	Trung cấp LLCT
		Phạm Văn Mạnh	1991	Nam	Kinh	Thôn 1	Cao Đẳng
		K' Si Môn	1971	Nam	Châu Mạ	Thôn 1	
		Nông Thị Duyên	1985	Nữ	Tày	Thôn 1	
		Ka Bài	1971	Nữ	Châu Mạ	Thôn 1	
							Quyết định công nhận hòa giải viên số 65/QĐ- UBND ngày 04 tháng 04 năm 2024
		K' Minh	1978	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
		K' Hợp	1994	Nữ	Châu Mạ	Thôn 2	
		Ka Làng	1989	Nữ	Châu Mạ	Thôn 2	Cao Đẳng kế toán
		K' Rao	1969	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
		K' Tâm	1957	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	

		K' Tèm	1979	Nam	Châu Mạ	Thôn 3		Quyết định công nhận hòa giải viên số 66/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2024
		Ka Mộ	1990	Nữ	Châu Mạ	Thôn 3	Sơ cấp YT thôn bản	
		Ka Bông	1996	Nữ	Châu Mạ	Thôn 3		
		Thào Xuân Thắng	1986	Nam	H'Mông	Thôn 3		
		K' Ba	1945	Nam	Châu Mạ	Thôn 3		
		K' Lèm	1984	Nam	Châu Mạ	Thôn 4		Quyết định công nhận hòa giải viên số 67/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2024
		Ka Lộc	1987	Nữ	Châu Mạ	Thôn 4		
		Ka Nguyệt	2000	Nữ	Châu Mạ	Thôn 4		
		K' Nhã	2000	Nam	Châu Mạ	Thôn 4		
		K' Quế	1949	Nam	Châu Mạ	Thôn 4		
		Ka Nguyệt	2000	Nữ	Châu Mạ	Thôn 4		
		K' Nhã	2000	Nam	Châu Mạ	Thôn 4		
		K' Quế	1949	Nam	Châu Mạ	Thôn 4		
	Xã Lộc Lâm	K' Xuân	1976	Nam	Mạ	Thôn 1		Quyết định số 57/QĐ-UBND, ngày 15/2/2023
		Ka Làng	1986	Nữ	Mạ	Thôn 1		
		K' Nam	1985	Nam	Mạ	Thôn 1	Đại học	
		K' Sranh	1956	Nam	Mạ	Thôn 1		
		K' Khừi	1994	Nam	Mạ	Thôn 1		
		K' Vột	1989	Nam	Mạ	Thôn 1		

							Quyết định số 58/QĐ-UBND, ngày 15/2/2023
		K' Thóc	1979	Nam	Mạ	Thôn 2	
		Nguyễn Hữu Cường	1986	Nam	Kinh	Thôn 2	Trung cấp
		Ka Vinh	1990	Nữ	Mạ	Thôn 2	
		Ka Rọt	1976	Nữ	Mạ	Thôn 2	
		K' Pèl	1961	Nam	Mạ	Thôn 2	
							Quyết định số 59/QĐ-UBND, ngày 15/2/2023
		K' Chùng	1988	Nam	Mạ	Thôn 3	Đại học
		Ka Nguyễn	1996	Nữ	Mạ	Thôn 3	Đại học
		K' Tàng	1963	Nam	Mạ	Thôn 3	
		Ka Thụy Diễm	1993	Nữ	Mạ	Thôn 3	Đại học
		Ka Yếu	1987	Nữ	Mạ	Thôn 3	Trung cấp
		K' Lái	1996	Nam	Mạ	Thôn 3	
	Xã Lộc An						Quyết định Công nhận hòa giải viên số 28/QĐ- UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024
		Đoàn Thị Bích Thảo	1980	Nữ	Kinh	Thôn 1	
		Đào Thanh Thịnh	1966	Nam	Kinh	Thôn 1	
		Nguyễn Thị Thương	1983	Nữ	Kinh	Thôn 1	
		Hoàng Ngọc Bồn	1967	Nam	Kinh	Thôn 1	
		Võ Văn Chương	1969	Nam	Kinh	Thôn 1	
		Lê Văn Mác	1961	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Võ Đặng Hoàng Phong	1983	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Đỗ Văn Lòn	1953	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Dương Công Quý	1957	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Ngô Văn An	1987	Nam	Kinh	Thôn 2	

		Đoàn Thị Côi	1969	Nữ	Kinh	Thôn 2		
								Quyết định công nhận hòa giải viên số 30/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024
		Vũ Minh Khoát	1954	Nam	Kinh	Thôn 3		
		Lê Ngọc Phong	1981	Nam	Kinh	Thôn 3		
		Phạm Thị Yên	1958	Nữ	Kinh	Thôn 3		
		Nguyễn Thanh Cần	1958	Nam	Kinh	Thôn 3		
		Đoàn Duy Tiên	1984	Nam	Kinh	Thôn 3		
								Quyết định công nhận hòa giải viên số 31/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024
		Đào Thị Khuyên	1959	Nữ	Kinh	Thôn 4		
		Hoàng Thị Hiền	1954	Nữ	Kinh	Thôn 4		
		Trần Đức Đông	1974	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Hoàng Thị Hạnh	1967	Nữ	Kinh	Thôn 4		
		Nguyễn Thị Hương	1967	Nữ	Kinh	Thôn 4		
								Quyết định Công nhận hòa giải viên số 32/QĐ-UBND, ngày 19/2/2024
		Nguyễn Thanh Tân	1975	Nam	Kinh	Thôn 5		
		Nguyễn Văn Thắng	1986	Nam	Kinh	Thôn 5		
		Nguyễn Minh Đức	1982	Nam	Kinh	Thôn 5		
		Trần Huy Sơn	1974	Nam	Kinh	Thôn 5		
		Trịnh Ngọc Huynh	1985	Nam	Kinh	Thôn 5		
		Nguyễn Quốc Đức	1977	Nam	Kinh	Thôn 5		
		Phan Thị Việt	1984	Nữ	Kinh	Thôn 5		

						Quyết định Công nhận hòa giải viên số 33/QĐ-UBND, ngày 19/2/2024
	Vũ Thị Hợp	1965	Nữ	Kinh	Thôn 6	
	Nguyễn Thị Lý	1958	Nữ	Kinh	Thôn 6	
	Ngô Đình Diệm	1981	Nam	Kinh	Thôn 6	
	Nguyễn Thị Liên	1987	Nữ	Kinh	Thôn 6	
						Quyết định công nhận hòa giải viên số 34/QĐ-UBND, ngày 19/2/2024
	Bùi Thị Nhạn	1961	Nữ	Kinh	Thôn 7	
	Nguyễn văn Sinh	1969	Nam	Kinh	Thôn 7	
	Đinh Thị Kim	1955	Nữ	Kinh	Thôn 7	
	Nguyễn Thị Hương	1962	Nữ	Kinh	Thôn 7	
	Đỗ Mạnh Tường	1972	Nam	Kinh	Thôn 7	
						Quyết định số 42/QĐ-UBND, ngày 19/2/2024
	Nguyễn Văn Chung	1956	Nam	Kinh	Thôn 8	
	Mai Tấn Tài	1977	Nam	Kinh	Thôn 8	
	Đặng Hồng Nhân	1961	Nam	Kinh	Thôn 8	
	Đinh Công Hoa	1966	Nam	Kinh	Thôn 8	
	Vũ thi Chinh	1975	Nữ	Kinh	Thôn 8	
	Trần Thanh Tâm	1988	Nam	Kinh	Thôn 8	
						Quyết định số35/QĐ- UBND, ngày 19/02/2024
	Nguyễn Thị Hiên	1971	Nữ	Kinh	Thôn 9	
	Hồ Phi Tới	1966	Nam	Kinh	Thôn 9	
	Ngô Đức Thuận	1960	Nam	Kinh	Thôn 9	
	Lê Thị Sinh	1963	Nữ	Kinh	Thôn 9	
	Hoàng văn Luận	1987	Nam	Kinh	Thôn 9	

	Nguyễn Văn Long	1975	Nam	Kinh	Thôn 9		
	Phạm Văn Hiếu	1995	Nam	Kinh	Thôn 9		
							Quyết định số:36/QĐUBND, ngày 19/02/2024
	Phạm Văn Thành	1954	Nam	Kinh	Thôn 11		
	Ngô Thị Ngọc	1973	Nữ	Kinh	Thôn 11		
	Trần Hùng Tính	1955	Nữ	Kinh	Thôn 11		
	Bùi Cao Sơn	1962	Nam	Kinh	Thôn 11		
	Đặng Viết Trung	1990	Nam	Kinh	Thôn 11		
	Trần Đức Ngọc	1976	Nam	Kinh	Thôn 11		
							Quyết định số :37/QĐ- UBND, ngày 19/02/2024
	Đậu Bá Toàn	1963	Nam	Kinh	Thôn An Hòa		
	Lê Trọng Dụng	1966	Nam	Kinh	Thôn An Hòa		
	Châu Thanh Du	1979	Nam	Kinh	Thôn An Hòa		
	Nguyễn Ban	1958	Nam	Kinh	Thôn An Hòa		
							Quyết định số:39/QĐ- UBND, ngày 19/02/2024
	Phạm Hoài Khương	1986	Nam	Kinh	Thôn An Bình		
	Phan Hoài Nam	1986	Nam	Kinh	Thôn An Bình		
	Nguyễn Văn Đầu	1952	Nam	Kinh	Thôn An Bình		
	Phạm Văn Lộc	1989	Nam	Kinh	Thôn An Bình		
	Trần Thị Hồng Vân	1983	Nữ	Kinh	Thôn An Bình		
	Nguyễn Công Tấn Thịnh	1993	Nam	Kinh	Thôn An Bình		
							Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 19/02/2024
	Phạm Văn Tập	1959	Nam	Kinh	Thôn Tứ Quý		
	Nguyễn Văn Khanh	1969	Nam	Kinh	Thôn Tứ Quý		
	Trần Bá Diên	1954	Nam	Kinh	Thôn Tứ Quý		
	Phan Thị Hoài Thắng	1966	Nữ	Kinh	Thôn Tứ Quý		
	Trương Vỹ	1956	Nam	Kinh	Thôn Tứ Quý		

							Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 19/02/2024
		K' Bảo	1977	Nam	K' Ho	Thôn B' Đor	
		K' Juyên	1984	Nam	K' Ho	Thôn B' Đor	
		K' Đèo	1962	Nam	K' Ho	Thôn B' Đor	
		K' Mạch	1978	Nam	K' Ho	Thôn B' Đor	
		K' Jiuh	1983	Nam	K' Ho	Thôn B' Đor	
		K' Đeo	1964	Nam	K' Ho	Thôn B' Đor	
		K' Đép	1958	Nam	K' Ho	Thôn B' Cọ	Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 19/02/2024
		K' Bôi	1966	Nữ	K' Ho	Thôn B' Cọ	
		K' Béo	1967	Nam	K' Ho	Thôn B' Cọ	
		K' Ber	1957	Nam	K' Ho	Thôn B' Cọ	
		K' Ês	1972	Nam	K' Ho	Thôn B' Cọ	
		K' Lim	1978	Nam	K' Ho	Thôn B' Cọ	
		K' Đút	1982	Nam	K' Ho	Thôn B' Cọ	
	Xã Lộc Tân	K' Dôn	1984	Nam	Châu Mạ	Thôn 1	Quyết định công nhận hòa giải viên số 122/QĐ- UBND ngày 17/07/2023
		Đồng Văn Năng	1961	Nam	Kinh	Thôn 1	
		K' Mệk	1986	Nam	Châu Mạ	Thôn 1	
		Vũ Thị Hà	1971	Nữ	Kinh	Thôn 1	
		K' Lôn	1977	Nam	Châu Mạ	Thôn 1	
		K' Wâm	1983	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
		K' Jếp	1982	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
		K' Bìn	1991	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
		Ka Ngỗnh	1989	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
		K' Brông	1966	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	

[illegible]

						Quyết định công nhận hòa giải viên số 124/QĐ- UBND ngày 17/07/2023
K' Jào	1983	Nam	Châu Mạ	Thôn 3		
Phạm Văn Chính	1975	Nam	Kinh	Thôn 3		
K' Brôi	1973	Nam	Châu Mạ	Thôn 3		
K' Chim	1965	Nam	Châu Mạ	Thôn 3		
K' Plọt	1966	Nam	Châu Mạ	Thôn 3		
						Quyết định công nhận hòa giải viên số 125/QĐ- UBND ngày 17/07/2023
Bùi Duy Tôn	1974	Nam	Kinh	Thôn 4		
Nguyễn Tiên Hoàng	1968	Nam	Kinh	Thôn 4		
Tạ Thị Nguyệt	1967	Nữ	Kinh	Thôn 4		
Nguyễn Thị Hợi	1966	Nữ	Kinh	Thôn 4		
Nguyễn Đức Thành	1967	Nam	Kinh	Thôn 4		
Thái Xuân Bách	1971	Nam	Kinh	Thôn 5		
Thái Đăng Luận	1959	Nam	Kinh	Thôn 5		
Lê Ngọc Lâm	1967	Nam	Kinh	Thôn 5		
Tổng Thị Quỳnh	1983	Nam	Kinh	Thôn 5		
Trịnh Thị Sợi	1952	Nữ	Kinh	Thôn 5		
						Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 17/07/2023
Đinh Xuân Đông	1966	Nam	Kinh	Thôn 5		
K' Tôl	1990	Nam	Châu Mạ	Thôn 6		
K' Lắm	1984	Nam	Châu Mạ	Thôn 6		
K' Bêk	1973	Nam	Châu Mạ	Thôn 6		
K' Sỷ	1971	Nam	Châu Mạ	Thôn 6		
Nguyễn Văn Thắng	1980	Nam	Kinh	Thôn 6		

							Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 17/07/2023
		Đỗ Bá Thông	1964	Nam	Kinh	Thôn 7	
		Vũ Thị Thu	1972	Nữ	Kinh	Thôn 7	
		Phạm Văn Quảng	1962	Nam	Kinh	Thôn 7	
		Nguyễn Thị Nhíp	1975	Nữ	Kinh	Thôn 7	
		Dương Thị Hà	1978	Nữ	Kinh	Thôn 7	
	Xã Lộc Quảng						Quyết định công nhận hòa giải viên số 59/QĐ- UBND ngày 22 tháng 04 năm 2024
		Mai Văn Dũng	1970	Nam	Kinh	Thôn 1	
		Nguyễn Xuân Huy	1997	Nam	Kinh	Thôn 1	
		Mai Thanh Bình	1975	Nam	Kinh	Thôn 1	Đại học
		Nguyễn Thị Nữ	1950	nam	Kinh	Thôn 1	
		Nguyễn Thế Kỳ	1949	Nam	Kinh	Thôn 1	
							Quyết định công nhận hòa giải viên số 60/QĐ- UBND ngày 22 tháng 04 năm 2024
		Phạm Văn Hùng	1960	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Hoàng Thanh Dương	1986	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Lê Chí Sỹ	1967	Nam	Kinh	Thôn 2	Đại học
		Hoàng Thanh Thiện	1989	Nam	Kinh	Thôn 2	
		Phan Thanh Hùng	1952	Nam	Kinh	Thôn 2	

						Quyết định công nhận hòa giải viên số 61/QĐ- UBND ngày 22 tháng 04 năm 2024
	Hồ Văn Khanh	1960	Nam	Kinh	Thôn 4	
	Âu Thị Hồng Tín	1973	Nữ	Kinh	Thôn 4	
	Đỗ Hữu Phát	1972	Nam	Kinh	Thôn 4	Đại học
	Trương Ngọc Chiến	1990	Nam	Kinh	Thôn 4	
	Nguyễn Thị Phương	1967	Nữ	Kinh	Thôn 4	
						Quyết định công nhận hòa giải viên số 62/QĐ- UBND ngày 22 tháng 04 năm 2024
	Nguyễn Bá Tuấn	1981	Nam	Kinh	Thôn 5	
	Nguyễn Thị Hoàn	1961	Nữ	Kinh	Thôn 5	
	Nguyễn Văn Bản	1950	Nam	Kinh	Thôn 5	
	Nguyễn Xuân Hòa	1948	Nam	Kinh	Thôn 5	
	Đỗ Thu	1967	Nam	Kinh	Thôn 5	
	Nguyễn Thanh Bình	1996	Nam	Kinh	Thôn 5	
						Quyết định công nhận hòa giải viên số 63/QĐ- UBND ngày 22 tháng 04 năm 2024
	Nguyễn Văn Công	1952	Nam	Kinh	Thôn 6	
	Tăng Phúc Thạch	1967	Nam	Kinh	Thôn 6	
	Lê Thái Hòa	1985	Nữ	Kinh	Thôn 6	
	Nông Văn Tiến	1962	Nam	Kinh	Thôn 6	

		Vũ Bình Sinh	1954	Nam	Kinh	Thôn 6		
		Tạ Văn Đức	1989	Nam	Kinh	Thôn 6		
								Quyết định công nhận hòa giải viên số 64/QĐ- UBND ngày 22 tháng 04 năm 2024
		Phạm Văn Tám	1975	Nam	Kinh	Thôn 7		
		Phạm Văn Mạnh	1952	Nam	Kinh	Thôn 7		
		Lưu Trọng Mạnh	1952	Nam	Kinh	Thôn 7		
		Nguyễn Thị Dung	1950	Nữ	Kinh	Thôn 8		
		Long Thế Vân	1968	Nam	Kinh	Thôn 7	Đại học	
		Phan Quốc Mua	1993	Nam	Kinh	Thôn 7		
	Xã Lộc Phú	Trần Văn Tiến	22647	Nam	Kinh	Thôn 1		QĐ:69/UBND ngày 24/04/2024
		Lê Thị Hoa	22884	Nữ	Kinh	Thôn 1		
		K' Xoa	30586	Nam	mạ	Thôn 1		
		Lê Văn Quýnh	26743	Nam	Kinh	Thôn 1		
		Ka Hờnh	24107	Nữ	Mạ	Thôn 1		
		Trần Thị Thanh Thủy	31818	Nữ	Kinh	Thôn 2		QĐ:70/UBND ngày 24/04/2024
		Lê Thị Thủy	23163	Nữ	Kinh	Thôn 2		
		Đàm Thị Loan	18386	Nữ	Kinh	Thôn 2		
		Nguyễn Đình Phong	23536	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Lê Đăng Nhật	19397	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Lê Thanh Quang	20218	Nam	Kinh	Thôn 3		QĐ:71/UBND ngày 24/04/2024
		Nguyễn Thị Hằng	24625	Nữ	Kinh	Thôn 3		
		Nguyễn Thị Bích	29854	Nữ	Kinh	Thôn 3		
		Nguyễn Công Bộ	27133	Nam	Kinh	Thôn 3		
		K' K rông	23772	Nam	mạ	Thôn 3		

		Trần Thị Hoài	31120	Nữ	Kinh	Thôn 4		QĐ:72/UBND ngày 24/04/2024
		Nguyễn Đức Phú	21850	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Phạm Quang Thọ	24750	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Lưu Văn Bích	23065	Nam	Kinh	Thôn 4		
		K' Minh	25101	Nam	Mạ	Thôn 4		
		Điểu Sỹ Hoàng	22671	Nam	Mạ	Thôn hàng Lang		QĐ:73/UBND ngày 24/04/2024
		K' Lài	26743	Nam	Mạ	Thôn hàng Lang		
		K' Truyền	36823	Nam	Mạ	Thôn hàng Lang		
		K' Rim	36193	Nam	Mạ	Thôn hàng Lang		
		Ka Hiền	36587	Nữ	Mạ	Thôn hàng Lang		
		K' Páh	31048	Nam	Mạ	Thôn Nao Quang		QĐ:74/UBND ngày 24/04/2024
		Ka Liêu	31983	Nữ	Mạ	Thôn Nao Quang		
		Ka Guyn	33531	Nữ	Mạ	Thôn Nao Quang		
		K' Tiêng	27551	Nam	Mạ	Thôn Nao Quang		
		Đoàn Văn Đại	21040	Nam	Kinh	Thôn Nao Quang		
	Xã B' Lá	Phan Thị Lành	1986	Nữ	Nùng	Thôn 1		QĐ:105/UBND ngày 26/12/2023
		Hoàng Văn Huân	1991	Nam	Nùng	Thôn 1		
		Hoàng Quang Thịnh	1985	Nam	Nùng	Thôn 1		
		Ka Nga	1987	Nữ	Mạ	Thôn 1		
		Hoàng Văn Hưng	1990	Nam	Nùng	Thôn 1		
		Mông Văn Bằng	1988	Nam	Nùng	Thôn 1	Trung cấp	
		K' Thịnh	2001	Nam	Mạ	Thôn 1		
		Triệu Văn Dũng	1970	nam	Nùng	Thôn 2		QĐ:106/UBND ngày 26/12/2023
		Long Văn Lập	1973	Nam	Nùng	Thôn 2		
		Lâm Thị Dương	1979	Nữ	Nùng	Thôn 2		
		Lương Văn Huấn	1978	Nam	Nùng	Thôn 2		
		Lăng Tuấn Anh	1997	Nam	Nùng	Thôn 2		
		Lương Văn Núng	1952	Nam	Nùng	Thôn 2		

		Mông Văn Khâm	1972	Nam	Nùng	Thôn 3		QĐ:95/UBND ngày 21/11/2023
		Lâm Văn Oanh	1968	Nam	Nùng	Thôn 3		
		Lý Văn Hạ	1973	Nam	Nùng	Thôn 3		
		Chu Thị Nhung	1987	Nữ	Kinh	Thôn 3		
		Đàm Văn Quảng	1998	Nam	Nùng	Thôn 3		
		Lý Văn Bằng	1970	Nam	Nùng	Thôn 3		
		Lâm Viết Cộng	1962	Nam	Nùng	Thôn 3	Trung cấp	
		Lăng Minh Tuấn	1987	Nam	Tày	Thôn 4	Trung cấp	QĐ:107/UBND ngày 26/12/2023
		Ka Kiều	1986	Nữ	Mạ	Thôn 4		
		Ka Liên	1995	Nữ	Mạ	Thôn 4		
		Lăng Văn Quyết	1971	Nam	Nùng	Thôn 4		
		Đào Văn Chinh	1961	Nam	Kinh	Thôn 4		
		La Thị Liên	1961	Nữ	Nùng	Thôn 4		
		Nông Thị Kỳ	1961	Nữ	Tày	Thôn 4		
		Chu Cao Cường	1974	Nam	Nùng	Thôn 4		
		Nông Văn Thiện	1990	Nam	Tày	Thôn 4		
		Lục Văn Tú	1985	Nam	Nùng	Thôn 5	Trung cấp	QĐ:418/UBND ngày 08/11/2022
		Hoàng Quý Nhân	1999	Nam	Nùng	Thôn 5		
		Nông Văn Đức	1986	Nam	Nùng	Thôn 5		
		Lục Minh Thanh	1962	Nam	Nùng	Thôn 5		
		Lục Thị Hợp	1985	Nữ	Nùng	Thôn 5		
		Ngọc Thái Sinh	1989	Nam	Nùng	Thôn 5		
		Hoàng Thị Vân	1983	Nữ	Nùng	Thôn 5		
		Mông Văn Vượng	1994	Nam	Nùng	Thôn 5		
		Phan Văn Thái	1996	Nam	Nùng	Thôn 5		
	Xã Lộc Đức	Quách Thị Trà My	1974	Nữ	Mường	Đông La I		QĐ: 665/QĐ-UBND ngày 08/12/2021
		Nguyễn Văn Sơn	1965	Nam	Kinh	Đông La I		
		Lê Văn Hiến	1967	Nam	Kinh	Đông La I		

Nguyễn Thị Tuyết	1964	Nữ	Kinh	Đông La I		
Phạm Thị Hợp	1969	Nữ	Kinh	Đông La I		
Trần Đức Hậu	1970	Nam	Kinh	Đông La I		
Nguyễn Thanh Quang	1980	Nam	Kinh	Đông La I		
Lê Thị Hiền	1968	Nữ	Kinh	Đông La I		
						QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
Lê Thị Toan	1964	Nữ	Kinh	Đông La II		
Châu Văn Điều	1961	Nam	Kinh	Đông La II		
Bùi Văn Thanh	1660	Nam	Kinh	Đông La II		
Nguyễn Hoàng Anh	1973	Nam	Kinh	Đông La II		
Lê Thị Xuyên	1961	Nữ	Kinh	Đông La II		
Trần Trung Tuyền	1960	Nam	Kinh	Đông La II		
Nguyễn Văn Hùng	1965	Nam	Kinh	Đông La II		
Nguyễn Ngọc Thụy	1985	Nam	Kinh	Đông La II		
Hoàng Thị Hương	1980	Nữ	Thái	Đông La II		
						QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
Phạm Văn Thìn	1958	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Nguyễn Văn Anh	1977	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Phạm Văn Thành	1969	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Vũ Quốc Ngữ	1965	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Trịnh Quang Trung	1999	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Phạm Văn Nam	1971	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Nguyễn Công Tình	1980	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Phạm Văn Tùng	1985	Nam	Kinh	Đức Giang I		
Vũ Thị Nhạn	1960	Nữ	Kinh	Đức Giang I		
Trần Thị Thơm	1959	Nữ	Kinh	Đức Giang I		
						QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
Đặng Thị Nhuan	1972	Nữ	Kinh	Đức Giang II		
Nguyễn Văn Mai	1973	Nam	Kinh	Đức Giang II		
Lê Thị Thanh	1968	Nam	Kinh	Đức Giang II		

Hoàng Lê Huy	1989	Nam	Kinh	Đức Giang II		
Nguyễn Văn Tất	1959	Nam	Kinh	Đức Giang II		
Nguyễn Thanh Vị	1958	Nam	Kinh	Đức Giang II		
Phan Văn Tào	1969	Nam	Kinh	Đức Giang II		
Lê Thị Châu	1968	Nữ	Kinh	Đức Giang II		
						QĐ: 725/QĐ-UBND ngày 16/12/2021
Lê Quang Hưng	1974	Nam	Kinh	Đức Thanh		
Nguyễn Đức Hiếu	1985	Nam	Kinh	Đức Thanh		
Nguyễn Văn Phương	1955	Nam	Kinh	Đức Thanh		
Phạm Đăng Phi	1969	Nam	Kinh	Đức Thanh		
Nguyễn Xuân Đăng	1972	Nam	Kinh	Đức Thanh		
Nguyễn Thị Bích	1973	Nữ	Kinh	Đức Thanh		
						QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
Phạm Văn Dũng Em	1968	Nam	Kinh	Đức Thạnh		
Lý Văn Phong	1970	Nam	Kinh	Đức Thạnh		
Dương Minh Đức	1992	Nam	Kinh	Đức Thạnh		
Trần Văn Truyện	1967	Nam	Kinh	Đức Thạnh		
Trần Thanh Hùng	1971	Nam	Kinh	Đức Thạnh		
Huỳnh Thị Lệ Thủy	1970	Nữ	Kinh	Đức Thạnh		
						QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
Hoàng Danh Hạnh	1965	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Phạm Đức Trọng	1967	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Dương Trường Giang	1983	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Nguyễn Viết Thước	1966	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Nguyễn Văn Phước	1992	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Trần Công Chính	1975	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Nguyễn Văn Hùng	1979	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Đặng Thị Len	1975	Nữ	Kinh	Khánh Thượng		
Phạm Văn Sáu	1979	Nam	Kinh	Khánh Thượng		
Vũ Thị Mơ	1985	Nữ	Kinh	Khánh Thượng		

		Trịnh Văn Cẩn	1954	Nam	Kinh	Thanh Bình		QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
		Nguyễn Văn Ba	1960	Nam	Kinh	Thanh Bình		
		Nguyễn Văn Cái	1961	Nam	Kinh	Thanh Bình		
		Lê Xuân Thuần	1962	Nam	Kinh	Thanh Bình		
		Nguyễn Đình Sỹ	1990	Nam	Kinh	Thanh Bình		
		Bùi Văn Sự	1989	Nam	Kinh	Thanh Bình		
		Trịnh Văn Dự	1985	Nam	Kinh	Thanh Bình		
		Lê Thị Minh Hương	1980	Nữ	Kinh	Thanh Bình		
		Nguyễn Văn Tiên	1967	Nam	Kinh	Tiền Yên		QĐ: 38/QĐ-UBND ngày 28/4/2020
		Nguyễn Xuân Hạ	1969	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Đoàn Giang Hà	1978	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Lê Đình Hải	1981	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Trần Như Đồng	1986	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Nguyễn Phước Thiện	1994	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Lê Văn Cánh	1959	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Nguyễn Danh Thơm	1975	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Nguyễn Đình Dậu	1970	Nam	Kinh	Tiền Yên		
		Nghiêm Thị Liên	1974	Nữ	Kinh	Tiền Yên		
	Xã Lộc Nam	Ka Sren	1991	Nữ	K'Ho	1	TC-PV	Quyết định số: 48/QĐ-UBND ngày 15/4/2024
		Trần Văn Hòa	1968	Nam	Kinh	1		
		K' Kheng	1981	Nam	K'Ho	1		
		Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1981	Nữ	Kinh	1		
		Lê Văn Tiễn	1986	Nam	K'Ho	1		
		Đoàn Văn Thành	1962	Nam	Kinh	1		
		Ka Mai	1999	Nữ	K'Ho	1		
		Lê Hữu Thủy	1963	Nam	Kinh	2	TC-TL	
		Nguyễn Hoàng Khôi Danh	1986	Nam	Kinh	2		

K' Hán	1993	Nam	K'Ho	2		
Ka Son	1981	Nữ	K'Ho	2		
K' Lịch	1994	Nam	K'Ho	2		
Cao Văn Hưng	1959	Nam	Kinh	2		
K' Đức	1996	Nam	K'Ho	2		
Ka Nền	1988	Nữ	K'Ho	3		
Hoàng Thị Nghĩa	1964	Nữ	Kinh	3		
Nguyễn Thị Hiền	1956	Nữ	Kinh	3		
Nguyễn Thị Bích Thảo	1963	Nữ	Kinh	3		
Nguyễn Văn Sơn	1964	Nam	Kinh	3		
K' Tuấn	1978	Nam	K'Ho	3		
Bé ích Duẩn	1986	Nam	Tày	4		
K' Xuân	1989	Nam	K'Ho	4		
K' Chung	1988	Nam	K'Ho	4		
Ka Mỹ	1994	Nữ	K'Ho	4		
K' Sơn	1964	Nam	K'Ho	4		
Đào Văn Luy	1973	Nam	Kinh	4		
Ka Goa	1998	Nữ	K'Ho	4		
Nguyễn Thị Thanh	1984	Nữ	Kinh	5		
Lưu Thị Bình	1958	Nữ	Kinh	5		
Trần Văn Đức	1962	Nam	Kinh	5	CD-CT	
Nguyễn Văn Chiến	1953	Nam	Kinh	5		
Đào Thị Đặt	1964	Nữ	Kinh	5		
Nguyễn Văn Thọ	1989	Nam	Kinh	5	TC-NN	
Trần Mạnh Hùng	1994	Nam	Kinh	5		
Phan Văn Chung	1969	Nam	Kinh	6		
Võ Hữu Lý	1961	Nam	Kinh	6		
Nguyễn Chánh Xuân Mễnh	1991	Nam	Kinh	6		
Võ Thị Long	1980	Nữ	Kinh	6		
Trần Văn Luông	1965	Nam	Kinh	6		
Võ Tấn Niêm	1990	Nam	Kinh	6		
Nguyễn Văn Mùi	1967	Nam	Kinh	7		
Phạm Thị Ngọc	1989	Nữ	Kinh	7	TC-NN	

		Trần Quốc Thái	1999	Nam	Kinh	7		
		Nguyễn Văn Quyển	1968	Nam	Kinh	7		
		Trần Thanh Thủy	1980	Nữ	Kinh	7		
		Nguyễn Thị Châm	1971	Nữ	Kinh	8		
		Phạm Quang Hiếu	1965	Nam	Kinh	8		
		Nguyễn Văn Chiến	1996	Nam	Kinh	8		
		Nguyễn Trọng Nam	1962	Nam	Kinh	8		
		Lưu Thị Xuân	1976	Nữ	Kinh	8		
		Bùi Văn Hào	1982	Nam	Kinh	8		
		Vũ Đức Tài	1995	Nam	Kinh	8		
		Nguyễn Văn Kiên	1985	Nam	Kinh	9		
		Nguyễn Xuân Việ	1955	Nam	Kinh	9		
		Phạm Vệ	1963	Nam	Kinh	9		
		Nguyễn Đức Hiền	1975	Nam	Kinh	9		
		Nguyễn Thị Oanh	1974	Nữ	Kinh	9		
		Nguyễn Thị Xuân	1966	Nữ	Kinh	9		
		Nguyễn Văn Sỹ	1962	Nam	Kinh	9		
		Đậu Văn Tiến	1987	Nam	Kinh	10		
		Trần Văn Nam	1991	Nam	Kinh	10		
		Đậu Cao Hạnh	1963	Nam	Kinh	10		
		Trần Thị Kim Thu	1974	Nữ	Kinh	10		
		Trần Hữu Sùng	1975	Nam	Kinh	10		
		Nông Thị Thủy	1984	Nữ	Kinh	10		
	Xã Lộc Ngải							Quyết định công nhận hòa giải viên số 39/QĐ- UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024
		Huỳnh Văn Thon	1967	Nam	kinh	Thôn 1	Trung cấp	
		Lê Xuân Vũ Em	1991	Nam	Kinh	Thôn 1	Trung cấp	
		Hồ Thị Bích Lan	1969	Nữ	Kinh	Thôn 1	Đại học	
		Phạm Thị Thanh Trang	1976	Nữ	Kinh	Thôn 1		

		Trần Ngọc Sơn	1960	Nam	Kinh	Thôn 01		
		Lê Văn Phước	1971	Nam	Kinh	Thôn 1		
		Dương Nhân	1969	Nam	Kinh	Thôn 02		
		Vô Thị Thận	1961	Nữ	kinh	Thôn 2	Trung cấp	
		Phan Quang Dũng	1960	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Bạch Thị Hồng Vân	1985	Nữ	Kinh	Thôn 2		
		Trần Văn Cửa	1990	Nam	Kinh	Thôn 2		
								Quyết định công nhận hòa giải viên số 41/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024
		Nguyễn Văn Anh Vũ	1984	Nam	Kinh	Thôn 3		
		Nguyễn Văn Sung	1957	Nam	Kinh	Thôn 3	Trung cấp	
		Nguyễn Thị Nghĩ	1967	Nữ	Kinh	Thôn 3		
		Nguyễn Quốc Hùng	1984	Nam	Kinh	Thôn 03		
		Nguyễn Thị Nguyệt	1971	Nữ	Kinh	Thôn 3		
		Nguyễn Thị Kim	1997	Nữ	Kinh	Thôn 3		
								Quyết định công nhận hòa giải viên số 42/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024
		K' B rềng	1984	Nam	Châu mạ	Thôn 04		
		K' Tuyên	1979	Nam	Châu Mạ	Thôn 04		
		K' Lý	1976	Nam	Châu Mạ	Thôn 04		
		Ka Niên	1984	Nữ	Châu Mạ	Thôn 04		
		Ka Hòih	1982	Nữ	Châu Mạ	Thôn 04		
								Quyết định số 43/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Trần Thị Hiệp	1984	Nữ	Kinh	Thôn 05		
		Nguyễn Mạnh Cường	1981	Nam	Kinh	Thôn 05		
		Bùi Tấn Phương	1967	Nam	Kinh	Thôn 05		
		Phạm Mới	1956	Nam	Kinh	Thôn 05		

		Trần Đức Sang	1997	Nam	Kinh	Thôn 05		
								Quyết định số 44/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Trịnh Nam Cao	1977	Nam	Kinh	Thôn 6		
		Đinh Trọng Mỹ	1964	Nam	Kinh	Thôn 06		
		Đỗ Văn Tiến	1961	Nam	Kinh	Thôn 06		
		Nguyễn Đức Ninh	1960	Nam	Kinh	Thôn 06		
		Nguyễn Thị Thu Cảnh	1966	Nữ	Kinh	Thôn 06		
								Quyết định số 45/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Phan Văn Thoại	1981	Nam	Tày	Thôn 7		
		Nông Thị Enh Liên	1980	Nữ	Tày	Thôn 7		
		Bế Văn Thắng	1986	Nam	Tày	Thôn 7		
		Đàm Văn Động	1993	Nam	Tày	Thôn 7		
		Nguyễn Văn Dải	1970	Nam	Tày	Thôn 7		
								Quyết định số 46/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Vũ Đình Đạo	1964	Nam	Kinh	Thôn 8		
		Trịnh Quang Thuỳ	1986	Nam	Kinh	Thôn 8		
		Nguyễn Văn Hạnh	1972	Nam	Kinh	Thôn 8		
		Vũ Thị Liên	1948	Nữ	Kinh	Thôn 8		
		Trần Thị Liễu	1963	Nữ	Kinh	Thôn 8		
								Quyết định số 47/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Trần Minh Dương	1969	nam	Kinh	Thôn 9		
		Đinh Minh Dương	1981	Nam	Kinh	Thôn 9		
		Trần Thị Ngoan	1988	Nữ	Nkinh	Thôn 9		
		Lê Đình Dũng	1971	Nam	Kinh	Thôn 09		
		Phạm Thị Hiền	1973	Nữ	Kinh	Thôn 09		

		Vũ Văn Tam	1959	Nam	Kinh	Thôn 9		
								Quyết định số 48/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Văn Đông	1971	Nam	Kinh	Thôn 10		
		Nguyễn Nghệ	1963	Nam	Kinh	Thôn 10		
		Duy Văn Hương	1962	Nam	Kinh	Thôn 10		
		Nguyễn Văn Tuyền	1954	Nam	Kinh	Thôn 10		
		Đinh Xuân Vinh	1978	Nam	Kinh	Thôn 10		
		Lê Tường Vy	1989	Nữ	Kinh	Thôn 11		
								Quyết định số 49/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Nguyễn Lợi	1986	Nam	Tày	Thôn 11		
		Nguyễn Đình Dũng	1971	Nam	Mạ	Thôn 11		
		Huỳnh Thị Thu Hằng	1967	Nữ	Mạ	Thôn 11		
		Đinh Văn Thanh	1962	Nam	Nùng	Thôn 11		
		Bạch Tường Vũ	1991	Nam	Kinh	Thôn 11		
								Quyết định số: 50/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Nông Văn Hương	1987	Nam	Kinh	Thôn 12		
		Trần Văn Thuận	1980	Nam	Kinh	Thôn 12		
		Lê Thị Thoa	1987	Nữ	Kinh	Thôn 12		
		Bế Thị Ngọc	1989	Nữ	Kinh	Thôn 12		
		La Văn Tuấn	1995	Nam	Kinh	Thôn 12		
								Quyết định số: 51/QĐ-UBND, ngày 08/03/2024
		Phạm Quang Nginh	1960	Nam	Kinh	Thôn 13		
		Vũ Thị Liên	1971	Nữ	Kinh	Thôn 13		
		Trần Văn Tuấn	1972	Nam	Kinh	Thôn 13		
		Vũ Đình Kim	1962	Nam	Kinh	Thôn 13		

		Bế Kim Hoà	1973	Nam	Kinh	Thôn 13	Trung cấp	
	Xã Lộc Thành						Trung cấp LLCT	Quyết định công nhận hòa giải viên số 172/QĐ- UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023
		Đào Thế Vịnh	1956	Nam	Châu Mạ	Thôn 1		
		Phạm Văn Phương	1973	Nam	Kinh	Thôn 1		
		Nguyễn Văn Phòng	1957	Nam	Kinh	Thôn 1		
		Vũ Thị Vui	1978	Nữ	Kinh	Thôn 1		
		Trần Văn Úy	1964	Nam	Kinh	Thôn 1		
		Phạm Thị Lan	1957	Nữ	Kinh	Thôn 2		
		Lê Đại Hùng	1964	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Trần Văn Chiến	1964	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Lê Đại Hải	1992	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Vũ Thị Lan	1963	Nữ	Kinh	Thôn 3	Sơ cấp	
		Vũ Ngọc Tới	1960	Nam	Kinh	Thôn 3		
		Ka Săn	1979	Nữ	K'Ho	Thôn 3		
		K'Quýnh	1953	Nam	K'Ho	Thôn 3		
		K'Huỳnh	1956	Nam	K'Ho	Thôn 3		
		Vũ Chu Phan	1976	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Nguyễn Văn Chín	1963	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Lê Anh Thọ	1949	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Phạm Văn Nhân	1965	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Nguyễn Thị Cúc	1978	Nữ	Kinh	Thôn 4		
		Đặng Hùng Dũng	1974	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Nguyễn Văn Sứ	1969	Nam	Kinh	Thôn Tà Ngào		
		Phạm Thế Vịnh	1954	Nam	Kinh	Thôn Tà Ngào		
		Nguyễn Thanh Bình	1968	Nam	Kinh	Thôn Tà Ngào		
		Hồ Thị Lệ Thu	1976	Nữ	Kinh	Thôn Tà Ngào		
		Tào Thế Huỳnh	1960	Nam	Kinh	Thôn Tà Ngào		

Lê Quang Thanh	1984	Nam	Kinh	Thôn 5-7		
Bùi Văn Tư	1964	Nam	Kinh	Thôn 5-7		
Hoàng Khải	1960	Nam	Kinh	Thôn 5-7		
Trần Thị Kim Thanh	1974	Nữ	Kinh	Thôn 5-7		
Lê Mỹ Danh	1966	Nam	Kinh	Thôn 5-7		
Nông Ngọc Thảo	1985	Nam	Nùng	Thôn 5-7		
Phạm Văn Thanh	1963	Nam	Kinh	Thôn 5-7		
Nguyễn Thị Thảo	1969	Nữ	Kinh	Thôn 5-7		
Hoàng Ngọc Huệ	1967	Nam	Kinh	Thôn 5-7		
Nguyễn Thành Lực	1964	Nam	Kinh	Thôn 6		
Đoàn Hữu Hùng	1962	Nam	Kinh	Thôn 6		
Trần Mỹ Hiền	1963	Nam	Kinh	Thôn 6		
Trương Thị Thu Hà	1970	Nữ	Kinh	Thôn 6		
Phan Thị Nho	1964	Nữ	Kinh	Thôn 8A		
Trần Quốc Hùng	1964	Nam	Kinh	Thôn 8A		
Đoàn Thị Lương	1965	Nữ	Kinh	Thôn 8A		
Lê Văn Phước	1963	Nam	Kinh	Thôn 8A		
Lương Đức Chuyên	1954	Nam	Kinh	Thôn 8A		
Lâm Văn Hiếu	1957	Nam	Kinh	Thôn 8A		
Bàn Văn Hoá	1973	Nam	Kinh	Thôn 8B		
Phạm Thị Chút	1971	Nữ	Kinh	Thôn 8B		
Nguyễn Thị Thuý Trang	1986	Nữ	Kinh	Thôn 8B		
Bùi Xuân Trung	1959	Nam	Kinh	Thôn 9	Đại học	
Hoàng Giang	1947	Nam	Kinh	Thôn 9		
Hồ Việt Lộc	1965	Nam	Kinh	Thôn 9		
Nguyễn Thị Thu	1969	Nữ	Kinh	Thôn 9		
Phạm Văn Tồn	1944	Nam	Kinh	Thôn 9		
Trần Văn Thuận	1960	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Nguyễn Thị Thuý	1983	Nữ	Kinh	Thôn 10A		
Phan Văn Trận	1957	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Lê Công Tài	1989	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Lê Văn Hồi	1972	Nam	Kinh	Thôn 10A	Đại học	
Trần Ngọc Tức	1958	Nam	Kinh	Thôn 10A		

Trần Văn Phán	1952	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Đỗ Văn Thanh	1962	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Phạm Thị Thu Phương	1985	Nữ	Kinh	Thôn 10A		
Thào Hùng Khải	1966	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Hầu Thị Sải	1972	Nữ	Kinh	Thôn 10A		
Hoàng Văn Hoàn	1972	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Hoàng Văn Thờ	1947	Nam	Kinh	Thôn 10A		
Thào Thị Minh Hải	1988	Nữ	Kinh	Thôn 10A		
Phạm Văn Tự	1965	Nam	Kinh	Thôn 11		
Đoàn Tử Minh	1958	Nam	Kinh	Thôn 11		
Đoàn Quang Tô	1954	Nam	Kinh	Thôn 11		
Mai Thị Huệ	1973	Nữ	Kinh	Thôn 11		
Trần Đình Đoán	1957	Nam	Kinh	Thôn 11		
Hoàng Xuân Dũng	1974	Nam	Kinh	Thôn 12		
Đặng Thị Anh Đào	1969	Nữ	Kinh	Thôn 12		
Nguyễn Thanh Bình	1960	Nam	Kinh	Thôn 12		
Trần Xuân Khánh	1968	Nam	Kinh	Thôn 12		
Đoàn Chí Thiện	1970	Nam	Kinh	Thôn 12		
Nguyễn Thị Minh Trang	1963	Nữ	Kinh	Thôn 13		
Nguyễn Thành Đô	1958	Nam	Kinh	Thôn 13		
Nguyễn Văn Mên	1960	Nam	Kinh	Thôn 13		
Mai Thị Phong	1962	Nữ	Kinh	Thôn 13		
Trần Thị Hương	1950	Nữ	Kinh	Thôn 13		
K'Min	1974	Nam	Kinh	Thôn 15		
Nguyễn Văn Trang	1965	Nam	Kinh	Thôn 15		
K'Dòng	1958	Nam	Kinh	Thôn 15		
Ka Sớh	1951	Nữ	Kinh	Thôn 15		
Lê Văn Thọ	1977	Nam	Kinh	Thôn 15		
Nguyễn Văn Việt	1960	Nam	Kinh	Thôn 16		
Lê Quang Tâm	1962	Nam	Kinh	Thôn 16		
Phạm Văn Dũng	1954	Nam	Kinh	Thôn 16		
Phạm Văn Trữ	1954	Nam	Kinh	Thôn 16		
Trần Việt Nga	1965	Nữ	Kinh	Thôn 16		

						Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật số 61/QĐ- UBND ngày 24/ 4/ 2024
	K' Diệp	1988	Nam	Châu Mạ	Thôn 1	Cao Đăng
	Lê Thị Mai	1964	Nữ	Kinh	Thôn 1	
	Ka Hiêu	1987	Nữ	Châu Mạ	Thôn 1	
	Ka Bét	1986	Nữ	Châu Mạ	Thôn 1	
						Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật số 61/QĐ- UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024
	K' Hưng	1983	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
	K' Đảo	1991	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
	K' Đầy	1964	Nam	Châu Mạ	Thôn 2	
	Ka Giáo	1989	Nữ	Châu Mạ	Thôn 2	
	Ka Liên	1993	Nữ	Châu Mạ	Thôn 2	
						Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật số 61/QĐ- UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024
	Su Thương Hoà	1979	Nam	Châu Mạ	Thôn 3	Cao Đăng
	Ka Biều	1988	Nữ	Châu Mạ	Thôn 3	
	K' KRếp	1972	Nam	Châu Mạ	Thôn 3	
	K' Gìm	1965	Nam	Châu Mạ	Thôn 3	
	K' Tiệp	1991	Nam	Châu Mạ	Thôn 3	

							Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật số 61/QĐ- UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 ☐
		K' Điền	1984	Nam	Châu Mạ	Thôn 4	
		K' Pệp	1987	Nữ	Châu Mạ	Thôn 4	
		K' Tẹo	2000	Nữ	Châu Mạ	Thôn 4	
		Ka Phượng	2000	Nam	Châu Mạ	Thôn 4	
		Ka Hương	1949	Nam	Châu Mạ	Thôn 4	
	Xã Tân Lạc						Quyết định công nhận hòa giải viên số 32/QĐ- UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024
		Nguyễn Văn Bạch	1969	Nam	Kinh	Thôn 8	
		Phạm Minh Giám	1954	Nam	Kinh	Thôn 8	
		Lê Thị Gấm	1961	Nữ	Kinh	Thôn 8	
		Hoàng Văn Đáp	1963	Nam	Kinh	Thôn 8	
		Phạm Thị Hồng	1983	Nữ	Kinh	Thôn 8	
		Phạm Văn Trình	1972	Nam	Kinh	Thôn 8	
		Dương Văn Đức	1998	Nam	Kinh	Thôn 8	
		Đặng Tiến Giáp	1983	Nam	Kinh	Thôn 8	
		Trịnh Văn Hoàng Quân	2001	Nam	Kinh	Thôn 8	
							Quyết định công nhận hòa giải viên số 35/QĐ- UBND ngày 13 tháng 03 năm 2023
		Ngô Văn Sang	1978	Nam	Kinh	Thôn 3	
		Nguyễn Văn Hiền	1960	Nam	Kinh	Thôn 3	
		Ngô Văn Chính	1978	Nam	Kinh	Thôn 3	

Nguyễn Văn Liên	1947	Nam	Kinh	Thôn 3		
Bùi Đình Nhữ	1953	Nam	Kinh	Thôn 3		
Trần Văn Oánh	1977	Nam	Kinh	Thôn 3		
Trần Văn Huyền	1974	Nam	Kinh	Thôn 3		
						Quyết định công nhận hòa giải viên số 33/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2023
Nguyễn Văn Trường	1963	Nam	Kinh	Thôn 1		
Nguyễn Văn Xoang	1962	Nam	Kinh	Thôn 1		
Nguyễn Thị Phụng	1969	Nữ	Kinh	Thôn 1	Sơ cấp CT	
Nguyễn Thanh Liêm	1985	Nữ	Kinh	Thôn 1		
Nguyễn Trường Ca	1968	Nam	Kinh	Thôn 1		
Trương Văn Trung	1973	Nam	Kinh	Thôn 1		
Nguyễn Tài Nam	1953	Nam	Kinh	Thôn 1		
						Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 13/3/2023
Trịnh Thị Hạnh	1963	Nữ	Kinh	Thôn 9		
Vũ Anh Cung	1960	Nam	Kinh	Thôn 9		
Dương Văn Quỳnh	1979	Nam	Kinh	Thôn 9		
Nguyễn Văn Tuyên	1998	Nam	Kinh	Thôn 9		
Đỗ Văn Hùng	1990	Nam	Kinh	Thôn 9		
Trần Thị Cậy	1982	Nữ	Kinh	Thôn 9		
Vũ Văn Thú	1955	Nam	Kinh	Thôn 9		
Đỗ Văn Mạnh	1987	Nam	Kinh	Thôn 9		
Vũ Văn Đông	1998	Nam	Kinh	Thôn 9		
						Quyết định số 34/QĐ-UBND, ngày 13/03/2023
Hà Chí Hùng	1970	Nam	Kinh	Thôn 2		
Tạ Thanh Thu	1961	Nữ	Kinh	Thôn 2		
Tạ Văn Chiến	1968	Nam	Kinh	Thôn 2		

		Vũ Trung Dũng	1962	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Lương Thị Thu	1960	Nữ	Kinh	Thôn 2		
		Nguyễn Văn Trọng	1966	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Nguyễn Xuân Liên	1972	Nam	Kinh	Thôn 2		
		Lê Đức Thắng	1978	Nam	Kinh	Thôn 2	Trung cấp	
		Trương Hiệu	1962	Nam	Kinh	Thôn 4		QĐ:36/UBND ngày 13/03/2023
		Phạm Văn Nam	1954	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Vũ Văn Kim	1954	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Trần Ngọc Sơn	1989	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Lâm Thị Tâm	1970	Nữ	Kinh	Thôn 4		
		Trần Duy Quang	1987	Nam	Kinh	Thôn 4		
		Nguyễn Thị Sinh	1958	Nữ	Kinh	Thôn 4		
		Nguyễn Quốc An	1962	Nam	Kinh	Thôn 6		QĐ:37/UBND ngày 13/03/2023
		Nguyễn Thị quê	1965	Nữ	Kinh	Thôn 6		
		Nguyễn Thị Lụa	1968	Nữ	Kinh	Thôn 6		
		Đào Thị Chải	1952	Nữ	Kinh	Thôn 6		
		Phạm Văn Công	2000	Nam	Kinh	Thôn 6		
		Trần Văn Nhữ	1970	Nam	Kinh	Thôn 6		
		Vũ Ngọc Tuấn	1965	Nam	Kinh	Thôn 6		
		Trần Văn Tạo	1954	Nam	Kinh	Thôn 6		